

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

PHÊ PHÁN

CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, XUYỀN TẠC

CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG SỤY THOÁI

VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, NHỮNG BIỂU HIỆN

“TỰ DIỄN BIẾN”, “TỰ CHUYỂN HOÁ”

VỀ CHÍNH TRỊ TRONG ĐẢNG



NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS. TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM THỊ THỊNH

Biên tập nội dung:	ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ TS. HOÀNG MẠNH THẮNG ThS. NGUYỄN MINH HUỆ TRẦN THỊ THANH PHIỆT ThS. ĐÀO DUY NGHĨA TRẦN PHAN BÍCH LIỄU
Trình bày bìa:	ĐƯỜNG HỒNG MAI
Chế bản vi tính:	NGUYỄN THỊ HẰNG
Sửa bản in:	BAN SÁCH KINH TẾ PHÒNG
Đọc sách mẫu:	BIÊN TẬP KỸ THUẬT VIỆT HÀ

PHÊ PHÁN

CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, XUYỀN TẠC
CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG SUY THOAI
VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, NHỮNG BIỂU HIỆN
“TỰ DIỄN BIẾN”, “TỰ CHUYỂN HOÁ”
VỀ CHÍNH TRỊ TRONG ĐẢNG

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

PHÊ PHÁN

**CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, XUYỀN TẠC
CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG SỤY THOÀI
VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, NHỮNG BIỂU HIỆN
“TỰ DIỄN BIẾN”, “TỰ CHUYỂN HOÁ”
VỀ CHÍNH TRỊ TRONG ĐẢNG**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2017**

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

GS.TS. PHÙNG HỮU PHÚ

Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương

GS.TS. VŨ VĂN HIỀN

Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương

PGS.TS. NGUYỄN VIỆT THÔNG

Tổng thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương

BAN BIÊN SOẠN

GS.TS. VŨ VĂN HIỀN	Trưởng ban
PGS.TS. NGUYỄN VIỆT THÔNG	Phó Trưởng ban
GS.TS. TRƯƠNG GIANG LONG	Phó Trưởng ban
Đại tá, PGS.TS. ĐINH NGỌC HOA	Ủy viên
PGS.TS. PHẠM VĂN CHÚC	Thư ký
PGS.TS. NGÔ VĂN THẠO	Thư ký
PGS.TS. BÙI ĐÌNH BÔN	Ủy viên
ThS. NGUYỄN HỒNG SƠN	Ủy viên
ThS. TRẦN THỊ MINH THU	Ủy viên
NGUYỄN VĂN THẮNG	Ủy viên
ThS. HOÀNG THỊ BÍCH NGỌC	Ủy viên

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cuộc đấu tranh về tư tưởng, lý luận là một nội dung quan trọng của cuộc đấu tranh giai cấp, không chỉ xoay quanh những vấn đề cốt lõi nhất mà thường gắn với thực tiễn, nhất là những biến động trong đời sống xã hội. Do vậy, ngay từ khi ra đời, chủ nghĩa Mác - Lênin đã phải đấu tranh liên tục, không khoan nhượng với các quan điểm sai trái, tả khuynh, hữu khuynh, núp dưới mọi hình thức.

Trong những năm tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước vừa qua, cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận của Đảng ta diễn ra trong bối cảnh và yêu cầu mới, phức tạp và quyết liệt hơn. Sự tan rã của Liên Xô và sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở một loạt nước Đông Âu là cái cớ để các quan điểm sai trái, thù địch phủ nhận sự đúng đắn, khách quan của chủ nghĩa xã hội trên thế giới; để đẩy mạnh tuyên truyền chống phá chủ nghĩa xã hội. Trong mỗi giai đoạn cụ thể, lợi dụng những khó khăn, vướng mắc cần giải quyết trên con đường đi lên của công cuộc đổi mới, các thế lực thù địch lại tăng cường chống phá, đưa ra hàng loạt các luận điệu bôi nhọ, xuyên tạc chống lại quan điểm, đường lối của Đảng. Đặc biệt, trong thời gian gần đây, khi Đảng và Nhà nước ta chủ động đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” về chính trị trong Đảng và xã hội, các thế lực thù

địch đã tăng cường và không từ một thủ đoạn nào để bóp méo, xuyên tạc, vu cáo, cản trở công việc của chúng ta. Trong hoàn cảnh đó, phê phán các quan điểm sai trái, thù địch không chỉ làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực lý luận, mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển công tác nghiên cứu lý luận, góp phần hoàn thiện đường lối đổi mới của Đảng. Vì vậy, cuộc đấu tranh chống các quan điểm sai trái là một nhiệm vụ tất yếu chúng ta phải làm và nhất định phải làm thật tốt. Đây thực sự là cuộc đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, giữ vững mối quan hệ máu thịt bền chặt giữa Đảng với nhân dân.

Nhằm cung cấp thêm tư liệu cho các nhà lãnh đạo, cán bộ, đảng viên và giúp các tầng lớp nhân dân nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn thâm độc, nham hiểm của các thế lực thù địch, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách *Phê phán các quan điểm sai trái, xuyên tạc cuộc đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" về chính trị trong Đảng*. Cuốn sách được hình thành trên cơ sở tuyển chọn các bài viết có chất lượng từ Hội thảo "Phê phán các quan điểm sai trái, xuyên tạc cuộc đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" về chính trị trong Đảng" do Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức vào tháng 12 năm 2016.

Nội dung cuốn sách tập trung phân tích, đấu tranh, phê phán, phủ định những nhận định xuyên tạc, những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm phủ nhận những thành tựu mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã đạt được trong những năm qua cũng như cuộc đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"

về chính trị trong Đảng ở nước ta hiện nay; đề xuất một số giải pháp thiết thực, khả thi, góp phần đấu tranh phê phán, ngăn chặn sự suy thoái tư tưởng chính trị, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” về chính trị trong Đảng của một bộ phận cán bộ, đảng viên, góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh. Cuốn sách là tài liệu sinh hoạt công tác tư tưởng thiết thực, góp phần tăng cường đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 6 năm 2017

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN KHÔNG THỂ LỖI THỜI

GS.TS. TẠ NGỌC TẤN*

Thời gian gần đây, một số nhà nghiên cứu phương Tây và một bộ phận cán bộ, đảng viên trong nước cho rằng, trong thời đại ngày nay, chủ nghĩa Mác - Lênin đã lỗi thời, bởi vậy chúng ta không thể xây dựng được một xã hội mới tốt đẹp, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh trên nền tảng của học thuyết lỗi thời đó (!).

Câu hỏi đặt ra là, chủ nghĩa Mác - Lênin có thật là đã lỗi thời không khi xem xét dưới mọi bình diện, từ ý nghĩa khoa học, mục tiêu xã hội đến ý nghĩa thực tiễn? Nếu nó là lỗi thời thì nguyên nhân và cơ sở nào quy định, ngược lại, nếu không lỗi thời thì tại sao và do đâu?

Trước hết, những người phủ nhận cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin đã lỗi thời thường dựa chủ yếu vào 4 lý do sau đây. *Thứ nhất*, chủ nghĩa Mác - Lênin ra đời từ những điều kiện kinh tế - xã hội của thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX nên không còn

* Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương.

phù hợp với thực tiễn hiện nay. *Thứ hai*, chủ nghĩa xã hội hiện thực được xây dựng theo học thuyết của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã bị sụp đổ. Hiện thực sụp đổ có nghĩa là lý thuyết sai lầm. *Thứ ba*, điều kiện kinh tế và xã hội ở các nước tư bản phát triển được cải thiện rất nhiều so với ở các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, chứng tỏ chủ nghĩa tư bản là ưu việt. Và *thứ tư*, một loạt sai lầm, khuyết điểm mà các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, trong đó có nước ta, đã và đang mắc phải, chứng tỏ lý luận về chủ nghĩa xã hội là sai lầm và lỗi thời.

Về lý do *thứ nhất*, đúng là học thuyết của C.Mác và Ph.Ăngghen ra đời từ giữa thế kỷ XIX, trong điều kiện những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản đã trở nên gay gắt, phơi bày tất cả bản chất giai cấp của nó cùng với sự bóc lột người lao động đến cùng cực. C.Mác và Ph.Ăngghen kế thừa những thành tựu nghiên cứu của các nhà khoa học đi trước, tiếp thu có chọn lọc toàn bộ những giá trị tinh hoa của quá trình phát triển tư tưởng của nhân loại, đặc biệt là kinh tế - chính trị cổ điển Anh, triết học cổ điển Đức và chủ nghĩa xã hội không tưởng Anh. Những học thuyết về giá trị lao động của Adam Smith và David Ricardo, phương pháp biện chứng của G.W.F.Hegel, chủ nghĩa duy vật nhân bản của L.A.Feuerbach, những tư tưởng tiến bộ về xã hội của các nhà tư tưởng Pháp như H.D.Sain Simon, C.Fourier cũng đóng góp những cơ sở nhận thức quan trọng vào quá trình hình thành học thuyết của C.Mác và Ph.Ăngghen. Cũng cần phải nói rằng, lần đầu tiên trong lịch sử tư tưởng nhân loại, C.Mác và Ph.Ăngghen đã phát hiện ra tính quy luật trong sự vận động của xã hội loài người, trong đó nhân tố quyết định là mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng

sản xuất với quan hệ sản xuất. Đây chính là cơ sở để C.Mác và Ph.Ăngghen dự báo về tất yếu loài người sẽ tiến tới chủ nghĩa cộng sản qua một giai đoạn quá độ là chủ nghĩa xã hội.

V.I.Lênin là người tiếp tục phát triển những tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen vào thời kỳ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, trong điều kiện mới khi chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. V.I.Lênin có nhiều đóng góp vào phát triển các tư tưởng triết học, kinh tế - chính trị của C.Mác và Ph.Ăngghen. Đặc biệt, V.I.Lênin đã phát triển tư tưởng về khả năng thắng lợi của cách mạng vô sản ở một nước tư bản riêng biệt; xây dựng học thuyết về một chính đảng mácxít kiểu mới; tổ chức cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi và vận dụng học thuyết của C.Mác để phân tích, giải quyết hàng loạt vấn đề trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga và Liên bang Xôviết.

Đến giữa thế kỷ XX, Hồ Chí Minh là người vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo vào thực tiễn Việt Nam để giải quyết những nhiệm vụ to lớn của cách mạng Việt Nam, đánh đổ những đế quốc lớn, những kẻ thù hung bạo để giành độc lập, tự do cho dân tộc, bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Điều hiển nhiên và không thể chối cãi là, dù được hiểu theo nghĩa nào, *chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn là khoa học* về những quy luật chung nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy; quy luật về sự phát triển của sản xuất xã hội, về cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và nhân dân lao động chống lại áp bức, bóc lột, mưu cầu tự do, hạnh phúc; quy luật về cách

mạng xã hội chủ nghĩa và con đường xây dựng, phát triển đi tới chủ nghĩa cộng sản. Vào thời điểm ra đời của học thuyết này, những tác giả của chủ nghĩa Mác - Lênin đã phê phán chủ nghĩa tư bản, chỉ ra bản chất bóc lột, tính quy luật trong sự tồn tại và phát triển của nó. Sự phê phán đó là sâu sắc và phản ánh đúng bản chất của thực tiễn xã hội đương thời. Đó là điều đã được thực tế kiểm nghiệm, được hầu hết các nhà nghiên cứu xã hội thừa nhận cho dù họ theo xu hướng chính trị nào. Từ sự phê phán chủ nghĩa tư bản đương thời, từ phát hiện tính quy luật của lịch sử xã hội loài người và từ cả thái độ nhân văn trước hiện thực tăm tối về sự thống khổ của người lao động dưới ách áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản, C.Mác, Ph.Ăngghen dự báo về một xã hội tương lai như một tất yếu lịch sử sẽ thay thế chủ nghĩa tư bản.

Cần nói rằng, những gì chủ nghĩa tư bản hiện đại đang thể hiện vẫn không ra ngoài tính quy luật mà chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra, càng minh chứng cho tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin. Sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, một mặt tăng thêm tiềm lực cho chủ nghĩa tư bản; mặt khác càng thúc đẩy nhanh hơn quá trình xã hội hóa của lực lượng sản xuất, dẫn đến những thay đổi chóng mặt về quy mô, tính chất của quan hệ sở hữu, quản lý, điều hành sản xuất và phân phối của cải xã hội. Quá trình toàn cầu hóa xuất phát trước tiên từ nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, nói cho cùng cũng như cái “áo” trong khung khổ từng quốc gia đã quá chật hẹp, buộc phải nói ra trên phạm vi toàn thế giới. Sự áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản theo đó cũng mở rộng mạnh mẽ ra ngoài chính quốc. Sự bóc lột ấy, về bản chất, chẳng khác gì hành vi xâm lược thuộc địa của

các đế quốc - tư bản chủ nghĩa trước đây, chỉ có điều nó được che đậy dưới lớp vỏ hào nhoáng, mỹ miều hơn, nó đi vào các quốc gia nghèo khó bằng cửa chính và bóc lột người lao động bằng những lệ luật văn minh, sạch sẽ hơn.

Càng giàu mạnh, các thế lực tư bản càng hung hăng, tìm mọi cách để chiếm đoạt các nguồn tài nguyên, của cải của thế giới, quy phục các quốc gia nghèo khó, yếu thế nhằm phục vụ cho lợi ích của mình. Cuộc chiến tranh Irắc đã đẩy một quốc gia hòa bình vào cuộc chiến đẫm máu, huynh đệ tương tàn suốt hơn một thập niên, đến nay vẫn chưa thấy lối ra. Lý do để phát động cuộc chiến tranh chống lại một dân tộc có chủ quyền, độc lập, cách xa nước Mỹ hàng vạn cây số là tàng trữ “vũ khí giết người hàng loạt”, nhưng từ sau chiến dịch *Bão táp sa mạc* đến giờ người ta đã đào bới, xới lộn cả nước Irắc mà không tìm thấy cái gì là “vũ khí giết người hàng loạt”. Nhưng thực tế thì chính nước Mỹ đang tàng trữ lượng vũ khí hạt nhân đủ phá hủy nhiều lần cuộc sống của nhân loại trên toàn cầu. Đất nước Libi hòa bình cũng trở thành hỗn loạn sau khi Mỹ và các đồng minh phương Tây can thiệp lật đổ chính quyền dân cử Muhammad al-Gaddafi. Cho dù Tổng thống Mỹ và Thủ tướng Anh đã xin lỗi, nhưng điều ấy có nghĩa gì khi đất nước Irắc và Libi đã tan hoang, hàng vạn người dân lành đã chết, hàng triệu người dân đang sống trong những điều kiện tồi tệ nhất¹. Ngay với nước

1. Ngày 10-4-2016, khi trả lời phỏng vấn Hãng tin Fox News, Tổng thống Mỹ, Barack Obama đã thừa nhận rằng, sai lầm tồi tệ nhất trong nhiệm kỳ tổng thống của ông là đã không chuẩn bị một kế hoạch lâu dài cho Libi sau khi lật đổ Tổng thống Muhammad al-Gaddafi, để gây nên tình trạng hỗn loạn ở nước này. Năm 2015, cựu Thủ tướng Anh Tony Blair cũng đã thừa nhận sai lầm và xin lỗi về việc đưa quân đội Anh tham gia cuộc chiến ở Irắc.

Mỹ, hàng nghìn thanh niên đã bỏ xác ở Irắc, ở Trung Đông một cách vô nghĩa. Chắc chắn trong số những thanh niên Mỹ đã chết vô ích ấy không và không thể có con cái các nhà tư bản, các ông chủ ngân hàng. Vậy, lý do cuộc chiến Irắc là gì nếu không phải là dẫu mỏ và lợi ích của những ông chủ, các nhà tư bản Mỹ? Một loạt cuộc cách mạng màu do bàn tay Mỹ và các nước phương Tây phát động ở Libi, Xyri, Ai Cập... đều có chung một hình thái bên ngoài, mục đích ẩn giấu bên trong và hậu quả tồi tệ không khác gì với cuộc chiến ở Irắc.

Mặt khác, nếu nhìn nhận từ *góc độ nhân văn* thì chủ nghĩa xã hội là ước vọng ngàn đời của tất cả những người dân lao động, của những con người có lương tâm cùng tình thương nhân loại, muốn sống trong hòa bình, nhân ái. C.Mác và Ph.Ăngghen đã phát triển chủ nghĩa xã hội từ không tưởng trở thành khoa học khi nhìn nhận nó từ quy luật vận động của lịch sử, như sự vận động tất yếu từ những cơ sở xã hội, những yếu tố kinh tế, vật chất vốn đã được hình thành ngay trong lòng chủ nghĩa tư bản. Như vậy, chủ nghĩa xã hội là phù hợp và hợp lý cả về phương pháp luận khoa học và tính mục đích nhân văn.

Với tính chất là một học thuyết khoa học, những người khai sinh ra chủ nghĩa Mác - Lênin chưa bao giờ muốn và chưa có bất cứ một mệnh đề phán đoán nào để quy các luận điểm trong học thuyết của mình về cách mạng xã hội hay về xã hội xã hội chủ nghĩa tương lai thành những tín điều siêu hình, cứng nhắc. Trong tác phẩm *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*, Ph.Ăngghen đã trả lời hàng loạt vấn đề lý luận liên quan trực tiếp đến chủ nghĩa xã hội khoa học như: Thế nào là giai cấp công nhân và đảng cộng sản; Quan hệ giữa giai cấp công nhân với đảng cộng sản; Hiểu thế nào là xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư

nhân tư bản chủ nghĩa và xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất; Mỗi quan hệ ra sao giữa giai cấp công nhân, dân tộc và quốc tế; Các giải pháp cần thiết để tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa...

Trong rất nhiều tác phẩm, C.Mác và Ph.Ăngghen đều nhấn mạnh tầm quan trọng của nhận thức, đánh giá, tổng kết thực tiễn để thường xuyên bổ sung, phát triển lý luận, nhất là lý luận về con đường hiện thực hóa chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” xuất bản năm 1872*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã viết rằng: “Chính ngay “Tuyên ngôn” cũng đã giải thích rõ rằng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do vậy, không nên quá câu nệ vào những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II”¹. Quan điểm lịch sử - cụ thể và quan điểm phát triển cũng luôn được V.I.Lênin quán triệt vận dụng trong nhiều nhận thức thực tiễn giải quyết mối quan hệ gắn bó giữa lý luận với thực tiễn. *Chính sách Kinh tế mới* chính là một dẫn chứng thực tế sáng rõ về quan điểm đó. Chính V.I.Lênin đã có một định nghĩa đầy tính thực tiễn về chủ nghĩa xã hội mà lâu nay đôi khi những người hậu thế đã bỏ quên hoặc bảo thủ với những định kiến mà không nhìn nhận một cách đúng đắn và nghiêm túc.

Vậy thì tại sao có thể nói, chủ nghĩa Mác - Lênin là lỗi thời. Chủ nghĩa Mác - Lênin không thể lỗi thời mà chính những người cố tình phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin mới là những người nhầm lẫn, sai lầm, cố tình không nhìn thấy bản chất khoa

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.18, tr.128.

học và nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin. Hoặc giả, họ đã cố tình xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin vì một lý do chính trị, vì muốn xóa bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin để bảo vệ cho chủ nghĩa tư bản và quyền lợi của một nhóm người tư bản, hoặc được hưởng lợi không chính đáng từ guồng máy của chủ nghĩa tư bản. Nếu có lỗi thời, thì chính là lỗi thời ở cách mà chúng ta chưa nghiên cứu đủ sâu sắc, chưa vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin một cách đúng đắn vào thực tiễn để giải quyết các vấn đề trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuyệt nhiên không thể là sự lỗi thời của chủ nghĩa Mác - Lênin!

Về lý do thứ hai, sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu phải chăng như một bằng chứng hiển nhiên của sự sai lầm, lỗi thời của chủ nghĩa Mác - Lênin và cùng với nó là con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội? Phải chăng có một logic thực tế là chủ nghĩa xã hội hiện thực sụp đổ là do lý thuyết về chủ nghĩa xã hội là sai lầm?

Trước hết, cần phải nói rằng, mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thực tế đã mang lại sự thay đổi rung trời chuyển đất, tạo ra một mảng sáng không thể phủ nhận ở Liên Xô, Đông Âu và một loạt nước trên thế giới. Nó đã mang lại cuộc sống tốt đẹp cho một phần to lớn của nhân loại. Nó đã tạo nên một sức mạnh mà trước đó không thể tưởng tượng về nguồn lực vật chất và tinh thần, đủ sức để động viên sức người, sức của, tạo thành lực lượng chủ yếu đánh thắng cả những lực lượng to lớn của liên minh các thế lực tư bản trong Chiến tranh thế giới thứ nhất cũng như đội quân phát xít tàn bạo của trục ma quỷ trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Bằng thực tế sinh động tốt đẹp trên các đất nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, nó đã động viên, thúc đẩy cuộc đấu tranh vì tự do, dân chủ, hòa bình, giải phóng

dân tộc trên toàn trái đất. Hàng loạt dân tộc bị áp bức đã giành được độc lập, tự do dưới ảnh hưởng và sự giúp đỡ vô tư của các nước xã hội chủ nghĩa do Liên Xô dẫn đầu. Chính chủ nghĩa xã hội và cuộc đấu tranh rộng lớn, mạnh mẽ của nhân dân lao động trên toàn thế giới đã là động lực thúc đẩy, buộc các thế lực tư bản, đế quốc phải thừa nhận quyền tự do, độc lập của các dân tộc trong hệ thống thuộc địa rộng lớn của chủ nghĩa tư bản thực dân, đế quốc; mặt khác, tạo thành sức ép, buộc các thế lực tư bản có những cải cách xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân lao động ở chính quốc. Chủ nghĩa xã hội đã là một hiện thực hùng mạnh đủ để những chiến lược gia, các nhà lý luận tư sản phải run sợ, đã đưa ra những dự báo về sự thất bại, kết thúc không thể đảo ngược của chủ nghĩa tư bản. Những thừa nhận đáng cay của Henry Kissinger, Brêginxki thời kỳ những năm 60, 70 của thế kỷ XX vẫn còn nguyên đó trong các cuốn sách, bài báo của họ.

Tất nhiên, sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu đã là một bài học đau đớn không chỉ cho những người cộng sản, mà còn cho cả nhân loại tiến bộ. Đó là kết quả của sự bảo thủ, không nhìn thẳng vào thực tế, chậm đổi mới nhận thức và đổi mới các chính sách cũng như những giải pháp cần thiết để giải quyết những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn, những mâu thuẫn tất yếu nảy sinh trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Đó cũng chính là sự sai lầm của những người cộng sản ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa trước đây mắc phải do không nhận thức đúng đắn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về tính biện chứng và quan điểm lịch sử - cụ thể trong quá trình lãnh đạo cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đã cố chấp và thiên kiến mà bỏ qua

bài học phương pháp luận quý báu của V.I.Lênin, không “dùng cả hai tay mà lấy những cái tốt nhất của nước ngoài” để xây dựng, phát triển chế độ xã hội chủ nghĩa.

Mặt khác, sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu chỉ là sự sụp đổ của một mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội cụ thể. Tuyệt nhiên đó không phải là sự sụp đổ của một học thuyết khoa học, càng không thể là sự sụp đổ về một tương lai tốt đẹp mà nhân loại tiến bộ đang hướng tới. Điều ấy không chỉ được minh chứng bằng việc ngay ở thời điểm hiện nay, một loạt nước ở tây bán cầu cận kề nước Mỹ đang tìm tòi con đường và cách thức để xây dựng chủ nghĩa xã hội theo một mô hình mới. Nó cũng được minh chứng bởi một loạt quốc gia ở chính châu Âu, nhất là Bắc Âu đã và đang lấy chủ nghĩa xã hội làm mục đích và cảm hứng để xây dựng, phát triển đất nước mình. Không phải không có lý do, khi họ tự gọi mình là mô hình chủ nghĩa xã hội phúc lợi. Đương nhiên còn một minh chứng hiện hữu là một số nước kiên trì đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, đã đạt được những thành tựu có tính lịch sử trong xây dựng, phát triển.

Từ tất cả thực tế ấy, không thể nói rằng mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước khác sụp đổ trong những năm cuối thế kỷ XX có nghĩa là học thuyết Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội là sai lầm và lỗi thời và ngược lại, sẽ là ảo tưởng khi nghĩ rằng chủ nghĩa tư bản đang thắng thế. Thực tế đang chỉ ra rằng, chính chủ nghĩa tư bản đang đứng trước những thách thức đầy nguy hiểm. Chính sự mâu thuẫn lợi ích, căn bệnh bản chất của chủ nghĩa tư bản đang làm nảy sinh sự chia rẽ khó tránh khỏi trong các liên minh tưởng chừng bền vững của họ. Hiện tượng

Brexit của nước Anh chỉ là một dấu hiệu đầu tiên và tất yếu của sự chia rẽ từ chính trong lòng của nó khi chủ nghĩa tư bản ở Tây Âu mất đi đối trọng là khối các nước xã hội chủ nghĩa. Khi không còn phải đối mặt với nguy cơ từ bên ngoài thì những mâu thuẫn không thể tránh khỏi về lợi ích sẽ hiện nguyên hình, phá vỡ mối liên kết yếu ớt của các thế lực tư bản chủ nghĩa. Mặt khác, những cuộc khủng bố đã hiện diện ngay trung tâm của châu Âu, không chỉ đe dọa an ninh mà còn tạo nên sự bất ổn sống còn của chế độ tư bản chủ nghĩa. Vụ khủng bố ở thành phố Nice giữa đêm Quốc khánh nước Pháp làm hơn 80 người chết và vụ khủng bố bằng phương thức như thế được lặp lại ở Berlin, thủ đô nước Đức ngày 18-12-2016 làm 12 người chết, gần 50 người bị thương, không chỉ báo hiệu mối nguy lớn về an ninh của châu Âu mà còn là hệ quả tất yếu cho chính sách sai lầm, vụ lợi của chủ nghĩa tư bản trong cách hành xử với các nước nghèo, các quốc gia Bắc Phi và Trung Đông.

Về lý do thứ ba, sự hơn hẳn về điều kiện vật chất, trình độ phát triển về kinh tế, khoa học - công nghệ và một số lĩnh vực khác của các nước tư bản phát triển so với các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa hiện nay phải chăng đã minh chứng cho tính ưu việt của chủ nghĩa tư bản? Đúng là không ai có thể phủ nhận một thực tế là các nước tư bản chủ nghĩa phát triển đã có được những thành tựu phát triển về kinh tế, khoa học - công nghệ kéo theo những cải thiện nhất định về điều kiện sống của người dân. Nhưng đó mới chỉ là cách nhìn thực tại, phiến diện, không thấy đằng sau và phía trước của sự phát triển ấy là gì?

Trước hết, cần phải nhìn cho rõ những thành tựu đó do đâu mà có. Chủ nghĩa tư bản đã có nhiều trăm năm phát triển. Trên

con đường phát triển của chủ nghĩa tư bản, bánh xe vận hành của nó đã lăn đi trong ngập ngựa máu và nước mắt của nhân loại cần lao, thống khổ trên khắp các lục địa. “*Những nước tư bản hiện đại là kết quả của một lịch sử nô dịch, diệt chủng, bạo lực và bóc lột một cách ghê tởm*”¹, đó là lời tự thú có tính chất phản tỉnh của Terry Eagleton - một học giả người Anh. Chỉ cần giở lại các trang lịch sử của nước Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Hà Lan, Tây Ban Nha... sẽ thấy ngay những gì mà chế độ tư bản đã hành xử với đồng loại của mình. Những kẻ thực dân từ cự lục địa châu Âu đã phá vỡ cuộc sống bình yên hàng nghìn năm của các bộ tộc người da đỏ, chiếm đoạt đất đai của họ bằng guom, súng và cả sự tra tấn dã man, rùng rợn ngoài trí tưởng tượng, bằng cách lột da đầu. Trong cuốn sách *Sự tàn sát khủng khiếp cuối thời Victoria* (Late Victorian Holocausts), học giả người Anh đã viết rằng, hàng chục triệu người Ấn Độ, châu Phi, Trung Quốc, Braxin, Triều Tiên, Nga và nhiều nước khác đã chết do đói, hạn hán và dịch bệnh vào cuối thế kỷ XIX dưới chế độ thực dân xâm lược. Và ngay ở chính các nước tư bản giàu có hiện nay, có ai dám chắc mọi người dân đều có cuộc sống tốt đẹp. Hàng chục triệu người dân Mỹ không có bảo hiểm y tế chỉ có cách chờ tử thần khi mắc bệnh. Ở bang California, quá nửa nam giới người da đen có ít nhất một lần trong đời phải đi tù...

Là người Việt Nam không ai có thể quên được nỗi thống khổ của nhân dân ta trong đêm trường nô lệ hơn 80 năm dưới ách đô hộ của chủ nghĩa tư bản thực dân Pháp. Bao nhiêu người dân Việt Nam đã chết trong các xưởng máy, hầm lò, trên

1. Terry Eagleton: *Tại sao Mác đúng?* Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2012, tr.40.

các cung đường, các bến tàu. Những cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Trung Trực, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Yên Bái, Xôviết Nghệ Tĩnh... bị chìm trong bể máu. Hơn hai triệu người chết đói năm 1945. Thực dân Pháp bóc lột người dân thuộc địa Việt Nam đến tận xương tủy, vơ vét từ vàng, than, sắt, đồng cho đến cả phân bắc để mang về làm giàu cho chính quốc. Gần 20 năm, đế quốc Mỹ thay chân thực dân Pháp thiết lập nền thống trị, giày xéo đất nước ta. Những nhà tù địa ngục trần gian ở Côn Đảo, Phú Quốc..., những vụ tàn sát ở Thái Bình (Bình Định) năm 1966, Bình Hòa (Quảng Ngãi) năm 1966, Mỹ Lai (Quảng Ngãi) năm 1968..., vụ ném bom B52 rải thảm khu phố Khâm Thiên, Bệnh viện Bạch Mai (Hà Nội), phải chăng đó không phải là tội ác thâu trời của chế độ tư bản Mỹ? Ngỡ tưởng, không phải nhìn đâu xa, chính những trang lịch sử khắc nghiệt và đau thương ấy đã đủ để cho các thế hệ chúng ta và con cháu chúng ta hiểu được bản chất của chủ nghĩa tư bản! Vậy mà lạ lùng thay, vẫn có người bước ra khỏi biên giới đã hết lời khen hay, khen đẹp cho các nước tư bản, cho các thành phố hào hoa Tây Âu. Họ có biết đâu hoặc cố tình không biết rằng, những thành phố đó đã trải qua mấy trăm năm xây dựng bằng sức lao động của bao thế hệ người lao động và cả của cái bóc lột từ các thuộc địa mang về.

Việc xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa là công việc rất khó, mang tính khoa học, có tính quy luật, đòi hỏi thời gian, nguồn lực, sự lãnh đạo chính trị đúng đắn và các điều kiện cần thiết khác. Theo C.Mác, chủ nghĩa xã hội chỉ có thể thành công ở một loại nước tư bản phát triển ở trình độ cao. Nó như là tất yếu thay đổi quan hệ sản xuất xã hội khi lực lượng sản xuất dưới chế độ tư bản chủ nghĩa đã phát triển, xã hội hóa cao độ, không

thể tiếp tục tồn tại trong khuôn khổ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Đối với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, tất cả đều có điểm xuất phát là các nước tư bản có trình độ phát triển thấp hoặc trung bình. Thời gian xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa hầu như còn rất ngắn. Liên bang Xôviết (Liên Xô) được thành lập và bắt tay xây dựng chủ nghĩa xã hội năm 1921, khi vừa ra khỏi cuộc nội chiến. Mới chỉ có chưa đầy 20 năm hòa bình xây dựng, Liên Xô đã phải trải qua cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại với sự tàn phá vô cùng nặng nề về sức người và sức của. Hơn 20 triệu người chết, hàng loạt thành phố, làng mạc từ biên giới với Ba Lan cho đến phía tây Mátxcova bị san phẳng. Từ sau năm 1945, Liên Xô chỉ có hơn 30 năm xây dựng trong hòa bình, đồng thời phải đối mặt với cuộc chạy đua vũ trang do Mỹ và phe đế quốc khởi xướng. Tương tự như vậy, các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu cũng chỉ có xấp xỉ 30 năm xây dựng, nhưng những thành tựu mà các nước này đạt được là vô cùng to lớn, thậm chí có lĩnh vực vượt qua cả Mỹ và các nước tư bản Tây Âu. Ngoài việc thiết lập cuộc sống công bằng, cải thiện nhanh chóng về nhà ở, giáo dục, văn hóa cho nhân dân, Liên Xô còn đi đầu thế giới về khoa học - công nghệ vũ trụ. Vào thời kỳ phát triển nhất, Cộng hòa dân chủ Đức là quốc gia bảo đảm điều kiện sống cho trẻ em tốt nhất thế giới. Một yếu tố không thể không nhắc tới là Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã trở thành đối thủ chính trị không đội trời chung của chủ nghĩa tư bản ở các nước phương Tây. Người dân các nước phương Tây và các dân tộc thuộc địa nhìn vào các nước xã hội chủ nghĩa như tấm gương, niềm hy vọng cho cuộc đấu tranh giành tự do, độc lập, đòi dân chủ, dân sinh. Các thế lực tư bản chủ nghĩa nhìn vào đó như mục tiêu phá hoại phải

loại bỏ bằng được. Cho đến hôm nay, khi *Chiến tranh lạnh* đã lùi xa hơn 25 năm, nhưng hầu như cách ứng xử trước đây vẫn còn nguyên trong những trùng phạt kinh tế mà các nước tư bản phương Tây nhằm vào nước Nga.

Đối với Việt Nam, chúng ta bắt tay vào xây dựng đất nước thống nhất theo con đường xã hội chủ nghĩa sau một cuộc chiến tranh tàn khốc kéo dài suốt 30 năm. Ngay sau đó, chúng ta lại phải đối mặt với cuộc xung đột biên giới Tây Nam và cuộc xung đột biên giới phía Bắc. Trên thực tế, đất nước chỉ ra khỏi cuộc chiến từ năm 1989. Chúng ta bắt tay vào xây dựng đất nước từ con số 0 khi tất cả những gì có được sau mấy năm hòa bình xây dựng gần gũi đã bị tàn phá hoàn toàn. Hơn thế, hậu quả chiến tranh vô cùng nặng nề. Hàng vạn thương, bệnh binh, người già, trẻ em không nơi nương tựa. Đồng ruộng đầy bom, đạn, mìn còn lại. Những gì chúng ta có được hôm nay sau 30 năm xây dựng là đáng trân trọng, đáng tự hào, mặc dù chưa phải đã được như mong đợi. Đương nhiên là không thể so sánh với các nước tư bản đã có mấy trăm năm phát triển mà không cần quan tâm đến sự thống khổ, hy sinh của lớp lớp người lao động thuộc địa và ở chính quốc. Tuy nhiên, công việc xây dựng một xã hội mới chưa từng có tiền lệ, không bao giờ là dễ dàng, có tính quy luật của nó, không thể xong trong thời gian ngày một, ngày hai, không thể đốt cháy giai đoạn.

Như vậy, rõ ràng là sai lầm khi chỉ nhìn vào bề ngoài những gì đang có ở các nước tư bản phát triển để so sánh đánh giá tính ưu việt của chế độ tư bản chủ nghĩa so với chế độ xã hội chủ nghĩa. Chỉ có bằng sự phân tích sâu sắc, toàn diện, bằng cách nhìn công bằng, lịch sử mới thấy được nguồn

gốc, bản chất của sự giàu có của các nước tư bản phát triển, từ đó mới thấy hết được những thành công và đóng góp to lớn của chủ nghĩa xã hội cho sự phát triển của nhân loại và tiến bộ xã hội.

Về lý do thứ tư, phải chăng sự bảo thủ, trì trệ trong nhận thức, những sai lầm, hạn chế và khó khăn trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa là bắt nguồn từ chủ nghĩa Mác - Lênin?

Trước hết, chúng ta không hề giấu giếm những sai lầm, hạn chế và khó khăn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trình bày tại Đại hội XII chỉ rõ: “Tăng trưởng kinh tế thấp hơn 5 năm trước, không đạt mục tiêu đề ra; năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp... Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa bị đẩy lùi... Dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ; kỷ cương, kỷ luật chưa nghiêm...”¹. Đảng cũng nghiêm khắc thừa nhận rõ ràng, tình trạng trên có những nguyên nhân khách quan nhưng “trực tiếp và quyết định nhất là nguyên nhân chủ quan”. Đó là những hạn chế trong đánh giá, dự báo tình hình, trong nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, trong công tác lãnh đạo, quản lý của các cấp ủy, chính quyền,...

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.60-61.

Việc có những sai lầm, khuyết điểm, khó khăn, hạn chế trong quá trình xây dựng đất nước âu cũng là khó tránh khỏi. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là công việc vô cùng khó khăn, phức tạp, có tính khoa học, đòi hỏi thời gian, nguồn lực to lớn và nhiều điều kiện khác. Chúng ta bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bị tàn phá nặng nề sau cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài suốt 30 năm. Khó khăn lớn nhất trước hết không phải từ sự thiếu thốn về của cải, vật chất mà đa phần chính ở quan điểm, tác phong mang nặng tính chất của nền văn hóa nông nghiệp. Không có kinh nghiệm tiền lệ, không có sự hỗ trợ của phe xã hội chủ nghĩa như trước đây, nhiều thế lực đang nhòm ngó, chống phá, trong điều kiện ấy, những thành tựu mà công cuộc đổi mới đạt được là đặc biệt quan trọng. Chúng ta đã duy trì tốc độ tăng trưởng GDP cao trên 6,5%/năm trong suốt 30 năm thực hiện chính sách đổi mới. Từ GDP bình quân đầu người chỉ 80 USD đã tăng lên mức trên 2.100 USD. Đời sống nhân dân đã được cải thiện một bước cơ bản. Những điều đó là không thể phủ nhận và mặc nhiên đã được nhiều tổ chức, cá nhân trên thế giới, trong đó có nhiều học giả phương Tây thừa nhận.

Để có được những thành tựu to lớn đó, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có những bước đi dũng cảm về nhận thức, sự đổi mới mạnh mẽ về chính sách kinh tế - xã hội. Từ một nền kinh tế bao cấp hoàn toàn dựa trên sở hữu công cộng, chuyển sang xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, rồi chuyển hẳn sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; từ một nhà nước xây dựng theo mô hình

nền chuyên chính vô sản chuyển sang xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; từ chỗ bị bao vây cấm vận, chỉ có quan hệ với các nước khối xã hội chủ nghĩa là chủ yếu, chúng ta đã mở cửa, hội nhập quốc tế, thiết lập quan hệ ngoại giao với 185 quốc gia và vùng lãnh thổ trên tổng số 193 thành viên Liên hợp quốc, trong đó có 2 đối tác toàn diện đặc biệt, 15 đối tác chiến lược, 11 đối tác toàn diện, 2 đối tác chiến lược theo từng lĩnh vực.

Từ thực tế ấy, không thể có lý gì để nói rằng, Đảng và Nhà nước Việt Nam bảo thủ, cố chấp hay định kiến mà không đổi mới nhận thức, đổi mới chính sách về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội, cũng như không thể đổ cho học thuyết Mác - Lênin có lỗi trong những khó khăn, hạn chế, sai lầm của quá trình xây dựng, phát triển đất nước.

Tóm lại, sự sai lầm của những người phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin thể hiện ngay trong chính những cơ sở, lý do để họ phản bác chủ nghĩa Mác - Lênin. Ở đây, hoặc là có sự hiểu nhầm về tính chất của học thuyết - chủ nghĩa Mác - Lênin, hoặc là biết nhưng vẫn cố tình xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin với định kiến và mục đích chính trị là thay đổi nền tảng tư tưởng, đường lối, mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng một lý thuyết khác, bằng một mô hình xã hội khác. Mục đích ấy đơn thuần để phục vụ cho lợi ích của một nhóm người nào đó, hoàn toàn không phải vì lợi ích của tuyệt đại đa số nhân dân, không phải vì lợi ích chung của dân tộc.

Song, việc nghiên cứu, chỉ ra những sai lầm, xuyên tạc đối với chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ đơn thuần là để bảo vệ sự trong sáng, tính khoa học, nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin

mà còn là sự cảnh báo, là lý do để những người cộng sản cảnh giác với nhận thức của mình về chủ nghĩa Mác - Lênin, để tìm hiểu rõ hơn, quán triệt sâu sắc, thường xuyên hơn quan điểm thực tiễn, quan điểm lịch sử - cụ thể khi vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào việc đề ra đường lối, hoạch định chính sách xây dựng, phát triển đất nước.

SỨC SỐNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN TRONG THỜI ĐẠI MỚI

GS.TS. NGUYỄN QUANG THUẤN*

Chủ nghĩa Mác - Lênin từ khi ra đời đến nay đã liên tục đi trên con đường không bằng phẳng. Gần 170 năm qua, tư tưởng của các nhà kinh điển đã vượt qua thử thách của thời đại cũng như sự phê phán, công kích của các thế lực đối lập, thù địch. Thời gian qua, một số kẻ mượn cớ những khó khăn, thách thức trong quá trình phát triển đất nước để xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin đã lỗi thời, lạc hậu, không còn phù hợp với thời đại ngày nay, đòi hỏi phải xóa bỏ hoàn toàn chủ nghĩa Mác - Lênin.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, bất chấp mọi công kích, bôi nhọ, phê phán, chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn vững vàng và phát huy vai trò trong thời đại mới. Càng trải qua khó khăn, chủ nghĩa Mác - Lênin lại càng bộc lộ tính sáng tạo, tính thực tiễn cùng những giá trị tự thân. Lịch sử chứng kiến nhiều trào lưu tư tưởng trở nên lỗi thời cùng với sự thay đổi và phát triển của xã hội. Song, việc chủ nghĩa Mác - Lênin không ngừng

* Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

phát huy vai trò quan trọng của mình suốt từ thập niên 40 của thế kỷ XIX cho đến ngày nay và tiếp tục khẳng định sức sống của mình lại là một điều rất đáng để nghiên cứu.

1. Chủ nghĩa Mác - Lênin phải chăng đã lỗi thời?

Một số người cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin ra đời trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản giai đoạn đầu, vì vậy không còn phù hợp để lý giải chủ nghĩa tư bản phát triển ở trình độ cao như ngày nay. Họ cho rằng, tư tưởng của C.Mác do ra đời gần 170 năm trước nên đã lỗi thời, lại càng không phù hợp với một nước phương Đông như Việt Nam. Song, điều mà những người cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin đã lỗi thời chính là không thấy được C.Mác và Ph.Ăngghen không chỉ nêu lên các vấn đề của chủ nghĩa tư bản giai đoạn đầu, mà quan trọng hơn là tìm ra con đường xã hội tư bản chủ nghĩa sẽ đi về đâu, từ đó phát hiện quy luật của xã hội tư bản cũng như quy luật của xã hội loài người nhằm mục đích giải phóng con người.

C.Mác và Ph.Ăngghen mang trong mình sứ mệnh giải phóng giai cấp, giải phóng nhân loại, chính vì vậy mà tính khoa học là yêu cầu đầu tiên để thực hiện sứ mệnh này, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin không dừng lại ở biểu hiện của chủ nghĩa tư bản, mà thông qua các hiện tượng của chủ nghĩa tư bản để tìm ra bản chất và quy luật của xã hội tư bản. Chủ nghĩa tư bản giai đoạn đầu đã bộc lộ nhiều mâu thuẫn xã hội, trong đó ẩn chứa quy luật và xu thế phát triển của chính chủ nghĩa tư bản.

Chúng ta có thể thấy được các giá trị đương đại của chủ nghĩa Mác - Lênin từ ba bộ phận cấu thành của nó. Ví dụ từ

kinh tế chính trị học Mác - Lênin, lý luận về hàng hóa sức lao động, về giá trị thặng dư, về mâu thuẫn giữa lao động và tư bản, mâu thuẫn giữa tính xã hội của sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân,... không phải vì sự biến đổi của chủ nghĩa tư bản mà mất đi tính khoa học và giá trị lý luận của chúng.

Từ góc độ chủ nghĩa xã hội khoa học, tinh thần nhân văn và tính hiện thực thể hiện rõ trong bước chuyển từ chủ nghĩa xã hội không tưởng sang chủ nghĩa xã hội khoa học. Bên cạnh đó là sự mô tả các đặc trưng của xã hội tương lai. Khi nêu các đặc trưng của xã hội tương lai, C.Mác và Ph.Ăngghen nhấn mạnh đến việc xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản, hình thành sở hữu công cộng. Tuy nhiên, các ông cũng lưu ý rằng, không phải khi nào cũng xóa bỏ được chế độ tư hữu, nhất là lại xóa bỏ ngay lập tức. Kế thừa và phát triển quan điểm của C.Mác, trong tác phẩm *Nhà nước và cách mạng*, V.I.Lênin đã nêu lên 4 đặc trưng chủ yếu của chủ nghĩa xã hội: Tư liệu sản xuất không phải của riêng cá nhân, mà thuộc về toàn xã hội; phân phối theo lao động; không còn tình trạng người bóc lột người, song còn chênh lệch về của cải; nhà nước vẫn chưa tiêu vong hẳn. Tuy nhiên, sau khi thực sự bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, V.I.Lênin đã thận trọng hơn, ông viết: “Những viên gạch dùng để xây dựng chủ nghĩa xã hội còn chưa làm xong. Chúng ta không thể nói gì hơn và chúng ta cần phải hết sức thận trọng và chính xác... Hiện nay, chúng ta không thể nêu lên đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, cho nên nêu lên nhiệm vụ đó là không đúng”¹. Về sau, V.I.Lênin đã

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.36, tr.83.

thay đổi quan điểm của mình về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, chuyển từ chính sách cộng sản thời chiến sang thực hiện chính sách kinh tế mới (NEP). Chủ tịch Hồ Chí Minh khi bàn về đặc trưng của chủ nghĩa xã hội cũng đã nhiều lần nhấn mạnh cả về phương diện kinh tế lẫn phương diện xã hội. Người khẳng định: "... một nước xã hội chủ nghĩa tức là một nước có một cuộc đời ấm no, bình đẳng, tự do và độc lập"¹, "... xây dựng chủ nghĩa xã hội là... làm cho xã hội không còn người bóc lột người, không còn đói rét, mọi người đều được ấm no và hạnh phúc"², "Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người... sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất"³,... Như vậy, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, bản chất của chủ nghĩa xã hội về phương diện kinh tế là làm cho cuộc sống ấm no, giàu có; về phương diện xã hội là làm cho người dân được sống trong công bằng, dân chủ, tự do.

Từ góc độ triết học thì triết học Mác - Lênin vẫn là một hệ thống đỉnh cao, bởi vì triết học Mác - Lênin đã nêu lên những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Một số người cho rằng, triết học phản ánh tinh thần của cả một thời đại, là tinh túy của tinh thần thời đại, vì vậy thời đại thay đổi thì cũng cần thay đổi triết học. Điều này mới nghe qua thì hợp lý, song thực tế lại có không ít sai lầm. Đúng là triết học là tinh túy của tinh thần thời đại, song không có nghĩa thời đại thay

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.12, tr.251, 221.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.496.

đổi thì triết học được sinh ra trong thời đại đó mất đi giá trị của mình. Ví dụ ở phương Tây là giá trị triết học Hy Lạp - La Mã cổ đại, truyền thống Kitô giáo, tinh thần Phục Hưng, phong trào Khai sáng Pháp, triết học cổ điển Đức...; hay ở phương Đông là tinh hoa của Phật, Lão, Nho... Lịch sử biến thiên qua nhiều giai đoạn, song không vì thời đại thay đổi mà các học thuyết, hệ tư tưởng này mất đi tinh hoa, giá trị đối với nhân loại. Tương tự như vậy, so với thời của C.Mác hơn một thế kỷ trước, mặc dù đặc trưng thời đại, các vấn đề căn bản phải đổi mới của chúng ta ngày nay đã thay đổi, song điều đó hoàn toàn không làm lay chuyển sứ mệnh lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chúng ta dùng các cách thức khác nhau để thực hiện lý tưởng vĩ đại của loài người mà C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu ra. Thực tiễn xã hội ngày nay cũng như sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ không đưa ra được bất cứ bằng chứng xác thực nào để bác bỏ các nguyên lý căn bản của triết học Mác, vì vậy việc cho rằng thời đại thay đổi thì triết học Mác nói riêng và chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung đã lỗi thời là hoàn toàn sai lầm.

Có thể thấy rõ rằng, không phải học thuyết càng mới thì càng có giá trị. Một học thuyết trong lịch sử đối với đương thời có hay không có giá trị không phải ở chỗ học thuyết đó ra đời ở thời đại nào, mà căn bản nhất ở chỗ tự bản thân học thuyết đó có tính chân lý hay không, có cung cấp đủ tri thức và trí tuệ hay không.

Một đặc điểm không thể không nhắc đến của khoa học xã hội là tri thức khoa học xã hội, khoa học nhân văn khác với công nghệ, kỹ thuật hay công cụ sản xuất. Con người khi có

công cụ sản xuất mới thì có thể không cần công cụ sản xuất cũ nữa, có kỹ thuật mới tiên tiến thì có thể thay thế kỹ thuật cũ lạc hậu. Song tri thức khoa học xã hội, khoa học nhân văn thì lại khác: chỉ cần có tính chân lý hoặc mang lại trí tuệ cho con người thì những tri thức này có giá trị tồn tại. Tri thức khoa học xã hội, khoa học nhân văn vì vậy mang đặc trưng tích lũy chứ không mang đặc trưng thay thế như kỹ thuật, công nghệ. Chính vì vậy mà có những học thuyết tồn tại hàng nghìn năm qua vẫn còn giá trị. Bản thân Ph.Ăngghen trong “Biện chứng của tự nhiên” cũng ca ngợi trí tuệ thiên tài của các nhà triết học Hy Lạp, La Mã cổ đại cách thời của ông hơn 2000 năm. Các triết gia có thể chết, song tư tưởng của họ thì không chết. Chân lý thì không có cũ và mới, chỉ có sự đối lập giữa chân lý và sai lầm, có thể có những chân lý xưa cũ và có thể có những sai lầm mới nhất. Chính vì vậy mà giá trị của một học thuyết không thể đo bằng khoảng cách thời gian.

2. Giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại mới

Lý luận là màu xám, còn cây đời mãi xanh tươi. Linh hồn và sự sống của chủ nghĩa Mác - Lênin chính là thế giới quan, phương pháp luận; là tinh thần phê phán, đổi mới và sáng tạo không ngừng; nguyên lý thực tiễn là tiêu chuẩn cao nhất của chân lý; tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội; mối quan hệ biện chứng giữa nền tảng kinh tế quyết định kiến trúc thượng tầng; chủ thể của lịch sử là quần chúng nhân dân; phản đối sự tha hóa của con người, chủ trương phát triển con người toàn diện, v.v.. Những nguyên lý này không chỉ đúng trong thế kỷ XIX hay thế kỷ XX mà còn đúng trong thế kỷ XXI và về sau nữa, vì đó là những quy luật khách quan trong xã hội có giai cấp. Chính vì vậy, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam phải dựa

trên lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin, phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Tính sáng tạo, bản chất phát triển liên tục của chủ nghĩa Mác - Lênin

Một số người phê phán chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ tập trung vào C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin mà tách rời hoặc đối lập các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin với những người phát triển về sau, muốn xóa bỏ toàn bộ sự phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin trong suốt hơn một thế kỷ qua để chứng minh chủ nghĩa Mác - Lênin là giáo điều, là xa rời thực tiễn. Sai lầm của quan điểm này là ở chỗ không nhận thức được tính sáng tạo của chủ nghĩa Mác - Lênin, mà chính tính sáng tạo, khả năng phát triển liên tục này đã làm nên sức sống của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nói cách khác, chủ nghĩa Mác - Lênin là một chủ nghĩa phát triển và các thế hệ, các nhà mácxít sau này đã kế thừa, phát triển. Ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã không chỉ vận dụng tài tình chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh thực tiễn Việt Nam, mà còn có cống hiến to lớn cho sự phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin. Do chủ nghĩa Mác - Lênin có bản chất sáng tạo, luôn phát triển nên nó không bị lỗi thời, lạc hậu.

Có một số người đặt vấn đề là nếu chủ nghĩa Mác - Lênin có giá trị, vậy phải liệt kê ra một danh mục các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin có tính phổ biến, tuyệt đối đúng trong mọi không gian, mọi thời gian, áp dụng được vào mọi đối tượng, mọi hoàn cảnh, mà nếu không làm được như vậy thì rõ ràng chủ nghĩa Mác - Lênin không có giá trị. Quan điểm này rõ ràng sai lầm vì đã đi ngược lại chính tinh thần của chủ

ngĩa Mác - Lênin. Cả C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhiều lần nhấn mạnh lý luận của mình không phải là một thứ giáo điều để tuyệt đối tuân thủ hoặc áp dụng một cách máy móc. Học thuyết mà các nhà kinh điển đưa ra không phải là một loại giáo lý tôn giáo, mà chính là phương pháp. Do đó, người mácxít chân chính bao giờ cũng gắn chặt lý luận với thực tiễn, dùng lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để phân tích những vấn đề do thực tiễn cuộc sống đặt ra. Chủ nghĩa Mác - Lênin không phải là một công thức đơn giản để áp dụng trực tiếp, mà nó mang tinh thần phê phán, sáng tạo, thực tiễn, liên tục phát triển. Từ góc độ này cho thấy thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý chính là nguyên tắc nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Có một số người muốn biến lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin thành một vài kết luận cụ thể để vận dụng, song cả C.Mác và Ph.Ăngghen đều nhấn mạnh đến việc mỗi vấn đề phải có các cách phân tích khác nhau, chứ không có một giáo điều lý luận để áp dụng cho mọi sự vật, hiện tượng. Chính vì vậy mà việc một số người nhận thức thực tiễn không sâu sắc, áp dụng một cách cứng nhắc lý luận vào thực tiễn để rồi thấy không phù hợp, đòi vứt bỏ lý luận; sự không phù hợp đó không phải là lỗi của lý luận, mà chính là do thiếu tính thực tiễn, tính khoa học của chủ thể hành động. Chính vì vậy, việc dò từng câu, từng chữ trong kinh điển để mong tìm ra những viên ngọc nhằm làm bảo bối giải quyết mọi vấn đề, không phải là phương pháp duy nhất đúng đắn, cũng không phải là cách làm hiệu quả vì không xuất phát từ tính khoa học, tính thực tiễn, cũng như không phù hợp với thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Ở đây, có một điểm đáng lưu ý là cần phân biệt một vài luận điểm có thể đã lạc hậu trong các trước tác của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin với quan điểm cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin đã lỗi thời. Chúng ta nhấn mạnh đến giá trị, vai trò và ý nghĩa hiện thời của chủ nghĩa Mác - Lênin, song không phủ nhận C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin rất có thể có một vài phân tích, phán đoán chưa đúng với thực tế hoặc không phù hợp với thời đại ngày nay. Chúng ta cần phân biệt rõ một vài phán đoán cụ thể của các nhà kinh điển với chính thể hệ thống chủ nghĩa Mác - Lênin. Thêm nữa, bản thân trong các trước tác của mình, C.Mác và Ph.Ăngghen cũng đã không chỉ một lần dừng cảm phê phán một vài luận điểm trước đây của mình một cách thẳng thắn, chân thành. Sự phản tỉnh, tự phê của các nhà kinh điển đã thể hiện tinh thần khách quan, tính khoa học đáng quý, đồng thời cũng bảo vệ tính chân lý của chính thể hệ thống lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Con đường phát triển tất yếu lên chủ nghĩa xã hội

Trong lịch sử chỉ có chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết phê phán chủ nghĩa tư bản sâu sắc nhất, triệt để nhất. Sự vạch trần và phê phán đến tận cốt tuỷ này đã khiến chủ nghĩa tư bản sinh ra sự thù hận chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời cũng khiến chủ nghĩa tư bản không thể không tự sửa chữa những sai lầm của mình, mong muốn dùng các biện pháp cứu vãn như xây dựng nhà nước phúc lợi, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo,... để điều hòa mâu thuẫn xã hội và mâu thuẫn giai cấp.

Có người cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin không còn thích hợp trong thời đại toàn cầu hóa. Rõ ràng hiện nay chủ nghĩa tư bản chiếm địa vị chủ đạo trong quá trình toàn cầu hóa, song

chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn là công cụ lý luận để chúng ta nhận thức những biến động mới của chủ nghĩa tư bản. Sau khi khủng hoảng kinh tế bùng nổ ở phương Tây, nhiều học giả trên thế giới đã phải tìm đọc lại bộ *Tư bản*. Mặc dù không có những dự báo cụ thể về những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, song C.Mác đã bàn đến vấn đề cốt lõi, đó chính là mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản: Mâu thuẫn giữa trình độ xã hội hóa lực lượng sản xuất ngày càng cao với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa.

Sự ra đời của chủ nghĩa Mác - Lênin đã tạo ra sự phát triển mang tính bước ngoặt trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Các phương diện triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học trong chủ nghĩa Mác - Lênin có những đóng góp vô cùng to lớn, thể hiện tập trung nhất ở tính khoa học của thế giới quan chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, của học thuyết về quy luật vận hành và mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản, của học thuyết về xu hướng phát triển tất yếu của xã hội tư bản. Dù đã gần 170 năm, song vẫn chưa có một hệ thống học thuyết nào có thể so sánh với chủ nghĩa Mác - Lênin. Chính vì vậy, Jacques Derrida đã viết cuốn *Những bóng ma của Mác*¹, mô tả những con người trong xã hội hiện đại đều là những bóng ma đứng dưới cái bóng của C.Mác, nghĩa là chúng ta đều chịu ảnh hưởng của C.Mác, ngoài những người theo chủ nghĩa Mác - Lênin thì bản thân những người phê phán C.Mác cũng gắn chặt với C.Mác, và

1. Jacques Derrida: *Những bóng ma của Mác* (Sách tham khảo), Nxb. Chính trị quốc gia, Tổng cục II, Bộ Quốc phòng, Hà Nội, 1994.

ông cho rằng sẽ không thể có tương lai nếu không có các di sản của C.Mác.

Như trên đã trình bày, những thay đổi tích cực trong nhiều thập kỷ qua của các nước tư bản không thể không nhắc đến nguyên nhân từ sự phê phán của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chính vì vậy, học giả người Anh Terry Eagleton trong cuốn sách *Tại sao Mác đúng*¹ đã nói chủ nghĩa Mác giống như bác sĩ, khi mà cơ thể khỏe thì sẽ không để ý, song một khi chủ nghĩa tư bản gặp vấn đề nghiêm trọng thì chủ nghĩa Mác lại phát huy tác dụng phê phán vốn có của mình. Terry Eagleton nhấn mạnh chủ nghĩa tư bản càng ổn định thì càng chứng minh những giá trị của chủ nghĩa Mác. Giá trị đó thể hiện ở bản chất sáng tạo, mỗi khi đối diện với thực tiễn mới, vấn đề mới thì lại có năng lực sáng tạo mới.

Chủ nghĩa Mác - Lênin không phải là một loại khoa học thực chứng, hay là một hệ thống tri thức cố định, mà là một hệ thống lý luận mang tính phê phán đối với các vấn đề trọng yếu của thời đại. Đây chính là nền tảng cho tính sáng tạo và tính thực tiễn của chủ nghĩa Mác - Lênin. Những vấn đề đương thời của C.Mác có rất nhiều, trong đó nổi lên là vấn đề chủ nghĩa tư bản. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của chúng ta ngày nay chính là phát huy sức mạnh động lực thị trường, đồng thời dùng giá trị ưu việt của chủ nghĩa xã hội để khống chế mặt trái của chính kinh tế thị trường. Ở đây, chúng ta đã phát huy được những giá trị

1. Terry Eagleton: *Why Marx Was Right*, Yale University Press, April, 2011.

đương thời trong lập trường và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Về vấn đề con người

Một số người mặc dù chưa bao giờ tiếp cận đến kho tàng tri thức đồ sộ của C.Mác, song vẫn mù quáng tuyên bố là C.Mác bỏ quên vấn đề quan trọng nhất của mọi vấn đề chính là con người. Song trên thực tế, con người là điểm xuất phát và sự giải phóng con người là mục đích cao nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin. Khi các nhà kinh điển xây dựng quan điểm duy vật về lịch sử, về xã hội thì đã nghiên cứu, phân tích về con người hiện thực, về hoạt động thực tiễn của con người trong đời sống xã hội. Khi chúng ta đọc *Hệ tư tưởng Đức*, rõ ràng là C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhấn mạnh đến điều này: “Những tiền đề xuất phát của chúng tôi không phải là những tiền đề tùy tiện, không phải là giáo điều; đó là những tiền đề hiện thực mà người ta chỉ có thể bỏ qua trong trí tưởng tượng thôi. Đó là những cá nhân hiện thực, là hoạt động của họ và những điều kiện sinh hoạt vật chất của họ, những điều kiện mà họ thấy có sẵn cũng như những điều kiện do hoạt động của chính họ tạo ra”¹. Các ông cho rằng, lịch sử không phải lấy con người làm công cụ để đạt đến mục đích, mà con người sáng tạo ra lịch sử của mình, tạo ra hoàn cảnh hợp với bản chất của mình để phát triển, để hoàn thiện nhân cách của mỗi cá nhân. Vì vậy, thực chất của tiến trình phát triển lịch sử xã hội loài người là vì con người, đưa con người “từ vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.28-29.

do”, thực sự giải phóng con người, phát triển con người một cách toàn diện. Có thể thấy rằng, từ giai đoạn Phục Hưng, quan điểm lịch sử mang tính thần học đã bắt đầu chuyển sang quan điểm lịch sử mang tính nhân bản, tạo nên bước quá độ từ quan niệm thần thánh tạo ra lịch sử sang quan niệm con người tạo ra lịch sử. Song, C.Mác và Ph.Ăngghen không lấy quan điểm của chủ nghĩa nhân bản làm xuất phát điểm cho mình, hai ông đã không dừng lại ở việc trừu tượng hóa việc con người trở thành con người hiện thực, dừng lại ở tầng bậc ý chí, động cơ và hành vi cá nhân của con người, mà là thông qua hoạt động của con người để tìm ra quy luật của lịch sử.

Những luận điểm khoa học mà C.Mác đưa ra là dựa trên nền tảng bình đẳng giữa người với người trong chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, với một xã hội mà nguyên tắc cơ bản là con người được tự do phát triển toàn diện bản thân mình. Những quan điểm này vẫn hoàn toàn phù hợp với xu hướng và trào lưu của thời đại ngày nay. Riêng đối với khoa học xã hội và nhân văn, chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn là hòn đá tảng, là nguồn lực vô tận cho quá trình nghiên cứu.

3. Yêu cầu kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin

Chúng ta cần tiếp tục kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tuyệt đối tránh xu hướng xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin, nhất thiết phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động cách mạng.

Những lý luận căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin như chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, lý luận

giá trị lao động, học thuyết giá trị thặng dư, cách mạng xã hội chủ nghĩa, học thuyết chính đảng của giai cấp vô sản, học thuyết hình thái kinh tế - xã hội,... đã phản ánh quy luật phát triển của xã hội loài người, quy luật của chủ nghĩa tư bản và quy luật cầm quyền của chính đảng của giai cấp vô sản. Chỉ cần không có thiên kiến, chỉ cần giữ thái độ khoa học, lập trường khách quan là có thể nhận thức được giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Tuy nhiên, những năm vừa qua trong giới lý luận, khoa học và giáo dục ở nước ta, mặc dù chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn được khẳng định là kim chỉ nam và nền tảng tư tưởng, song lại chưa được quan tâm đúng mức. Trong nghiên cứu lý luận, việc đi sâu nghiên cứu, bổ sung và phát triển các nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin chưa thực sự thoả đáng. Việc giảng dạy các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin ở các trường đại học, thậm chí ở một số trường đảng các địa phương nhìn chung vẫn còn hiện tượng đơn giản hóa, mới dừng lại ở một số khái niệm cơ bản chứ chưa đụng chạm nhiều đến cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong một số bộ, ngành, một số người dường như còn cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin đã lỗi thời, hiện nay chỉ cần tập trung vào vấn đề thực tiễn chứ không cần lý luận. Cách nhìn nhận này một mặt không đúng với những giá trị thực tiễn của chủ nghĩa Mác - Lênin, mặt khác mang lại xu hướng hoài nghi đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, tạo nên tâm lý lo lắng về tính chính đáng, tính hợp pháp, sự tất yếu của chủ nghĩa Mác - Lênin. Không thể không đặt câu hỏi nếu trong bản thân đội

ngũ lý luận, các nhà khoa học, các nhà giáo dục mà có bộ phận còn không tuyệt đối tin tưởng ở chủ nghĩa Mác - Lênin thì làm thế nào để người dân tin theo, hướng hồ là để phản bác, phê phán lại các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, để làm rõ phải trái, đúng sai, lấy đó làm mực thước, tiêu chuẩn cho xã hội? Bản thân việc xem nhẹ lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin sẽ dẫn đến việc biến chủ nghĩa Mác - Lênin từ một thế giới quan và phương pháp luận khoa học trở thành một số khái niệm khô cứng, nghĩa là giáo điều hóa chủ nghĩa Mác - Lênin, gây ảnh hưởng tiêu cực đến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam ngày nay.

Như vậy, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin không thể tách rời việc nghiên cứu lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Việc chỉ dừng lại ở các khái niệm, quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin mà không đi sâu nghiên cứu lý luận, vận dụng sáng tạo trong bối cảnh mới của đất nước thì vừa xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin, vừa không có tư tưởng chỉ đạo trong xây dựng và phát triển đất nước. Học giả Mỹ, Douglas Kellner¹ đã chia chủ nghĩa Mác thành ba tầng bậc khác nhau: *đầu tiên* là phương pháp (ví dụ phép biện chứng, phương pháp phân tích lịch sử, phương pháp phân tích giai cấp,...), những phương pháp này chiếm địa vị cao nhất, cũng là quan trọng nhất trong chủ nghĩa Mác; *thứ hai* là những nguyên lý và quan điểm cơ bản trong lý luận của chủ nghĩa Mác (ví dụ lý luận sản xuất vật chất, lý luận giá trị

1. Xem: Douglas Kellner: "The Obsolescence of Marxism?", in trong sách *Whither Marxism?: Global Crises in International Perspective*, Bernd Magnus (Editor), Stephen Cullenberg (Editor), Routledge, 1995, p.17.

thắng dư,...), những lý luận này đặc biệt quan trọng, về mặt giá trị chỉ thua kém phương pháp; *cuối cùng* là một số lý luận và khái niệm cụ thể (ví dụ lý luận chủ thể cách mạng, khái niệm giai cấp vô sản, khái niệm cách mạng,...), những khái niệm này phát triển không ngừng, tùy thuộc vào bối cảnh thời đại và những điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể. Sự phân chia như thế này có giá trị tham khảo nhất định trong việc phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin hiện nay. Chúng ta không nên chỉ dừng ở các khái niệm và nguyên lý cụ thể, mà càng cần hơn là nắm bắt, quán triệt các nguyên lý căn bản và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là hình mẫu tiêu biểu cho việc thông hiểu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp tình hình thực tiễn Việt Nam. Ngoài việc có nền tảng văn hóa Việt Nam, kế thừa các giá trị văn minh nhân loại, thì việc Người học tập, vận dụng thành công chủ nghĩa Mác - Lênin là một trong những nguyên nhân chính để chỉ đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Lý luận, tư tưởng là một vũ khí vô cùng trọng yếu của Đảng. Trong những năm qua, dường như chúng ta tập trung nhiều vào những quyết sách kinh tế để phát triển đất nước mà có phần “loì là” vũ khí lý luận quan trọng này. Nắm chắc vũ khí lý luận là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh thì Đảng và Nhà nước mới tiếp tục lãnh đạo, quản lý đất nước một cách chính thể, ổn định và đúng hướng.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết khoa học, cách mạng và sáng tạo. Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là mục tiêu mà sớm muộn các dân tộc trên thế giới sẽ đi tới. Mục tiêu

ấy không thể ngày một ngày hai hoàn thành được. Nó là kết quả của một quá trình đấu tranh lâu dài, trong đó có sự tham gia tích cực của các nhà lý luận mácxít dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chúng ta cần phải học tập, đi sâu phân tích, vận dụng sáng tạo và phát triển phương pháp, nguyên lý và những giá trị tinh túy của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại mới để đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

ĐÒI TỪ BỎ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI LÀ MỘT SAI LẦM LỚN

HÀ ĐĂNG*

Sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu cuối thập niên 80 đầu thập niên 90 là một cơn động đất chính trị lớn của thế kỷ XX. Nó có ảnh hưởng lớn không chỉ đối với thế giới xã hội chủ nghĩa và độc lập dân tộc mà còn cả đối với thế giới tư bản chủ nghĩa.

Các ông trùm chiến lược, chiến lược gia và chính khách cố bự của chủ nghĩa tư bản đều vỗ tay ăn mừng rằng đây là hồi chuông báo tử, rằng chủ nghĩa xã hội sẽ diệt vong vào cuối thế kỷ XX. Ta nhận định hoàn toàn ngược lại. Sự sụp đổ ở Liên Xô và các nước Đông Âu kéo theo thoái trào của phong trào cộng sản và công nhân thế giới là một tổn thất lớn, nhưng đó là tạm thời chứ không phải tất yếu, tin rằng, các nước xã hội chủ nghĩa còn lại sẽ giữ vững trận địa, các đảng cộng sản và công nhân sẽ khôi phục hoạt động trong điều kiện mới, và xu thế xã hội chủ nghĩa sẽ tiếp tục đi lên dưới hình thức này hay hình thức khác.

* Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

Câu trả lời bước đầu đã có vào cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI. Chủ nghĩa xã hội không hề diệt vong. Các nước xã hội chủ nghĩa còn lại không những giữ vững trận địa mà còn định hướng vững vàng cho sự phát triển tiến lên. Từ vùng Trung - Nam Mỹ đã phát sinh phong trào xã hội chủ nghĩa kiểu Mỹ Latinh, khởi đầu từ Vê-nê-zuê-la rồi lan ra một số nước khác, nay tuy đang gặp nhiều khó khăn và có bước thụt lùi. Chủ nghĩa tư bản thế giới không thể chứng minh được rằng nó là lực lượng thống trị toàn cầu và xã hội tư bản là xã hội tốt đẹp cuối cùng của loài người. Ngay giữa lúc thế giới tư bản chủ nghĩa huênh hoang về sức sống dài lâu của nó cũng lâm vào khủng hoảng cục bộ, rồi đến khủng hoảng toàn diện hơn, kể từ năm 2008 đến nay, vẫn còn chưa hoàn toàn hồi phục. Thế giới từ lưỡng cực thành đơn cực, rồi nay lại thành đa cực. Các nước thuộc các chế độ chính trị, xã hội khác nhau đều tham gia “toàn cầu hóa” và “hội nhập quốc tế”, vừa cạnh tranh, vừa hợp tác dưới nhiều cung bậc khác nhau.

Điểm qua như thế để thấy rõ rằng, gần 30 năm qua, xung quanh vấn đề nên theo hay không theo chủ nghĩa xã hội, diễn biến tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và trong xã hội ở nước ta cũng không thuần nhất mà khá phức tạp.

Quan điểm “*phê phán quan điểm cho rằng chủ nghĩa xã hội sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu, vì thế Việt Nam không nên và không thể gắn liền mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*” không phải bây giờ mới có mà đã có từ lâu, từ sau khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Nhưng từ đó đến nay, những kẻ chống đối không còn nói nhẹ nhàng như thế, họ thẳng thừng đòi “Đảng Cộng sản Việt Nam tự giác và chủ động thay đổi Cương lĩnh, từ bỏ đường lối sai lầm về xây dựng chủ nghĩa xã

hội, chuyển hẳn sang đường lối dân tộc và dân chủ, trọng tâm là chuyển đổi thể chế chính trị từ toàn trị sang dân chủ một cách kiên quyết nhưng ôn hòa..." (Thư ngỏ). Và đến thời điểm chúng ta đang tiến hành "phê phán các quan điểm sai trái, xuyên tạc cuộc đấu tranh chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ", có người mang danh đảng viên, còn ngạo mạn nói rằng, trong lựa chọn đường lối, Đảng ta đã sai lầm không chỉ từ Hội nghị thành lập Đảng (năm 1930) mà là từ Hội nghị Tua (năm 1921). Ý tứ phía sau là gì, chắc mỗi người chúng ta đều biết.

Với quan điểm này, sai lầm ít nhất là ở 8 điểm sau đây:

- Về sự sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu:

1. Sự sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu là sự sụp đổ của một mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội, chứ không phải sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội nói chung, với tư cách là một nấc thang phát triển của xã hội loài người, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin.

2. Chế độ xôviết ngay từ lúc mới ra đời ở Nga sau Cách mạng Tháng Mười (năm 1917) và sau này trên toàn Liên bang Xôviết, đã tỏ rõ được tính ưu việt so với các chế độ chính trị - xã hội trước đó. Chính quyền xôviết thực sự là chính quyền của công - nông - binh và của nhân dân lao động nói chung. Nhờ tính ưu việt đó, nó đã đánh thắng cuộc chiến tranh can thiệp của các nước đế quốc sau Cách mạng Tháng Mười, lập lại hòa bình và xây dựng chế độ mới, thực hiện công nghiệp hóa và tập thể hóa nông nghiệp thành công, đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của phát xít Đức - Nhật, dẫn tới sự ra đời của hệ

thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Vào thập niên 60 và 70 của thế kỷ XX, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đạt được những thành công lớn, khiến cho Đảng và Nhà nước xôviết ngộ nhận là chủ nghĩa xã hội đã xây dựng xong và chủ trương Liên Xô bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Sự thật thì cũng thời gian đó, nhiều nhược điểm và khuyết tật trong nội bộ Nhà nước xôviết cũng đã bắt đầu hé lộ, nhất là khi so sánh với những bước phát triển của hệ thống tư bản chủ nghĩa thời đó. Nếu vì sự sụp đổ sau này mà phủ nhận sạch trơn những gì chế độ xôviết đã giành được là một sai lầm trong cách nhìn lịch sử.

3. Vào những năm cuối thập niên 70, đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, sau khi phát hiện sự chậm trễ của mình, Liên Xô đề ra chính sách cải tổ; các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu cũng đề ra cải cách. Cải tổ và cải cách nhằm mục tiêu tăng tốc về kinh tế và thực hiện chế độ dân chủ rộng rãi hơn. Sai lầm của Liên Xô và các nước Đông Âu lúc đó là đã sa vào chủ nghĩa đa nguyên, đa đảng đối lập, buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng, gây hoang mang, dao động trong đông đảo quần chúng, dẫn đến hỗn loạn xã hội, khiến cho ở Đông Âu, chính quyền bị các thế lực thù địch cướp lấy, còn Liên Xô thì chia rẽ sâu sắc trong nội bộ lãnh đạo, cuối cùng chính quyền cũng lọt vào tay nhóm chống đối trong Bộ Chính trị, những kẻ chống chính quyền xôviết từ rất sớm. Không thấy nguyên nhân trực tiếp của sự sụp đổ là ở đây, mà coi sự sụp đổ là tất yếu của chính quyền xôviết cũng là sai lầm trong cách nhìn lịch sử.

4. Bên cạnh những nguyên nhân chủ quan nêu trên (tuy chưa hết), còn có một nguyên nhân trực tiếp khác nữa là âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch

để quốc chủ nghĩa. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chúng đẩy mạnh chạy đua vũ trang. Trong khi lãnh đạo Liên Xô chủ trương thi đua hòa bình thì chúng một mặt đẩy mạnh chạy đua vũ trang, mặt khác đề ra chiến lược “diễn biến hòa bình” để xóa bỏ chủ nghĩa xã hội mà không cần chiến tranh và súng đạn. Liên Xô và nhiều nước khác đã sa vào cái bẫy này mà không tự giác phát hiện.

- Về sự lựa chọn độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:

5. Đúng là ngay từ ngày mới thành lập, Đảng ta đã đề ra chủ trương “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới chủ nghĩa cộng sản”. Như cách nói ngày nay, đó là làm cách mạng giải phóng dân tộc, tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội được đề ra xuất phát từ thực tế tình hình nước ta lúc bấy giờ là thuộc địa của Pháp, cũng xuất phát từ xu thế phát triển có tính quy luật của thời đại mới sau Cách mạng Tháng Mười là tiến lên chủ nghĩa xã hội. 86 năm qua, những chặng đường phát triển của cách mạng Việt Nam và những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử đạt được đã chứng minh sự đúng đắn của đường lối này, có sao vì sự sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu mà phải từ bỏ nó?

6. Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, Việt Nam học tập kinh nghiệm của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đi trước nhưng hoàn toàn không có sự sao chép. Mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không phải là mô hình xôviết của Liên Xô, bởi sự khác biệt cơ bản là ở chỗ, một bên là từ cơ sở của chế độ tư bản đi lên, một bên từ độc lập dân tộc đi lên. Bác Hồ từng nói: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao

cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”¹. Chủ nghĩa xã hội đối với Bác, như ngày nay chúng ta vẫn nói, là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Nhầm lẫn mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam với mô hình xôviết là một sự sai lầm lớn.

7. Vào những năm Liên Xô và Đông Âu tiến hành cải tổ và cải cách, Việt Nam cũng đề ra đường lối đổi mới. Những nhân tố đầu tiên của đổi mới xuất hiện từ những năm 70 đầu những năm 80 của thế kỷ XX, nhưng đổi mới toàn diện trở thành đường lối chính thức của Đảng ta vào cuối năm 1986 theo Nghị quyết Đại hội VI của Đảng. Đổi mới của chúng ta không đi theo vết xe đổ của cải tổ và cải cách ở Liên Xô và Đông Âu. Đảng ta đã nêu rõ 6 nguyên tắc của đổi mới, trong đó vấn đề giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới chứ không đổi màu là nguyên tắc đầu tiên. Chúng ta cũng bác bỏ quan điểm cho rằng “đổi mới là nửa vôi, không nhất quán”. Sự thật là đổi mới của chúng ta qua 30 năm đã đưa lại những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, làm cho Việt Nam càng vững bước đi lên trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đánh đồng đổi mới của Việt Nam với cải tổ và cải cách ở Liên Xô và Đông Âu là một sai lầm có dụng ý.

8. Tổng kết 30 năm đổi mới cho thấy: Nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng sáng tỏ hơn.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.4, tr.187.*

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) chỉ rõ: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”¹.

Cương lĩnh nêu lên 8 đặc trưng của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng, trong đó 3 đặc trưng đầu tiên là: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp.

Thử hỏi, con đường độc lập dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội xán lạn như vậy tại sao ta phải từ bỏ chỉ vì mô hình xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ?

Trong khi nêu lên 8 sai lầm như trên, tôi muốn đặt ra câu hỏi đối với các tác giả đòi chúng ta từ bỏ con đường xã hội chủ nghĩa, ý đồ thực sự của các vị phía sau đòi hỏi này là gì?

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.70.

VIỆT NAM KIÊN ĐỊNH MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

GS.TS. VŨ VĂN HIỀN*

Trong cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận hiện nay, vấn đề độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội luôn là một trong những chủ đề nóng bỏng nhất mà các thế lực thù địch luôn công kích với những luận điệu ngang trái, giả dối và hằn học. Họ cho rằng, chủ nghĩa xã hội sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu, thế giới đương đại là thế giới toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, hầu hết các nước trên thế giới đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, nên Việt Nam không thể giữ mãi định hướng xã hội chủ nghĩa. Những luận điệu đó không phải không có những tác động nhất định đối với một số người nhẹ dạ, cả tin. Chính vì thế, rất cần phải lý giải một cách cặn kẽ hơn việc Việt Nam kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Trong nhiều văn kiện của Đảng ta, vấn đề độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội luôn được khẳng định một cách mạnh mẽ và dứt khoát. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định một trong những bài học kinh nghiệm lớn

* Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương.

của cách mạng nước ta là: “*Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội* - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau”¹. Văn kiện Đại hội XI của Đảng cũng nhấn mạnh: “Trong bất kỳ điều kiện và tình huống nào, phải kiên trì thực hiện đường lối và mục tiêu đổi mới, kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”². Văn kiện Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới”³.

Nhìn ra bên ngoài và nhìn lại lịch sử Việt Nam trong thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI vừa qua, chúng ta càng thấy rằng sự lựa chọn của Đảng ta, của nhân dân ta là hoàn toàn chính xác.

Như chúng ta biết, dân tộc ta có truyền thống yêu nước, anh dũng bất khuất, đã từng chiến thắng nhiều thế lực đế quốc, phong kiến hung hãn. Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta,

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.65, 21.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.46.

phong trào yêu nước đã đẩy lên hết sức mạnh mẽ. Liên tiếp nổ ra các cuộc nổi dậy trên khắp mọi miền đất nước, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân, các bậc sĩ phu, kể cả một bộ phận quan lại phong kiến. Các phong trào Cần Vương, Duy Tân, Đông Du; các cuộc khởi nghĩa Yên Thế, Yên Bái và hàng chục cuộc đấu tranh khác nữa đều bị thực dân Pháp thẳng tay đàn áp và thất bại. Điều đó chứng tỏ rằng, vẫn là nhân dân giàu lòng yêu nước, có truyền thống chống giặc ngoại xâm, sẵn sàng ủng hộ và tham gia các phong trào yêu nước; còn các bậc sĩ phu, các nhà lãnh đạo các phong trào chống thực dân Pháp đều có trí dũng, không thiếu quyết tâm, nhưng cả họ, cả giai cấp phong kiến và đại diện cho thế lực tư sản khi đó đều không giải quyết được vấn đề dân tộc ở nước ta.

Trong bối cảnh đó, chưa bao giờ như lúc bấy giờ, độc lập dân tộc càng trở nên là yêu cầu cơ bản, khách quan của xã hội Việt Nam - xã hội thuộc địa, nửa phong kiến. Công cuộc giải phóng dân tộc Việt Nam khi ấy ở trong “tình hình đen tối như không có đường ra”. Bằng con đường nào và giai cấp nào có khả năng gánh vác sứ mệnh trọng đại đó?

Nhưng rồi chính lịch sử có lời giải đáp. Chủ nghĩa Mác ra đời đã vạch ra cái tất yếu từng bị che lấp bởi màn sương mù trong lịch sử. Chủ nghĩa Mác khẳng định chủ nghĩa tư bản nhất định bị thay thế bằng một chế độ tốt đẹp hơn - chế độ cộng sản chủ nghĩa không có người bóc lột người và người đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản chính là giai cấp công nhân - sản phẩm của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Đó là một tiếng sét trong lòng chủ nghĩa tư bản ở vào thời thịnh trị, sau khi nó chiến thắng các chế độ chuyên chế phong kiến và đã bành trướng ra khắp thế giới. Các nước tư bản phát triển khi ấy đang

trở thành “trung tâm vũ trụ” chi phối và làm mưa làm gió mọi mặt đời sống xã hội loài người.

Nghiên cứu lịch sử xã hội loài người, C.Mác đã khái quát nó qua sự phát triển của các phương thức sản xuất kế tiếp nhau. Theo quan điểm của C.Mác, sự thay đổi hình thái kinh tế - xã hội này bằng hình thái kinh tế - xã hội khác nhất định phải có điều kiện hình thái kinh tế - xã hội cũ đã mất khả năng tự phát triển và trở thành lực cản xã hội. Chủ nghĩa tư bản tất yếu bị thay bằng chủ nghĩa xã hội, và điều đó sẽ xảy ra ở những nước mà chủ nghĩa tư bản phát triển đến đỉnh cao. Chính V.I.Lênin và Đảng Bôn-sê-vích Nga đã vận dụng sáng tạo các luận điểm của C.Mác vào hoàn cảnh lịch sử của nước Nga bằng việc, trước tiên giai cấp công nhân giành lấy chính quyền, rồi sau đó dựa vào chính quyền của mình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Vậy là, chính vào thời điểm chủ nghĩa tư bản tưởng như đang cực thịnh ấy, thì Cách mạng Tháng Mười nổ ra. Sự đột phá Tháng Mười mở đầu cho một xu thế phát triển mới của lịch sử thế giới. Nếu trước Cách mạng Tháng Mười, chế độ tư bản chủ nghĩa phát triển đến mức người ta rêu rao như một “định mệnh”, như một “trật tự vĩnh hằng”, thì sau tháng Mười năm 1917, không ai không thấy cái “xiềng xích” giam hãm thế giới đã bị chặt đứt, điều định mệnh ấy thành ảo tưởng, các trật tự ấy bị lật nhào, tạo ra phản ứng dây chuyền của hàng loạt cuộc đấu tranh giải phóng có quy mô to lớn và chiều sâu cách mạng chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại.

Rõ ràng, Cách mạng Tháng Mười Nga “rung chuyển thế giới” đã làm cho tính chất thời đại thay đổi, giai cấp trung tâm của thời đại thay đổi, vai trò lãnh đạo cách mạng cũng thay đổi; vì vậy, con đường để giải quyết mâu thuẫn của xã hội, lực

lượng cách mạng và phương pháp cách mạng cũng thay đổi. Lý tưởng Tháng Mười không chỉ là ngọn đèn pha dẫn đường tỏa sáng, mà còn có những đóng góp thực tế to lớn. Cách mạng Tháng Mười là tiếng chuông đánh thức lịch sử, báo hiệu một trang sử mới của thế giới. Thế giới trước Cách mạng Tháng Mười là một thời kỳ u mê, an phận, là thời đại của chủ nghĩa tư bản. Sự đột phá Tháng Mười làm cho chủ nghĩa tư bản bị đổ vỡ, mất mát lớn. Thế giới bừng tỉnh, bung ra với sức mạnh của sự hình thành và phát triển chủ nghĩa xã hội, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Thành quả của Cách mạng Tháng Mười đã tạo cho loài người có khả năng kìm giữ sự lộng hành của chủ nghĩa tư bản, làm thay đổi cả những yếu tố bên trong của chủ nghĩa tư bản. Cách mạng Tháng Mười là niềm vinh quang của những người vô sản cùng với hàng trăm triệu người lao động thành thị và nông thôn nước Nga. Họ đã lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản và phong kiến, giành quyền làm chủ cuộc sống của mình. Đó là thắng lợi của một xu thế mới: độc lập dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội và gắn kết với chủ nghĩa xã hội.

Toàn bộ tình hình đó của thế giới, bằng nhiều con đường, dội vào và thấm sâu trong mảnh đất Việt Nam - nơi mà chính “sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi; chủ nghĩa cộng sản chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt của công cuộc giải phóng nữa thôi”. Hơn ai hết, chính Nguyễn Ái Quốc là người gieo hạt, gây mầm cách mạng Việt Nam. Người đã đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa xã hội. Ở Người, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, bản lĩnh và tố chất đặc biệt Việt Nam đã “bắt gặp” chủ nghĩa Mác - Lênin, nói như Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng - một cuộc gặp gỡ đẹp như cùng hẹn

trước - đã chung đúc nên tư tưởng Hồ Chí Minh. Với kỳ công của Nguyễn Ái Quốc, chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào yêu nước và phong trào công nhân Việt Nam chuyển hóa thành một tất yếu đưa đến một sự kiện trọng đại: Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Sự kiện này là *mốc son đánh dấu sự kết hợp các nhân tố dân tộc và giai cấp, quốc gia và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong bản chất của Đảng*. Vừa ra đời, Đảng tuyên bố: “chủ trương làm tư sản dân quyền c.m* và thổ địa c.m để đi tới xã hội cộng sản”¹. Lời tuyên bố ấy cũng đồng nghĩa với lời bác bỏ thẳng thừng chế độ phong kiến và chế độ tư bản chủ nghĩa; và nhìn rộng hơn, cũng bác bỏ bất cứ một con đường nào khác. Một cách tự nhiên là, ngay sau lời tuyên bố ấy của Đảng, chủ nghĩa xã hội không chỉ là mục tiêu lựa chọn mà đã thực sự thúc đẩy lịch sử dân tộc Việt Nam chuyển mình, là con đường dân tộc Việt Nam đã và đang đi dọc theo thế kỷ XX, sang thế kỷ XXI và tiếp tục cho tới đích cuối cùng. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ; chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu được nhân loại, đem lại cho mọi người, không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc, có một xã hội tốt lành gắn liền với tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no; bảo đảm việc làm cho mọi người, tất cả vì niềm vui, hòa bình, hạnh phúc của con người.

* c.m: cách mạng (BT.).

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.2, tr.2.

Rõ ràng, sự lựa chọn mục tiêu *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội* của Đảng và nhân dân ta, xét về *lôgic* là một tất yếu khách quan; xét về *lịch sử*, là hoàn toàn phù hợp với sự vận động của cách mạng Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; xét về *nhu cầu*, là hoàn toàn xuất phát từ điều kiện cụ thể của một nước thuộc địa, nửa phong kiến và nguyện vọng cháy bỏng của nhân dân Việt Nam; và xét về mặt *xã hội*, đó là một hệ giá trị cơ bản nhất quyết định sự phát triển của đất nước Việt Nam hôm nay và mai sau.

Có thể khẳng định như vậy, bởi vì việc giải quyết vấn đề độc lập dân tộc theo ý thức hệ phong kiến và tư sản, trong khuôn khổ của chế độ phong kiến và chế độ tư bản chủ nghĩa không tránh khỏi những mâu thuẫn và những hạn chế bắt nguồn từ bản chất kinh tế và chính trị của các chế độ ấy - những hình thái kinh tế - xã hội dựa trên các quan hệ tư hữu về tư liệu sản xuất và các quan hệ đối kháng giai cấp.

Vượt qua những mâu thuẫn và những hạn chế trong công việc giải quyết vấn đề độc lập theo lập trường phong kiến và tư sản *chỉ có thể là con đường gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội*, tức là giải quyết độc lập dân tộc theo lập trường của giai cấp công nhân, của chủ nghĩa xã hội khoa học. Đó là: Độc lập dân tộc thực sự phải là độc lập về chính trị, kinh tế, văn hóa, đối ngoại. Độc lập dân tộc thực sự đòi hỏi phải xóa bỏ tình trạng áp bức, bóc lột và nô dịch của dân tộc này đối với dân tộc khác về kinh tế, chính trị và tinh thần. Do đó, độc lập gắn liền với tự do và bình đẳng, công việc nội bộ quốc gia - dân tộc phải do quốc gia - dân tộc đó giải quyết, không có sự can thiệp từ bên ngoài.

Bản chất của chủ nghĩa xã hội là thực hiện triệt để giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Chủ nghĩa xã hội sẽ xóa bỏ căn nguyên kinh tế sâu xa của tình trạng người bóc lột người do chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất sinh ra. Nhờ đó, nó xóa bỏ cơ sở kinh tế sinh ra ách áp bức con người về chính trị và sự nô dịch con người về tinh thần, ý thức và tư tưởng.

Chủ nghĩa xã hội thực hiện độc lập dân tộc để mở đường đưa dân tộc tới sự phát triển phồn vinh về kinh tế và sự phát triển phong phú, đa dạng về văn hóa, tinh thần, sự thực hiện đầy đủ nhất quyền lực của nhân dân. Chỉ với chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc mới đạt tới mục tiêu phục vụ lợi ích và quyền lực của mọi người lao động, làm cho mọi thành viên của cộng đồng dân tộc trở thành người chủ thực sự, có cuộc sống vật chất ngày càng đầy đủ và đời sống tinh thần ngày càng phong phú. Chính điều đó làm cho nền tảng của sự độc lập tự chủ càng thêm vững chắc, khả năng bảo vệ nền độc lập dân tộc càng đầy đủ mạnh mẽ.

Sự phát triển thực chất và bền vững của độc lập dân tộc được đo bằng những khả năng và điều kiện bảo đảm cho dân tộc thoát khỏi tình cảnh nô lệ, phụ thuộc, bị áp bức, bóc lột và nô dịch. Nó cũng bảo đảm cho dân tộc vượt qua tình trạng đói nghèo, lạc hậu và tụt hậu trong tương quan với các dân tộc khác trên thế giới và ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn để đạt tới sự bình đẳng trong các mối quan hệ giữa con người với con người, giữa cộng đồng dân tộc này với cộng đồng dân tộc khác.

Toàn bộ khả năng và điều kiện bảo đảm đó chỉ có thể được tìm thấy và giải quyết bằng con đường phát triển chủ nghĩa xã hội.

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trở thành hệ giá trị phát triển của Việt Nam, dưới ngọn cờ của Đảng, trong thời đại ngày nay. Đó cũng chính là cái logic phát triển lịch sử của dân tộc Việt Nam 87 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, làm nên cốt cách Việt Nam, bản lĩnh Việt Nam và vị thế Việt Nam trước thế giới.

Nhận thức và hành động theo sự lựa chọn và theo hệ giá trị đó, từ năm 1930 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và giành được những thắng lợi vĩ đại: Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa nước ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Qua hơn 70 năm giành và giữ độc lập dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt 30 năm đổi mới, với hệ giá trị đó, Đảng Cộng sản Việt Nam xứng đáng tiêu biểu cho bản lĩnh Việt Nam trong việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, đã tỏ rõ tính độc lập, tự chủ trong mọi đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại, đưa nước ta từ một xứ thuộc địa, nửa phong kiến trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người chủ đất nước, làm chủ xã hội; đất nước ta ra khỏi tình trạng đói nghèo, kém phát triển, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế; có quan

hệ quốc tế ngày càng rộng mở, có vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế. Tất nhiên trong suốt hành trình cách mạng sáng tạo cũng gặp phải nhiều trở ngại, gian nan, chúng ta không tránh khỏi những hạn chế, yếu kém khi thực hiện những nhiệm vụ cụ thể của việc xây dựng nền độc lập dân tộc và hướng tới chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, với Việt Nam không chỉ là *mục tiêu*, là *nhu cầu*, là *cương lĩnh hành động*, là *ngọn cờ hiệu triệu*, mà còn là *động lực*, là *niềm tin sắt son* của dân tộc Việt Nam ta. Độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội là sự gắn kết hai sức mạnh thành một sức bật mới; là cội nguồn thắng lợi của cách mạng Việt Nam hôm qua, hôm nay và mai sau.

Đã qua gần 2 thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, thiên niên kỷ thứ ba của một thế giới đầy biến động, cũng đồng thời mở ra một kỷ nguyên hội nhập, đua tranh gay gắt của cộng đồng quốc tế. Thế giới đã chứng kiến bao cảnh đau thương của nhiều dân tộc ở châu Phi, ở Trung Đông, dù đã giành được độc lập nhưng đất nước bị hoang tàn bởi các xung đột chia rẽ trong nội bộ và sự can thiệp từ bên ngoài. Ngay những nước cạnh ta như Thái Lan, Campuchia, dù có độc lập dân tộc nhưng việc tranh giành giữa các lực lượng chính trị trong nước làm cho tình hình luôn nóng bỏng, cuộc sống của nhân dân không được bình yên. Vậy nên, dù thời cuộc biến đổi xoay vần ra sao, dù phải đối mặt với xu thế toàn cầu hóa, với tất cả mặt tích cực và tiêu cực, bất trắc; dù cho ai đó bị lóa mắt bởi những bộ áo cánh sắc sảo của chủ nghĩa tư bản thì *hệ giá trị độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, trong ý thức và trong hành động vẫn là mục tiêu, lý tưởng, là quốc bảo phù hợp xu thế thời đại.

Mãi mãi gương cao ngon cò độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta tiếp tục giành thắng lợi to lớn hơn nữa trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đưa đất nước ta sánh vai cùng các nước trong khu vực và trên thế giới.

PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG “VIỆT NAM KIÊN ĐỊNH CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI LÀ SAI LẦM, ĐI THEO VẾT XE ĐỎ CỦA LIÊN XÔ”

Thiếu tướng, GS. BÙI PHAN KỲ *

1. Liên Xô sụp đổ vì kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội hay vì nhóm lãnh đạo từ bỏ chủ nghĩa xã hội?

Quan điểm cho rằng “Việt Nam kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là đi theo vết xe đỏ của Liên Xô” là một luận điểm hoàn toàn cảm tính và suy diễn, về phương pháp luận không có sự “xem xét cụ thể trong tình hình cụ thể”, về quan điểm chính trị là đang thúc đẩy đất nước đi theo quỹ đạo chủ nghĩa tư bản. Để bác bỏ luận điểm đó, xin nhắc lại dưới đây những sự kiện chính đã tác động dẫn tới sự sụp đổ của Liên Xô, để tự các sự kiện dẫn tới kết luận:

- Thất bại trong chiến tranh tại Đông Dương buộc đế quốc Mỹ phải thay đổi trọng điểm chiến lược. Năm 1972, Tổng thống R.Nixon thăm Trung Quốc nhằm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Tháng 01-1973, Mỹ ký Hiệp định Pari, rút quân

* Viện Chiến lược Quốc phòng, Bộ Quốc phòng.

khỏi Việt Nam, nhưng sau các sự kiện đó, Tổng thống Mỹ R.Nixon cũng tuyên bố rõ: *“Chúng ta có bốn phận giúp đỡ những người đấu tranh nhằm ngăn chặn sự thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản và những người có chí hướng lật đổ chính quyền cộng sản đã giành thắng lợi... Về lâu dài chúng ta có thể khuyến khích “diễn biến hòa bình” trong nội bộ các nước xã hội chủ nghĩa, song nhiệm vụ đó không thể hoàn thành trong mấy chục năm mà phải làm trong nhiều thế hệ”(!)*... Tùy theo thực tế từng nước, chiến lược “diễn biến hòa bình” của Mỹ tác động mạnh tới từng nước xã hội chủ nghĩa.

Đến thập niên 80 của thế kỷ XX, phần lớn các nước xã hội chủ nghĩa đều gặp phải những khó khăn, phải thi hành chính sách “cải cách mở cửa”, trong khi kinh tế các nước tư bản lại phát triển ổn định, dẫn tới nhiều biến động trong các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu... Trong 2 ngày (18 và 19-10-1983), Chính phủ Mỹ mở hội nghị về *“dân chủ hóa các nước xã hội chủ nghĩa”* nhằm mục đích *“xác định và tìm biện pháp thúc đẩy tự do hóa và dân chủ hóa trong chính quyền cộng sản, giúp đỡ họ tiến hành cuộc đấu tranh giành quyền tự do”(!)*. Trong hội nghị, Ngoại trưởng Mỹ Shultz tuyên bố: *“Phải thông qua tuyên truyền nhân quyền, liên minh mọi lực lượng để ủng hộ sự xuất hiện của những thế lực đòi dân chủ ở các nước cộng sản, giúp đỡ cuộc đấu tranh giành tự do của họ”(!)*. Quyết định thành lập “quỹ giành dân chủ toàn quốc Mỹ, nhằm giúp đỡ phong trào dân chủ các nước xã hội chủ nghĩa” được Quốc hội Mỹ cấp kinh phí 4 triệu đôla, hằng năm, chỉ riêng khoản tiền cố định dành cho Công đoàn Đoàn kết ở Ba Lan đã lên tới 40 vạn đôla Mỹ, chưa kể quà tặng trị giá hàng nghìn đôla Mỹ để mua máy vi tính, máy in rôbô, thiết bị truyền thanh... Đến năm 1985, Công đoàn Đoàn kết đã xuất bản hơn 400 loại sách và tạp chí, có ấn phẩm phát hành trên 3 vạn số, xuất bản

hàng năm hàng nghìn cuốn sách. Đài phát thanh của Công đoàn Đoàn kết hoàn toàn dùng thiết bị của Mỹ...

Trong bối cảnh đó, tháng 3-1985, Gorbachev được bầu làm Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô. Tháng 02-1986, Đảng Cộng sản Liên Xô họp Đại hội lần thứ 27, Gorbachev đưa ra khẩu hiệu *“Dân chủ hóa tính công khai, dư luận đa nguyên hóa (?), lấy đó làm đột phá mở ra cơ chế cải cách”*. Tháng 6-1988, Đảng Cộng sản Liên Xô họp Hội nghị đại biểu toàn quốc lần thứ 19, trong báo cáo của Gorbachev có đoạn: *“Phương châm chủ yếu của cải tổ thể chế chính trị Liên Xô không chỉ là đề xướng vấn đề dân chủ hóa tính công khai và dư luận đa nguyên hóa, mà là phải loại bỏ vấn đề đảng cộng sản là hạt nhân của thể chế chính trị Liên Xô, là vấn đề phải chuyển trung tâm quyền lực nhà nước từ trong tay đảng cộng sản sang tay Xôviết”*. Từ đó ra đời hai “công trình” lớn của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô là Perestroika (cải tổ) và Glasnost (công khai hóa), nhanh chóng được truyền bá trong các nước xã hội chủ nghĩa và các đảng cộng sản toàn thế giới.

Những phản ứng sớm nhất là bức thư ngỏ của 5 tổng bí thư 5 đảng cộng sản các nước Mỹ Latinh gồm: En Xanvado, Ôndurát, Côxta Rica, Cộng hòa Đôminica, Áchentina (ngày 30-8-1988) gửi các lực lượng cách mạng và tiến bộ ở Mỹ Latinh và vùng Caribê. Dưới đây xin trích nguyên văn mấy đoạn:

“... Thực tế là chủ nghĩa đế quốc vẫn tồn tại với mức độ tàn bạo và hiếu chiến cao hơn, với của cải, khả năng kỹ thuật và kinh nghiệm tích lũy được, bảo đảm cho chúng thực hiện sự áp bức mang tính toàn cầu và toàn diện hơn, với việc sử dụng nhiều hơn những thông tin mạnh mẽ, hiện đại và tinh vi hơn nhiều so với những biện pháp đã được áp dụng ở những giai đoạn trước.

- Vì chúng ta đang sống và đang phải gánh chịu thực trạng nói trên và chúng ta đang đấu tranh để thay đổi nó, **những luận điểm mới về cái gọi là sự lỗi thời của chủ nghĩa chống đế quốc và các cuộc cách mạng của quần chúng bị áp bức bóc lột cùng cực và bần cùng ở khu vực này làm chúng ta phải cảnh giác và công phẫn. Đáng tiếc là những luận điểm này lại có một sức hấp dẫn nhất định đối với “tư tưởng mới” hay là những “tư duy mới” do Perestroika đem lại.**

- Chỉ cần phân tích những thiệt hại tương đối về tâm quan trọng kinh tế của các nước phụ thuộc trong hệ thống đế quốc và sự từ bỏ cách nhìn phê phán đối với chủ nghĩa tư bản, **chúng ta cũng thấy không thể chấp nhận những luận điểm chưa từng có nói trên.** Chúng ta không tin ở tính chân thật của những lời tuyên bố về tự do và dân chủ mà các nước tư bản và các thế lực tự do kiểu mới đưa ra, những kẻ đã áp bức và gây ra đói khát, nạn mù chữ và ốm đau cho hàng trăm triệu con người.

- Chúng ta không nghĩ rằng đổi mới và dân chủ hóa, những việc cần làm trong chế độ xã hội chủ nghĩa **lại bắt buộc phải đi chệch hướng theo những con đường tư nhân hóa tư bản chủ nghĩa từng đem lại biết bao bất công và tệ hại.**

- Chúng ta không nghĩ rằng **chủ nghĩa quốc tế và tinh thần đoàn kết phải bị thay thế bằng chủ nghĩa vị kỷ dân tộc, thái độ lựa chiều hoặc làm vừa lòng chủ nghĩa đế quốc.**

- Chúng ta không nghĩ rằng Mỹ và các nước đế quốc khác có thể được xác định “không còn là thù địch” của các dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Chúng ta không nghĩ tới một sự rút lui và giải trừ quân bị đơn phương của chủ nghĩa xã hội và của các lực lượng cách mạng trong

khi Mỹ đang tăng cường chiến lược “chiến tranh cường độ thấp” của chúng và những kế hoạch quân sự hóa khoảng không vũ trụ nhằm giành quyền bá chủ trong lĩnh vực vũ khí.

- Chúng ta không nghĩ rằng bất kỳ lợi ích toàn cầu nào lại có thể mâu thuẫn với sự giải phóng các dân tộc bị áp bức thuộc thế giới thứ ba và các cuộc đấu tranh vì dân chủ, hòa bình, công lý và quyền tự quyết đang diễn ra ở Trung Mỹ, Palestín, Nam Phi và ở tất cả các nước đang bị chà đạp ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh.

- Chúng ta lo ngại rằng công cuộc **Perestroika** đang bị xuyên tạc và xa rời những mục tiêu của nó là “đem lại nhiều chủ nghĩa xã hội hơn và nhiều dân chủ hơn”.

- Chúng ta lo ngại rằng trong quá trình này **những kẻ theo trào lưu thân tư bản, những kẻ theo chủ nghĩa dân tộc ly khai và phản cách mạng, những kẻ chôn vùi chủ nghĩa quốc tế cách mạng, do bị lôi cuốn bởi sự hòa đồng với Mỹ và các cường quốc tư bản khác, đang phát triển và giành thắng lợi.**

- Chúng ta hiểu điều khó khăn của giai đoạn hiện nay ở các nước Đông Âu, điều phức tạp trong việc chuyển hướng kết hợp được chủ nghĩa xã hội với dân chủ.

- Chúng ta coi trọng sự quan tâm của tất cả những ai **hành động sao cho công cuộc đổi mới phải bao hàm một giai đoạn cao hơn về chất của chủ nghĩa xã hội chứ không phải là bị biến chất vì những ảnh hưởng của chủ nghĩa tư bản.**

- Chúng ta cũng lo ngại rằng những suy yếu của chủ nghĩa xã hội đã tạo thuận lợi cho sự can thiệp quân sự ở Panama, cuộc phản công của cánh hữu ở Nicaragua, những âm mưu của Mỹ và của chế độ diệt chủng ngày càng tồi tệ ở En Xanvado, những mối đe dọa

nghiêm trọng chống nước Cuba cách mạng cũng như sự leo thang của chủ nghĩa đế quốc trong toàn khu vực”.

Qua bức thư ngỏ của 5 tổng bí thư của 5 đảng cộng sản ở 5 nước Mỹ Latinh tập trung vào việc phân tích và chỉ rõ những nguy hại do Perestroika gây ra cho các lực lượng chống đế quốc trên toàn thế giới, ta thấy rõ “Perestroika của nhóm Gorbachev đã biến Liên Xô từ vị trí trụ cột của cách mạng thế giới thành “những kẻ theo trào lưu thân tư bản, những kẻ theo chủ nghĩa dân tộc ly khai và phản cách mạng, những kẻ chôn vùi chủ nghĩa quốc tế cách mạng do bị lôi cuốn bởi sự hòa đồng với Mỹ và các cường quốc tư bản khác”.

Tháng 7-1990, Liên Xô họp Đại hội lần thứ 28 của Đảng Cộng sản do Gorbachev chủ trì. Báo cáo chính trị đưa ra Đại hội đã sử dụng 70% cương lĩnh “xã hội - dân chủ” của Yeltsin, phê phán cương lĩnh bảo vệ chủ nghĩa Mác của Y.K.Ligachev là “*khuyh hướng bảo thủ của tầng lớp quan liêu trong quản lý*”, thông qua tuyên bố có tính cương lĩnh tiến tới “**xã hội chủ nghĩa dân chủ hóa nhân đạo**”. Từ đây, thể chế đa đảng và thể chế dân chủ nghị viện, ý thức hệ đa nguyên cũng chính thức trở thành phương châm chỉ đạo của Đảng. Do bỏ Điều 6 trong Hiến pháp, các tổ chức chống cộng thừa cơ ra đời hàng loạt và phát triển lớn mạnh. Glasnost thực hiện công khai hóa không có lãnh đạo nên phủ nhận thành tựu 70 năm, bôi nhọ cả V.I.Lênin, đã có ý đưa thi hài V.I.Lênin ra khỏi lăng. Ngày 23-4-1991, Gorbachev nhân danh Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô và Xôviết tối cao Liên Xô gặp gỡ những người lãnh đạo của 9 nước Cộng hòa liên bang (gồm Nga, Ucraina, Bêlarút, Káđắxtan...) đề xuất ký kết thành lập “Cộng đồng các quốc gia độc lập” (SNG), xóa bỏ

danh nghĩa xã hội chủ nghĩa. Trước sự thúc ép của Gorbachev, Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô tuyên bố tự giải tán. Ngày 25-12-1991, chính Gorbachev nhân danh Tổng thống Liên Xô vào Phủ Tổng thống ở Điện Kremli từ 10 giờ sáng, chuẩn bị đơn từ chức; 19 giờ đọc thư gửi nhân dân Liên Xô và toàn thế giới ngừng mọi hoạt động với tư cách Tổng thống; 19 giờ 32 phút hạ cờ búa liềm; 19 giờ 45 phút kéo cờ 3 màu của Liên bang Nga.

Toàn bộ những sự kiện trên đây đủ chứng minh: Liên Xô sụp đổ hoàn toàn không phải vì kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà vì Đảng Cộng sản Liên Xô đã bầu vào vị trí Tổng Bí thư một nhân vật đã “tự diễn biến” một cách sâu sắc, mà tác hại của “sản phẩm chỉ đạo” là Perestroika tới cách mạng thế giới đã được 5 tổng bí thư của 5 đảng cộng sản ở 5 nước Mỹ Latinh - nơi còn đang trực tiếp gánh chịu những thảm họa do chủ nghĩa đế quốc đem lại, báo trước một cách rõ ràng và chuẩn xác. Thực chất, Liên Xô đã bị “Tổng Bí thư” cuối cùng của Đảng Cộng sản, được sự hỗ trợ của “Chủ tịch Xôviết Liên bang Nga” Yeltsin và Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Liên Xô lúc đó là Tshêvacnadze giải thể.

2. Bằng đường lối đổi mới được thực hiện liên tục trên 30 năm, Việt Nam luôn kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà không sụp đổ, nhưng tuyệt đối không thể xem thường các nguy cơ đã phát hiện từ lâu

Chỉ cần nhắc lại thực trạng đã được nhiều tài liệu tin cậy ghi chép lại đủ thấy những khó khăn gặp phải của cách mạng nước ta nhiều mặt còn khó hơn tình trạng của Liên Xô trước

khi sụp đổ. Có vượt qua để đứng vững hay không còn tùy thuộc vào bản lĩnh của đội ngũ những người lãnh đạo. Thực tế chứng minh, sau khi Liên Xô tan rã và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, nhiều nước xã hội chủ nghĩa không những vẫn đứng vững mà còn phát triển hơn, nhỏ thì như Cuba, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, Việt Nam, lớn hơn như Trung Quốc, nhiều nước ở Mỹ Latinh vẫn không vì “hệ thống xã hội chủ nghĩa do Liên Xô làm trụ cột” bị đổ vỡ mà rời bỏ quỹ đạo xã hội chủ nghĩa. Vì thông qua theo dõi các sự kiện đã diễn ra, người ta đủ sáng suốt để rút ra kết luận: chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ không đồng nghĩa với chủ nghĩa xã hội sụp đổ mà chỉ bộc lộ những khuyết tật của cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp về kinh tế và khuynh hướng cơ hội hữu khuynh về chính trị. Sau đây là sự phân tích thực trạng của Việt Nam và cách xử lý tránh xa vết xe đổ của Liên Xô:

Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu rõ: Nước ta bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội từ điểm xuất phát rất thấp, đến nay vẫn là một *nước nghèo và kém phát triển*.

Sau khi hoàn thành sự nghiệp giải phóng và thống nhất đất nước, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển sản xuất...

Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn ở tình trạng nông nghiệp lạc hậu, còn nặng tính chất tự cấp, tự túc. Trang bị kỹ thuật và kết

cầu hạ tầng kinh tế - xã hội thấp kém. Cơ cấu kinh tế mất cân đối nặng. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp để lại nhiều hậu quả nặng nề. Nền kinh tế rất kém hiệu quả, năng suất lao động thấp, tích lũy trong nước chưa đáng kể, còn lệ thuộc nhiều vào bên ngoài.

Khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài nhiều năm nay: lạm phát nghiêm trọng¹; sản xuất bấp bênh; thất nghiệp tăng; tiền lương không đủ sống; trật tự an toàn xã hội không được bảo đảm; tham nhũng và nhiều tệ nạn xã hội khác lan rộng, công bằng xã hội bị vi phạm; nếp sống văn hóa, tinh thần và đạo đức bị xói mòn; lòng tin vào Đảng và Nhà nước giảm sút.

Thực trạng nêu trên có nguồn gốc sâu xa do lịch sử để lại và hậu quả nhiều năm chiến tranh, song chủ yếu là do chúng ta đã phạm sai lầm chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, trong tiến trình công nghiệp hóa và trong cơ chế quản lý kinh tế. Những sai lầm đó cùng với sự trì trệ trong công tác tổ chức, cán bộ đã kìm hãm lực lượng sản xuất và triệt tiêu nhiều động lực phát triển². Chỉ với một tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật” mang đầy tính tự phê bình như vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam mới lãnh đạo được toàn dân vượt qua những khó khăn chồng chất mà tiếp tục đi lên.

Điểm khác biệt đầu tiên mà Việt Nam không rơi vào vết xe

1. Trong các năm 1986-1988, lạm phát lên tới 774%, tới năm 1994 xuống 67%, năm 1992 còn 17,5%, năm 1993 xuống 5,2% (TG.).

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.51, tr.149-150.

đồ của Liên Xô là các thể hệ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam không ai được phép vứt bỏ nguyên tắc “tập trung dân chủ” là nguyên tắc xương sống của các đảng cộng sản, đặt cá nhân (tổng bí thư) cao hơn tập thể (ban chấp hành trung ương), lấy quan điểm của cá nhân chi phối hoạt động của toàn đảng mà không bị ngăn chặn. Trái lại, mọi hoạt động đổi mới của Việt Nam đều phải thông qua sự chuẩn bị của tập thể Ban Chấp hành Trung ương, được đưa ra thảo luận trong các Đại hội đại biểu toàn quốc, khi cần thiết thì đưa ra Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ, như trường hợp Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII họp vào tháng 6-1991, trước khi Liên Xô sụp đổ; 3 năm rưỡi sau, Trung ương Đảng quyết định triệu tập Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ vào tháng 01-1994 để kịp thời xem xét và xử lý những áp lực mới mà các thế lực thù địch đang ra sức tạo ra đối với các nước xã hội chủ nghĩa còn lại nhằm thực hiện tham vọng “*quét sạch chủ nghĩa xã hội trước thế kỷ XXI*”. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ đã kịp thời chỉ ra những thách thức lớn được coi là bốn nguy cơ mà đến 12 năm sau, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII tiếp tục nhắc lại, chỉ rõ thêm những biến tướng của nó và những thách thức mới do thời cuộc đặt ra. Chính việc giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong cơ chế lãnh đạo ấy đã luôn đặt vận mệnh của cách mạng, của dân tộc trong tay một tập thể lãnh đạo, tránh cho Đảng Cộng sản Việt Nam cái tai họa như đã diễn ra tại Liên Xô trước đây, đó là cá nhân Tổng Bí thư ép Trung ương Đảng tự giải thể, tuyên bố giải tán Đảng mà không ai ngăn nổi.

Đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam hoàn toàn khác, thậm chí đối lập với Perestroika và Glasnost của Liên Xô, kiên quyết không chấp nhận đa nguyên, đa đảng; cũng không cho phép phủ định lịch sử một cách vô nguyên tắc. Đó không phải là những “tư tưởng chỉ đạo” nảy sinh từ những suy diễn chủ quan của người cầm quyền mà là kết quả của quá trình thử nghiệm rút ra từ thực tiễn suốt một thập niên trước từ Đại hội IV qua nhiều quyết sách của Trung ương và Chính phủ. Từ những thực tiễn đó, “Đại hội VI của Đảng (tháng 12-1986) đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, bao gồm đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức cán bộ, đổi mới phương pháp lãnh đạo và phong cách công tác. Đại hội đặc biệt nhấn mạnh phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; phải nắm vững quy luật khách quan, lấy dân làm gốc... Đại hội khẳng định nước ta đang ở *chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, cần tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, tiến hành đổi mới chính sách kinh tế gắn với đổi mới chính sách xã hội; chủ trương kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế quản lý mới. Đại hội yêu cầu phải xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước; phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đại hội đánh dấu *một bước ngoặt có ý nghĩa cách mạng* trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, tạo ra *bước đột phá lớn toàn*

diện, đem lại luồng sinh khí mới trong xã hội, làm xoay chuyển tình hình, đưa đất nước tiến lên...”¹.

Kết quả đổi mới cũng đã được *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)* đánh giá cụ thể: “Sau 10 năm đầu đổi mới (1986-1996), trong điều kiện bị bao vây, cấm vận, đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, cơ bản hoàn thành những nhiệm vụ của chặng đầu thời kỳ quá độ, chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong 10 năm tiếp theo (1996-2006), về cơ bản, tình hình đất nước ổn định; các khó khăn, thách thức dần được khắc phục; sản xuất phát triển, tốc độ tăng trưởng nhanh, đời sống nhân dân được cải thiện; chính trị - xã hội ổn định; vai trò, vị thế quốc tế của đất nước được nâng lên...”

Trong 10 năm gần đây, đất nước ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đạt tốc độ tăng trưởng khá, chính trị - xã hội ổn định, bảo đảm an ninh xã hội”².

Đối với một đất nước trên 90 triệu dân sinh sống trong một khu vực đang phát triển năng động thì các vấn đề tồn tại, mới nảy sinh thường xuyên đặt ra. Cho đến nay, có thể khẳng định Việt Nam luôn kiên định đi lên chủ nghĩa xã hội mà không rơi vào vết xe đổ của Liên Xô, **nhưng tuyệt đối không thể xem**

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo Tổng kết: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.41-42, 39-40.

thường bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII đã chỉ ra và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII tiếp tục nhắc lại, cũng như bài học “tự diễn biến” của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô.

Chỉ riêng “tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”...; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí...; khoảng cách giàu nghèo, phân hóa xã hội ngày càng tăng, đạo đức xã hội... xuống cấp đáng lo ngại” nếu không được khắc phục thì sẽ đẩy đất nước rơi vào vết xe đổ của Liên Xô, hoàn toàn không phải vì kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà vì đã thực sự xa rời nó.

PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG “VIỆT NAM KIÊN ĐỊNH CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI LÀ SAI LẦM, ĐI THEO VẾT XE ĐỎ CỦA LIÊN XÔ”

Thiếu tướng, PGS.TS. NGND. NGUYỄN BÁ DƯƠNG*

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội được Đảng và nhân dân ta lựa chọn là đúng đắn, được kiên trì, kiên định triển khai thực hiện suốt từ năm 1930 đến nay. Nhờ đó, cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, giành chính quyền về tay nhân dân, làm nên những thắng lợi vĩ đại trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Điều hiển nhiên và được lịch sử dân tộc minh chứng rất rõ ràng đó tưởng chừng như không có gì cần phải bàn luận thêm, song hiện nay vẫn có những giọng điệu lạc lõng, đòi Đảng ta, nhân dân ta phải từ bỏ mục tiêu, con đường đã chọn, vì họ cho

* Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, Viện trưởng Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự, Bộ Quốc phòng.

rằng đó là “con đường sai lầm, dẫn dân tộc đến đường cùng, ngõ cụt”, đòi chúng ta phải đi theo con đường khác. Họ ra sức lợi dụng sự kiện chủ nghĩa xã hội theo mô hình xôviết ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, cho rằng chủ nghĩa xã hội đã cáo chung, đảng cộng sản đã hết vai trò lịch sử; rằng nước ta kiên định đi lên chủ nghĩa xã hội là sai lầm, là đi vào vết xe đổ của Liên Xô và Đông Âu. Họ cố tình xuyên tạc: “Chủ nghĩa xã hội mà Mác nêu ra chỉ là một lý tưởng, một chủ nghĩa xã hội “không tưởng”; không bao giờ thực hiện được”¹; rồi khuyến nghị, “khuyến nhủ” Đảng ta cần phải đi theo con đường khác, theo mô hình “xã hội dân chủ”, thực hiện “chính trị đa nguyên”, “đa đảng đối lập”, (!)...

Đây thực chất là những luận điệu phi lịch sử, phản động, phản khoa học. Mục đích của những kẻ tung ra luận điệu trên là rất rõ ràng, nếu chưa thể xóa bỏ được chủ nghĩa xã hội, lái nước ta đi theo con đường khác - con đường tư bản chủ nghĩa thì cũng làm cho quần chúng nhân dân hoài nghi, bi quan, dao động, suy giảm niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn. Những luận điệu chống phá đó được lặp đi lặp lại nhiều lần với cách thức biểu hiện khác nhau, khi trắng trợn, lúc tinh vi, khi rầm rộ, lúc “lặng lẽ, âm thầm”, với các giọng điệu, cung bậc khác nhau, song chung một kiểu “mưa dầm thấm lâu”, được tung lên không gian mạng, trên internet nên rất nguy hiểm.

1. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.48.

Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý. Thực tiễn lịch sử cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là hiện thực sinh động, là minh chứng làm phá sản những quan điểm thù địch, sai trái; đồng thời, làm cho nhân dân ta nhận thức đầy đủ, rõ ràng hơn, vững tin hơn vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường mà dân tộc ta đang đi, cái đích chúng ta sẽ đến.

Kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là kiên định con đường đúng đắn mà lịch sử dân tộc, nhân dân ta, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

Con đường của chúng ta lựa chọn và đang đi là đúng đắn, mục tiêu hướng tới của chúng ta là tốt đẹp. Tính đúng đắn của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã được khẳng định về mặt lịch sử, được luận giải rõ ràng về mặt lý luận và được kiểm nghiệm sinh động về mặt thực tiễn suốt tiến trình cách mạng Việt Nam của 87 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Những thập niên đầu của thế kỷ XX, vấn đề xóa bỏ gông xiềng, xích sắt, áp bức, bóc lột của thực dân, đế quốc, thực hiện “giải phóng dân tộc”, giành độc lập, tự do là vấn đề hàng đầu của dân tộc Việt Nam. Giải quyết vấn đề hàng đầu này trong thực tiễn lịch sử đã có nhiều lập trường, quan điểm và cách thức giải quyết khác nhau. Các phương hướng và cách thức giải quyết đã được lịch sử khảo nghiệm và đi đến phương án lựa chọn cuối cùng. Từ phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX, cuộc khởi nghĩa Yên Thế kéo dài đến đầu thế kỷ XX, phong trào cách mạng có xu hướng bạo động của Phan Bội Châu, phong trào có xu hướng cải cách của Phan Chu Trinh, đến cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Thái Học là những phong trào theo hệ tư tưởng phong kiến hoặc theo hệ tư tưởng

tư sản, đều đã được lịch sử kiểm nghiệm, song vẫn không phải là con đường đúng đắn, hiệu quả để cứu nước, cứu dân, giải phóng dân tộc, mà trái lại, vẫn bế tắc, lâm vào đường cùng, ngõ cụt, làm cho tình hình đất nước đen tối, không có đường ra. Thực tiễn đó khẳng định: Muốn cứu nước, giải phóng dân tộc phải tìm một con đường khác, phải đi theo con đường cách mạng vô sản, độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đó là con đường duy nhất đúng đắn, có thể cứu nước, cứu nhà, giải phóng dân tộc; đưa nhân dân thoát khỏi thân phận bị áp bức, bóc lột, là nô lệ của ngoại bang. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh) trên đường tìm đường cứu nước, đã khẳng định như vậy; lịch sử Việt Nam đã khảo nghiệm và lựa chọn con đường cứu nước, giải phóng dân tộc phải đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin, học tập và noi theo tấm gương, đi theo con đường của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, do Đảng Cộng sản Bôn-sê-vích của V.I.Lênin lãnh đạo. Đó là sự lựa chọn của lịch sử, là một tất yếu khách quan, là sự vận động hợp quy luật của lịch sử Việt Nam trong bối cảnh mới. “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”¹ và thời đại, thể hiện rõ khát vọng sống hòa bình, độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc của nhân dân Việt Nam. Những kẻ đưa ra luận điệu lạc lõng trên cần nhớ lại sự thật lịch sử này và tính tất yếu khách quan mà thời cuộc

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.70.

đưa đến; không thể chà đạp lên sự thật, bóp méo chân lý, vùi dập đạo lý; tước bỏ khát vọng cháy bỏng của cả một dân tộc thiết tha yêu chuộng hòa bình, muốn được sống trong độc lập, tự do, mong muốn được sống yên bình, ấm no, hạnh phúc.

Trong 87 năm qua, nhân dân ta đi theo con đường ấy đã đạt được những thắng lợi và thành tựu to lớn, đáng tự hào trên cả phương diện giữ nước và phương diện dựng nước. Thử hỏi, nhân dân ta có cuộc sống hòa bình, độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc như ngày hôm nay, phải chăng là trời ban cho, Chúa mang đến, nhờ sự may rủi hay là kết quả kiên quyết, kiên trì đấu tranh bền bỉ, dẻo dai với bao nhiêu tổn thất, hy sinh xương máu của nhiều thế hệ người Việt Nam đã đứng lên chiến đấu dũng cảm, kiên cường để chống thực dân, đế quốc và bè lũ tay sai; đã kiên định mục tiêu, lý tưởng, đi theo con đường cách mạng của chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam mà nhân dân ta đã lựa chọn? Đúng như vậy! Chủ nghĩa xã hội khi đang là phương hướng phát triển của cách mạng Việt Nam, đã tạo nên động lực vô cùng to lớn, hội tụ và kết tinh sức mạnh của cả một dân tộc để “rời non, lấp biển”, làm nên Cách mạng Tháng Tám, chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” và đã làm nên Đại thắng mùa Xuân vĩ đại năm 1975, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là sự thật, lịch sử đã ghi nhận, nhân dân thế giới đã biết; không ai có thể chối cãi được.

Nhớ lại, khi nhân dân ta xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một phần đất nước, thì chính những thành quả tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đã tạo ra sức mạnh và trở thành nhân

tổ quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Nếu không có miền Bắc xã hội chủ nghĩa - hậu phương lớn của tiền tuyến lớn, cung cấp kịp thời sức người, sức của cho chiến trường miền Nam thì đế quốc Mỹ liệu có cúi đầu, cuốn cờ về nước và liệu lịch sử có ghi dấu mốc Hiệp định Pari tháng 01-1973 hay không?

Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội đã được khẳng định rõ ràng trong thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam. Hiện nay, nhân dân ta đang vững bước đi trên con đường ấy, ra sức đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với một vị thế và tư thế mới - vị thế và tư thế của những người làm chủ và biết làm chủ vận mệnh của mình, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Với những định hướng, chủ trương và những giải pháp lớn, nhiệm vụ trọng tâm mà Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra, nhân dân Việt Nam vững tin hướng tới tương lai. Ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội do Đảng Cộng sản Việt Nam giương cao đã và đang đem lại cho dân tộc ta, nhân dân ta tư thế mới, sự tự tin và sức mạnh mới, không có thế lực nào có thể cản bước, ngăn đường chúng ta đi tới.

Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc và địa vị làm chủ chân chính cho nhân dân, nâng tầm cao uy tín, vị thế của dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã nhiều lần khẳng định như vậy. Mục tiêu giải phóng con người thoát khỏi mọi ách nô dịch, áp bức và bóc lột, đưa con người lên làm chủ, đem lại cuộc đời tự do, ấm no, hạnh phúc thực sự cho nhân

dân bằng con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, lý tưởng, lẽ sống hiện thực; là con đường đang được hiện thực hóa bằng thực tiễn công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là vấn đề hợp quy luật, mục tiêu nhân đạo, nhân văn, đã và đang diễn ra ở Việt Nam và trên thế giới. Đó là thực tế, là hiện thực sinh động để bác bỏ mọi luận điệu xuyên tạc cho rằng, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là sai lầm. Những kẻ đưa ra luận điệu này đã không hiểu (hay cố tình không hiểu) lịch sử và bản chất thực sự của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, nhân dân ta đang đi tới thì mới nói thiếu suy nghĩ với giọng điệu thâm thù, quay lưng lại lịch sử, điên cuồng chống đối chế độ, phản bội Tổ quốc, phản bội nhân dân. Việc cố tình nhạo báng lịch sử, xuyên tạc sự thật, lật ngược, bôi đen một học thuyết khoa học, cách mạng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - học thuyết duy nhất từ trước đến nay bàn về mục tiêu, con đường, lực lượng, biện pháp đấu tranh để xóa bỏ áp bức, bóc lột, bất công; thực hiện giải phóng con người, giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng nhân loại; xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản tốt đẹp phải là một học thuyết tràn đầy sinh khí, sức sống, tinh thần nhân văn, nhân đạo. Đồng thời, vạch ra một con đường đấu tranh cách mạng, đem lại độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc thực sự cho nhân dân..., người có lương tâm, có trí tuệ, tự xưng là yêu Tổ quốc, yêu đồng bào... thì lẽ ra phải bảo vệ lẽ phải, sự đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và thành quả của cách mạng Việt Nam. Trái lại, bất kể là ai, thế lực nào phủ nhận học thuyết khoa học, cách mạng là chủ nghĩa Mác -

Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phủ nhận mục tiêu, con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mà Đảng, nhân dân ta đã lựa chọn là gây tội ác, đánh tráo khái niệm, tự lấy tay chọc vào mắt mình, cam chịu nhục nhã để làm tay sai cho các thế lực thù địch. Dân tộc này, đất nước này, hơn 90 triệu người dân cực lực phản đối và không dung thứ những kẻ đang gây tội ác. Các người có thể bóp nát một bông hồng, song không thể cản được mùa xuân đất nước.

Kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là phù hợp với quy luật lịch sử, chứ không phải là “đi vào vết xe đổ của Liên Xô” như sự xuyên tạc của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị.

Thời đại hiện nay mà chúng ta đang sống mang hai nội dung chính yếu, thống nhất biện chứng trong tổng thể của sự vận động, phát triển của thế giới đương đại mà thế kỷ XXI đã, đang và sẽ chứng kiến. Sự quá độ của xã hội loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, mở đầu bằng Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại là nội dung chủ yếu của thời đại, đó là cái nhìn tổng quát, mang tính biện chứng, khách quan, khoa học, từ góc độ hình thái kinh tế - xã hội; và sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, kinh tế tri thức, xét từ góc độ kinh tế - kỹ thuật, sự phát triển của lực lượng sản xuất mới.

Lịch sử thế giới từ sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga năm 1917 đến nay đã có những thay đổi và biến động hết sức to lớn, sâu sắc. Chủ nghĩa xã hội từ lý luận đã trở thành hiện thực sinh động; từ một nước trở thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, là chỗ dựa và là động lực chủ yếu thúc

đẩy sự phát triển của các phong trào cách mạng khắp hành tinh; rồi từ hệ thống thế giới còn lại những nước tiếp tục xây dựng, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa với diện mạo mới, sức sống mới. Điều đó phản ánh những bước thăng trầm, quanh co, khúc khuỷu nhưng tất thắng của chủ nghĩa xã hội với tư cách là một học thuyết khoa học và cách mạng, một hình thái kinh tế - xã hội và với tư cách một chế độ xã hội mới đầy ưu việt mà nó vốn có, là sự kết tinh, thu thái tất cả những thành tựu tinh hoa mà các hình thái kinh tế - xã hội trước đã tạo ra, trên con đường đấu tranh khẳng định sự tồn tại hợp quy luật của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy nhân loại. Sự biến đổi to lớn và sâu sắc ấy là sự biến đổi của thế giới khách quan trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn cầu mà Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga năm 1917 đã mở ra. Đi lên chủ nghĩa xã hội là xu thế vận động khách quan của lịch sử. Vì thế, sẽ chẳng có thế lực nào, dù có dã tâm thâm độc với đầy mưu ma chước quỷ và sức mạnh quấy phá đến đâu, cũng không thể “nắn” lại xu thế ấy hoặc cố tình lấy gậy chọc bánh xe, nuôi hy vọng chặn bước, ngăn đường, cản trở lịch sử.

Thực tế tồn tại, phát triển và những thành tựu to lớn, công lao vĩ đại của chủ nghĩa xã hội hiện thực đối với loài người tiến bộ trên thế giới trong gần một thế kỷ qua đã chứng tỏ lý tưởng xã hội chủ nghĩa là lý tưởng phù hợp với quy luật vận động, phát triển khách quan của lịch sử; chủ nghĩa xã hội là giá trị nhân văn của nhân loại. Mọi người đều rõ, chính Liên Xô, đất nước - quê hương của Cách mạng Tháng Mười Nga, đã cùng với các lực lượng yêu chuộng hòa bình, tiến bộ, là lực

lượng quyết định tiêu diệt chủ nghĩa phát xít; chính Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa là trụ cột của hòa bình và cách mạng, làm nguội đi những cái đầu hiếu chiến của các thế lực đế quốc, phát xít, bảo đảm nền hòa bình của thế giới trong nửa cuối thế kỷ XX. Không có Cách mạng Tháng Mười Nga và chủ nghĩa xã hội hiện thực thì giai cấp công nhân và nhân dân lao động cũng như các dân tộc bị áp bức trên thế giới vẫn chìm đắm trong sự áp bức, nô dịch của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Và trong gần 100 năm qua, nếu chủ nghĩa tư bản có sự tiến bộ nào đó về mặt xã hội, thì đó cũng là kết quả của quá trình đấu tranh bền bỉ, liên tục của giai cấp công nhân, nhân dân lao động ở các nước tư bản và sự ảnh hưởng to lớn bởi những giá trị nhân văn, vì con người của chủ nghĩa xã hội hiện thực thế giới. Tính chất ưu việt, bản chất hòa bình, nhân đạo, nhân văn và cống hiến của chủ nghĩa xã hội đã được lịch sử kiểm nghiệm, khẳng định, không thể bác bỏ, dù thời cuộc có đổi thay, dù lịch sử đang diễn ra những bước quanh co, phức tạp, song tính chất của thời đại và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan, không thể lực thù địch nào có thể cản bước, ngăn đường. Chúng ta ý thức sâu sắc rằng, chủ nghĩa xã hội đến sớm hay muộn, bằng hình thức này hay hình thức khác, thành công sớm ở nơi này hay nơi khác mà thôi.

Đến nay, chủ nghĩa xã hội hiện thực đang ở thập kỷ thứ mười của sự phát triển với những bước thăng trầm gồm cả những thành tựu, công lao to lớn đối với nhân loại và cả những tổn thất nặng nề, để rồi một số nước còn lại tiếp tục con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, tạo cho chủ nghĩa xã hội

hiện thực một diện mạo mới năng động, sáng tạo và phong phú hơn. Hiện nay, gần 1,5 tỷ người trên hành tinh vẫn đang đi theo con đường xã hội chủ nghĩa với những thành tựu đáng trân trọng, tự hào. Dù còn nhiều khó khăn, thách thức, phức tạp, nhưng sự phát triển của các nước xã hội chủ nghĩa còn lại đã chứng minh một cách rõ ràng chủ nghĩa xã hội là hiện thực, là thực tế, đã và đang đổi mới, được xây dựng, phát triển trên cơ sở những bài học kinh nghiệm rút ra trong quá khứ; từ sự nhận thức lại và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện mới, dựa trên cơ sở “hiện thực khách quan” mới, dựa chắc vào đặc điểm, đặc thù của từng quốc gia - dân tộc. Điều đó cho thấy sức sống mới của chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh lịch sử mới là vô địch.

Thử hỏi, thế nào là “đi vào vết xe đổ của Liên Xô”? Phải chăng những kẻ bất đồng chính kiến, đối lập với quan điểm của Đảng, Nhà nước và chế độ ta, chống phá cách mạng Việt Nam muốn nói rằng, chúng ta cứ đi theo con đường chủ nghĩa xã hội thì sẽ dẫn đến đổ vỡ như mô hình Liên Xô!? Nếu là vậy thì họ đã không hiểu gì về chủ nghĩa xã hội và thực chất sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa theo mô hình xôviết ở Liên Xô và các nước Đông Âu; họ cũng không hiểu (hay cố tình không hiểu) Việt Nam đã và đang đổi mới như thế nào suốt 30 năm qua để xây dựng chủ nghĩa xã hội thực sự năng động, sáng tạo theo một lý tưởng tốt đẹp và hiện thực. Mưu đồ thực sự của họ là gì? Phải chăng là muốn lái đất nước này đi theo con đường khác, con đường tư bản chủ nghĩa - một con đường mang bản chất bóc lột và bất công, một con đường mà lịch sử Việt Nam đã khước từ bởi nó phi nhân tính và đầy rẫy bất công, tội ác.

Cần khẳng định rõ rằng, sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa theo mô hình xôviết ở Liên Xô và Đông Âu là sự sụp đổ của một mô hình cụ thể của chủ nghĩa xã hội đã lạc hậu, không đồng nghĩa với sự sụp đổ của học thuyết khoa học, cách mạng là chủ nghĩa Mác - Lênin, cũng không phải là sự cáo chung của lý tưởng cộng sản mà Cách mạng Tháng Mười Nga đem lại. Càng sai lầm nếu nghĩ đó là sự kết thúc của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội mà C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin xây dựng. Sự sụp đổ đó là một bài học đắt giá, đã khách quan tạo cho những người cộng sản có thêm những dữ liệu mới đối với việc nhận thức như thế nào cho đúng, bổ sung và hoàn thiện hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội, trở về đúng với quan điểm, lập trường của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, để phát triển đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện lịch sử mới.

Chúng ta kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là kiên định con đường vận động khách quan của lịch sử, là kiên định một lý tưởng tốt đẹp và hiện thực, nhân văn, nhân đạo. Đó là đi theo lý tưởng và những giá trị của Cách mạng Tháng Mười Nga, những thành quả và giá trị nhân văn tốt đẹp mà hơn 70 năm nhân dân Liên Xô bằng xương máu của mình đã tạo dựng nên. Tuyệt nhiên đó không phải là rập khuôn máy móc, làm theo một mô hình đã lạc hậu, cùng những sai lầm mang tính hệ thống trong cải tổ, không phải là “đi theo vết xe đổ của Liên Xô” như sự công kích của các thế lực thù địch và bọn cơ hội chính trị thường rêu rao, tung hù. Những kẻ công kích, chống phá chúng ta đã cố tình “đổ dầu vào lửa”, muốn những người nhẹ dạ, cả tin, bị lừa

gạt hiểu sai với dụng ý xấu về sự đổ vỡ của mô hình chủ nghĩa xã hội xôviết.

Kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là trung thành với con đường đã lựa chọn và tiếp tục hiện thực hóa con đường đó trong thời kỳ mới.

Chúng ta kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là đi tiếp lịch sử dân tộc đã từng đi trong 87 năm qua, là sự nối tiếp hiện thực - thực tiễn chủ nghĩa xã hội đã có, đang có ở Việt Nam. Kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là kiên định con đường thực tiễn mà nhân dân ta đang đi, kiên định mục tiêu hiện thực mà chúng ta đang hướng tới, là nối tiếp thành quả cách mạng của nhân dân ta và nâng lên tầm cao mới phù hợp với điều kiện lịch sử mới. Kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là giải pháp tổng quát duy nhất đúng, tối ưu nhất, nhanh nhất và hiệu quả nhất để xây dựng nước ta thực sự giàu mạnh, văn minh, nhân dân ta thực sự có cuộc sống hòa bình, độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc.

Chúng ta kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là cụ thể hóa, hiện thực hóa con đường ấy trong đời sống hiện thực trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... Trung thành và vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, đường lối của Đảng và vận dụng sáng tạo vào thực tiễn Việt Nam - đó là mệnh lệnh của cuộc sống. Vì vậy, tiếp tục đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; phấn đấu đưa nước ta

sớm trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại theo tinh thần Đại hội XII của Đảng. Đó là quá trình làm cho đất nước ngày càng phồn thịnh, nhân dân ngày càng hạnh phúc, ấm no, quyền làm chủ của nhân dân ngày càng được bảo đảm và thể hiện sinh động trong đời sống xã hội; uy tín và vị thế đất nước ngày càng nâng cao trên trường quốc tế, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đó chính là quá trình hiện thực hóa con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ mới.

Thực tế lịch sử cách mạng nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là hiện thực sinh động, là minh chứng hùng hồn làm phá sản những âm mưu, thủ đoạn thù địch, quan điểm sai trái, đồng thời làm cho nhân dân ta càng nhận thức đầy đủ, rõ ràng hơn, vững tin hơn vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường chúng ta đang đi tới. Không có chủ nghĩa xã hội thì làm sao có được độc lập dân tộc thực sự và triệt để, làm sao nhân dân ta được làm chủ và hạnh phúc, vị thế, uy tín của Việt Nam ngày càng nâng cao trên trường quốc tế như hôm nay.

Nhân loại biết đến và đánh giá cao Việt Nam không chỉ vì nhân dân Việt Nam anh dũng, kiên cường và chiến thắng các đế quốc to là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, mà còn biết nhiều hơn thế vì chúng ta gặt hái được những thành tựu đáng khích lệ và tự hào trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta không phủ nhận những yếu kém, khuyết điểm

trong quá trình phát triển đi lên, nhưng có được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của ngày hôm nay là sự nỗ lực, cố gắng rất đáng tự hào của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Đúng là nước ta còn nghèo, thu nhập còn ở mức trung bình thấp, nhưng đó không phải là lỗi của con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và dân tộc ta lựa chọn; chính thực dân, đế quốc và các thế lực thù địch, tay sai đã kéo lùi sự phát triển của đất nước ta. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên tất cả các lĩnh vực trong công cuộc đổi mới hơn 30 năm qua là bằng chứng hùng hồn của sự vươn lên, khẳng định quá trình chấn hưng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đã lựa chọn.

Con đường và mục tiêu ưu việt như thế, thành tựu mà nhân dân ta đạt được to lớn, có ý nghĩa lịch sử là thế, sao một số người lại cả gan, bạo mồm vu khống trắng trợn, quy kết chúng ta sai lầm, là “đi vào vết xe đổ của Liên Xô”? Những kẻ đưa ra luận điệu này đã cố tình xuyên tạc bản chất ưu việt của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; cố tình xuyên tạc thực tiễn chủ nghĩa xã hội đã và đang được xây dựng ở Việt Nam. Mục tiêu cơ bản và âm mưu đen tối, lâu dài của chúng không hề thay đổi là muốn xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, hướng lái nước ta đi theo con đường, quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản có lợi cho chúng.

Kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta kiên quyết bảo vệ con đường đó, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.

Cần đặt thêm câu hỏi, nếu không kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, thì nước ta sẽ đi theo con đường nào? Câu

hỏi này, họ đã tự trả lời bằng cách “khuyên nhủ” chúng ta phải đi theo con đường của chủ nghĩa tư bản đang đi! Chúng ta không phủ nhận nhiều giá trị của chế độ tư bản chủ nghĩa, nhưng chế độ đó vẫn là chế độ nhằm bảo đảm sự thống trị, bóc lột của giai cấp tư sản đối với xã hội và người lao động, đây rầy bất công, do nó sinh ra “Mọi đói nghèo, thất nghiệp, thất học và bạo lực...”¹ như chính giáo sư Paul Mishler, Trường Đại học bang Indiana, Mỹ đã từng nhận xét.

Những người đưa ra luận điệu chống phá, rồi cố tình “khuyên” chúng ta phải theo con đường chủ nghĩa tư bản phải thấy rằng, chủ nghĩa tư bản hiện đại dù có biến đổi, thích nghi thì về bản chất vẫn là chủ nghĩa tư bản, là chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước ở trình độ cao, chứ không hề có sự thay đổi bản chất, tuy nó có những tiến bộ nhất định, nhưng nó vẫn là chế độ bóc lột, bất công và đầy mâu thuẫn. Ở trong lòng xã hội tư bản hiện đại, đời sống của người lao động tuy có được cải thiện, nhưng đó là sự cải thiện do tiến bộ chung của xã hội, số người lao động bị thất nghiệp, số người nghèo khổ ngày càng tăng lên không ngừng. Sự phát triển của các tập đoàn tư bản, các công ty tư bản xuyên quốc gia cùng sự bòn rút tài nguyên và bóc lột nhân dân nhiều nước thuộc thế giới thứ ba; các cuộc chiến tranh đẫm máu chống các quốc gia độc lập có chủ quyền trên thế giới do chủ nghĩa đế quốc phát động... là nguyên nhân chủ yếu khiến hàng trăm triệu người bị đe dọa chết đói, hơn một tỷ người sống trong cảnh khốn cùng, thất nghiệp, gần

1. Tạp chí *Nghiên cứu châu Âu*, số 7 (106), 2009, tr.87-89.

một tỷ người mù chữ... Đi từ kinh tế thị trường tự do đến chủ nghĩa tự do mới, chủ nghĩa tư bản vẫn không thể tìm ra lối thoát bởi tính chất ăn bám, bóc lột của nó. Thực chất của chế độ tư bản, như giáo sư Jefferey Sachs ở Đại học Columbia (New York, Mỹ) cho rằng, là “của 1%, do 1% và vì 1%” (của số người chiếm 1% dân số, do số người chiếm 1% dân số và vì số người chiếm 1% dân số)¹.

Tất cả điều đó đã nói lên tính chất ăn bám, bóc lột, phản động và tất yếu diệt vong của chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa ấy, chế độ ấy không thể là sự lựa chọn của nhân dân ta.

Đi lên chủ nghĩa xã hội là tất yếu khách quan, phù hợp với xu thế lịch sử, chúng ta tiếp tục kiên định và hiện thực hóa chủ nghĩa xã hội trong thực tiễn. Luận điệu cho rằng nước ta kiên định mục tiêu, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là sai lầm, là “đi vào vết xe đổ của Liên Xô” thực chất là luận điệu phi lịch sử, phản nhân dân, phản dân tộc, không đánh lừa được ai.

Sự nghiệp xây dựng xã hội mới ở nước ta thật sự khó khăn, phức tạp và lâu dài, nhưng cũng có những thuận lợi cơ bản và thời cơ lớn. Với thế và lực mới của đất nước hiện nay, với sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, chúng ta sẽ tận dụng, phát huy được thuận lợi, tranh thủ được thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, khắc phục nguy cơ, thực hiện thắng lợi

1. *Thông tin Lý luận chính trị*, Bản tin của Hội đồng Lý luận Trung ương, số 40 (113), tháng 11-2011, tr.6.

mục tiêu theo con đường đã chọn. Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo vào thực tiễn, thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới đất nước, đó là câu trả lời rõ ràng, đanh thép của chúng ta, đó là vũ khí sắc bén để làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị.

PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM PHỦ NHẬN NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA CÁC HỌC GIẢ CHỐNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN NAY

Thiếu tướng, GS.TS. TRỊNH VĂN THANH *

“**D**iến biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa là một trong những mũi đột phá mà các thế lực thù địch dùng để chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Để làm được điều đó, chúng đã tập trung xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm làm mất niềm tin, gây hỗn loạn về lý luận, tiến tới chuyển hóa, xóa bỏ hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Phủ nhận nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa là một trong những nội dung trọng tâm mà các thế lực thù địch tập trung tấn công trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, việc nhận diện và phê phán các quan điểm này là vấn đề cấp thiết trong cuộc đấu tranh chống “diễn biến hòa bình”.

* Hiệu trưởng Trường Đại học Cảnh sát nhân dân.

1. Những quan điểm phủ nhận nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa

Phân tích thực tiễn quá trình xuất hiện, tồn tại và phát triển của các nền dân chủ trong lịch sử, đặc biệt là những quy luật của nền dân chủ chủ nô, dân chủ tư sản, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã khẳng định rằng: Đấu tranh cho dân chủ là một quá trình lâu dài và không thể dừng lại ở dân chủ tư sản. Sự thất yếu diễn ra và thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa cũng là sự thất yếu ra đời của một nền dân chủ mới - dân chủ xã hội chủ nghĩa. Quá trình đó gắn liền với quá trình ra đời của chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 thành công là hiện thân của sự ra đời nền dân chủ mới, vì đã đưa giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga từ địa vị những người nô lệ bị bóc lột và áp bức lên địa vị những người chủ của xã hội. Theo đó, việc thiết lập chính quyền nhà nước kiểu mới của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, việc Đảng Cộng sản khẳng định trong thực tế vai trò lãnh đạo nhà nước và xã hội của mình, việc xã hội bước vào thời kỳ quá độ lịch sử phát triển theo các định hướng, mục tiêu xã hội chủ nghĩa đã được xác định như những điều kiện căn bản nhất cho sự hình thành nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Sự hình thành nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đánh dấu bước phát triển mới về chất của dân chủ, bởi vì lần đầu tiên trong lịch sử, một nền dân chủ cho tuyệt đại đa số nhân dân được ra đời.

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ trong đó mọi quyền lực thực sự đều thuộc về nhân dân, dựa trên cơ

sở kinh tế là chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội. Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích của toàn xã hội thống nhất với nhau, kết hợp hài hòa với nhau và điều đó làm cho nền dân chủ này trở thành nền dân chủ rộng rãi nhất trong lịch sử.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, sự ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là kết quả hoạt động đấu tranh cách mạng tự giác của quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo chính đảng cộng sản của giai cấp công nhân, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa *chỉ có được với điều kiện tiên quyết là bảo đảm vai trò lãnh đạo duy nhất của đảng cộng sản*. Sự lãnh đạo của đảng cộng sản là điều kiện cho dân chủ xã hội chủ nghĩa có thể ra đời, tồn tại và phát triển. Không thể có dân chủ xã hội chủ nghĩa mà lại thiếu sự lãnh đạo của đảng cộng sản.

Bên cạnh đó, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin cũng cho rằng: “Chế độ dân chủ là một hình thức nhà nước, một trong những hình thái của nhà nước. Cho nên, cũng như mọi nhà nước, chế độ dân chủ là việc thi hành có tổ chức, có hệ thống sự cưỡng bức đối với người ta”¹. Với nghĩa đó, có thể hiểu nền dân chủ hay chế độ dân chủ là hình thái dân chủ gắn với bản chất, tính chất của nhà nước, là trạng thái được xác định trong những điều kiện lịch sử cụ thể của xã hội có giai cấp. Nền dân chủ do giai cấp thống trị đặt ra được thể chế hóa bằng luật pháp, do đó nền dân chủ luôn gắn với nhà nước như là cơ

1. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.33, tr.123.

chế để thực thi dân chủ và mang bản chất giai cấp của giai cấp thống trị.

Như vậy, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là một nền dân chủ rộng rãi nhất trong lịch sử nhưng vẫn là nền dân chủ mang tính giai cấp. Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, việc không ngừng mở rộng các phương thức thực hành dân chủ với mọi tầng lớp nhân dân lao động cũng đồng thời là việc kiên quyết đấu tranh chống lại mọi hành vi đi ngược lại những chuẩn mực dân chủ, vi phạm những giá trị dân chủ chân chính của nhân dân, gây nguy hại cho tiến trình phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Dân chủ và chuyên chính được đặt trong mối quan hệ biện chứng với nhau của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Do đó, dân chủ xã hội chủ nghĩa trước hết và chủ yếu được thực hiện bằng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà nước xã hội chủ nghĩa là một kiểu nhà nước đặc biệt, “nhà nước không còn nguyên nghĩa”, là “nửa nhà nước”. Nhà nước là công cụ cơ bản để thực hiện quyền lực của nhân dân lao động, đặt dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản, đồng thời là công cụ của chuyên chính giai cấp. Vì lợi ích của tất cả những người lao động trong xã hội (tức là tuyệt đại đa số nhân dân) mà nhà nước thực hiện vai trò là công cụ chuyên chính của mình, tiến hành trấn áp bằng bạo lực đối với những lực lượng chống đối, phá hoại sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, gây nguy hại cho nền dân chủ của nhân dân. Mặc dù nhấn mạnh sự cần thiết của bạo lực và trấn áp, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn xem mặt tổ chức, xây dựng là chức năng cơ bản, xuyên suốt và lâu dài của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Bản chất tốt đẹp và ưu việt của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được khẳng định và làm sáng tỏ cả về lý luận cũng như thực tiễn như thế, vậy mà các thế lực thù địch vì muốn phủ nhận, chống phá nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa đã đưa ra các luận điệu sai trái, phản động như: Chế độ dân chủ tư sản như nó đang tồn tại ở phương Tây là chế độ dân chủ cao nhất, là thiên đường vĩnh hằng, là mục tiêu cao nhất mà loài người đang đi tới (!); rằng muốn có dân chủ thực sự thì phải thực hiện chế độ đa nguyên, đa đảng, *“không có đa nguyên, đa đảng thì không bao giờ có dân chủ”*; rằng *“đa đảng, đa nguyên là thành tố quan trọng nhất để xây dựng nên một quốc gia dân chủ”*, và *“đa đảng sẽ bảo đảm quyền làm chủ đất nước của nhân dân”* (!); rằng chủ nghĩa xã hội là chuyên chính, không có dân chủ... (!) Đi cùng với những luận điệu trên, các thế lực thù địch đòi chúng ta phải sửa đổi Hiến pháp, sửa đổi thể chế Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo mô hình tam quyền phân lập giống như của các nhà nước tư sản hiện đại, đòi Đảng Cộng sản Việt Nam phải từ bỏ vai trò lãnh đạo đối với xã hội (!).

2. Phê phán các quan điểm phủ nhận nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Theo nguyên nghĩa văn tự cổ Hy Lạp, dân chủ xuất phát từ thuật ngữ “demokratos”, trong đó demos nghĩa là nhân dân và kratos nghĩa là cai trị. Theo cách diễn đạt này, thuật ngữ dân chủ được hiểu là nhân dân cai trị. Về sau, dân chủ được các nhà tư tưởng chính trị quan niệm là quyền lực của nhân dân hay quyền lực thuộc về nhân dân. Tuy nhiên, một nền dân chủ đúng nghĩa thì phải bảo đảm các yếu tố cơ bản sau đây: Một là,

thừa nhận nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số. *Hai là*, thừa nhận quyền tự do, bình đẳng giữa các công dân, sự bình đẳng ấy được thể hiện bằng sự bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi trước pháp luật. *Ba là*, thừa nhận nhân dân là cội nguồn của quyền lực.

Trong xã hội có giai cấp và nhà nước, quyền lực của nhân dân được thể chế hóa bằng chế độ nhà nước và pháp luật, theo đó dân chủ cũng được thực hiện dưới hình thức nhà nước với các tên thường gọi như là *“chính thể dân chủ”*, *“chế độ dân chủ”*, hay đơn giản hơn là *“nền dân chủ”*.

Dân chủ với những nội dung và hình thức biểu hiện của nó luôn thay đổi, biến đổi từ xã hội này sang xã hội khác trong suốt chiều dài lịch sử. Tức là dân chủ bị quy định bởi các điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội của các quốc gia - dân tộc khác nhau, qua các thời kỳ lịch sử khác nhau và dân chủ cũng luôn phát triển trên cơ sở phát triển của các điều kiện đó. Mỗi bước phát triển của kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội đều dẫn tới những bước phát triển kéo theo của dân chủ. Ngược lại, sự phát triển dân chủ bao giờ cũng tác động mạnh mẽ trở lại đối với sự phát triển của kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội.

Cuộc đấu tranh của nhân dân cho sự ra đời của nền dân chủ tư sản trong lòng chế độ xã hội phong kiến đã thể hiện sự đoạn tuyệt khá triệt để của giai cấp tư sản đối với tư tưởng chuyên chế phong kiến. Trong nền dân chủ tư sản, nhiều yêu cầu về quyền công dân, quyền con người được ghi nhận về pháp lý, nhiều khát vọng về tự do của con người (tự do đi lại, tự do cư trú, tự do hội họp...) được pháp luật thừa nhận.

Có thể nói, nền dân chủ tư sản đã có những cống hiến hết sức to lớn đối với lịch sử tiến hóa nhân loại, nhưng nó cũng mắc phải những hạn chế rất lớn. Những hạn chế đó xét đến cùng là do nền dân chủ đó được xây dựng trên nền tảng bất di, bất dịch là chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, là nguồn gốc của chế độ người bóc lột người. Giai cấp tư sản thường ca ngợi và tuyên truyền cho nền dân chủ của họ là nền “dân chủ thuần túy”, dân chủ tư sản không có tính chất chuyên chính, không mang tính chất giai cấp nên nó mở rộng vô bờ bến. Ngày nay, giai cấp tư sản càng có thiện tâm thiện ý “đề cao dân chủ, dân quyền”. Tuy nhiên, V.I.Lênin đã chỉ ra một sự thật là: Quyền sở hữu về những tư liệu sản xuất và chính quyền mà nằm trong tay bọn bóc lột, thì không thể nào nói đến tự do chân chính, bình đẳng chân chính cho những người bị bóc lột, nghĩa là cho đại đa số nhân dân được.

Nền dân chủ tư sản là chế độ bảo vệ quyền lực thống trị của giai cấp tư sản đối với toàn thể nhân dân lao động. Bên cạnh đó, nó đề cao quyền tự do cá nhân dẫn tới cá nhân cực đoan thực dụng - dẫn đến lợi ích của cá nhân mâu thuẫn với lợi ích của xã hội. Điều này đã dẫn đến nhiều khuyết tật không thể tránh khỏi đã nảy sinh trong xã hội tư bản như: sự phân hóa giàu nghèo, sự bất bình đẳng xã hội, tình trạng thất nghiệp, sự áp bức, bóc lột người lao động, ô nhiễm môi trường,... Cho nên, về thực chất có thể thấy dân chủ tư sản vẫn không phải là nhà nước thực hiện quyền lực thực sự của nhân dân, mà chỉ là nhà nước của giai cấp tư sản, bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản và thực hiện sự thống trị đối với nhân dân lao động. V.I.Lênin cho rằng: Ngay trong giai đoạn phát triển nhất của nền cộng hòa

dân chủ tư sản thì chế độ dân chủ ấy vẫn bị giới hạn trong khuôn khổ chật hẹp của sự bóc lột tư sản, thực ra nó chỉ là chế độ dân chủ đối với thiểu số mà thôi.

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ra đời trên cơ sở kế thừa các giá trị dân chủ trước nó, nhất là kế thừa các giá trị của nền dân chủ tư sản. Bởi vì, trong bức tranh chung về tiến trình phát triển của lịch sử, chế độ tư bản chủ nghĩa là nấc thang cận kề để từ đó bước lên nấc thang tiếp theo là chủ nghĩa cộng sản mà giai đoạn đầu của nó là chủ nghĩa xã hội. Những thành tựu dân chủ mà chủ nghĩa tư bản đạt được là thành quả tích lũy của loài người trong quá trình tiến hóa lâu dài, từ thấp đến cao, mà chỉ từ đó mới có thể tiến lên một nền dân chủ cao hơn. Tuy thế, dân chủ xã hội chủ nghĩa khác về chất so với dân chủ tư sản. Khi so sánh nền dân chủ tư sản và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, V.I.Lênin đã đi đến một tư tưởng khái quát: *Dân chủ vô sản là thứ dân chủ gấp triệu lần dân chủ tư sản.*

Nền dân chủ tư sản còn tuyệt đối hóa thuyết đa nguyên chính trị, coi đó là chế độ duy nhất bảo đảm dân chủ. Vì vậy, nhiều quan điểm cho rằng, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dựa trên nguyên tắc nhất nguyên chính trị, dưới sự lãnh đạo của một đảng duy nhất là đảng cộng sản sẽ không thể bảo đảm dân chủ thật sự.

Có thể thấy, vấn đề đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập xuất hiện và được bàn luận, đề cập nhiều từ thế kỷ XIX, khi giai cấp tư sản đang độc quyền thống trị xã hội. Lúc đầu, tư tưởng “đa nguyên luận” nhằm mục đích ngăn chặn tình trạng độc quyền, mất dân chủ của giới tài phiệt và một số chính trị gia tư sản, bảo vệ quyền lợi của các tầng lớp dân cư và lợi ích

của một số nhóm nhỏ trong xã hội. Tuy nhiên, tư tưởng “đa nguyên luận” không đạt được mục đích của mình là dân chủ hóa xã hội mà chỉ hình thành nên một số đảng phái trong xã hội nhằm phân chia, tranh giành quyền lực lẫn nhau.

Đa nguyên, đa đảng cũng có những yếu tố tích cực nhất định nhưng thực chất đa nguyên, đa đảng không đồng nhất với dân chủ. Đa nguyên, đa đảng không phải là yếu tố duy nhất, nền tảng duy nhất bảo đảm được dân chủ đích thực mà bản chất của dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân. Dân chủ là một giá trị xã hội, được hình thành và bảo đảm bởi nhiều yếu tố, trong đó có lực lượng cầm quyền xã hội, cơ chế quản lý xã hội và trình độ làm chủ của người dân... Vì vậy, một đảng lãnh đạo không đồng nhất với độc tài lãnh đạo, không đồng nhất với mất dân chủ. Không nhất thiết cứ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập mới có dân chủ thực sự và không có đa nguyên, đa đảng thì không có dân chủ.

Ngoài ra, đa nguyên chính trị là sản phẩm của hoàn cảnh lịch sử tồn tại nhiều đảng phái có những lợi ích căn bản mâu thuẫn với nhau. Do vậy, nếu đa nguyên chính trị thì tất yếu dẫn tới tồn tại nhiều đảng phái đối lập, song không thể có điều ngược lại, nếu các đảng không có những lợi ích căn bản đối lập. Vì vậy, đa nguyên hay nhất nguyên là xuất phát từ đòi hỏi của thực tiễn lịch sử chứ không phải là khuôn mẫu cho mọi nền dân chủ.

Giai cấp tư sản cho rằng nền dân chủ của họ là nền “dân chủ thuần túy”, dân chủ tư sản không có tính chất chuyên chính, nhà nước tư sản với cơ chế tam quyền phân lập mới có thể bảo đảm được dân chủ. Vì vậy, các thế lực thù địch đã đưa

ra quan điểm phủ nhận Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cho rằng đó là bộ máy chuyên chính, với cơ chế quyền lực thống nhất, đặt dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản thì không thể nào bảo đảm dân chủ thực sự được. Đòi xóa bỏ sự lãnh đạo của đảng cộng sản, đòi thực hiện cơ chế tam quyền phân lập trong bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa...

Về vấn đề này, khi xem xét dân chủ với tư cách là một phạm trù chính trị gắn với một kiểu nhà nước và một giai cấp cầm quyền thì sẽ không có “dân chủ phi giai cấp”, “dân chủ chung chung”. Trong xã hội có giai cấp, việc thực hiện dân chủ cho những tập đoàn người này đã loại trừ hay hạn chế dân chủ của tập đoàn người khác. Mỗi chế độ dân chủ gắn liền với nhà nước đều mang bản chất của giai cấp thống trị.

Vì vậy, như đã phân tích ở trên, dân chủ tư sản không phải là nền dân chủ thuần túy, mà đó là nền chuyên chính của giai cấp tư sản đối với đông đảo nhân dân lao động thông qua nhà nước tư bản chủ nghĩa.

Trong chế độ dân chủ tư sản, quyền lực được “*nhân dân ủy quyền*” qua cái gọi là “khế ước xã hội” đã bị giai cấp tư sản sử dụng để thống trị lại nhân dân vì lợi ích của bản thân giai cấp đó. Chế độ “*bầu cử tự do*” trong các nước tư bản chủ nghĩa đã biến thành “tự do” của nhân dân *lựa chọn những người thống trị mình*, chứ không phải lựa chọn những người đại diện cho lợi ích của mình. Sự “*phân chia quyền lực*” trong nhà nước tư bản theo cơ chế tam quyền phân lập, thực chất chỉ là sự phân chia *giữa các thế lực tư bản*, quần chúng không phải là chủ thể của bất kỳ quyền lực nào trong đó. Pháp luật với tư cách là công cụ quản lý nhà nước trong chủ nghĩa tư bản không gì khác hơn là

“ý chí của giai cấp tư sản được đưa lên thành luật” (C.Mác). Do vậy, quản lý theo pháp luật thực sự là quản lý vì lợi ích của giai cấp tư sản, không phải vì lợi ích chung.

Trong khi coi chế độ dân chủ tư sản là bước lớn trong lịch sử, V.I.Lênin chỉ ra: “Phải đề phòng, không một lúc nào quên thực chất tư sản của chế độ “dân chủ” đó, tính chất tương đối và hạn chế của nó về mặt lịch sử, phải đề phòng không được nhầm phải cái “lòng tin mê muội” vào “nhà nước”, không được quên rằng ngay cả trong một chế độ cộng hòa dân chủ nhất, chứ không nói trong một chế độ quân chủ nữa, thì nhà nước... là cái gì khác hơn là một bộ máy áp bức của giai cấp này đối với giai cấp khác”¹.

Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước xã hội chủ nghĩa là thiết chế chủ yếu thực thi dân chủ do giai cấp công nhân lãnh đạo thông qua chính đảng của nó. Đây cũng chính là đặc trưng bản chất chính trị của dân chủ xã hội chủ nghĩa. Trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, nhà nước là thiết chế có chức năng trực tiếp nhất trong việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện những yêu cầu dân chủ chân chính của nhân dân. Nó cũng là công cụ sắc bén nhất trong cuộc đấu tranh với mọi mưu đồ đi ngược lại lợi ích của nhân dân; là thiết chế tổ chức có hiệu quả việc xây dựng xã hội mới; là công cụ hữu hiệu để vai trò lãnh đạo của Đảng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội được thực hiện...

1. V.I.Lênin: *Về chế độ dân chủ vô sản và chuyên chính vô sản*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1968, tr.7.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tổ chức quyền lực nhà nước theo nguyên tắc: Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước bắt nguồn từ nguồn gốc và bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Theo đó, nhân dân thông qua lập hiến mà trao quyền lực nhà nước của mình cho Quốc hội, cho Chính phủ và các cơ quan tư pháp. Quyền lực nhà nước đều là quyền lập pháp, hành pháp hay tư pháp đều có chung một nguồn gốc thống nhất là ở nhân dân, đều do nhân dân ủy quyền, giao quyền. Do vậy, nói quyền lực nhà nước là thống nhất, trước tiên là sự thống nhất ở mục tiêu chính trị, nội dung chính trị của nhà nước đó là xây dựng thành công chế độ xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh đó, quan điểm quyền lực nhà nước là thống nhất nói trên còn là cách thức tổ chức quyền lực nhà nước để cao trách nhiệm trước nhân dân. Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước nên tất yếu nhân dân phải phân công và kiểm soát quyền lực đó. Đó cũng là cơ sở để không có chỗ cho các yếu tố cực đoan, đối lập, thiếu trách nhiệm trong mối quan hệ giữa các quyền, nhất là quyền lập pháp và quyền hành pháp. Đồng thời, đó cũng là điều kiện để hình thành cơ chế kiểm soát, nhận xét, đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động của các quyền từ bên trong tổ chức quyền lực nhà nước cũng như từ bên ngoài là nhân dân. Có thể nói, mục tiêu cuối cùng của quan điểm thống nhất quyền lực nhà nước là phục vụ nhân dân, thực hiện “tất cả quyền lực nhà

nước thuộc về nhân dân” chứ không phải để phân tách, phân rẽ quyền lực của nhân dân như các thiết chế tam quyền phân lập. Trên cơ sở đó, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mới thực sự là bộ máy chuyên chế của nhân dân lao động nhằm bảo đảm thực hiện quyền làm chủ thực sự của nhân dân, xây dựng thành công nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Sự ra đời của một nền dân chủ mới - dân chủ xã hội chủ nghĩa là tất yếu gắn liền với quá trình ra đời của chủ nghĩa xã hội. Dân chủ xã hội chủ nghĩa thực hiện dưới nhiều hình thức, trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và được pháp luật xã hội chủ nghĩa bảo đảm. Có dân chủ hay không có dân chủ, dân chủ nhiều hay ít, dân chủ thực sự hay dân chủ hình thức... không tùy thuộc vào chế độ một đảng hay nhiều đảng. Không phải chỉ thực hiện “đa nguyên, đa đảng” mới có dân chủ. Xét đến cùng và quan trọng nhất có dân chủ hay không là thể hiện ở chỗ quyền lực và quyền lợi có thuộc về người dân hay không? Để thực sự phát huy quyền làm chủ của mỗi người dân, để mỗi công dân thể hiện đầy đủ nhất quyền lợi và trách nhiệm làm chủ của mình đòi hỏi phải không ngừng nâng cao chất lượng một cách đồng bộ của nhiều thành tố, trong đó có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Bởi vì, chức năng quản lý xã hội bằng pháp luật của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là công cụ để thực thi quyền làm chủ của người dân. Trước tình hình thực tế đang có những diễn biến phức tạp, khó lường hiện nay, các thế lực thù địch muốn lợi dụng dân chủ để gây mất ổn định chính trị, phá hoại chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước

pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, lý luận về dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói riêng vẫn chứng minh được tính đúng đắn, khoa học của nó. Điều này càng được thể hiện rõ qua thực tiễn thắng lợi của sự nghiệp cách mạng nước ta hơn 80 năm qua.

**PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG:
“VIỆT NAM ĐANG PHÁT TRIỂN THEO
CON ĐƯỜNG TƯ BẢN CHỦ NGHĨA;
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY, CHỦ NGHĨA TƯ BẢN
ĐANG DIỄN RA MỘT CÁCH CUỒNG NHIỆT”**

PGS.TS. NGUYỄN VĂN THẠO*

Thời gian qua, trên mạng xã hội có thông tin một quan chức cấp cao của chính quyền Mỹ cho rằng: *Mỹ đã thua Việt Nam trong chiến tranh, nhưng đang thắng Việt Nam trong hòa bình; điều mà Mỹ không làm được khi đưa hơn nửa triệu quân cùng hàng trăm tỷ đôla Mỹ vào chiến trường Việt Nam, chịu những tổn thất to lớn về sinh mệnh, tiền bạc và uy tín, thì hiện nay lại đang làm được là đưa Việt Nam vào con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, như Mỹ, cùng với Mỹ; Ở Việt Nam hiện nay, chủ nghĩa tư bản đang diễn ra một cách cuồng nhiệt (chứ không phải phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa)(!).* Những quan điểm này cũng được một số người ở trong và ngoài nước tán đồng, đã có tác động, ảnh hưởng không nhỏ đến một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân dân ta, gây ra sự băn khoăn, lo lắng, thậm chí

* Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương.

hoang mang, mất lòng tin vào đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước vào con đường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa của đất nước. Vì vậy, đây là vấn đề cần được phân tích làm rõ, luận giải đầy đủ để bác bỏ một cách thuyết phục, có căn cứ khoa học.

Đánh giá của quan chức Mỹ cho rằng: *Việt Nam đang phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa; ở Việt Nam hiện nay, chủ nghĩa tư bản đang diễn ra một cách cuồng nhiệt (!)*, trước hết có thể là do nhìn thấy ở Việt Nam hiện nay đang phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa, sắp xếp lại, kinh tế tư nhân được xác định là một động lực quan trọng để phát triển kinh tế, được khuyến khích phát triển, đang phát triển một cách sôi động; cùng với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, đã bước đầu hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân trong nước; kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường, định hướng trở thành nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường, bảo đảm quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh ở những lĩnh vực mà pháp luật không cấm, cạnh tranh bình đẳng; cơ chế thị trường chi phối việc phân bổ các nguồn lực, kinh tế Việt Nam phát triển nhưng phân hóa giàu, nghèo có xu hướng tăng lên...

Nếu chỉ nhìn vào những hiện tượng đó thì không chỉ vị quan chức cấp cao của chính quyền Mỹ có quan điểm cho rằng Việt Nam đang phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, kinh tế Việt Nam hiện nay là nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, mà chắc còn có một số người cũng có suy nghĩ, quan điểm như vậy; trong đó, có người băn khoăn, lo lắng nhưng

chưa thể hiện ra, có người cũng đã thể hiện ý kiến, quan điểm của mình ở chỗ này, chỗ khác nhưng chưa gây được ảnh hưởng, tác động lớn như khi được nói ra từ một quan chức cấp cao, có trọng trách lớn trong chính quyền Mỹ. Nhưng đây là một quan điểm sai lầm, một đánh giá sai lầm dù cố ý hay do thiếu hiểu biết.

Vậy, sai lầm của vị quan chức cấp cao của chính quyền Mỹ và những người đồng quan điểm về vấn đề này là gì, bắt nguồn từ đâu? Có thể có rất nhiều nguyên nhân, trong đó không loại trừ khả năng, ở vị quan chức cấp cao này và trong một số người đồng tình với quan điểm này, có sự cố ý, có ý đồ cố tình xuyên tạc tình hình ở Việt Nam để gây hoang mang, dao động trong cán bộ, đảng viên, nhân dân, làm mất uy tín của Đảng, Nhà nước, chống phá chế độ ta. Đây cũng là một cách để thực hiện “diễn biến hòa bình” mà chúng ta phải đấu tranh. Tuy nhiên, có thể nguyên nhân chính để vị quan chức cấp cao Mỹ và những người có quan điểm sai lầm là do khi nhìn vào nền kinh tế Việt Nam chỉ thấy hiện tượng mà không thấy bản chất, đặc biệt là bị ám ảnh, chi phối bởi các định kiến sai lầm gắn với quan điểm cũ, với mô hình trước đây của chủ nghĩa xã hội. Đó là quan điểm sai lầm, cho rằng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phải là nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp, chỉ có thành phần kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, không thể tồn tại, phát triển kinh tế tư nhân; cho rằng kinh tế xã hội chủ nghĩa đối lập với kinh tế thị trường, kinh tế thị trường là đồng nghĩa với chủ nghĩa tư bản, phát triển kinh tế thị trường là đồng nghĩa với phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Chính vì vậy, sự phát triển

sôi động của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay được mặc nhiên đồng nhất với sự phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, hơn nữa là sự phát triển tư bản chủ nghĩa một cách cuồng nhiệt (!).

Đã có nhiều nghiên cứu phê phán mô hình chủ nghĩa xã hội kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp, phi thị trường trước kia, và phê phán quan điểm đồng nhất kinh tế thị trường với kinh tế tư bản chủ nghĩa. Đó là những phê phán có sức thuyết phục. Ở đây không phân tích thêm về những vấn đề này mà sẽ tập trung làm rõ sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam hiện nay, một nền kinh tế thị trường có nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế; là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam, được quản lý bởi Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đó được hình thành, phát triển dựa trên cơ sở những lý luận khoa học, không ngừng được điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện phù hợp với thực tiễn, đặc điểm, trình độ phát triển của đất nước.

Ba mươi năm trước, khi Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng công cuộc đổi mới, Việt Nam vẫn còn là nước nghèo, kém phát triển, sản xuất nhỏ, lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá, bị cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp kìm hãm, rơi vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài nhiều năm; đất nước thiếu thốn đủ bề, đời sống nhân dân hết sức khó khăn. Phát triển kinh tế để nâng cao tiềm lực mọi

mặt của đất nước, cải thiện, nâng cao đời sống của nhân dân trở thành nhiệm vụ chiến lược, có ý nghĩa sống còn của đất nước. Từ một nước nghèo, kém phát triển, sản xuất nhỏ còn phổ biến, chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, để định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội, một xã hội “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh...; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại”¹ thì nhiệm vụ hàng đầu, quan trọng nhất cũng là phải phát triển kinh tế. Do đó, phát triển kinh tế được xác định là nhiệm vụ trung tâm của sự nghiệp đổi mới. Đồng thời, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng ý thức được rất sâu sắc rằng phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa “là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen”².

Từ nền sản xuất nhỏ, chưa qua chủ nghĩa tư bản, để trở thành nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại thì phát triển kinh tế thị trường, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng của xã hội, phát triển mọi thành phần kinh tế là điều không thể tránh khỏi, là con đường nhất định phải đi qua. Đây là điều rất quan trọng và cần thiết. Nước Nga xôviết, sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười cũng rơi vào tình trạng tương tự. Nền kinh tế sản xuất nhỏ bị chiến

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.70, 70.

tranh tàn phá, lại bị chính sách cộng sản thời chiến cản trở, kìm hãm, làm cho lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng. Để phục hồi và phát triển nền kinh tế, V.I.Lênin đã khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, cho phép tự do trao đổi hàng hóa, bởi V.I.Lênin cho rằng, “tìm cách ngăn cấm, triệt để chặn đứng mọi sự phát triển của sự trao đổi tư nhân... là một sự đại dột và tự sát... đảng nào định thi hành một chính sách như thế, nhất định sẽ bị phá sản”¹. V.I.Lênin cũng biết rõ rằng điều này nhất định sẽ dẫn đến phục hồi, phát triển kinh tế tư bản ở một mức độ nhất định, bởi trong điều kiện nền kinh tế sản xuất nhỏ thì sự phát triển của tư bản không thể tránh khỏi, “Chủ nghĩa tư bản là xấu so với chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa tư bản lại là tốt so với thời trung cổ, với nền tiểu sản xuất, với chủ nghĩa quan liêu do tình trạng phân tán của những người tiểu sản xuất tạo nên. Vì chúng ta chưa có điều kiện để chuyển trực tiếp từ nền tiểu sản xuất lên chủ nghĩa xã hội, bởi vậy, trong chừng mực nào đó, chủ nghĩa tư bản là không thể tránh khỏi... bởi vậy, chúng ta phải lợi dụng chủ nghĩa tư bản (nhất là bằng cách hướng nó vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước) làm mất xích trung gian giữa nền tiểu sản xuất và chủ nghĩa xã hội, làm phương tiện, con đường, phương pháp, phương thức để tăng lực lượng sản xuất lên”². Trong bối cảnh tình hình nước Nga khi đó thì, theo V.I.Lênin, chính sách hợp lý, đúng đắn nhất là “không tìm cách ngăn cấm hay chặn đứng sự phát triển của

1, 2. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1978, t.43, tr.267, 276.

chủ nghĩa tư bản mà tìm cách hướng nó vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước”¹ để quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. V.I.Lênin tin tưởng rằng, với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Bôn-sê-vích, sự kiểm kê, kiểm soát chặt chẽ, có hiệu quả của Nhà nước xôviết bằng luật pháp đối với nền kinh tế, đối với việc sản xuất và phân phối, tài chính và lưu thông tiền tệ, đối với các giai cấp bóc lột, những kẻ đầu cơ, làm ăn gian dối, buôn gian bán lận; những bọn ăn cắp quốc khố, tham nhũng, hối lộ, những phần tử đồi bại trong đội ngũ cán bộ, công chức, đối với tình trạng tự phát vô chính phủ của nền sản xuất nhỏ... thì “có thể sử dụng chủ nghĩa tư bản tư nhân (chứ đừng nói gì chủ nghĩa tư bản nhà nước nữa) để xúc tiến chủ nghĩa xã hội”², Nhà nước xôviết phải biết phát huy, sử dụng có hiệu quả mọi tiềm năng của đất nước, biết sử dụng kinh nghiệm, tài năng của các chuyên gia, của các nhà tư bản để phát triển kinh tế, tạo nên cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, sử dụng kinh tế tư bản chủ nghĩa vào xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nước ta hiện nay đang phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế để khai thác, phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực trong và ngoài nước vào phát triển kinh tế thì sự hình thành, phát triển bộ phận kinh tế tư nhân nói chung, kinh tế tư bản nói riêng, bao gồm cả kinh tế của tư bản trong nước và nước ngoài, là không thể tránh khỏi. Nhưng kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay

1, 2. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.43, tr.267-268, 281.

không phải là nền kinh tế thị trường tự do, phát triển một cách tự phát, mà là nền kinh tế thị trường do Đảng Cộng sản lãnh đạo, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa quản lý. Mọi hoạt động phát triển của cả nền kinh tế, của mọi thành phần kinh tế, bao gồm cả kinh tế tư nhân, mọi quan hệ thị trường, sự hình thành, hoạt động của các loại thị trường đều phải tuân thủ các quy định của luật pháp, chính sách của Nhà nước. Cùng với hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, Nhà nước còn sử dụng quy hoạch, kế hoạch, các nguồn lực vật chất trong tay mình để tác động, ảnh hưởng đến việc phân bổ nguồn lực, điều tiết, định hướng phát triển của nền kinh tế, các quan hệ phân phối, phân phối lại kết quả, thành tựu đạt được; hạn chế, khắc phục những tác động tự phát của cơ chế thị trường; giám sát, giới hạn các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa; gắn phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; hướng sự phát triển của nền kinh tế thị trường, của các thành phần kinh tế tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Thực hiện đường lối này, trong 30 năm qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Chính đây là điều mà vị quan chức cấp cao Mỹ không thấy hoặc cố tình không thấy, không tin có một loại kinh tế thị trường như vậy. Đây là điều đã dẫn tới nhận thức và đánh giá sai lầm của họ cần phải bác bỏ.

Khẳng định sự đúng đắn, có căn cứ khoa học của đường lối đổi mới, xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và những thành tựu đạt được trong 30 năm qua, đấu tranh bác bỏ những quan điểm sai trái, phủ định, xuyên tạc đường lối của Đảng, thành tựu phát triển của

đất nước, nhưng cũng phải thấy rằng, từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ đi lên, phát triển kinh tế thị trường, khai thác, phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, bao gồm cả kinh tế tư nhân, để phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao tiềm lực của đất nước, cải thiện đời sống nhân dân, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, đồng thời cũng chứa đựng khả năng phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Ngay từ những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới, lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta đã thấy vấn đề này, cảnh báo về khả năng này để có biện pháp khắc phục. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (năm 1994) đã chỉ ra 4 nguy cơ đối với đất nước ta, trong đó có *“nguy cơ lệch hướng xã hội chủ nghĩa nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chỉ đạo thực hiện”*¹. Trong các kỳ Đại hội Đảng từ Đại hội VIII đến nay, Đảng ta đều nhắc lại, cảnh báo về nguy cơ này. Đại hội XII của Đảng vẫn đánh giá *“Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn tồn tại”*², thậm chí có mặt còn diễn biến phức tạp và nghiêm trọng hơn.

Từ một nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ, chưa qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa để phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa tất yếu phải trải qua một thời kỳ quá độ kéo dài, thời kỳ tồn tại và diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa cái cũ và cái mới, giữa những quan hệ của nền sản xuất nhỏ, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa và quan hệ sản xuất

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.53, tr.198.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.74.

xã hội chủ nghĩa, giữa những khả năng phát triển đi lên tư bản chủ nghĩa và phát triển đi lên xã hội chủ nghĩa. Vai trò và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhân tố quyết định cho sự phát triển nhanh, bền vững và định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế đất nước. Tuy nhiên, trong một số năm vừa qua, tình trạng năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu hạn chế, yếu kém trong nhiều tổ chức đảng, sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý của nhiều cơ quan, tổ chức trong bộ máy nhà nước, đã gây ra những hậu quả tiêu cực rất đáng lo ngại. Các nguồn lực của Nhà nước và xã hội phân bổ không hợp lý, sử dụng hiệu quả thấp; tham nhũng, thất thoát, lãng phí rất lớn. Đầu tư nhà nước dàn trải, có những dự án chậm tiến độ, kéo dài nhiều năm, nhiều lần bổ sung tăng vốn, suất đầu tư cao, chất lượng công trình thấp. Doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả, sức cạnh tranh thấp, phạm vi ảnh hưởng và vai trò ngày càng giảm xuống, mất uy tín trong xã hội. Cơ chế, chính sách trên nhiều lĩnh vực thiếu công khai, minh bạch, thiếu ổn định, thủ tục hành chính phiền hà, nhiều chi phí không chính thức và rào cản tiếp cận các nguồn lực (vốn, đất đai, khoa học công nghệ...) gây ra nhiều cản trở đối với sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân trong nước. Sự hình thành các nhóm lợi ích, sự cấu kết của một số cán bộ suy thoái trong các cơ quan lãnh đạo, quản lý với nhau, với lãnh đạo các doanh nghiệp, các ngân hàng để tham nhũng, bòn rút tài sản của Nhà nước, làm giàu bất chính, tạo nên một kiểu tư bản thân hữu mà ngay cả ở các nước tư bản cũng bị lên án,

loại bỏ... Những hạn chế, yếu kém, những hiện tượng tiêu cực như vậy gây nên sự bất bình trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm suy giảm lòng tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước; làm cho những kết quả đạt được không tương xứng với tiềm năng, lợi thế, các nguồn lực đầu tư của đất nước; đất nước phát triển chưa bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường; định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển của nền kinh tế cũng đứng trước thách thức lớn không thể xem thường nếu những hạn chế, yếu kém mà Đảng, Nhà nước ta đã nhiều lần nêu lên nhưng không được khắc phục, loại bỏ.

Như vậy, một mặt cần kiên quyết đấu tranh bác bỏ các quan điểm sai trái, mặt khác phải kiên quyết đấu tranh loại bỏ, khắc phục những hạn chế, yếu kém bên trong tình hình kinh tế - xã hội đất nước, trong công tác xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị nước ta để đất nước phát triển nhanh, bền vững, theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ

PGS.TS. NGUYỄN VIỆT THÔNG*

Trong các văn kiện, Đảng ta đã nhiều lần cảnh báo sự suy thoái về tư tưởng chính trị. Gần đây, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” đã chỉ rõ ba vấn đề cấp bách, trong đó vấn đề cấp bách thứ nhất là suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Đến Đại hội XII, Đảng ta tiếp tục nhận định tình hình suy thoái về tư tưởng chính trị diễn biến phức tạp, nhưng vẫn chưa chỉ rõ biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị là gì. Chính vì thế, việc kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI vẫn chưa chỉ ra được bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị là ai, ở đâu?

Điểm mới của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII là đã chỉ ra được chín biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị. Đó là: (1) Phai nhạt lý tưởng cách mạng; dao động, giảm sút niềm tin vào mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã

* Tổng Thư ký kiêm Ủy viên Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương.

hội; hoài nghi, thiếu tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. (2) Xa rời tôn chỉ, mục đích của Đảng; không kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; phụ họa theo những nhận thức lệch lạc, quan điểm sai trái. (3) Nhận thức sai lệch về ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận và học tập lý luận chính trị; lười học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. (4) Không chấp hành nghiêm các nguyên tắc tổ chức của Đảng; sa sút ý chí phấn đấu, không gương mẫu trong công tác; né tránh trách nhiệm, thiếu trách nhiệm, trung bình chủ nghĩa, làm việc qua loa, đại khái, kém hiệu quả; không còn ý thức hết lòng vì nước, vì dân, không làm tròn chức trách, nhiệm vụ được giao. (5) Trong tự phê bình còn giấu giếm, không dám nhận khuyết điểm; khi có khuyết điểm thì thiếu thành khẩn, không tự giác nhận kỷ luật. Trong phê bình thì nể nang, né tránh, ngại va chạm, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh; lợi dụng phê bình để nịnh bợ, lấy lòng nhau hoặc vu khống, bôi nhọ, chỉ trích, phê phán người khác với động cơ cá nhân không trong sáng. (6) Nói và viết không đúng với quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nói không đi đôi với làm; hứa nhiều làm ít; nói một đằng, làm một nẻo; nói trong hội nghị khác, nói ngoài hội nghị khác; nói và làm không nhất quán giữa khi đương chức với lúc về nghỉ hưu. (7) Duy ý chí, áp đặt, bảo thủ, chỉ làm theo ý mình; không chịu học tập, lắng nghe, tiếp thu ý kiến hợp lý của người khác. (8) Tham vọng chức quyền, không chấp hành sự phân công của tổ chức; kén chọn chức danh, vị trí công tác; chọn nơi có nhiều lợi ích, chọn việc dễ,

bỏ việc khó; không sẵn sàng nhận nhiệm vụ ở nơi xa, nơi có khó khăn. Thậm chí còn tìm mọi cách để vận động, tác động, tranh thủ phiếu bầu, phiếu tín nhiệm cho cá nhân một cách không lành mạnh. (9) Vướng vào “tư duy nhiệm kỳ”, chỉ tập trung giải quyết những vấn đề ngắn hạn trước mắt, có lợi cho mình; tranh thủ bổ nhiệm người thân, người quen, người nhà dù không đủ tiêu chuẩn, điều kiện giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc bố trí, sắp xếp vào vị trí có nhiều lợi ích.

Cùng với việc chỉ ra chín biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII cũng chỉ ra chín biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, chín biểu hiện của “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Trong phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương 4 khóa XII, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ rõ: Cái mới của lần này là Trung ương thẳng thắn chỉ ra một cách có hệ thống những biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Trong đó nguy hiểm nhất là sự phai nhạt lý tưởng cách mạng, không kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, mơ hồ, dao động, thiếu niềm tin, nói trái, làm trái quan điểm, đường lối của Đảng; thậm chí sa sút ý chí chiến đấu, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh, phụ họa theo những nhận thức, quan điểm sai trái, lệch lạc; không còn ý thức hết lòng vì nước, vì dân, không làm tròn bốn phận, chức trách được giao; không thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng; sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi, hám danh, tham nhũng, ham quyền lực; bè phái cục bộ, mất đoàn kết; quan liêu, xa dân, vô cảm trước khó khăn, bức xúc của dân.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII chỉ rõ suy thoái về tư tưởng chính trị trong đạo đức, lối sống dẫn tới “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” chỉ là một bước ngăn, thậm chí rất ngăn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII xác định rõ mục tiêu: Nhận thức sâu sắc về nguy cơ, nhận diện đúng những biểu hiện và đề ra các giải pháp phù hợp để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị; đồng thời chỉ ra ba quan điểm:

Một là, nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật. Kết hợp giữa “xây” và “chống”; “xây” là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài; “chống” là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách.

Hai là, kiên quyết, kiên trì thực hiện với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn; phát huy sự chủ động, sáng tạo và sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của nhân dân, trong đó cán bộ lãnh đạo, quản lý, trước hết là cán bộ cấp cao, cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cấp là nòng cốt; thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” có hiệu quả, nhất là những vụ việc gây bức xúc trong dư luận để củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Ba là, tăng cường sự lãnh đạo và đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy các cấp. Giữ vững

nguyên tắc, kỷ luật, kỷ cương của Đảng; đề cao pháp luật của Nhà nước. Chủ động phòng ngừa, tích cực đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội, bất mãn chính trị.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII xác định 4 nhóm nhiệm vụ, giải pháp với 29 nhiệm vụ, giải pháp cụ thể. Liên quan trực tiếp đến ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị có những giải pháp nổi bật sau:

Một là, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao nhận thức trong toàn Đảng về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng và sự cần thiết của việc học tập, nghiên cứu, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Có kế hoạch học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận bắt buộc hằng năm đối với cán bộ, đảng viên gắn với việc cung cấp thông tin, cập nhật kiến thức mới phù hợp từng đối tượng, từng cấp, từng ngành, từng địa phương. Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị.

Hai là, tích cực đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, nhất là những mô hình mới, kinh nghiệm hay; khuyến khích phát triển tư duy lý luận phù hợp với đường lối đổi mới của Đảng. Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức dạy và học lý luận chính trị gắn với ứng dụng thực tế, tăng cường kiểm tra và quản lý chặt chẽ chất lượng dạy và học. Chủ động nắm bắt diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên để có chủ trương, giải pháp xử lý kịp thời, hiệu quả.

Ba là, tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức để nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Xây dựng quy định tự phê bình và phê bình, khắc phục tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm và bảo vệ người thắng thua, dăm đầu tranh; cấp trên gợi ý kiểm điểm và trực tiếp dự, chỉ đạo ở những nơi có vấn đề phức tạp, nơi có biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Hoàn thiện quy chế đánh giá cán bộ một cách khoa học, phù hợp; quy định lấy phiếu tín nhiệm ở các cấp, các ngành định kỳ hoặc đột xuất.

Bốn là, chủ động chuẩn bị các phương án, biện pháp cụ thể, sát với tình hình; xây dựng lý luận sắc bén để đấu tranh, phản bác có hiệu quả đối với các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động, phản tử cơ hội và bất mãn chính trị chống phá Đảng, Nhà nước và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Năm là, hoàn thiện quy chế về kỷ luật phát ngôn đối với cán bộ, đảng viên; xử lý nghiêm những cá nhân, nhóm người cấu kết với nhau, lợi dụng vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, tôn giáo, dân tộc để tuyên truyền, xuyên tạc và có hành vi nói, viết, lưu trữ, phát tán tài liệu sai trái. Tổ chức diễn đàn trao đổi, đối thoại những vấn đề còn có nhận thức, quan điểm khác nhau liên quan đến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Sáu là, hoàn thiện quy định về tổ chức, bộ máy và công tác bảo vệ chính trị nội bộ; bảo đảm sự trong sạch về chính trị trong nội bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược. Chú trọng nắm tình hình và giải quyết tốt vấn đề chính trị hiện nay;

chủ động phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các đối tượng chống đối, phần tử cơ hội, bất mãn chính trị. Rà soát, hoàn thiện quy định về quản lý cán bộ, đảng viên nghiên cứu, học tập, lao động và công tác ở nước ngoài.

Bảy là, xây dựng quy định xử lý những tập thể, cá nhân suy thoái nghiêm trọng về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có lời nói và việc làm biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nghiêm trọng.

Tám là, các cấp ủy, chính quyền phải nhận thức sâu sắc, quán triệt và thực hiện nghiêm Quyết định số 217-QĐ/TW về quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội và Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12-12-2013 của Bộ Chính trị quy định về việc Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

SỰ CHỐNG PHÁ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH TRÊN LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ

Đại tá, PGS.TS. BÙI ĐÌNH BÔN*

Các thể lực thù địch xác định chính trị, tư tưởng là mặt trận hàng đầu, là khâu đột phá của chiến lược “diễn biến hòa bình” chống phá cách mạng Việt Nam trong tình hình hiện nay.

Mục tiêu chống phá về chính trị của các thể lực thù địch là xóa bỏ ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong các tầng lớp nhân dân; xóa bỏ chủ nghĩa xã hội, phủ định chân lý “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”; phủ định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; xây dựng hệ tư tưởng tư sản, lối sống thực dụng trong các thể hệ người Việt Nam. Về tổ chức, chúng tìm cách xâm nhập vào tổ chức đảng và Nhà nước để chuyển hóa từ bên trong. Tạo dựng được những tên tay sai làm “ngọn cò” quy tụ, tập hợp những phần tử chống chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam vào các hoạt động phá hoại hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay, khi có điều kiện, thời cơ sẽ lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam bằng cuộc cách mạng “nhung lụa” hoặc bạo loạn lật đổ. Đó

* Hội đồng Lý luận Trung ương.

chính là cái đích nhằm đạt tới của hoạt động “diễn biến hòa bình” đối với Việt Nam của các thế lực thù địch.

Các thế lực thù địch công khai xác định: *“Đấu tranh ý thức hệ là một cuộc chiến tranh quốc tế”*. Trong những năm vừa qua, cuộc đấu tranh trên lĩnh vực này ngày càng mở rộng về quy mô, phát triển về hình thức, tính chất phức tạp, quyết liệt ngày càng tăng, làm cho cuộc đấu tranh trên lĩnh vực ý thức hệ diễn ra xuyên suốt, len lỏi vào mọi ngõ ngách của đời sống xã hội. Các thế lực thù địch đánh giá: *“Đảng Cộng sản Việt Nam đang khủng hoảng về lý luận, không thống nhất đường lối, chính sách”* (!). Chúng kết hợp cả trong và ngoài nước thúc đẩy thực hiện những “chiến dịch” tiến công chống phá về lý luận, đường lối, quan điểm, tư tưởng. Trong đó, then chốt là tiến công quyết liệt vào đường lối, cương lĩnh, điều lệ của Đảng ta, nhằm loại bỏ nền tảng tư tưởng của Đảng, đưa quan điểm tư tưởng trái chiều, phản động vào trong Đảng, trong xã hội. Thực hiện âm mưu làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta mất phương hướng, khủng hoảng niềm tin, lý tưởng, dẫn đến dao động, chuyển hóa theo chúng.

Để đạt được các mục tiêu trên đây, các thế lực thù địch đã, đang và sẽ tập trung vào những vấn đề cơ bản dưới đây:

1. Phủ định chủ nghĩa Mác - Lênin - nền tảng tư tưởng của Đảng; xuyên tạc, phủ định tư tưởng Hồ Chí Minh; phủ định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, những thành tựu của cách mạng và chủ nghĩa xã hội ở nước ta

a) Phủ định nền tảng tư tưởng của Đảng và Nhà nước ta

Xóa bỏ ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng

Hồ Chí Minh là mục tiêu hàng đầu của các thế lực thù địch nhằm làm mất phương hướng, giảm sút ý chí chiến đấu, xa rời mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Chúng nhận thức rất rõ rằng, sở dĩ cách mạng Việt Nam vẫn đứng vững và tiếp tục phát triển đi lên bất chấp mọi khó khăn, thử thách khắc nghiệt do chính chúng gây ra là do chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã có ảnh hưởng sâu sắc trong nhiều thế hệ người Việt Nam. Một trong những nguyên nhân làm cho hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ nhanh chóng là do kẻ thù của chủ nghĩa xã hội đã thành công trong việc gạt bỏ ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin trong các thế hệ sau này. Chính ban lãnh đạo Đảng Cộng sản và Nhà nước Liên Xô (trước đây) đã từ bỏ những nguyên lý có tính nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Các thế lực thù địch tập trung mọi cố gắng để chứng minh cho *“Tính lỗi thời của học thuyết Mác - Lênin”* (!). Chúng cho rằng: *“Hầu hết các nước ngày nay đều bác bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, chỉ còn một vài nước “ngoan cố” như Trung Quốc, Việt Nam là tôn thờ”* (!). Gần đây, chúng tung ra luận điệu: *“Việt Nam đang bế tắc không chỉ về kinh tế mà còn về tinh thần. Không ai còn tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, ngay cả Bộ Chính trị”* (!). Bằng thực tế sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, chúng khẳng định: *“Mô hình đổ, nghĩa là học thuyết đổ. Thực chất chủ nghĩa Mác là một học thuyết hư vô, là sự biện hộ cho một khoa học tàn phá xã hội”* (!). Chúng còn lớn tiếng tuyên bố: *“Cách mạng Tháng Mười Nga là sự đẻ non, là sai lầm của lịch sử; chủ nghĩa xã*

hội hiện thực là quái thai, là sự phát triển ngoài nền văn minh nhân loại”(!)... Chúng tuyên truyền vu cáo Đảng ta “đem tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin áp dụng vào Việt Nam là một sự gán ghép gượng gạo dẫn đến sai lầm”(!). Chúng phủ định con đường cách mạng của Đảng và nhân dân ta từ năm 1930 đến nay, cho rằng, công cuộc đổi mới của Việt Nam là trở lại con đường tư bản chủ nghĩa (!). Chúng phủ nhận khả năng quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, vì theo chúng, “Việt Nam mất một điều kiện tiên quyết là sự giúp đỡ quốc tế xã hội chủ nghĩa”(!). Những luận điệu đó đã tác động tiêu cực đến nhận thức chính trị, tư tưởng, tình cảm và lòng tin của một bộ phận không nhỏ trong các tầng lớp nhân dân, gieo rắc sự hoang mang, dao động, giảm lòng tin và gây ra sự hoài nghi về chủ nghĩa xã hội và cuộc cách mạng mà chúng ta đang thực hiện; đã mở đường cho những ý tưởng nghi ngờ, bi quan về chủ nghĩa xã hội của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân.

b) Phủ định những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

Chúng tập trung phủ định nguyên lý về hình thái kinh tế - xã hội, về học thuyết giá trị thặng dư, về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; nguyên lý về vấn đề đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản, tập trung dân chủ và phủ định toàn bộ học thuyết này. Chúng tìm các lý lẽ để đổ lỗi cho mọi sai lầm của chủ nghĩa xã hội là do thực hiện chuyên chính vô sản. Mọi sai lầm của chủ nghĩa xã hội và cách mạng Việt Nam là do Đảng Cộng sản Việt Nam gây ra (!). Xã hội Việt Nam chỉ có thể phát triển nếu như Việt Nam cùng thực hiện việc lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa như ở Đông Âu và Liên Xô (!). Để

làm việc này, trước hết, Đảng Cộng sản Việt Nam phải từ bỏ các nguyên tắc chuyên chính vô sản và nguyên tắc tập trung dân chủ (!).

Về lực lượng tiến công trên mặt trận chính trị, tư tưởng, chúng tranh thủ kích động và sử dụng bọn xét lại chống Đảng, bọn cơ hội chính trị trong nội bộ Đảng ta là chủ yếu. Trong đó, chúng chú trọng tranh thủ kích động, lôi kéo số cán bộ lão thành hủ trí; đặc biệt chú trọng tranh thủ, lôi kéo một số ít cán bộ đã bị mất phương hướng, cơ hội chính trị, kém bản lĩnh, kết hợp với bọn phản động ở trong và ngoài nước.

Đáng chú ý là trong những năm gần đây, chúng sử dụng nhiều đối tượng tham gia, cả ngoài nước và trong nước; trên nhiều địa bàn (Bắc, Trung, Nam; trọng điểm là ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh). Đặc biệt, chúng đã móc nối, sử dụng lực lượng cơ hội chính trị trong Đảng, trong đó có cán bộ lão thành, có cả cán bộ đương chức, có tướng lĩnh đã nghỉ hưu và thành phần chống đối trong trí thức, văn nghệ sĩ để viết và phát tán tư liệu với luận điệu tự cho mình là cách mạng chân chính, đưa ra quan điểm lừa mị, kích động, rằng: *“Đội ngũ lãnh đạo hiện nay ở Việt Nam đang đưa đất nước đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, do đó, cựu chiến binh và những cán bộ lão thành “trung kiên” phải đấu tranh để ngăn ngừa sự xuất hiện “Gorbachev” ở Việt Nam”* (!), qua đó nhằm tập hợp lực lượng chống lại bộ máy lãnh đạo hiện nay của Đảng và Nhà nước ta.

Về hình thức, chúng tăng cường các hoạt động hợp pháp, kết hợp nửa hợp pháp và bất hợp pháp. Nguy hiểm nhất là chúng dùng hình thức hợp pháp như: thông qua góp ý kiến xây dựng

Đảng, xây dựng các văn kiện, nghị quyết, Hiến pháp, luật lệ, hội thảo khoa học, gửi thư cho Trung ương và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước và yêu cầu lãnh đạo ta phải trả lời nhằm gián tiếp đối thoại với lãnh đạo cấp cao, vừa nhằm gây chia rẽ, phân hóa nội bộ, vừa gây mất phương hướng, chuyển hóa từ trong Đảng để biên soạn thành tài liệu phát tán rộng rãi ở trong và ngoài nước, công khai hóa quan điểm chống đối.

Về đặc điểm hoạt động, chúng lấy hoạt động “ngâm”, “sâu”, chuyển hóa từ bên trong là chính, kết hợp với những hoạt động gây biến động, bạo loạn chính trị, tăng cường hoạt động “công khai hóa”. Lợi dụng vấn đề “dân chủ hóa”, khai thác những sơ hở, thiếu sót của ta để đấu tranh trực diện, theo hướng “công khai hóa”, “hợp pháp hóa” những hoạt động chống đối. Phối hợp, liên kết giữa trong và ngoài nước mang tính chất “quốc tế hóa”. Chúng xác định “lấy hải ngoại làm hậu phương, quốc nội là tiền tuyến. Giữ vững chiến tuyến chống Cộng hải ngoại và ra sức tiến công mãnh liệt vào Việt cộng tại quốc nội” (!).

Về nội dung, chúng tập trung vào luận điểm dân chủ tư sản, “chủ nghĩa xã hội dân chủ” dưới những hình thức, màu sắc khác nhau, núp dưới chiêu bài đổi mới, phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng và phát triển triết học phương Đông...

c) Xuyên tạc, phủ định tư tưởng Hồ Chí Minh

Nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh là sự thống nhất biện chứng giữa giải phóng dân tộc với giải phóng giai

cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Song, chúng cố tình xuyên tạc tư tưởng của Người, cho rằng, tư tưởng cốt lõi của Hồ Chí Minh là tư tưởng dân tộc để qua đó chúng xuyên tạc, biến tư tưởng tư tưởng của Người thành tư tưởng dân tộc chủ nghĩa, tư tưởng dân tộc tư sản. Thực chất là tư tưởng phản động, phản bội của chúng, nhưng nhân danh Bác. Chúng còn cho rằng: *“Hồ Chí Minh chỉ là người tiếp thu mù quáng chủ nghĩa Mác - Lênin chứ không hề có tư tưởng cao siêu. Đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam là một sai lầm. Tư tưởng “không có gì quý hơn độc lập, tự do” là phi nhân tính”(!).*

Các thế lực chống đối, thù địch ở bên ngoài đã viết nhiều tài liệu và chỉ đạo, hỗ trợ cho bọn cơ hội chính trị, xét lại viết tài liệu dưới dạng lợi dụng vấn đề dân tộc để xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng đã viết và phát tán những tài liệu với chủ đề *“Tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ là tư tưởng dân tộc, không có ảnh hưởng của tư tưởng Mác - Lênin”(!)* và *“con đường Bác Hồ đã chọn là con đường dân tộc, không phải chủ nghĩa xã hội”(!)*, *“Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là không đi theo con đường mà Bác Hồ đã chọn”(!).*

Mặt khác, chúng chỉ đạo viết những tài liệu xuyên tạc trắng trợn nhằm thực hiện ý đồ *“hạ thần tượng Hồ Chí Minh”(!)*. Gần đây, chúng viết nhiều tài liệu với đầu đề dưới dạng văn học nhằm dựng chuyện, vu cáo bĩ ối, bôi nhọ Bác, kể cả về đời tư và sự nghiệp lãnh đạo cách mạng. Chúng cho rằng, khi đã lợi dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh để chuyển hóa quan điểm lý luận thì sẽ xóa luôn cả vai trò, vị trí lịch sử

của Bác, để dựng ngọn cờ mới dưới các chiêu bài chủ nghĩa xã hội dân chủ, chủ nghĩa xã hội nhân văn, chủ nghĩa xã hội nhân bản, thực chất là xóa bỏ chủ nghĩa xã hội khoa học và học thuyết Mác - Lênin.

d) Phủ nhận con đường đi lên của cách mạng nước ta là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Chúng hết lời ca ngợi Gorbachev, công khai đi theo con đường tư bản chủ nghĩa: *“Không nên cứ tôn thờ chủ nghĩa xã hội một cách lý thuyết suông mà không hòa nhập vào thời đại, đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Tự giác thì sẽ đến đích nhanh hơn, không tự giác thì tất yếu cũng phải đi theo con đường đó, nhưng đến đích chậm chạp hơn, đau đớn hơn”(!)*. Các thế lực thù địch ra sức tuyên truyền cho mô hình “xã hội dân chủ” và tư tưởng dân chủ tư sản; thực hiện âm mưu xóa bỏ chuyên chính vô sản, xóa bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ, phủ nhận đấu tranh giai cấp, gây mơ hồ về địch, ta; đề cao chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa cá nhân tư sản. Đưa ra quan điểm về con đường “dân tộc” đi lên xây dựng xã hội văn minh do trí thức, sinh viên, thanh niên làm nòng cốt nhằm tác động vào giới trẻ để khuyến khích họ đấu tranh cho “tự do”, “dân chủ”, “nhân quyền” và đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, tác động vào xã hội với những khuynh hướng mơ hồ, lệch lạc để lừa bịp quần chúng nhân dân.

2. Phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đây là một trong những nội dung chính của hoạt động “diễn biến hòa bình”, của hoạt động tuyên truyền phá hoại

của các thế lực thù địch những năm qua. Các thế lực thù địch tung ra nhiều luận điệu tuyên truyền nhằm kích động quần chúng loại bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, như phê phán Đảng ta không chịu đổi mới về chính trị, *“không chịu thực hiện đa nguyên chính trị, giữ độc quyền lãnh đạo, hạn chế dân chủ”*(!). Chúng cho rằng: *“Độc tài, Đảng trị là cái gốc sai chính của nhà cầm quyền Việt Nam hiện đại”*(!) và *“Đảng chỉ nên giữ vai trò lãnh đạo chính trị, không nên và không thể lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối”*(!). Chúng thống kê, tổng hợp lại toàn bộ những sai lầm, thiếu sót cả về đường lối lẫn chỉ đạo thực tiễn của Đảng ta trong quá khứ, đặc biệt là ở lĩnh vực kinh tế và quản lý xã hội để chứng minh cho sự *“chấm dứt vai trò lịch sử của Đảng”*(!), gạt Đảng Cộng sản Việt Nam ra khỏi tiến trình phát triển của dân tộc. Chúng khai thác, lợi dụng những thiếu sót, khuyết điểm trong chỉ đạo và thực hiện đường lối, chính sách của những cán bộ, đảng viên tham nhũng, tha hóa, tạo ra sự phân hóa sâu sắc trong Đảng, làm suy yếu sức mạnh đoàn kết trong Đảng và giữa Đảng với quần chúng nhân dân. Theo quan điểm của các thế lực thù địch, muốn chiến thắng đối phương phải phá vỡ sự gắn bó trong tổ chức Đảng Cộng sản và giữa Đảng với nhân dân. Chúng khuyến khích cải tổ, cải cách, đổi mới triệt để, thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập để làm suy yếu, đi đến phủ định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Gần đây, chúng tung ra một số luận điệu vu khống, bôi nhọ các đồng chí lãnh đạo cấp cao ở các thời kỳ nhằm đề cao người này, hạ thấp người kia để chia rẽ nội bộ, làm mất lòng tin của

đảng viên, cán bộ và nhân dân. Chúng phủ định đường lối, chính sách của Đảng ta, với luận điệu *“kinh tế thị trường sẽ từng bước làm thay đổi bản chất chế độ xã hội chủ nghĩa còn non trẻ, ốm yếu ở Việt Nam... sẽ tới một ngày Chính phủ Việt Nam chỉ còn là Cộng sản trên danh nghĩa” (!)*.

3. Đẩy mạnh hoạt động chống phá về tổ chức nhân sự, tập trung vào lãnh đạo cấp cao chủ chốt; thực hiện chiến lược “đổi màu”, khoét sâu nội bộ; xây dựng lực lượng ngầm và tổ chức đảng phái chính trị chống đối

Cùng với việc đẩy mạnh hoạt động tấn công vào đường lối, quan điểm của Đảng ta, các thế lực thù địch chống phá ta quyết liệt về tổ chức nhân sự. Chúng đẩy mạnh hoạt động chia rẽ nội bộ Đảng, Nhà nước ta; ra sức kích động gây mất đoàn kết (chia rẽ Bắc - Nam, già - trẻ, cũ - mới, ngành nghề, quân sự - dân sự, kinh tế - chính trị...). Qua đó, thực hiện âm mưu phân hóa, làm suy yếu Đảng và Nhà nước ta; tích cực cài cắm, xây dựng lực lượng trong nội bộ ta với ý đồ chui sâu, leo cao; thậm chí, chúng đã đề ra chủ trương xây dựng “Gorbachev” trong lãnh đạo cấp cao của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong quá trình tiến hành chống phá ta về tổ chức nhân sự, chúng chủ trương vừa đẩy mạnh hoạt động chống phá nội bộ ta, vừa tích cực xây dựng lực lượng ngầm và tổ chức đảng phái chính trị chống đối, thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, nhằm chuyển hóa, xóa bỏ Đảng Cộng sản Việt Nam.

Các thế lực thù địch đánh giá: *“Đảng Cộng sản Việt Nam đang trong giai đoạn hẫng hụt về lãnh đạo, nội bộ mất đoàn kết, bị*

phân hóa. Cán bộ, đảng viên suy thoái về đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật kém, các chủ trương của Trung ương đã bị các địa phương triển khai sai lệch, dẫn đến gây rối loạn chính trị, trật tự xã hội”(!). Chúng ráo riết tuyên truyền: “Đảng Cộng sản Việt Nam đang khủng hoảng lãnh tụ”(!), không ai nói được ai. Chúng chủ trương vừa thúc đẩy các hoạt động chống phá ta về tổ chức, nhân sự, rồi tăng cường móc nối, xâm nhập vào nội bộ Đảng với ý đồ “gài bẫy” khống chế, chuyển hóa chế độ từ bên trong, bên trên; làm cho Đảng Cộng sản Việt Nam “bị đổi màu, biến chất, mất vai trò lãnh đạo”(!).

Các thế lực thù địch chủ trương triển khai đồng bộ để chuyển hóa, “đánh gục” số cán bộ đương chức, cán bộ lão thành trung kiên và lớp cán bộ nguồn kế cận của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trước hết, chúng tập trung vào những đồng chí lãnh đạo chủ chốt, trung kiên ở cấp cao, chúng gọi là đột phá vào những “boong ke” để làm mất chỗ dựa cho thế hệ lãnh đạo kế tiếp. Đồng thời, chúng tích cực xây dựng lực lượng ngầm, xây dựng ngọn cò và các tổ chức đảng phái chính trị đối lập. Chủ trương của chúng là “phải tìm cho được những con bài, ngọn cò để tập hợp lực lượng áp đảo trong các kỳ đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngọn cò phải tìm ngay trong hàng ngũ lãnh đạo, những người có tư tưởng ảnh hưởng phương Tây”(!).

Việc chọn “ngọn cò” cũng có nhiều loại, như: “ngọn cò thí điểm”, “ngọn cò quá độ”, “ngọn cò chính thức”. “Ngọn cò thí điểm” được xuất hiện trước để công khai nêu yêu sách, vừa nhằm thu hút dư luận trong và ngoài nước, gây áp lực, vừa để thăm dò phản ứng của lãnh đạo Đảng và Nhà nước

ta. “Ngọn cờ chính thức” được ẩn náu kín để xuất hiện “vào phút chót”. Đồng thời với quá trình này, chúng vận động, hỗ trợ để lập những tổ chức trá hình. Loại tổ chức trá hình này khá phức tạp, ta khó phân biệt được đâu là loại do chúng chủ mưu lập ra, đâu là loại xuất phát từ nhu cầu thiết thực của quần chúng, đâu là loại vốn là tổ chức tốt nhưng đã bị chúng cài cắm lợi dụng. Hiện nay, ở Thành phố Hồ Chí Minh có hàng nghìn hội, đoàn, câu lạc bộ mà ta chưa phân loại, kết luận được rõ ràng. Gần đây, một trung tâm tình báo của nước ngoài đã đệ trình 4 “phương án” lên Hội đồng An ninh quốc gia nước đó về việc hỗ trợ cho lực lượng ở quốc nội ra đời một chính đảng đối lập với Đảng Cộng sản Việt Nam. Họ cho rằng, phương án tốt nhất hiện nay là sử dụng bốn cơ hội chính trị, xét lại cũ và mới để hình thành tổ chức chính trị đối lập. Họ còn chủ trương *“sẽ tiếp tục xây dựng một lực lượng chính trị trung dung tại Việt Nam, kết hợp với việc xây dựng đội ngũ thực sự đã được đào tạo của trung tâm tình báo nước ngoài”* (!) và chúng xác định *“đây mới chính là lực lượng bảo đảm cho việc lật đổ chế độ chính trị ở Việt Nam”* (!).

Nhiều năm nay, chúng nỗ lực xây dựng, nhen nhóm tổ chức chính trị chống đối trong nội địa, nội bộ ta như tái lập cái gọi là “Đảng Dân chủ”, lập ra những cái gọi là “Đảng Dân chủ xã hội”, “Liên minh dân chủ cấp tiến” ở phía Nam, “Mặt trận dân chủ cấp tiến” ở phía Bắc, “Đảng Dân chủ tự do Thiên Chúa giáo”, “Đảng Dân chủ tự do Phật giáo”... nhưng đã bị ta phát hiện và kịp thời ngăn chặn có hiệu quả.

Chúng đã và sẽ tiếp tục củng cố, phát triển, sử dụng bốn

loại lực lượng: (1) Tình báo gián điệp làm tham mưu, nòng cốt, xung kích tổ chức hoạt động; (2) Lực lượng phản động trong các tôn giáo, dân tộc; (3) Lực lượng nguy quân, nguy quyền cũ làm lực lượng hoạt động phá hoại trực tiếp; (4) Nguy hiểm nhất là lực lượng do trung tâm tình báo nước ngoài cấu kết với tình báo nước ngoài khác, sử dụng bọn “*hậu chiến*”, xét lại, cơ hội chính trị, thoái hóa biến chất trong nội bộ ta, dựng ngọn cờ “*dân chủ cấp tiến*”, tổ chức đảng phái đối lập, “*hình thành một tập hợp lực lượng dân chủ có đủ sức mạnh đối trọng với Đảng Cộng sản Việt Nam*”(!).

4. Các thế lực thù địch đã và đang tiếp tục đẩy mạnh đòn “lật án”, xuyên tạc lịch sử

Chúng xác định đây là một đòn rất lợi hại. Theo chúng, N.S.Khrushov không lật án được Stalin nên đã thất bại; nhưng Gorbachev đã làm được việc này. Chúng tuyên truyền rằng, nguyên nhân làm cho Liên Xô tan rã là do tội của Stalin đã làm sụp đổ Đảng Cộng sản Liên Xô và Nhà nước xôviết. Trong đó, chúng dùng thủ đoạn rất thâm độc là lợi dụng Lênin để phủ định Stalin. Sau khi “hạ bệ” được Stalin, chúng tập trung bác bỏ Lênin.

Ở Việt Nam, chúng chỉ đạo ráo riết đánh đòn “lật án” từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX. Trong nước đã xuất hiện những tài liệu phục vụ cho “lật án”; kèm theo đó là cuộc vận động ngầm trong số cơ hội chính trị, xét lại cũ và mới, tuy đã gây được sự hoài nghi trong một bộ phận quần chúng, cán bộ, đảng viên, nhưng về cơ bản, chúng vẫn chưa thực hiện được ý

đồ. Hiện nay, các thế lực thù địch đang chỉ đạo phối hợp trong và ngoài nước để tiếp tục đẩy mạnh thực hiện ý đồ “lật án”. Chúng đang viết và phát tán nhiều tài liệu bôi nhọ sự lãnh đạo của Đảng ta trong quá khứ.

Gần đây, chúng đã dịch ra tiếng Việt, chuyển vào Việt Nam và phát rộng rãi trên mạng internet tài liệu gọi là “*Báo cáo mật của Khrushov về Stalin*”. Đây là ý đồ chuẩn bị về mặt lý luận cho bọn chống đối ở trong nước. Tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng đã chỉ đạo tiến hành một đợt viết tài liệu mới và vận động ngầm cho ý đồ “lật án”. Theo chúng, sẽ có những tài liệu loại này gửi lên Tổng Bí thư và Bộ Chính trị. Chúng chỉ đạo trước hết vẫn phải tập trung vào Việt kiều, từ vận động để “sửa sai” cho vụ “*nhóm xét lại chống Đảng*”(!), với luận điệu tuyên truyền “*đây là lỗi lầm nặng nhất mà Đảng mắc phải*”(!). Chúng xác định rằng, đây là khâu then chốt nhất trong đòn “lật án”, đánh vào chỗ này sẽ nảy sinh ra nhiều vụ khác, từ đó mà mở rộng đấu tranh, dựng “ngọn cờ”(!).

Trắng trợn vu cáo, xuyên tạc lịch sử, chúng cho rằng: “*Dù không có Đảng Cộng sản, nhiều thuộc địa vẫn giành được độc lập mà ít tổn xương máu. Sự hao tổn xương máu là do Đảng Cộng sản Việt Nam gây ra*”(!). Chúng lớn tiếng đòi “lật án” vụ “*cải cách ruộng đất*”, vụ “*nhân văn giai phẩm*”, vụ “*nhóm xét lại chống Đảng*” và cái gọi là vụ “*đâu độc bốn vị tướng*”... Gần đây, xuất hiện tài liệu “*Việt Nam và thế giới trong thế kỷ XX*” đã xuyên tạc vụ án “*Nhóm chống Đảng*” là “*một điểm đen, một vết thương dai dẳng trong lịch sử và cơ thể chúng ta*”(!). Vụ “*“Nhóm chống Đảng” không có thật - mà là một sự dàn dựng, chủ đích là*

thâu tóm quyền lực, đánh vào những ai có thể ngăn trở mưu đồ giành quyền”.

Sau khi chiến tranh Irắc kết thúc, bọn cơ hội chính trị và chống đối trong nước tuyên truyền rằng: *“Phải dựa vào Mỹ về đường lối chính trị”* và *“Việt Nam cần phải tỉnh ra”* (!). Chúng cho rằng, *“Mỹ tấn công Irắc sẽ có nhiều biến động chính trị. Và, cục diện thế giới sẽ ảnh hưởng đến xu thế phát triển tại khu vực và Việt Nam. Mỹ thắng ở Irắc sẽ tạo ra thuận lợi để lực lượng cấp tiến phát triển, sự phối hợp trong, ngoài sẽ mạnh hơn. Mỹ sẽ đứng về phía những người “bị đàn áp nhân quyền”, mặt trận chính trị sẽ nóng bỏng hơn. Mỹ sẽ gây sức ép đòi “dân chủ hóa” chế độ, kết hợp với các hoạt động chống đối, tất yếu sẽ làm thay đổi cục diện ở Việt Nam. Việc nhượng bộ những đòi hỏi dân chủ hoặc phân chia quyền lãnh đạo cho các thành phần khác sẽ mở đầu cho sự trở lại của chế độ tư bản”* (!).

5. Dùng vấn đề “tự do”, “dân chủ tư sản”, “đa nguyên chính trị” gây sức ép, đòi Nhà nước Việt Nam thay đổi bản chất chế độ

Từ sau khi Liên Xô sụp đổ đến nay, các thế lực thù địch trong và ngoài nước đẩy lên một cao trào tuyên truyền cho *“tự do”, “dân chủ tư sản”, “chủ nghĩa đa nguyên”*. Đẩy mạnh hoạt động này, chúng nhằm hai mục đích: *Thứ nhất*, gây sức ép để Nhà nước ta chấp nhận và hợp pháp hóa sự có mặt trên chính trường những tư tưởng tư sản và những lực lượng chính trị đối lập chống chủ nghĩa xã hội. Đây là cái bẫy rất hiểm độc mà chúng đã từng sử dụng ở một số nước Đông Âu

và Liên Xô. Nếu chúng ta không sáng suốt, tinh táo thì khó lường hết những hậu quả sẽ xảy ra đối với chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, đối với Đảng và Nhân dân ta. *Thứ hai*, nếu như về mặt công khai, mục tiêu này không đạt được, thì “việc tuyên truyền dân chủ, tự do tư sản, tuyên truyền cho đa nguyên, đa đảng sẽ kích động, khuyến khích được những người bất mãn, cá nhân chủ nghĩa, non kém về chính trị nổi lên chống chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”(!).

Như vậy, khi sử dụng nội dung trên đây vào các hoạt động phá hoại nội bộ Nhà nước ta, chúng đã “cấy” vào xã hội ta nền tảng tư tưởng chống chủ nghĩa xã hội, tạo thế cho các lực lượng phi xã hội chủ nghĩa phát triển và có chỗ đứng ở Việt Nam. Đến một lúc nào đó, khi có thêm “chất xúc tác” vào, các lực lượng này sẽ là những nhân tố tạo ra “ngòi nổ” làm sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trên đây là những nội dung chủ yếu mà các thế lực thù địch tiến hành tuyên truyền phá hoại chúng ta trên lĩnh vực chính trị trong quá trình thực hiện “diễn biến hòa bình”. Bản chất của hoạt động tuyên truyền các nội dung trên đây là chống Cộng sản, chống chủ nghĩa xã hội, làm tan rã, làm triệt tiêu những giá trị tư tưởng của chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, nó là những yếu tố kích thích sự phát triển các nhân tố phi xã hội chủ nghĩa trong lòng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tất cả những việc làm và sự tấn công của các thế lực thù địch trong và ngoài nước trên mặt trận chính trị, tư tưởng trong thời gian qua đã gây tác động tiêu cực không nhỏ đến tình hình tư tưởng, chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta ở tất

cả các đối tượng, với những mức độ khác nhau. Vì vậy, chúng ta cần tỉnh táo nhận diện, nâng cao tinh thần cảnh giác, sức đề kháng để tăng cường đấu tranh phản bác các luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc của các thế lực thù địch một cách có hiệu quả.

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA CUỘC ĐẤU TRANH PHÊ PHÁN CÁC LUẬN ĐIỀU XUYÊN TẠC VỀ THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

PGS.TS. NGÔ VĂN THẠO*

Trong quá trình đổi mới, cải tổ, cải cách của các nước xã hội chủ nghĩa bắt đầu từ cuối những năm 1970, đầu những năm 1980, dù mỗi nước có hoàn cảnh khác nhau, kết quả khác nhau, nhưng có điểm chung là đều tiến hành chuyển đổi cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung đã hình thành trước đây sang kinh tế thị trường¹. Điều đó nói lên tính quy luật chung của các quá trình kinh tế đang diễn ra ở các nước này. Trong các nước đã chuyển đổi cơ chế kinh tế, đã có Liên Xô (cũ), 6 nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Mông Cổ

* Cộng tác viên khoa học chuyên trách, Hội đồng Lý luận Trung ương.

1. Cho đến nay, Cuba và Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên về hình thức vẫn duy trì cơ chế kế hoạch hóa tập trung. Nhưng để giải quyết các khó khăn trong phát triển kinh tế, hai nước này đã và đang áp dụng một số biện pháp của cơ chế kinh tế thị trường.

có sự chuyển đổi cơ chế kinh tế gắn liền với sự thay đổi chế độ chính trị, thể chế chính trị xã hội chủ nghĩa trước đây bị sụp đổ. Đó là cơ sở để xuất hiện những luận điệu tuyên truyền cho rằng chuyển đổi cơ chế kinh tế, xây dựng kinh tế thị trường là phải đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Điều đó còn được khẳng định bằng một quan niệm đã trở thành “khuôn mẫu” trong tư duy của nhiều năm trước đây là kinh tế thị trường mang bản chất tư bản chủ nghĩa, còn đặc trưng cơ bản của nền kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa là kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Với thực tế đó, việc phủ nhận sự tồn tại của cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, phê phán đường lối, quan điểm của Đảng về xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để có cơ sở tồn tại. Để phê phán các quan niệm nêu trên, cần làm rõ một số cơ sở lý luận và thực tiễn để khẳng định thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

1. Cần khẳng định cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung không phải được sinh ra ngay từ khi ra đời Liên Xô - nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Đứng trước khó khăn, thử thách của những năm nội chiến khốc liệt (1918-1920), chính quyền xôviết đã phải áp dụng chính sách cộng sản thời chiến, thực hiện hình thức quản lý “cấp phát và giao nộp”, nhưng ngay sau khi nội chiến kết thúc, V.I.Lênin đã đề ra chính sách kinh tế mới (NEP), khôi phục nền kinh tế nhiều thành phần và các quan hệ kinh tế hàng hóa trong xã hội. Chính sách kinh tế mới đã được thực hiện ở Liên Xô ít nhất là đến cuối những năm 20 của thế kỷ XX, khi Liên Xô bắt đầu

đẩy mạnh công nghiệp hóa đất nước. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, Liên Xô áp dụng cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung do yêu cầu tập trung các nguồn vốn, nhân lực cho quá trình công nghiệp hóa nhanh, cấp bách, hoàn toàn tự lực cánh sinh trước nguy cơ bùng nổ chiến tranh thế giới. Tư tưởng coi cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung là đặc trưng của chủ nghĩa xã hội càng được khẳng định khi hiệu quả thực sự của nó là đã giúp Liên Xô hoàn thành quá trình công nghiệp hóa, xây dựng được nền công nghiệp đại cơ khí sau hơn chục năm, đủ sức đứng vững và chiến thắng trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Cơ chế kinh tế đó cũng giúp Liên Xô chỉ cần hơn 5 năm sau chiến tranh khôi phục nền kinh tế bị tàn phá trên 70% ngành công nghiệp. Từ những năm 1950, dưới ảnh hưởng của Chiến tranh lạnh, tất cả các nước xã hội chủ nghĩa đều áp dụng cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Một thực tế là, trong giai đoạn đầu, nền kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa đều phát triển rất nhanh, chủ yếu theo chiều rộng, tạo nên một sự thừa nhận tự nhiên về ưu thế của cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung trong các nước xã hội chủ nghĩa.

Vào khoảng năm 70 của thế kỷ XX, với việc xuất hiện cuộc cách mạng công nghệ, cơ chế kế hoạch hóa tập trung đã bộc lộ những khiếm khuyết của nó, đặc biệt là sự “không khuyến khích” cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động do không gắn với lợi ích trực tiếp của người sản xuất. Đó là lý do của xu hướng chuyển đổi từ cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường những năm 1980 trong đa số các nước xã hội chủ nghĩa. Một thực tế khác, trong số 11 nước xã

hội chủ nghĩa đã tiến hành chuyển đổi cơ chế kinh tế, có hai nước là Việt Nam và Trung Quốc đã chuyển đổi thành công cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường (định hướng xã hội chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa). Sự vận hành của nền kinh tế hai nước này không vì sự khác biệt về chế độ chính trị mà thiếu hiệu quả và không suôn sẻ. Đó là một thực tế lịch sử chứng tỏ sự chuyển đổi cơ chế kinh tế trong các nước xã hội chủ nghĩa là một yêu cầu khách quan của sự phát triển, không phụ thuộc vào con đường phát triển đi lên chủ nghĩa tư bản.

Như vậy, cơ chế kinh tế thị trường không phải là sản phẩm riêng có của chủ nghĩa tư bản và kinh tế kế hoạch hóa tập trung cũng không phải là đặc trưng vốn có của chủ nghĩa xã hội. Vận dụng các quy luật kinh tế thị trường để phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích của đại đa số nhân dân là yêu cầu của chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay. Bằng chứng về tốc độ tăng trưởng cao, liên tục nhiều năm của kinh tế Việt Nam và Trung Quốc đã nói lên điều đó.

2. Một số luận điểm khác phê phán con đường đổi mới cơ chế kinh tế diễn ra “chậm chạp” của Việt Nam, coi đó là sự chần chừ, mất thời cơ, do những người lãnh đạo cố bám lấy đặc quyền, đặc lợi để duy trì quá lâu cơ chế kinh tế cũ. Họ đem so sánh với “liệu pháp sốc” chuyển sang cơ chế thị trường ở nước Nga của B.N.Yeltsin hay ở các nước thuộc Liên Xô cũ và Đông Âu. Cần phê phán và làm rõ thực tế này.

Trong sự tồn tại của mình, kinh tế kế hoạch hóa tập trung và kinh tế thị trường có những thể chế riêng để điều tiết nền

kinh tế. Sự chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường tất yếu là phải thay thế những quy định, chính sách, pháp luật đã được xây dựng và vận hành mấy chục năm của cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung bằng các quy định mới của Nhà nước điều tiết nền kinh tế thị trường. Đó thực sự là một quá trình không đơn giản, không chỉ cần thời gian bàn thảo để ban hành các văn bản, tổ chức bộ máy để quản lý thực hiện mà còn làm cho tất cả các doanh nghiệp, người dân làm quen với cơ chế kinh tế mới. Để cho hàng triệu con người, đặc biệt là nông dân đã bao nhiêu năm sống trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung có thể sống và sản xuất kinh doanh trong cơ chế kinh tế mới không thể làm trong ngày một ngày hai được. Sự đảo lộn nhanh chóng của cơ chế kinh tế sẽ tạo nên sự đảo lộn về xã hội, mang lại hậu quả đốn đau cho hàng triệu con người và song song với thảm họa đó là sự giàu lên nhanh chóng của một bộ phận rất nhỏ dân cư nhờ chuyển đổi (hợp pháp và không hợp pháp) tài sản của Nhà nước được xây dựng bởi người dân qua bao thế hệ. Hệ quả tiêu cực lớn nhất là do sự đảo lộn của cơ chế, nền kinh tế tất cả các nước này đều bị khủng hoảng, tốc độ tăng trưởng âm liên tục trong một số năm. Ở nước Nga, sau 10 năm thực hiện và chịu hậu quả của “liệu pháp sốc”, nền kinh tế đã giảm 50% so với khi bắt đầu. Nguyên nhân của việc tiến hành “liệu pháp sốc” ở Nga là theo những lời khuyên, những chỉ dẫn của nhà kinh tế Mỹ không thuần túy với lý do kinh tế. Người ta tiến hành “liệu pháp sốc” không nhằm để phát triển kinh tế mà để thủ tiêu càng nhanh càng tốt các thành quả do chủ nghĩa xã hội đã tạo ra trên các nước này.

Cùng đồng thời (về thời gian bắt đầu có thể coi là sớm hơn) với “liệu pháp sốc” trong chuyển đổi cơ chế kinh tế ở Liên Xô và Đông Âu là liệu pháp “dò đá qua sông” của Trung Quốc và Việt Nam. Tất nhiên, sự chuyển đổi dần từng bước cần nhiều thời gian hơn nhưng đã mang lại những ưu thế vượt trội, như giữ ổn định kinh tế vĩ mô, tốc độ tăng trưởng cao, duy trì được những thành quả cơ bản về mặt xã hội. Thực tế đó đã chứng tỏ mục tiêu của đổi mới cơ chế kinh tế không phải để đổi mới chế độ chính trị. Con đường đổi mới cơ chế kinh tế không nhất thiết phải giống nhau ở các nước và sự hơn hẳn của liệu pháp “dò đá qua sông” so với “liệu pháp sốc” trong quá trình chuyển đổi cho thấy sự phê phán con đường đổi mới cơ chế kinh tế ở nước ta của các thế lực thù địch là không có cơ sở.

3. Một số luận điểm phê phán cho rằng, cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là “vẽ rắn thêm chân”, đã là kinh tế thị trường thì phải “tự do tuyệt đối”. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự “kết hợp miễn cưỡng” của thể chế kinh tế và thể chế chính trị, từ đó kêu gọi xóa bỏ vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước...

Vấn đề đặt ra là cần làm rõ kinh tế thị trường là sản phẩm của quá trình phát triển kinh tế lâu dài của nhân loại, được vận dụng vào mỗi nước, trong các chế độ chính trị khác nhau, phụ thuộc vào mục đích cao nhất của phát triển kinh tế. Trên thế giới đã và đang tồn tại nhiều mô hình phát triển kinh tế thị trường khác nhau.

Cơ chế kinh tế thị trường là kết quả của quá trình phát triển kinh tế lâu dài của lịch sử, bắt đầu từ sản xuất hàng hóa trong lòng xã hội phong kiến. Thực tế là ngay trong xã hội chiếm hữu nô lệ của Hy Lạp và La Mã đã xuất hiện sản xuất hàng hóa lớn dựa trên kỹ thuật thủ công, nhưng nói như ngôn ngữ kinh tế hiện đại, lúc đó giá trị của sức lao động chưa được tính hết trong giá trị hàng hóa, bởi đa phần là sử dụng lao động nô lệ. Chỉ trong điều kiện sản xuất, trao đổi hàng hóa dựa trên lao động tự do mới dần hình thành các quy luật sản xuất và trao đổi hàng hóa dựa trên hao phí xã hội cần thiết được biết đến qua trao đổi trên thị trường. Giai cấp tư sản có công lớn trong sự phát triển của kinh tế thị trường ở chỗ vì động cơ lợi nhuận đã đẩy quan hệ trao đổi hàng hóa dựa trên giá cả thị trường tăng lên cao trong toàn bộ nền kinh tế. Sự hình thành và phát triển của kinh tế thị trường ở các nước tư bản phát triển gắn liền với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, mở rộng không ngừng các yếu tố của sản xuất. Đó cũng là những động cơ thúc đẩy quá trình mở rộng thị trường mua bán hàng hóa và đầu tư ra nước ngoài, đẩy mạnh toàn cầu hóa kinh tế. Thực tế lịch sử cũng cho thấy, kinh tế thị trường đã gắn liền với lịch sử lâu dài của các nước tư bản phát triển, nơi đang tồn tại chế độ đa nguyên, đa đảng theo thể chế cộng hòa hay vương quốc... Vì vậy, vô tình hay cố ý, người ta đã khẳng định kinh tế thị trường là của các nước tư bản và đã kinh tế thị trường thì phải “tự do” và thể chế chính trị là đa nguyên, đa đảng...

Một thực tế không thể bác bỏ là cơ chế kinh tế thị trường trên thế giới ngày nay có những điểm chung và có những điểm riêng ở các nước khác nhau. Hiện nay, người ta nhắc nhiều đến kinh tế thị trường tự do kiểu Mỹ và Anh, khi nền kinh tế chủ yếu dựa vào khu vực kinh tế tư nhân, sự điều tiết kinh tế dựa nhiều vào thị trường theo hướng “giảm nhà nước, tăng thị trường, thay đổi quy chế hóa, đẩy mạnh tư nhân hóa”. Tự do hóa nền kinh tế và thúc đẩy kinh tế tư nhân tạo nên sự năng động của nền kinh tế, dễ thích ứng với các chu kỳ tái sản xuất tư bản xã hội. Nhưng cũng chính sự tự do hóa và tư nhân hóa đó đã thúc đẩy nhanh hơn quá trình phân hóa xã hội, phân hóa giàu - nghèo quá mức, dẫn tới những nguy cơ xung đột xã hội rất cao. Trong quá trình tranh cử Tổng thống Mỹ, ứng cử viên Hillary Clinton đã đưa ra con số: Trong 270 ngày đầu năm 2015, ở nước Mỹ đã xảy ra 290 vụ dùng súng để bắn vào đám đông, vào người khác, trong đó đa số là không liên quan gì đến người bắn. Nguyên nhân chính của nó là những bức xúc xã hội nảy sinh từ phân hóa xã hội quá lớn và không thể điều hòa được.

Khác biệt với thể chế kinh tế thị trường tự do kiểu Mỹ và Anh, đa số các nước Tây Bắc Âu chịu ảnh hưởng của tư tưởng xã hội dân chủ đã xây dựng thể chế kinh tế thị trường phúc lợi xã hội. Bên cạnh khu vực kinh tế tư nhân được khuyến khích, vẫn tồn tại một khu vực kinh tế nhà nước, do Nhà nước đảm nhiệm, chủ yếu trong các ngành, lĩnh vực tư nhân không đầu tư vì lợi nhuận quá thấp. Nhà nước thực hiện một chính sách thuế thu nhập lũy tiến khá cao đối với người giàu và dùng

tiền thuế đó để chi cho các lĩnh vực xã hội, nhiều khi là bình quân, cho những người có thu nhập thấp. Nhờ đó, sự phân hóa xã hội trong thể chế kinh tế thị trường phúc lợi xã hội không quá cao và nâng cao được phúc lợi xã hội cho đa số các tầng lớp dân cư; xã hội tương đối ổn định. Tuy nhiên, do chính sách thuế điều tiết quá cao mà cuộc đấu tranh giữa các đảng phái “tả” và “hữu” trong các nước Tây Bắc Âu diễn ra không ngừng. Ngay tại Thụy Điển, Thủ tướng nổi tiếng Olof Palme cũng bị ám sát. Thể chế kinh tế đó ngày nay đang phải đối mặt với những thách thức khi châu Âu như một “ốc đảo” thịnh vượng, phúc lợi xã hội rất cao với xung quanh là châu Phi nghèo đói, Trung Cận Đông mất ổn định và Đông Âu ly tâm, ly khai...

Nếu khảo sát thêm những mô hình kinh tế khác nữa trên thế giới, chúng ta sẽ thấy những điểm khác biệt với từng nước cụ thể: kinh tế thị trường của Xingapo có những điểm khác với kinh tế thị trường Hàn Quốc; kinh tế thị trường của Ấn Độ cũng có những quy định riêng, khác kinh tế thị trường của Ôxtrâylia; kinh tế thị trường Thái Lan chịu tác động của những yếu tố tự nhiên, xã hội, tôn giáo khác với kinh tế thị trường Brunây... Sự phân tích như trên khẳng định một thực tế khách quan là với các quốc gia phụ thuộc vào điều kiện cụ thể, đặc biệt là thể chế chính trị, trực tiếp là đảng cầm quyền, có một thể chế kinh tế thị trường với một số đặc điểm riêng, phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội, lịch sử và đảng cầm quyền... Không thể có khuôn mẫu kinh tế thị trường chung cho tất cả các nước. Không thể lấy mô

hình kinh tế thị trường tự do kiểu Mỹ hay của một nước nào đó để áp đặt cho nước khác..., rồi phê phán mô hình kinh tế thị trường của nước khác...

Thế chế chính trị và thế chế kinh tế có mối quan hệ với nhau, đó là một thực tế khách quan. Đối với các đảng chính trị, vì tôn chỉ, mục đích, họ có thể ủng hộ hay phản đối một chính sách kinh tế liên quan đến giai cấp, tầng lớp và nhóm xã hội mà họ đại diện. Đó là lý do của sự kiện “Brexit” ở Anh hay thắng cử của Donald Trump ở Mỹ vừa qua. Hiện nay, trong số các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới theo thế chế kinh tế thị trường có các nước tư bản, các nước xã hội chủ nghĩa; có các nền kinh tế phát triển cao (G7), các nền kinh tế mới nổi (G20), các nước đang phát triển, tiến hành công nghiệp hóa và các nước mới đang trong giai đoạn tích lũy ban đầu... Thế chế chính trị không quyết định cho việc có thể hay không thể thực hiện kinh tế thị trường.

Một thực tế khác là kinh tế thị trường phải dựa trên nền kinh tế nhiều thành phần, mà trong nền kinh tế nhiều thành phần, mỗi thành phần kinh tế đều có những lợi ích riêng khác nhau ở một số điểm nhất định, do đó có thái độ khác nhau đối với thế chế chính trị đang tồn tại. Như vậy, cũng là quy luật tự nhiên, đa số các nước trên thế giới đang tồn tại chế độ đa nguyên, đa đảng. Tuy nhiên, điều ấy cũng không có nghĩa là thế chế kinh tế thị trường tất yếu phải có đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Theo thống kê trên thế giới, ngày nay có quốc gia chỉ có một đảng duy nhất cầm quyền, một số quốc gia có chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập từ rất lâu, nhưng

chính quyền luôn luôn nằm trong tay một vài đảng chính trị như Mỹ, Anh, hay một đảng như Xingapo... Ở Trung Quốc đang tồn tại nhiều đảng, thống nhất với nhau trong chủ trương phát triển đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc... Vấn đề đầu tiên và cần thiết nhất là phải bảo đảm ổn định về chính trị để vận hành nền kinh tế thị trường. Thực tế ở Ucraina, sự mất ổn định chính trị từ năm 2004, đặc biệt là sau cuộc đảo chính chính trị năm 2014 đến nay, đã phá hoại kinh tế đất nước này, biến một nước Ucraina phồn vinh, chỉ đứng sau Nga trong 15 nước Cộng hòa Xôviết trước đây, thành một nước có thu nhập bằng các nước nghèo nhất châu Âu... Tình hình Thái Lan từ cuộc đảo chính năm 2006 đến năm 2014 cũng là một ví dụ điển hình.

4. Cũng cần nhận thấy, nền kinh tế thị trường ở Việt Nam đã bộc lộ một số mặt tiêu cực đang là cơ sở để các thế lực thù địch lợi dụng phê phán, xuyên tạc đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trong những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và sau này trên cả nước sau khi giải phóng miền Nam, nhận thức của chúng ta về cơ chế kinh tế còn một chiều, đơn giản và trên thực tế đã áp dụng máy móc cơ chế kế hoạch hóa tập trung theo mô hình xôviết. Tuy nhiên, vào cuối những năm 1970, khi trong nền kinh tế xuất hiện những khó khăn, chúng ta đã từng bước áp dụng các mô hình sản xuất kinh doanh mới, như “khoán 100” trong nông nghiệp, “bù giá vào lương” ở Long An, kế hoạch “3 thành phần” trong quản lý doanh nghiệp công nghiệp... Từ thực hiện đổi mới từng bước cơ chế

kinh tế để đến Đại hội VI (năm 1986), Đảng đã có bước ngoặt trong nhận thức về cơ chế kinh tế mới, bỏ bao cấp qua giá, thực hiện hạch toán kinh tế... Chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã được khẳng định chính thức tại Đại hội VII, tháng 6-1991.

Khẳng định chuyển đổi cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế kinh tế thị trường, Đảng ta đã tiến hành đổi mới cơ chế kinh tế từng bước, theo mức độ nhận thức và yêu cầu phát triển của nền kinh tế. Đến Đại hội XII của Đảng, có thể khẳng định nhận thức lý luận về kinh tế thị trường của Đảng ta đã tiến một bước dài, hình thành quan điểm khá đầy đủ và toàn diện về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đó là nền kinh tế thị trường “đầy đủ”, “hiện đại”, “hội nhập” và “định hướng xã hội chủ nghĩa”. Trong thể chế kinh tế này, tất cả các quy luật của kinh tế thị trường đều được hoạt động, tác động đến các quá trình kinh tế; thể chế kinh tế thị trường được xây dựng, hoàn thiện, hiện đại, tương thích với các quy định chung của kinh tế thế giới và phục vụ cho quá trình hội nhập ngày càng sâu, rộng về kinh tế với các nền kinh tế hàng đầu thế giới. Điểm mấu chốt để bảo đảm nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đó là mục tiêu lâu dài của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, được lựa chọn ngay từ khi Đảng ra đời, trải qua cuộc đấu tranh gian

khổ, nhiều hy sinh để thực hiện độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Khẳng định tính đúng đắn của đường lối xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam làm cơ sở cho cuộc đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, xuyên tạc về cơ chế kinh tế, cũng cần nhận thấy những hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện đường lối, làm cho các thế lực thù địch lợi dụng để phê phán và phủ nhận. Ví dụ như quan điểm kinh tế nhà nước, trong đó có doanh nghiệp nhà nước, giữ vai trò chủ đạo đang mâu thuẫn với hiệu quả kinh doanh rất thấp, tiêu cực, lãng phí của các doanh nghiệp nhà nước, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước gây nghi ngờ tính đúng đắn về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Lúc nào đó và ở đâu đó, người ta đã đồng nhất kinh tế nhà nước với doanh nghiệp nhà nước để chậm thực hiện quá trình cổ phần hóa, duy trì quá lâu những ưu đãi với doanh nghiệp nhà nước vì lợi ích cục bộ của một bộ phận nào đó trong xã hội. Trong quản lý kinh tế và xã hội, “lợi ích nhóm” giúp duy trì cơ chế “xin - cho”, là nguyên nhân chính của những hiện tượng tham nhũng, tiêu cực trong xã hội. Thực tiễn đó của cơ chế kinh tế ở nước ta hiện nay đang phản ánh mâu thuẫn giữa mục tiêu xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam với thực tiễn đang vận động. Đó cũng là cơ sở thực tiễn để các thế lực thù địch xuyên tạc thể chế kinh tế thị trường ở nước ta, phủ nhận tính đúng đắn, sự cần thiết và hợp lý của thể chế kinh tế này.

Bởi vậy, để phê phán, đấu tranh có hiệu quả với các quan điểm sai trái, thù địch về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, cần tập trung thực hiện những giải pháp đã được đề ra trong Nghị quyết Đại hội XII của Đảng trong lĩnh vực kinh tế, đưa thực tiễn phát triển kinh tế ở nước ta phù hợp với lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG: “CÓ SỰ CHUYỂN HƯỚNG, “XOAY TRỤC” VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM”

TS. NGUYỄN MẠNH HÙNG*

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đã xác định một trong những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ là “Phủ nhận nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, phủ nhận những thành tựu về phát triển kinh tế của nước ta, từ đó cho rằng đường lối phát triển kinh tế của Đảng ta là sai lầm. Một trong những luận điểm đang được đưa ra để phủ nhận nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là suy diễn, cho rằng dường như Đảng ta đang có sự “xoay trục” về kinh tế thị trường, chuyển từ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa sang nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Quan điểm này đã đưa ra những lý lẽ sau đây để chứng minh:

* Ban Thư ký khoa học, Hội đồng Lý luận Trung ương.

- *Về lý luận*, kinh tế thị trường là của chủ nghĩa tư bản, vận động theo các quy luật của chủ nghĩa tư bản, không thể dung hòa và kết hợp được với con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, với định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển của các quốc gia vì giữa chúng có sự mâu thuẫn, đối lập, thậm chí là đối kháng với nhau. Nếu đem “ghép” định hướng xã hội chủ nghĩa với kinh tế thị trường thì chẳng khác nào ghép “nước với lửa”, tạo thành cơ thể “đầu Ngô mình Sở”, chỉ mang lại những thất bại. Do vậy, không thể tồn tại kinh tế thị trường ở một quốc gia xây dựng chủ nghĩa xã hội như Việt Nam, từ đó cho rằng, Việt Nam buộc phải chuyển sang xây dựng kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, đi theo con đường tư bản chủ nghĩa (!).

- *Về thực tiễn*, quá trình xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thời gian qua đã bị thất bại và hiện nay đang gặp nhiều khó khăn, không giải quyết được những tồn tại, mâu thuẫn nảy sinh khi “ghép” kinh tế thị trường với định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ đó suy diễn rằng, dường như Việt Nam đang “xoay trục” sang phát triển kinh tế thị trường theo hướng tư bản chủ nghĩa, mà về thực chất là thay đổi và xa rời bản chất của chủ nghĩa xã hội, bước sang con đường mới “tư bản chủ nghĩa” bằng việc khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, tăng sự điều tiết của thị trường, mặc dù hiện nay Việt Nam vẫn “tuyên truyền, mị dân” bằng cách sử dụng các “từ ngữ”, “khái niệm” của chủ nghĩa xã hội (!).

Những quan điểm, luận điểm này đã bộc lộ dã tâm, mưu đồ đen tối là xuyên tạc đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, đưa ra những cơ sở lý luận

và thực tiễn đòi Đảng ta muốn phát triển kinh tế phải từ bỏ con đường xã hội chủ nghĩa để đưa đất nước theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản; gây tâm lý hoài nghi, dao động, thiếu niềm tin, đặc biệt là niềm tin vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Những lý lẽ trên cho thấy đây là những quan điểm, luận điểm hết sức sai lầm, phi khoa học, không có cơ sở cả về lý luận và thực tiễn, chứa đựng nhiều mâu thuẫn trong phân tích, đánh giá; nhiều nhận xét là chủ quan, vô căn cứ và mang tính áp đặt.

Thứ nhất, về quan điểm đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản, cho rằng kinh tế thị trường gắn với chủ nghĩa tư bản, chỉ tồn tại trong chủ nghĩa tư bản là một quan điểm sai lầm, không có cơ sở.

Trong lịch sử, kinh tế thị trường ra đời, phát triển cùng với sự xuất hiện của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa tư bản cũng là chế độ xã hội biết sử dụng kinh tế thị trường phục vụ cho mục tiêu tạo ra của cải, lợi nhuận và tăng tích lũy. Do đó, nếu như phiến diện và không hiểu sâu về kinh tế thì rất dễ lầm tưởng và có sự nhìn nhận là kinh tế thị trường đồng nhất với chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên, nếu có hiểu biết sâu sắc về kinh tế thì dễ dàng nhận thấy giữa kinh tế thị trường và chủ nghĩa tư bản là hai vấn đề có bản chất khác nhau. Kinh tế thị trường là một phương thức, một kiểu tổ chức kinh tế mà xã hội loài người sáng tạo ra, là thành tựu của văn minh nhân loại, có thể tồn tại ở các chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Kinh tế thị trường ra đời, phát triển phụ thuộc vào các điều kiện tạo ra nó như sự phát triển của sức sản xuất, phân công lao động xã hội... Kinh tế thị trường tự nó không thể quyết định bản chất và

định hướng phát triển của một chế độ chính trị - xã hội. Bản chất của chế độ chính trị - xã hội sẽ quyết định bản chất của nền kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường có thể tồn tại ở những chế độ chính trị - xã hội khác nhau khi những điều kiện nêu trên được hình thành. Còn chủ nghĩa tư bản (là một vấn đề khác) là một chế độ chính trị - xã hội do giai cấp tư sản thống trị. Bên cạnh chủ nghĩa tư bản còn nhiều chế độ chính trị - xã hội khác như chế độ xã hội chủ nghĩa, chế độ phong kiến... Do vậy, việc đồng nhất kinh tế thị trường với tư cách là một kiểu tổ chức kinh tế với một chế độ chính trị - xã hội duy nhất là chủ nghĩa tư bản là một nhận thức, quan điểm sai lầm, phiến diện, không có cơ sở.

Thực tiễn trên thế giới đã chứng minh, nhiều quốc gia có chế độ chính trị - xã hội khác, không theo chế độ chính trị - xã hội tư bản chủ nghĩa vẫn sử dụng kinh tế thị trường phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế và đạt được nhiều thành tựu như: Việt Nam, Trung Quốc, Lào...

Thứ hai, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, giữa “kinh tế thị trường” và “định hướng xã hội chủ nghĩa” không có sự đối lập hay mâu thuẫn mà có sự thống nhất, gắn bó với nhau, thể hiện hai khía cạnh chủ yếu nhất là “động lực” và “mục đích” của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trước hết, kinh tế thị trường là một kiểu tổ chức sản xuất mà thông qua các quy luật của nó như: quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh... giúp tạo “động lực” phát triển kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động. Còn “mục đích” của kinh tế thị trường bao giờ cũng

gắn với một chế độ chính trị - xã hội nhất định, phục vụ cho mục tiêu và lợi ích của chế độ đó. Mục đích của kinh tế thị trường trong chế độ tư bản chủ nghĩa là phục vụ và mang lợi ích cho giai cấp tư sản cầm quyền. Còn trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, mục đích của kinh tế thị trường được thể hiện ở việc phát triển, giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất nhằm xây dựng, tạo lập kết cấu hạ tầng cho chủ nghĩa xã hội, phục vụ lợi ích của nhân dân lao động và hoàn thiện quan hệ sản xuất nhằm xây dựng kiến trúc thượng tầng, chế độ chính trị - xã hội của chủ nghĩa xã hội. Những mục đích này được thực hiện thông qua sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Giữa tính “mục đích” trong định hướng xã hội chủ nghĩa và tính “động lực” của kinh tế thị trường ở Việt Nam không có sự loại trừ, mâu thuẫn nhau mà là sự dung hợp, gắn kết, hỗ trợ lẫn nhau trong chỉnh thể thống nhất. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, định hướng xã hội chủ nghĩa được quán triệt khi vận hành các nguyên tắc của thị trường, ngược lại, việc thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa không tách rời, biệt lập với các quy luật của thị trường. Thúc đẩy kinh tế thị trường phát triển, chủ động hướng quá trình đó vào việc tạo lập những tiền đề, điều kiện cần thiết về kinh tế - xã hội để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sự gắn kết, bổ trợ lẫn nhau giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa được thể hiện ở các nội dung cơ bản như sau:

- Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, các ưu thế của cơ chế thị trường được phát huy để sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế, nhưng đồng thời định hướng xã hội chủ nghĩa với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đối với thị trường góp phần bổ trợ cho kinh tế thị trường, hạn chế những mặt trái, khắc phục những thất bại của cơ chế thị trường; đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn, từ đó làm cho kinh tế thị trường phát triển lành mạnh, hiệu quả hơn.

- Ở Việt Nam, việc gắn định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường làm cho sự nghiệp phát triển kinh tế ở Việt Nam nhanh, bền vững, hiệu quả, vì toàn thể nhân dân lao động. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, phát triển kinh tế luôn đi đôi với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển. Tiến bộ và công bằng xã hội được thể hiện ở nhiều nội dung, trong đó, công bằng trong phân phối các yếu tố sản xuất, tiếp cận và sử dụng các cơ hội, điều kiện phát triển là nội dung quan trọng. Phân phối kết quả làm ra chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

- Kinh tế thị trường gắn với định hướng xã hội chủ nghĩa sẽ giúp phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân; định

hướng việc phát triển nền kinh tế vào nâng cao đời sống nhân dân; tăng cường sự đồng thuận xã hội, sự đoàn kết của toàn dân tộc; tạo động lực toàn dân, khơi dậy mọi tiềm năng của nhân dân trong xây dựng, phát triển kinh tế.

Như vậy, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vừa mang bản chất chung của nền kinh tế thị trường nhằm tạo động lực phát triển kinh tế và vừa có tính chất đặc thù, dựa trên nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội về mục tiêu phát triển.

Thứ ba, mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của Việt Nam và không có sự “xoay trục” theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Trước hết phải thấy rằng, Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội từ xuất phát điểm thấp về kinh tế và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là con đường quá độ, gián tiếp trải qua nhiều giai đoạn, bước đi khác nhau. Trong giai đoạn đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, để phát triển kinh tế với xuất phát điểm thấp, tất yếu Việt Nam phải phát triển kinh tế thị trường với nhiều hình thức sở hữu và thành phần kinh tế, trong đó có thành phần kinh tế tư nhân, tất yếu phải sử dụng phương thức điều tiết đối với nền kinh tế là các quy luật của thị trường.

Lưu ý điểm cho rằng có sự chuyển hướng, “xoay trục” về phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam đã sai lầm khi chỉ căn cứ vào việc phát triển kinh tế tư nhân và điều tiết kinh tế bằng quy luật của thị trường trong giai đoạn đầu xây dựng chủ

nghĩa xã hội để quy chụp Việt Nam đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Luận điểm này cũng chưa thấy hết được những nguyên tắc, bản chất, nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong từng giai đoạn cũng như trong cả chặng đường. Luận điểm này là phi thực tiễn và chưa hiểu hết được bản chất và nội dung quá trình xây dựng chủ nghĩa ở Việt Nam khi đồng nhất một nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể của một giai đoạn, một bước đi trong xây dựng chủ nghĩa xã hội với toàn bộ mục tiêu chung, tổng quát và bản chất, nguyên tắc trong cả chặng đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Việc xác định một nền kinh tế là “chủ nghĩa xã hội” hay “tư bản chủ nghĩa” không chỉ dựa vào tiêu chí về sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân hay sự điều tiết của thị trường mà còn phải dựa vào các tiêu chí khác như mục tiêu phát triển nền kinh tế đó là vì giai cấp, tầng lớp nào; bản chất, nguyên tắc hoạt động của nền kinh tế đó là gì; ai là người chủ thực sự của nền kinh tế đó; quá trình hình thành, phát triển của nền kinh tế đó như thế nào?...

Mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam từng bước được hoàn thiện, phát triển qua các kỳ đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn phát triển kinh tế ở trong nước, vận dụng sáng tạo những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp thu có chọn lọc những quan điểm, kinh nghiệm từ thực tiễn phát triển kinh tế thị trường của các nước trên thế giới. Đến Đại hội XII, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ ra những nội hàm cơ bản về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:

“Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật; thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.102-103.

Qua những nội hàm nêu trên có thể thấy, bên cạnh việc khẳng định sự vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được thể hiện cụ thể và rõ nét như: Nền kinh tế được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; nền kinh tế hướng tới các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, đó là mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; trong nền kinh tế, nhấn mạnh vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước; phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển; phát huy vai trò làm chủ của nhân dân...

Do vậy, giữa nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam có sự khác nhau căn bản và điểm khác biệt rõ nhất là trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, người làm chủ là giới chủ tư bản, là giai cấp tư sản, còn trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, người làm chủ là nhân dân lao động, do Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa quản lý, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Với cách nhìn toàn diện, hệ thống, khách quan, khoa học, có thể khẳng định nền kinh tế nước ta hoàn toàn là nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hướng tới các nguyên tắc, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, chứ không phải là “tư bản chủ nghĩa”, không có sự “xoay trục” về kinh tế thị trường theo con đường tư bản chủ nghĩa như luận điểm này quan niệm.

Thứ tư, thực tiễn phát triển kinh tế ở nước ta thông qua việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thời gian qua đạt được nhiều thành quả quan trọng, tạo nền tảng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển trong thời gian tới.

Nhìn lại hơn 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. “Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường. Văn hóa - xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Sức mạnh mọi mặt của đất nước được nâng lên; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.65-66.

Báo cáo của tổ chức nước ngoài (Nhóm Ngân hàng Thế giới) cũng đánh giá cao những thành tựu của Việt Nam trong phát triển kinh tế: “Việt Nam là một câu chuyện thành công lớn trong quá trình phát triển. Từ năm 1990, tăng trưởng GDP bình quân đầu người thuộc vào mức cao hàng đầu thế giới, chỉ sau Trung Quốc. Đồng thời, tăng trưởng cũng rất ổn định và bao phủ rộng rãi, đem lại lợi ích cho tuyệt đại đa số người dân. Tiến bộ quan trọng trong phát triển con người đã đem lại những thành tựu ấn tượng trong việc giảm nghèo và cải thiện phúc lợi xã hội về nhiều mặt”¹.

Trong những năm gần đây, bối cảnh thế giới có nhiều diễn biến phức tạp; kinh tế thế giới phục hồi chậm; khủng hoảng chính trị ở nhiều nơi, nhiều nước; cạnh tranh về nhiều mặt ngày càng quyết liệt giữa các nước lớn tại khu vực; diễn biến phức tạp trên Biển Đông..., nhưng “Nền kinh tế vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, quy mô và tiềm lực được nâng lên; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát; tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức hợp lý, từ năm 2013 dần phục hồi, năm sau cao hơn năm trước. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và thực hiện ba đột phá chiến lược được tập trung thực hiện, bước đầu đạt kết quả tích cực; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, xã hội, y tế có bước phát triển.

1. Xem Nhóm Ngân hàng Thế giới và Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam: “Báo cáo tổng quan Việt Nam 2035: Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ”, Hà Nội, 2015, tr.3.

An sinh xã hội được quan tâm nhiều hơn và cơ bản được bảo đảm, đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện. Bảo vệ tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu có những chuyển biến tích cực”¹.

“Đến năm 2015, đất nước đã chuyển biến hoàn toàn và trở thành một nền kinh tế năng động, có thu nhập trung bình thấp. Nhờ tăng trưởng cao và thành quả được chia sẻ cho mọi người dân, các lĩnh vực xã hội đã được cải thiện đáng kể. Tỷ lệ nghèo đã giảm nhanh chóng từ khi bắt đầu *Đổi mới* tính theo nhiều chuẩn nghèo của quốc tế cũng như trong nước. Theo chuẩn 1,90 USD/ngày thì tỷ lệ nghèo giảm từ mức 50% đầu thập kỷ 1990 xuống còn khoảng 3% hiện nay. Không chỉ có thu nhập cao hơn, người dân có trình độ học vấn và tuổi thọ bình quân cao hơn so với hầu hết các nước có mức thu nhập bình quân đầu người tương đương”².

Như vậy, những thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế trong thời gian qua đã chứng minh và khẳng định sự đúng đắn, khoa học, hiệu quả của việc sử dụng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa làm phương tiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Những thành tựu này tạo tiền đề, nền tảng quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển trong thời gian tới; càng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.58.

2. Xem Nhóm Ngân hàng Thế giới và Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam: “Báo cáo tổng quan Việt Nam 2035 Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ”, *Tlđđ*, tr.5-7.

khẳng định đường lối phát triển kinh tế của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử.

Tóm lại, luận điểm suy diễn cho rằng Việt Nam dường như có sự chuyển hướng, “xoay trục” về kinh tế thị trường, chuyển sang nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa là quan điểm chủ quan, không có cơ sở cả về lý luận và thực tiễn. Luận điểm này đã dựa trên những phân tích, nhận xét phi khoa học, không logic, không hệ thống và không toàn diện. Về thực tiễn, quan điểm này cũng hết sức phiến diện, quy chụp, phi thực tế khi không thấy rõ hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, không thừa nhận những thành quả trong phát triển kinh tế, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong thời gian qua.

NHẬN DIỆN ĐÚNG MƯU ĐỒ ĐÒI “PHI CHÍNH TRỊ HÓA” LỰC LƯỢNG VŨ TRANG CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

Thiếu tướng, GS.TS. TRƯƠNG GIANG LONG *

Thất bại trong các cuộc chiến tranh vũ trang chống Việt Nam, các thể lực thù địch chuyển hướng chống phá cách mạng nước ta bằng phương thức phi vũ trang, thông qua chiến lược “diễn biến hòa bình”. Một trong những hướng tấn công chủ yếu của chúng là tập trung mũi nhọn đòi “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang, yêu cầu quân đội, công an phải đứng ngoài chính trị, phủ định vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng vũ trang.

Phi chính trị hóa lực lượng vũ trang là một thủ đoạn không mới, nhưng cực kỳ nguy hiểm. Thủ đoạn trên đã được các nước đế quốc và các thể lực thù địch thực hiện thành công ở Đông Âu, Liên Xô, để lại hậu quả vô cùng đau xót cho nhân loại tiến bộ và tương lai của chủ nghĩa xã hội.

* Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Chính trị Công an nhân dân, Giám đốc Học viện Chính trị Công an nhân dân.

1. Những kẻ đòi “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang nhân dân là ai?

Nhận diện đúng những thế lực đòi “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang giúp chúng ta nhận rõ bản chất và mưu đồ của họ. Tại sao họ lại không tiếc công sức, tiền của triển khai quyết liệt “chủ trương” này? Vậy họ là ai?

Một là, chủ nghĩa đế quốc, một số nhà tư tưởng của giai cấp tư sản - kẻ thù truyền kiếp của chủ nghĩa xã hội và những kẻ cơ hội, phản bội là lãnh đạo cấp cao trong Đảng thoái hóa biến chất. Mũi tấn công chính diện của thủ đoạn này là đòi phi chính trị hóa lực lượng vũ trang nhằm triệt tiêu hoàn toàn tính nhân dân và bản chất giai cấp của lực lượng vũ trang.

Thực tiễn lịch sử cho thấy, sự sụp đổ của Liên bang Xôviết - nhà nước công nông đầu tiên của nhân loại do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân cốt lõi nhất chính là ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên Xô, đứng đầu là Tổng Bí thư M.Gorbachev đã phản bội những nguyên lý cốt lõi trong học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng lực lượng vũ trang kiểu mới. Những kẻ phản bội đã xóa bỏ Điều 6 Hiến pháp Liên bang Xôviết; thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập; xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô đối với lực lượng vũ trang. Khi B.Yeltsin lên làm Tổng thống Liên bang Nga, ngay lập tức đã ban bố sắc lệnh “phi đảng hóa”, ra lệnh cấm tất cả các đảng hoạt động trong các cơ quan nhà nước và lực lượng vũ trang. Do đó, lực lượng vũ trang xôviết bị vô hiệu hóa, mất sức chiến đấu, Đảng Cộng sản mất quyền lãnh đạo, đất nước mất chế độ, dân tộc ly tán, loạn lạc, kinh tế - xã hội rơi vào khủng hoảng, suy thoái.

Do đã từng thực hiện phi chính trị hóa thành công đối với quân đội Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu trước đây, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tiếp tục “ào tưởng” với tham vọng đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình”, trong đó trọng tâm là phi chính trị hóa lực lượng vũ trang để chống phá các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, trong đó có Việt Nam.

Hai là, những kẻ phản bội Tổ quốc, có nợ máu với nhân dân cấu kết với những phần tử thoái hóa, biến chất về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, số văn nghệ sĩ, nhà báo, nhà văn... biến chất, quay lưng, trở cò lập những cái gọi là câu lạc bộ nhà báo tự do, hội dân oan, văn đoàn độc lập, quỹ người thương..., thậm chí lập cả các tổ chức chính trị đôi lập. Số đối tượng này thông qua các hình thức: “Thư ngỏ”, “Kiến nghị”, “Góp ý”... (72), (65), (61), (215)..., trả lời phỏng vấn, viết bài cho các trung tâm truyền thông để tuyên truyền, chống phá Đảng, Nhà nước ta.

Ba là, nhóm đối tượng núp bóng dưới cái gọi là phong trào đòi dân chủ, nhân quyền, xã hội dân sự, hoặc núp bóng tôn giáo. Những đối tượng này sử dụng các phương tiện, hình thức thể hiện khác nhau, đa dạng, thâm độc để hoạt động, như: các trung tâm truyền thông BBC, RFI, VOA..., truyền đơn, vận động cổ vũ trực tiếp bằng các phong trào, các cuộc biểu tình, mạng xã hội, một số cơ quan báo chí chính thống (do sơ suất trong biên tập, trách nhiệm, trình độ chính trị non kém, hoặc vô tình hay hữu ý trở thành phương tiện, công cụ hoạt động của chúng)... Cùng với đó là nhóm đối tượng phản động trong các tôn giáo, các tà đạo cũng là những lực lượng cổ súy cho tư tưởng phi chính trị hóa lực lượng vũ trang.

Bốn là, những đối tượng có nhận thức non kém về tư tưởng chính trị, dễ bị lợi dụng, lôi kéo, như: trí thức trẻ, công nhân, một bộ phận người dân bất mãn, bất đồng chính kiến hòa theo, trong đó có cả người Việt Nam ở nước ngoài sống trong môi trường tự do dân chủ tư sản, hấp thu một chiều lối sống phương Tây. Một bộ phận cán bộ, học sinh, sinh viên đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài bị kẻ xấu mua chuộc, dụ dỗ “té nước theo mưa”, quay lưng, trở cò, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, thông qua các bài viết, luận văn, luận án, hội thảo, hội họp để kích động chống phá.

Cùng với đó, cũng có những kẻ bị tác động bởi mặt trái của cơ chế thị trường, cơ hội, lợi dụng chính trị để mưu cầu lợi ích vật chất trước mắt.

Tuy nhiên, loại trừ sự thiếu hiểu biết chính trị, hoặc sự “a dua” theo số đông, những kẻ chống chủ nghĩa xã hội đều hiểu biết rất rõ bản chất của vấn đề nhưng cố tình lảng tránh và ngây ngô để dễ bề che đậy dã tâm đen tối của chúng. Không ai có thể phủ nhận rằng, cả lý luận tư sản và lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin đều thừa nhận, nhà nước là một hiện tượng xã hội lịch sử, gắn liền với cuộc đấu tranh giai cấp, là công cụ để giai cấp cầm quyền hiện thực hóa quyền lực và bảo vệ quyền thống trị của mình. Bên cạnh việc tổ chức ra nhà nước, giai cấp cầm quyền cũng đồng thời tổ chức ra lực lượng vũ trang - công cụ bạo lực nhằm thực hiện chức năng trấn áp, bảo vệ lợi ích sống còn của mình. Do là một bộ phận cấu thành bộ máy nhà nước, nên quân đội và công an bao giờ cũng mang bản chất giai cấp của nhà nước đã tổ chức và nuôi dưỡng nó. Tính giai cấp đó được thể hiện nổi bật ở

sự lãnh đạo của một đảng phái chính trị đại diện cho giai cấp cầm quyền đối với quân đội, công an; quân đội, công an cũng luôn luôn hoạt động theo đường lối chính trị của đảng cầm quyền và pháp luật của nhà nước do đảng cầm quyền chi phối. Không có lực lượng vũ trang nào phi giai cấp, đứng ngoài lợi ích của giai cấp cầm quyền.

Thực tiễn lịch sử cũng cho thấy, cả học giả tư sản và vô sản đều thừa nhận *“chiến tranh là sự kế tục của chính trị”*, và như vậy sẽ không thể có lực lượng vũ trang phi chính trị, vì quân đội ra đời là để đáp ứng yêu cầu của chiến tranh, để thực hiện mục tiêu chính trị của chiến tranh. Chính V.I.Lênin cũng là người đã từng đánh giá cao luận điểm này, Người chỉ rõ: *“Quân đội không thể và không nên trung lập. Không lôi kéo quân đội vào chính trị - đó là khẩu hiệu của bọn tôi tớ giả nhân giả nghĩa của giai cấp tư sản và của chế độ Nga hoàng, bọn này trong thực tế bao giờ cũng đã lôi kéo quân đội vào chính trị phản động”*¹; hiện nay cũng như trước kia và sau này, quân đội sẽ không bao giờ có thể trung lập được. Điều đó hiển nhiên đến mức không có bất kỳ người nào dù ngây thơ về chính trị cũng không khó để nhận ra. Cô lập và vô hiệu hóa lực lượng vũ trang, tách lực lượng vũ trang ra khỏi Đảng là phương thức hiệu quả nhất triệt tiêu sự tồn tại của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Đây chính là phương thức đấu tranh giai cấp, đấu tranh ý thức hệ trong điều kiện mới: đấu tranh phi vũ trang.

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1979, t.12, tr.136.

2. Một số biểu hiện cụ thể về âm mưu, thủ đoạn đòi “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang của các thế lực thù địch hiện nay

- Xác định phi chính trị hóa lực lượng vũ trang là một trong ba lĩnh vực cơ bản để hướng lái, chuyển hóa cách mạng Việt Nam.

Các thế lực thù địch công khai nhận định: muốn chuyển hóa Việt Nam, phải chuyển hóa trên ba lĩnh vực cơ bản. Trong đó phá vỡ nền tảng chính trị là then chốt; chống phá về kinh tế là biện pháp cơ bản, thường xuyên, lâu dài; phi chính trị hóa lực lượng vũ trang là nhiệm vụ trọng yếu. Đây là thủ đoạn rất xảo quyệt và cực kỳ nguy hiểm, bởi khi quân đội bị phi chính trị hóa thì chắc chắn sẽ suy yếu, không còn khả năng ngăn chặn các cuộc tiến công cả từ bên trong và bên ngoài của các thế lực thù địch, không giữ vững được sự ổn định chính trị; mất độc lập, tự chủ; thông qua “cách mạng hoa hồng”, “cách mạng đường phố”, các thế lực phản động sẽ lật đổ chế độ. Rõ ràng mục đích là không đổi, nhưng thủ đoạn, cách thức thực hiện có những biểu hiện rất tinh vi, thâm độc.

- Tập trung phá hoại nền tảng tư tưởng cách mạng của lực lượng vũ trang bằng những luận cứ tưởng chừng như rất khách quan, khoa học.

Trong tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*, Ph.Ăngghen đã nhấn mạnh: “Không có cảnh sát, nhà nước không thể tồn tại được”¹. V.I.Lênin cũng khẳng

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984, t.VI, tr.184.

định rằng, sự nghiệp cách mạng cần có quân đội cách mạng, vì những vấn đề lịch sử vĩ đại chỉ có thể được giải quyết bằng vũ lực và tổ chức vũ lực đó có nghĩa là tổ chức quân sự. V.I.Lênin yêu cầu quân đội, công an phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, thành lập các chi bộ đảng trong mỗi đơn vị lực lượng vũ trang, thực hiện chế độ chính ủy,... coi đó là nguyên tắc cơ bản trong xây dựng hồng quân. Sự thật lịch sử ấy tồn tại trong mọi loại hình nhà nước, nhưng tiếc thay, những kẻ chống chủ nghĩa xã hội đã lảng tránh và cố tình không hiểu.

Trước những khó khăn của phong trào cách mạng, nhất là sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, Liên Xô, chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào, chúng tung hô và đề cao tính khoa học của các luận thuyết tư sản, nhưng tuyên bố hết sức võ đoán rằng chủ nghĩa Mác - Lênin đã lỗi thời, cáo chung, là bóng ma ám ảnh thế giới đương đại, không còn vai trò, ý nghĩa gì đối với xã hội (!). Do vậy, luận điểm quân đội, công an phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản theo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin là sai lầm; quân đội phải đứng ngoài chính trị, phi chính trị (!).

- Tập trung cố sức cho luận điệu “lực lượng vũ trang phi giai cấp”; “quân đội chuyên nghiệp, quân đội nhà nghề”.

Chúng tập trung luận giải “không cần phân biệt chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa tư bản, không cần chính trị, chỉ cần tiền, cần vũ khí, do đó bỏ Đảng cũng được vì quân đội không thuộc một thể chế chính trị, đảng phái nào...” (!).

Chúng nhấn mạnh, quân đội và công an nên là hai lực

lượng đứng ngoài cuộc đấu tranh chính trị của các đảng phái nhằm giành quyền kiểm soát các cơ quan quyền lực nhà nước; việc tổ chức ra lực lượng vũ trang chỉ là để bảo vệ lợi ích dân tộc, lợi ích quốc gia. Bởi thế, quân đội, công an phải trung lập, đứng ngoài chính trị, không cần đặt và chịu sự lãnh đạo của bất kỳ đảng phái nào... (!)

- Tấn công gây tâm lý hoang mang, dao động, mất phương hướng trong đội ngũ cán bộ, chiến sĩ của lực lượng vũ trang.

Các thế lực thù địch cho rằng, trong điều kiện hiện nay chưa thể xóa bỏ được ngay nền tảng tư tưởng của quân đội, công an, nên chúng tìm cách tác động làm cho cán bộ, chiến sĩ hoang mang, dao động, không xác định rõ mục tiêu, lý tưởng chiến đấu. Chúng dùng mọi thủ đoạn để xuyên tạc đường lối của Đảng, Nhà nước Việt Nam, làm cho cán bộ, chiến sĩ quân đội, công an mất niềm tin, thấy đúng không kiên quyết bảo vệ, thấy sai không biết đấu tranh. Lợi dụng đường lối đối ngoại của Việt Nam là mở rộng hợp tác với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị, chúng cho rằng quân đội không cần có đối tượng tác chiến, từ đó làm xuất hiện tư tưởng chủ quan, mất cảnh giác, rệu rã sức chiến đấu của quân đội, công an. Chúng ra sức khoét sâu, thổi phồng những hạn chế, yếu kém trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội đất nước gây phân tâm trong tư tưởng của cán bộ, chiến sĩ.

Đặc biệt, hiện nay chúng triệt để lợi dụng cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của Đảng, Nhà nước ta để làm giảm niềm tin, gây mâu thuẫn giữa lãnh đạo, chỉ huy với cán bộ, chiến sĩ, phá hoại khối đoàn kết thống nhất trong nội bộ

lực lượng vũ trang, kích động hình thành bè phái và các nhóm lợi ích trong nội bộ.

- Tập trung phá hoại các nguyên tắc tổ chức cơ bản trong xây dựng quân đội, công an, xóa bỏ công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân Việt Nam.

Chúng cho rằng trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, lấy lợi nhuận làm mục đích, lấy vật chất làm đòn bẩy tinh thần, nên công tác đảng, công tác chính trị không còn phát huy tác dụng. Vì vậy, cần xóa bỏ công tác đảng, công tác chính trị; xóa bỏ hệ thống tổ chức đảng trong quân đội, công an.

Cùng với đó, lợi dụng chiêu bài mở rộng dân chủ, chúng đưa ra yêu sách xây dựng “lực lượng vũ trang toàn dân”, “trả quân đội, công an về cho Nhà nước”, thực hiện quân đội, công an là của toàn dân, sự can dự vào chính trị sẽ phá hoại tính chuyên nghiệp của quân đội và công an.

- Bôi nhọ và xuyên tạc lịch sử, truyền bá lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền và các giá trị dân chủ phương Tây.

Ngoài âm mưu phi chính trị hóa lực lượng vũ trang, các thế lực thù địch còn tập trung chống phá trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, bôi nhọ, xuyên tạc lịch sử, xuyên tạc tính chính nghĩa của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; xuyên tạc sự kiện chiến tranh biên giới Tây Nam, quan hệ Việt - Trung, quan hệ Việt - Mỹ...; bôi nhọ đời tư của các tướng lĩnh, anh hùng lực lượng vũ trang. Với mục tiêu tha hóa lực lượng vũ trang ta, chúng ra sức truyền bá lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền, thờ ơ, lãnh đạm, không quan tâm đến các vấn

đề chính trị - xã hội... nhằm tạo khoảng trống về ý thức hệ, hòng làm phai nhạt bản chất cách mạng, tạo điều kiện cho hệ tư tưởng tư sản thâm thấu vào đời sống tinh thần của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang.

Để thực hiện những mưu đồ phi chính trị hóa lực lượng vũ trang, các thế lực thù địch đang tập trung vào các hướng tấn công sau đây:

Thứ nhất, lợi dụng xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế để đẩy mạnh tuyên truyền các luận điệu đòi “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang.

Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn nhiều nước tham gia, trong đó có Việt Nam. Ngay từ Đại hội VI, Đảng ta đã khẳng định: “Mở rộng quan hệ với tất cả các nước trên nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình”¹. Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định: “thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế...”².

Tham gia vào quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sẽ mang lại những thời cơ lớn để phát triển đất nước, nhưng chúng ta cũng phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Điều này được các thế lực thù địch xem như là một thời cơ để

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, p.I, tr.279.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.153.

lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Chúng lợi dụng quá trình này để xâm nhập vào nội địa, nội bộ ta tiến hành các hoạt động tình báo, phá hoại, tạo dựng các “nhân tố” trong nội bộ, đặc biệt là nội bộ lực lượng vũ trang nhằm chuyển hóa, hình thành ngọn cờ thực hiện âm mưu phi chính trị hóa quân đội, công an. Thông qua hoạt động ký kết các thỏa thuận hợp tác song phương, đa phương, các gói viện trợ, các định chế quốc tế, các tổ chức phi chính phủ để tác động, hướng lái chính sách, pháp luật về an ninh, quốc phòng; đòi chúng ta phải thay đổi mô hình tổ chức của lực lượng quân đội, công an theo “tiêu chí quốc tế”, thực chất là phục vụ cho mục tiêu phi chính trị hóa quân đội, công an.

Thứ hai, các thế lực thù địch triệt để lợi dụng sự phát triển của khoa học, công nghệ để thực hiện âm mưu phi chính trị hóa lực lượng vũ trang.

Sự phát triển như vũ bão của khoa học, công nghệ là lợi thế vô cùng lớn, được các thế lực thù địch triệt để lợi dụng, coi đây là một phương thức chủ yếu để phục vụ cho âm mưu chống phá cách mạng của Việt Nam, tuyên truyền và thực hiện cái gọi là phi chính trị hóa lực lượng vũ trang. Đặc biệt, chúng sử dụng internet, mạng xã hội, blog cá nhân, các phương tiện thông tin đại chúng (nổi lên là đài RFA, BBC, RFI...) để thường xuyên chuyển tải các quan điểm, cổ súy cho âm mưu phi chính trị hóa lực lượng vũ trang. Chúng đặc biệt chú trọng tổ chức thành các chiến dịch tuyên truyền, kích động một cách ồ ạt trên mạng internet, nhất là những dịp trong nước có các sự kiện chính trị nổi bật: tổ chức lấy ý kiến toàn dân về sửa đổi Hiến pháp năm 1992; trước thềm Đại hội XII của Đảng, bầu cử Quốc hội và Hội

đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2015-2020; Tổng thống Mỹ sang thăm chính thức Việt Nam... Thông qua mạng internet, mạng xã hội, blog cá nhân, các đối tượng chống đối ở nước ngoài đã tìm kiếm, móc nối, liên kết được với các đối tượng chống đối, cơ hội chính trị, các nhà “hoạt động dân chủ”, số nhân sĩ, trí thức có biểu hiện bất đồng chính kiến để tuyên truyền, hình thành phong trào “dân chủ” nhằm gây sức ép buộc Đảng phải thực hiện phi chính trị hóa quân đội, công an.

Thứ ba, đẩy mạnh sự liên kết ngày càng chặt chẽ, mức độ ngày càng sâu sắc và phạm vi ngày càng rộng giữa các đối tượng bên ngoài và bên trong. Đặc biệt xuất hiện ngày càng nhiều cái gọi là “Tuyên ngôn”, “Tuyên bố”, “Kiến nghị”, “Thư ngỏ” gửi các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng để kêu gọi phi chính trị hóa lực lượng vũ trang. Nhiều tác giả của các văn bản trên là những nhân sĩ, trí thức nổi tiếng, thậm chí có quá trình cống hiến nhất định cho cách mạng và có uy tín trong một bộ phận nhân dân.

3. Những vấn đề đặt ra trong phòng, chống âm mưu, thủ đoạn phi chính trị hóa lực lượng vũ trang của các thế lực thù địch hiện nay

Đấu tranh phòng, chống âm mưu, thủ đoạn phi chính trị hóa lực lượng vũ trang của các thế lực thù địch hiện nay phải thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Một là, tăng cường mạnh mẽ hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và công an.

Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với quân đội, công an là một nguyên tắc đã được Đảng ta khẳng định nhất quán trong các văn kiện của Đảng. Trước tình hình và yêu cầu, nhiệm vụ mới, Nghị quyết Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định: “phải tiếp tục giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc”¹. Do đó, cần phải có sự tổng kết và nghiên cứu thấu đáo, trên cơ sở đó đổi mới cơ chế tổ chức thực hiện sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội và công an, nhất là đối với công tác đảng và công tác chính trị. Đồng thời quan tâm xây dựng Đảng trong quân đội và công an vững mạnh về mọi mặt theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII của Đảng, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt.

Đổi mới mô hình tổ chức, bộ máy đơn vị chuyên trách công tác chính trị và đơn vị chuyên trách công tác đảng trong công an theo hướng gắn kết chặt chẽ công tác đảng với công tác chính trị. Đặc biệt phải chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội, công an vững mạnh về mọi mặt, chính quy, chuyên nghiệp, chuyên sâu, là người đại diện trung thành, tin cậy của Đảng trong quân đội, công an. Đội ngũ này phải được đào tạo bài bản, có hệ thống để đủ sức thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ về công tác

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.150.

xây dựng Đảng, công tác chính trị ở công an các đơn vị, địa phương. Thực sự quan tâm xây dựng Học viện Chính trị Công an nhân dân - cơ sở đào tạo hàng đầu, duy nhất của lực lượng công an về công tác đảng, công tác chính trị theo đúng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Quân sự mà không có chính trị như cây không có gốc, vô dụng lại có hại”¹.

Hai là, xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân vững mạnh về mọi mặt theo mục tiêu cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Để lực lượng quân đội, công an có thể miễn dịch trước sự tấn công của các thế lực thù địch, trước hết, bản thân lực lượng quân đội, công an phải thực sự vững mạnh. Do vậy, phải thường xuyên chăm lo làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ, chiến sĩ quân đội, công an, cốt lõi là giáo dục bản lĩnh chính trị vững vàng, lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm bất luận trong hoàn cảnh nào, lực lượng quân đội, công an cũng luôn tuyệt đối trung thành với Đảng, chỉ biết còn Đảng là còn mình.

Đặc biệt chú trọng đấu tranh ngăn chặn, kiên quyết không để xảy ra tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong lực lượng quân đội, công an. Bởi các thế lực thù địch sẽ không thể chống phá được nếu chính chúng ta vững mạnh, như V.I.Lênin đã từng khẳng định: “Không ai có thể tiêu diệt được chúng ta, ngoài những sai lầm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.217.

của bản thân chúng ta. Toàn bộ vấn đề là ở chữ “nếu” này. Nếu chúng ta do sai lầm mà gây ra sự chia rẽ thì tất cả sẽ sụp đổ”¹.

Ba là, đẩy mạnh cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, vạch trần âm mưu, bản chất, sự phi lý trong quan điểm đòi “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang, tách quân đội, công an ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng.

Đây là một bộ phận của cuộc đấu tranh phòng, chống “diễn biến hòa bình”, phải được tiến hành một cách thường xuyên và phải huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị, của toàn dân, của quân đội, công an các đơn vị, địa phương và của mỗi cán bộ, chiến sĩ quân đội, công an. Đặc biệt, phải huy động và phát huy tối đa vai trò của các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình trong quân đội và công an tham gia vào cuộc đấu tranh này. Trong đó phải tập trung đa dạng hóa các loại hình thông tin, tuyên truyền phục vụ cuộc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, triệt để khai thác lợi thế của báo điện tử. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, phóng viên báo chí có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ, phẩm chất đạo đức tốt, đặc biệt là có dũng khí dám đấu tranh. Cùng với đó, cần quan tâm phát triển đội ngũ cộng tác viên là những nhà khoa học, lý luận nổi tiếng, có uy tín tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh này nhằm tạo sức mạnh tổng hợp làm thất bại âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch.

Bốn là, lực lượng quân đội, công an phải làm tốt công tác nắm, nghiên cứu, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình, âm mưu, hoạt

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1977, t.42, tr.311.

động của các thế lực thù địch đòi “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang để chủ động tham mưu cho Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền các cấp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi cuộc đấu tranh này. Đồng thời tập trung thực hiện các biện pháp nghiệp vụ để phát hiện, ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch đòi “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang, nhất là đấu tranh ngăn chặn các hoạt động thu thập tình báo, gián điệp, thâm nhập, tác động chuyển hóa, cài cắm nội gián trong nội bộ lực lượng vũ trang.

Năm là, chú trọng chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, hậu phương công an để cán bộ, chiến sĩ vững vàng, yên tâm công tác, chiến đấu.

Thời gian qua, mặc dù Đảng, Nhà nước đã quan tâm nhiều đến việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho lực lượng vũ trang, nhưng hiện nay đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, chiến sĩ quân đội, công an nhìn chung vẫn còn khó khăn, thiếu thốn. Đây là điều kiện thuận lợi để các thế lực thù địch thực hiện âm mưu tác động làm suy thoái phẩm chất đạo đức, lối sống, phẩm chất chính trị, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, chiến sĩ. Do đó, trước hết cần có chính sách tiền lương phù hợp với đặc thù môi trường công tác, chiến đấu của lực lượng vũ trang, bảo đảm được nhu cầu sống tối thiểu của cán bộ, chiến sĩ. Cùng với đó, thực hiện tốt chế độ đãi ngộ đối với những cán bộ, chiến sĩ trực tiếp chiến đấu tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo để họ yên tâm công tác, bám dân, bám địa bàn và đặc biệt có đủ sức để miễn dịch trước sự tác động của các thế lực thù địch; đồng thời có

nhiều hình thức phong phú, phù hợp để nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ, nhất là đối với những cán bộ, chiến sĩ công tác trong những điều kiện, địa bàn khó khăn, ít có điều kiện được tiếp cận với văn minh, văn hóa. Phải coi việc đầu tư nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ là đầu tư cho phát triển, chứ không phải là sự tiêu hao tài sản, ngân sách của Nhà nước.

Phi chính trị hóa lực lượng vũ trang thực chất là nhằm tách quân đội, công an ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng, làm cho quân đội, công an không còn mang bản chất của giai cấp công nhân, không còn là lực lượng vũ trang kiểu mới của giai cấp công nhân, của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân nữa. Do đó, đấu tranh, phòng, chống mưu đồ đòi “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang là nhiệm vụ cấp thiết, quan trọng, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị, của lực lượng vũ trang nhân dân và mỗi cán bộ, chiến sĩ quân đội, công an. Trong đó xây dựng quân đội, công an có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, chế độ, Nhà nước và Nhân dân là vấn đề cốt lõi, bảo đảm luôn thực sự là lực lượng vũ trang trọng yếu của Đảng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

CÓ PHẢI QUÂN ĐỘI PHẢI LÀ TRUNG LẬP?

GS.TS. TRẦN VĂN PHÒNG*

Có ý kiến cho rằng, quân đội phải là lực lượng trung lập, “phi chính trị hóa”, chỉ tuân theo pháp luật. Đây là ý kiến cố tình ngụy biện nhằm lôi kéo, đánh lạc hướng những người nhẹ dạ, ít am hiểu lý luận. Ý kiến này vô cùng nham hiểm, bởi lẽ, bằng cách này, họ muốn đổi lập, tách Đảng Cộng sản khỏi vai trò lãnh đạo quân đội; xóa nhòa bản chất giai cấp của quân đội. Trên cơ sở đó, làm lung lạc, chuyển hướng ý chí của những quân nhân cách mạng, từng bước làm suy yếu, tiến tới vô hiệu hóa Quân đội nhân dân cách mạng. Ý kiến này còn nguy hiểm ở chỗ làm ra vẻ nhân danh pháp luật để đạt mục đích “phi chính trị hóa” quân đội. Luận điểm này là không khoa học, phản cách mạng, thiếu căn cứ lý luận và căn cứ thực tiễn, thể hiện ở những luận điểm chủ yếu sau:

Thứ nhất, chúng ta đều rõ, nhà nước chỉ ra đời trong xã hội có giai cấp đối kháng và mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được. Nhà nước ra đời nhằm điều hòa mâu thuẫn

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

giai cấp, nó dường như đứng ngoài các giai cấp để điều hòa mâu thuẫn giai cấp. Nhưng về bản chất, nhà nước là công cụ thống trị chính trị của giai cấp thống trị về kinh tế, là cơ quan quyền lực chính trị của giai cấp thống trị về mặt kinh tế nhằm duy trì trật tự xã hội hiện hành, bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị, trấn áp sự phản kháng của các giai cấp và tầng lớp xã hội khác. Nhà nước mang tính giai cấp không chỉ bắt nguồn từ mong muốn chủ quan của giai cấp cầm quyền, mà còn chủ yếu là do cơ sở kinh tế quy định, bởi vì, nó là công cụ thống trị của giai cấp thống trị về kinh tế. Chính vì vậy, dù có chủ trương hay không có chủ trương xây dựng nhà nước theo đường lối giai cấp, thì nhà nước vẫn mang tính giai cấp. Giai cấp nào thống trị về kinh tế sẽ nắm quyền lực nhà nước, dù trong xã hội có nhiều giai cấp khác nhau. Từ bản chất giai cấp của nhà nước này mà mọi nhà nước, kể cả nhà nước tư sản ngoài chức năng xã hội thì đều có chức năng giai cấp hay còn gọi là chức năng chính trị. Để thực hiện chức năng giai cấp, chức năng chính trị là duy trì sự thống trị của giai cấp mình, thực hiện liên minh với các giai cấp khác, đấu tranh chống lại những giai cấp, tầng lớp đối địch,... thì mọi nhà nước đều cần có công cụ bạo lực của mình như quân đội, cảnh sát, nhà tù, tòa án,... Do vậy, mọi nhà nước dù là nhà nước chiếm hữu nô lệ hay nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản thì đều có công cụ bạo lực của mình, có lực lượng vũ trang của mình. Điều đó chứng tỏ rằng, quân đội ra đời gắn liền với sự ra đời của nhà nước, khi mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được. Điều đó cũng chứng tỏ, ngay từ khi mới ra đời thì quân đội đã mang tính giai cấp và do nhà nước

của giai cấp thống trị về kinh tế lập nên. Do vậy, không có quân đội chung chung, trừu tượng, tách rời khỏi nhà nước và giai cấp thống trị về kinh tế trong nhà nước đó. Nói khác đi, tính giai cấp, mục tiêu, lý tưởng của quân đội là do giai cấp thống trị về kinh tế trong nhà nước ấy quyết định. Tính giai cấp của nhà nước quy định tính giai cấp của quân đội; mục tiêu của nhà nước quy định mục tiêu của quân đội; chức năng của quân đội phụ thuộc vào chức năng của nhà nước thành lập ra nó và nuôi dưỡng nó. Do vậy, không cần phải chứng minh là quân đội trong nhà nước chiếm hữu nô lệ thì bảo vệ giai cấp chủ nô; quân đội trong nhà nước phong kiến thì bảo vệ giai cấp phong kiến; quân đội trong nhà nước tư sản thì nhất định phải bảo vệ nhà nước tư sản, bảo vệ giai cấp tư sản; quân đội trong nhà nước vô sản thì nhất định phục vụ nhà nước vô sản, bảo vệ giai cấp vô sản và nhân dân lao động.

Thứ hai, lịch sử quân đội của nhà nước chiếm hữu nô lệ, nhà nước phong kiến và nhà nước tư sản đều cho thấy chúng là công cụ giúp các nhà nước bóc lột, củng cố chế độ áp bức, bóc lột đối với người lao động, duy trì chế độ bóc lột và tiến hành xâm lược các dân tộc khác. Trong nhà nước chiếm hữu nô lệ, quân đội được thành lập để bảo vệ giai cấp chủ nô, đàn áp nô lệ và là công cụ giúp giai cấp chủ nô xâm lược đất đai, lãnh thổ của các thành bang khác. Trong nhà nước phong kiến, quân đội là công cụ bảo vệ giai cấp địa chủ phong kiến, đàn áp nông nô, chinh phục các vùng lãnh thổ giàu có khác. Trong nhà nước tư sản, quân đội là công cụ bảo vệ sự thống trị của giai cấp tư sản, đàn áp phong trào công nhân, xâm

lược các dân tộc khác. Lịch sử cho thấy rất nhiều nước Mỹ Latinh đã từng là thuộc địa của nhiều nước tư bản như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Anh, Pháp,... do quân đội các nước này tiến hành xâm lược. Ngay Việt Nam, Lào, Campuchia cũng từng là thuộc địa của thực dân Pháp, do quân đội Pháp tiến hành xâm lược. Ở nhiều nước tư bản phát triển như Anh, Mỹ, Pháp..., quân đội không chỉ là công cụ bảo vệ nhà nước tư sản mà còn là công cụ để giai cấp tư sản sử dụng lật đổ, can thiệp quân sự, xâm lược các quốc gia khác nhằm mục tiêu chính trị là dựng lên ở nơi chúng đến các chính phủ thân phương Tây, theo mô hình phương Tây, có lợi cho phương Tây. Nhà nước Mỹ xây dựng nhiều căn cứ quân sự ở nước ngoài và thực tế từ năm 1990 đến nay, quân đội Mỹ liên tục can dự vào đời sống chính trị của nhiều nước có độc lập, chủ quyền, kể cả tiến hành chiến tranh ở Nam Tư, Ápganixtan, Irắc, Libi, Xiri... Thực tiễn lịch sử thế giới đã chứng tỏ, quân đội của các nước tư bản chủ nghĩa không bao giờ “trung lập về chính trị”, đứng ngoài chính trị mà luôn thực hiện chức năng công cụ thống trị của giai cấp tư sản. Ai không hiểu điều này hoặc là giả vờ ngây thơ, hoặc là cố tình xuyên tạc lịch sử. Chúng ta cũng cần lưu ý rằng, trên thực tế có một số nước tư bản có nhiều đảng phái và trong cuộc chiến tranh giành quyền lực, họ muốn quân đội tạm thời không can thiệp vào các cuộc đấu đá tranh giành quyền lực của các đảng phái đó. Vì thực tế cho thấy, có rất nhiều cuộc đảo chính quân sự xảy ra và các nhà quân sự cũng muốn có quyền lực và chiếm chính quyền dân sự. Nhưng điều này không có nghĩa là quân đội không thực thi ý chí của giai cấp nuôi dưỡng nó. Không

phải ngẫu nhiên mà khi nói về quân đội trong nhà nước bóc lột tư sản, V.I.Lênin đã khẳng định: “Quân đội thường trực ở bất cứ đâu và trong mọi nước đều chủ yếu dùng để chống kẻ thù bên trong hơn là để dùng chống lại kẻ thù bên ngoài. Ở bất cứ đâu quân đội thường trực cũng trở thành công cụ của thế lực phản động, tội tở của tư bản trong cuộc đấu tranh chống lại lao động, cũng là tên đao phủ đối với tự do của nhân dân”¹.

Thứ ba, quân đội của nhà nước vô sản - nhà nước xã hội chủ nghĩa là quân đội cách mạng, quân đội mới, khác hẳn về bản chất so với quân đội của các nhà nước bóc lột. Quân đội cách mạng có nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng của giai cấp vô sản. Đây là quân đội của nhân dân, từ nhân dân mà ra và phục vụ nhân dân. Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin công khai khẳng định tính giai cấp của quân đội cách mạng, quân đội nhân dân: “Quân đội chúng ta là quân đội giai cấp, chống lại giai cấp tư sản”². Quân đội của nhà nước xã hội chủ nghĩa không có nhiệm vụ nào khác là bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ và bảo vệ Đảng của giai cấp công nhân. Quân đội của nhà nước xã hội chủ nghĩa không đi xâm lược các dân tộc khác, chỉ thực hiện nhiệm vụ quốc tế vô sản khi các dân tộc anh em yêu cầu giúp đỡ. Ở Việt Nam, đội “Việt Nam Tuyên truyền

1. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.137.

2. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.43, tr.277.

Giải phóng quân” được thành lập ngày 22-12-1944 là tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam xuất phát từ nhu cầu chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược, giành lại độc lập dân tộc chứ không vì mục đích nào khác. Do vậy, trong 10 lời thề của đội “Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân”, chúng ta thấy có hai lời thề thể hiện rất rõ bản chất của đội quân này. Lời thề thứ nhất: *“Hy sinh tất cả vì Tổ quốc Việt Nam, chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để chống phát xít Nhật - Pháp và bọn Việt gian phản quốc, để giải phóng cho toàn dân Việt Nam, làm cho nước Việt Nam trở thành một nước dân chủ, độc lập, tự do ngang hàng với các nước dân chủ trên thế giới”*. Lời thề thứ chín: *“Khi tiếp xúc với dân chúng sẽ làm đúng ba điều răn: “không lấy của dân”, “không dọa nạt dân”, “không quấy nhiễu dân” và ba điều nên: “kính trọng dân”, “cứu giúp dân”, “bảo vệ dân”*. Để gây lòng tin cậy của dân chúng, thực hiện “quân dân nhất trí” cứu nước diệt gian”. Như vậy, mục đích ra đời của Quân đội nhân dân Việt Nam là đánh đuổi xâm lược, giành lại độc lập cho dân tộc và bảo vệ nhân dân chứ không như mục tiêu của quân đội ở các nhà nước bóc lột. Lịch sử hơn 70 năm rèn luyện, chiến đấu, trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam đã chứng tỏ, Quân đội nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, tổ chức, giáo dục, rèn luyện là quân đội của nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu. Ngoài mục tiêu bảo vệ độc lập của Tổ quốc, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ và bảo vệ Đảng, Quân đội nhân dân Việt Nam không có mục đích nào khác. Do vậy, Quân đội nhân dân Việt Nam vừa mang tính giai cấp công nhân, vừa mang tính dân tộc, vừa mang

tính nhân dân. Nghĩa là, Quân đội nhân dân Việt Nam là quân đội phục vụ giai cấp, phục vụ dân tộc và phục vụ nhân dân. Điều 65, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 cũng khẳng định rõ: “Lực lượng vũ trang nhân dân tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Nhân dân, với Đảng và Nhà nước, có nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ Nhân dân, Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; cùng toàn dân xây dựng đất nước và thực hiện nghĩa vụ quốc tế”. Chính vì vậy, Điều 66, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 cũng ghi rõ: “Nhà nước xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có lực lượng thường trực hợp lý, lực lượng dự bị động viên hùng hậu, lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh và rộng khắp, làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng”. Đồng thời, Điều 67 quy định: “Nhà nước xây dựng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm”. Điều này cho thấy, Quân đội nhân dân Việt Nam vốn từ khi ra đời và trải qua hơn 70 năm rèn luyện, chiến đấu, trưởng thành cho đến nay luôn mang bản chất giai cấp công nhân. Những ai phủ định bản chất giai cấp, bản chất chính trị của Quân đội nhân dân Việt Nam nói riêng, lực lượng vũ trang nói chung là không có căn cứ, là phi lịch sử.

Thứ tư, những ai tuyên truyền cho việc “phi chính trị hóa”

quân đội là tìm cách đối lập tính giai cấp, tính dân tộc và tính nhân dân của Quân đội nhân dân Việt Nam. Quân đội nhân dân Việt Nam vừa thể hiện bản chất giai cấp công nhân, vừa mang tính dân tộc lại vừa mang tính nhân dân. Tính giai cấp, tính dân tộc và tính nhân dân của Quân đội nhân dân Việt Nam thống nhất hữu cơ với nhau, bởi lẽ, trên lập trường của giai cấp công nhân, Quân đội nhân dân Việt Nam đấu tranh giành độc lập dân tộc và bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo vệ cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Giai cấp công nhân Việt Nam không có lợi ích nào khác với lợi ích của dân tộc Việt Nam và của toàn thể nhân dân Việt Nam. Quân đội nhân dân Việt Nam cũng vậy, không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của giai cấp công nhân, của dân tộc, của nhân dân Việt Nam. Một quân đội mang bản chất giai cấp công nhân không thể không bảo vệ lợi ích chân chính của Tổ quốc cũng như lợi ích chân chính của nhân dân. Những ai rêu rao “phi chính trị hóa” quân đội là muốn đối lập dân tộc với nhân dân, dân tộc với Quân đội nhân dân Việt Nam. Điều này vừa không khoa học, vừa thiếu thực tiễn lịch sử, vừa không có đạo lý. Không khoa học bởi lẽ, thực tế giai cấp công nhân Việt Nam từ khi ra đời đã luôn thống nhất với Tổ quốc Việt Nam và toàn thể nhân dân Việt Nam. Không phù hợp thực tiễn lịch sử bởi lẽ, trước khi giai cấp công nhân Việt Nam giương ngọn cờ lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc thì đã có nhiều phong trào chống giặc ngoại xâm nhưng đều thất bại. Chẳng hạn như phong trào Cần Vương - đại diện cho giai cấp vua chúa - phong kiến Việt Nam; phong trào Đông Du - đại diện cho tầng lớp nhân sĩ, trí thức Việt Nam khi ấy; Hoàng Hoa Thám - đại diện cho giai cấp nông dân Việt

Nam; Đội Cấn - đại diện cho binh sĩ; Nguyễn Thái Học - đại diện cho tư sản dân tộc Việt Nam đều đã thất bại. Không phù hợp đạo lý vì họ muốn đem giai cấp công nhân Việt Nam đối lập với dân tộc Việt Nam; nhân dân Việt Nam đối lập với dân tộc Việt Nam và nhân dân Việt Nam đối lập với công nhân Việt Nam. Nghĩa là họ muốn dân tộc Việt Nam rối loạn, mâu thuẫn, chia rẽ và làm tiền đề cho giặc ngoại xâm dễ bề xâm lược. Điều này là đi ngược lại truyền thống yêu nước, đại đoàn kết của dân tộc ta và cũng không phù hợp với thực tiễn lịch sử dân tộc Việt Nam.

Thứ năm, trải qua hơn 70 năm rèn luyện, chiến đấu, trưởng thành, Quân đội nhân dân Việt Nam đã chiến thắng nhiều kẻ thù xâm lược mạnh hơn chúng ta nhiều lần, giữ vững độc lập dân tộc, bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ và bảo vệ Đảng. Trong những cuộc đấu tranh anh dũng ấy đã có hàng triệu bộ đội, công an, thanh niên xung phong, nhân dân - những người con của dân tộc đã anh dũng hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Những ai muốn và rêu rao phải “phi chính trị hóa” quân đội hẳn là những người chưa tham gia vào bất cứ cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm nào và cũng không hề hy sinh giọt máu nào cho các cuộc kháng chiến ấy. Bởi lẽ, khẳng định việc “phi chính trị hóa” quân đội chẳng khác nào đã xúc phạm sự hy sinh cao cả của hàng triệu người con yêu nước Việt Nam, xúc phạm bao thế hệ cha, anh đã hy sinh tuổi trẻ của mình cho nền độc lập ngày hôm nay của dân tộc. Muốn “phi chính trị hóa” quân đội thực chất là muốn dân tộc ta lại rơi vào sự phụ thuộc

của ngoại bang. Những người tuyên truyền cho tư tưởng này hẳn phải xem lại có nguồn gốc con Lạc cháu Hồng không? Rõ ràng, không thể nhân danh lòng yêu nước để có thể thích xuyên tạc gì thì xuyên tạc.

Thứ sáu, chúng ta tôn trọng và khuyến khích các ý kiến gợi mở, những tranh luận thẳng thắn, những đề xuất có giá trị giúp cho việc xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Nhưng chúng ta luôn lấy tiêu chí “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm thước đo đánh giá các ý kiến gợi mở, những tranh luận thẳng thắn, những đề xuất giúp xây dựng đất nước. Ý kiến “phi chính trị hóa” quân đội rõ ràng không phải là một hiến kế có giá trị mà ngược lại. Bởi từ chính lịch sử của quân đội xôviết, chúng ta đã rút ra được bài học kinh nghiệm sâu sắc. Hồng quân Liên Xô được V.I.Lênin, Đảng Cộng sản Liên Xô tổ chức, giáo dục, rèn luyện đã từng là quân đội cách mạng bậc nhất thế giới. Nhờ có Hồng quân Liên Xô, nhân loại đã thoát khỏi ách thống trị quân phiệt Nhật, phát xít Đức. Nhờ Hồng quân Liên Xô mà thành trì của chủ nghĩa xã hội, của hòa bình, tiến bộ được bảo vệ,... Nhưng do sai lầm của một số người đứng đầu Đảng và Nhà nước, Liên Xô đã thực hiện “phi chính trị hóa” Hồng quân, bỏ chức trách chính ủy trong quân đội, buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với quân đội. Đây là một trong những nguyên nhân làm cho chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Ngay việc cựu Tổng thống Liên bang Nga, B.Yeltsin sử dụng lực lượng xe tăng nã pháo vào tòa nhà Quốc hội

ngày 04-10-1993, nơi đang có những người chống đối ông ta ẩn nấp để giải quyết sự đối đầu và mâu thuẫn giữa ông ta với Quốc hội đã nói lên luận điểm “phi chính trị hóa” quân đội là phi thực tế, nhưng rất nham hiểm. Do vậy, luôn luôn phải thấm nhuần những căn dặn của V.I.Lênin về bản chất chính trị của quân đội: *Hiện nay, cũng như trước kia và sau này, quân đội sẽ không bao giờ có thể trung lập được; “Quân đội không thể và không nên trung lập. Không lôi kéo quân đội vào chính trị - đó là khẩu hiệu của bọn tôi tớ giả nhân, giả nghĩa của giai cấp tư sản”*¹.

Như vậy có thể khẳng định quan điểm, ý kiến cho rằng, quân đội phải là trung lập là nhằm “phi chính trị hóa” quân đội, trên cơ sở đó tìm cách loại bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với quân đội. Đồng thời, họ tìm cách đối lập quân đội, với nhân dân, với dân tộc và Đảng Cộng sản; đồng nhất quân đội tư sản với quân đội nhân dân cách mạng. Những luận điểm này vừa phản khoa học, vừa không phù hợp với thực tiễn và lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam. Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt cùng với toàn dân bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Nhân dân, bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các

1. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.136.

thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Do vậy, tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp của Đảng đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về chính trị là yêu cầu cơ bản, thường xuyên, trọng yếu, làm cơ sở để nâng cao bản chất giai cấp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang của ta.

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN VỮNG MẠNH VỀ CHÍNH TRỊ - NHIỆM VỤ TRỌNG YẾU TRONG PHÒNG, CHỐNG ÂM MƯU, THỦ ĐOẠN “PHI CHÍNH TRỊ HÓA” LỰC LƯỢNG VŨ TRANG

Trung tá, TS. NGUYỄN YẾN THANH*

“**P**hi chính trị hóa” lực lượng vũ trang là làm cho lực lượng vũ trang “*trung lập*”, “*đứng ngoài chính trị*”, không tham dự vào vấn đề chính trị và không chịu sự lãnh đạo, chi phối của bất cứ một đảng phái chính trị nào. “Phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang là thủ đoạn nguy hiểm, một trọng điểm trong chiến lược “*diễn biến hòa bình*” mà các thế lực thù địch nhằm vào các nước xã hội chủ nghĩa, với mục đích xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với lực lượng vũ trang, làm cho lực lượng vũ trang “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*”, mất phương hướng chính trị, xa rời mục tiêu, lý tưởng, dẫn đến suy yếu về chính trị và bị vô hiệu hóa. Thủ đoạn “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang đã được các thế lực thù địch thực hiện thành công ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa

* Trường Phòng Quản lý nghiên cứu khoa học, Học viện Chính trị Công an nhân dân.

Đông Âu vào thập niên 90 của thế kỷ XX, và hiện nay chúng đang tìm cách để thực hiện ở nước ta.

Mục tiêu “*phi chính trị hóa*” lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam là nhằm tấn công vào nền tảng tư tưởng, bản chất chính trị, giai cấp của lực lượng vũ trang nhân dân, từ đó tách dần và vô hiệu hóa vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, phủ nhận nguyên tắc “*Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân*”, làm cho hai lực lượng trọng yếu này không còn là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành và tin cậy của Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Trong chiến lược “*diễn biến hòa bình*” mà các thế lực thù địch nhằm vào Việt Nam, chúng luôn xác định “*phi chính trị hóa*” lực lượng vũ trang là mục tiêu trọng yếu nhằm hướng lái, chuyển hóa cách mạng Việt Nam, tiến tới xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với lực lượng vũ trang nhân dân, làm cho lực lượng vũ trang nhân dân suy yếu, mất sức chiến đấu để chúng dễ bề thực hiện mưu đồ gạt bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam ra khỏi vũ đài chính trị, hòng lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Để thực hiện âm mưu, thủ đoạn này, trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, các thế lực thù địch tăng cường lợi dụng phương tiện truyền thông, internet, mạng xã hội, blog cá nhân... để tập trung vào một số hoạt động chủ yếu sau:

Một là, tuyên truyền phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với lực lượng vũ trang nhân dân bằng những luận điệu sai trái, xuyên tạc như: “*Lực lượng vũ trang là của quốc gia, dân tộc, chỉ phục vụ Nhà nước theo Hiến pháp, pháp luật,*

không đặt dưới sự lãnh đạo của một đảng phái hay lực lượng chính trị nào"(!); "lực lượng vũ trang chỉ phụng sự Tổ quốc, phụng sự quốc gia, dân tộc"(!); "bảo vệ Tổ quốc là bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ chứ không phải là bảo vệ một thể chế chính trị nào"(!). Chúng đưa ra luận điệu đòi Đảng, Nhà nước phải học tập phương Tây "chuyên nghiệp hóa quân đội và công an", theo đó quân đội và công an chỉ cần "thượng tôn pháp luật", "trung lập", "đứng ngoài chính trị", "không cần đặt dưới sự lãnh đạo của một đảng phái nào"(!)... Bên cạnh đó, chúng còn xuyên tạc bản chất giai cấp của Đảng Cộng sản và cho rằng, ngày nay Đảng Cộng sản đã biến chất, không vì lợi ích của đại đa số quần chúng nhân dân mà chỉ lo bảo vệ lợi ích cho một nhóm người có "đặc quyền, đặc lợi"(!). Từ đó, xuyên tạc bản chất của lực lượng vũ trang, với luận điệu cho rằng quân đội, công an ngày nay không còn là của nhân dân, bảo vệ nhân dân nữa, mà là công cụ để bảo vệ quyền lợi cho một nhóm người có chức quyền, đàn áp nhân dân.

Hai là, xuyên tạc, phủ định mục tiêu, lý tưởng, phá hoại bản chất cách mạng, nền tảng tư tưởng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; phủ nhận quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp và đấu tranh giai cấp; xuyên tạc quan điểm, đường lối quốc phòng, an ninh và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng ta; thúc đẩy "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", đẩy mạnh phá hoại tư tưởng, gây tâm lý hoang mang, dao động, làm mất phương hướng chính trị trong nội bộ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang; chúng triệt để lợi dụng cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực để xuyên tạc thực trạng xã hội, khoét sâu những yếu kém trong quản lý kinh tế - xã hội, những khó khăn về đời sống vật chất của cán bộ, chiến sĩ, nhằm làm

cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang dao động lập trường, phai nhạt mục tiêu, lý tưởng.

Ba là, tuyên truyền xuyên tạc, kích động, gây chia rẽ quân đội với công an, chia rẽ mối quan hệ máu thịt giữa nhân dân với quân đội và công an; tập trung khai thác, lợi dụng khuyết điểm của một số đơn vị, cá nhân cán bộ, chiến sĩ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến nhân dân và xã hội để gây chia rẽ nhân dân với lực lượng vũ trang, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; lợi dụng sai phạm của công an một số đơn vị, địa phương trong hoạt động điều tra tố tụng, dẫn đến oan sai, hay hành vi tiêu cực của một số cán bộ, chiến sĩ công an thoái hóa, biến chất... để xuyên tạc, bóp méo sự thật, nhằm làm mất uy tín, giảm sút niềm tin của quần chúng nhân dân đối với công an; kích động quần chúng nhân dân tụ tập, chống đối cán bộ công an thi hành công vụ...

Bên cạnh đó, chúng còn tìm cách đưa lối sống và các “giá trị” văn hóa phương Tây, nhất là tư tưởng ham vật chất, lối sống hưởng thụ vào đời sống tinh thần của cán bộ, chiến sĩ, từng bước làm cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang tha hóa, biến chất, mơ hồ về mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, mất sức chiến đấu, không còn là lực lượng vũ trang của dân, do dân và vì dân, làm cho lực lượng vũ trang xa rời sự lãnh đạo của Đảng, từ đó, làm phai nhạt hình ảnh người cán bộ chiến sĩ quân đội, công an trong lòng nhân dân...

Dễ nhận thấy, những thủ đoạn này tuy không mới, nhưng được chúng thực hiện một cách tinh vi, xảo quyệt nên cực kỳ nguy hiểm và thâm độc, tác động đến một bộ phận cán bộ,

đảng viên, dẫn tới tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, các biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*”. Không ít người, do thiếu hiểu biết, mơ hồ về chính trị, mất cảnh giác, đã đồng tình, cổ súy cho quan điểm sai trái này bằng việc đưa ra các “*luận điểm*” về “*tính trung lập về chính trị*” của lực lượng vũ trang mà thực chất là thể hiện quan điểm đòi “*phi chính trị hóa*” lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, chúng đã nhầm, bởi lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam là lực lượng vũ trang cách mạng, do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, rèn luyện. Trải qua hơn 70 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam nói chung, lực lượng Công an nhân dân nói riêng luôn đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, là công cụ bạo lực sắc bén của Đảng, Nhà nước và Nhân dân, sẵn sàng thực hiện mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó. Bản chất cách mạng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam thể hiện ở sự thống nhất giữa tính đảng, tính giai cấp, tính nhân dân, tính dân tộc và được biểu hiện sinh động ở mục tiêu, lý tưởng, tinh thần chiến đấu, vì sự nghiệp cách mạng của dân tộc và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, thể hiện mối quan hệ gắn bó máu thịt với nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong suốt quá trình tổ chức xây dựng, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện lực lượng vũ trang cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng lực lượng vũ trang kiểu mới của giai cấp vô sản, chính là xây dựng bản chất giai cấp của lực lượng vũ trang nhân dân. Đối với Công an nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn:

“Là một bộ phận của cả bộ máy nhà nước nhân dân chủ chuyên chính tiến lên chủ nghĩa xã hội, công an phải bảo vệ dân chủ nhân dân và thực hiện chuyên chính với những kẻ chống lại dân chủ của nhân dân”¹. Kế thừa và tiếp thu quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn xác định: “Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng; vững mạnh về chính trị, nâng cao chất lượng tổng hợp sức mạnh chiến đấu, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân”².

Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam là lực lượng chính trị, mang bản chất chính trị, là công cụ quyết định thành bại trong chiến tranh giải phóng dân tộc, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Một lực lượng chỉ biết “*còn Đảng thì còn mình*”, nên trong bất kỳ điều kiện, hoàn cảnh nào, lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam cũng luôn tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Việc các thế lực thù địch ra sức sử dụng chiêu trò, đưa ra những quan điểm đòi “*phi chính trị hóa*” lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam là vô căn cứ, phản khoa học, không đúng với điều kiện, hoàn cảnh thực tiễn và lịch sử cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, chúng ta vẫn phải luôn cảnh giác trước âm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.247.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.149.

mưu, thủ đoạn của chúng, vì mặc dù không trực diện đối đầu với lực lượng vũ trang, nhưng về lâu dài, những thủ đoạn này có thể tác động, thúc đẩy quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Nếu chúng ta chủ quan, mất cảnh giác, khi có biến động về chính trị, lực lượng vũ trang sẽ mất phương hướng. Bài học về sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu cho thấy, sẽ vô cùng nguy hiểm khi lực lượng vũ trang không còn là công cụ bạo lực của Đảng và chính quyền cách mạng, khi đó Đảng, chính quyền không còn được bảo vệ nên việc xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, dẫn đến sụp đổ chế độ chính trị của Nhà nước chỉ là vấn đề thời gian. Vì vậy, đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch đòi “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang là nhiệm vụ hết sức quan trọng, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, mà nòng cốt là lực lượng vũ trang nhân dân phải quyết tâm thực hiện. Trong cuộc đấu tranh này, lực lượng Công an nhân dân đồng thời với việc tiến hành các biện pháp phòng, chống, phải chủ động xây dựng lực lượng vững mạnh về chính trị, mà thực chất là tăng cường bản chất giai cấp, tính nhân dân, dân tộc, làm cho cán bộ, chiến sĩ nhận thức sâu sắc về lý tưởng cách mạng, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân; có phẩm chất đạo đức trong sáng; luôn đoàn kết, gắn bó máu thịt với nhân dân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân.

Để đạt được mục tiêu này, cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Công an nhân dân; xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Bất luận trong hoàn cảnh nào, đây vừa là nguyên tắc, vừa là quy luật cơ bản, bao trùm mọi hoạt động của lực lượng Công an nhân dân, trọng tâm là công tác xây dựng lực lượng Công an nhân dân. Thực tế, hơn 70 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của lực lượng Công an nhân dân đã khẳng định bản chất cách mạng không phải tự phát hình thành, mà được tạo ra từ sự lãnh đạo của Đảng, sự kiên trì rèn luyện, phấn đấu của Công an nhân dân. Nếu xa rời sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng Công an nhân dân sẽ mất phương hướng chính trị, phân rã về tư tưởng và tổ chức, do vậy, tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng Công an nhân dân là nguyên tắc đặc biệt quan trọng và cần thiết trong công tác xây dựng lực lượng Công an nhân dân vững mạnh về chính trị. Cấp ủy, thủ trưởng Công an các cấp cần nghiêm túc quán triệt, thực hiện quy định của Bộ Chính trị về tổ chức đảng trong Công an nhân dân; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI về *“Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”*, gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về *“Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*; quán triệt thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về *“Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”*; thường xuyên đấu tranh tự phê bình và phê bình nhằm xây dựng tổ chức đảng vững mạnh toàn diện; chú trọng xây dựng

tinh thần đoàn kết, thống nhất của các tổ chức đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng; gắn xây dựng cấp ủy với xây dựng đội ngũ cán bộ, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện.

Hai là, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, góp phần trang bị cho cán bộ, chiến sĩ công an những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thường xuyên đưa nhiệm vụ công tác giáo dục chính trị, tư tưởng vào nghị quyết của cấp ủy, chương trình công tác hằng năm của đơn vị để thực hiện, với mục tiêu giáo dục nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị cho cán bộ, đảng viên; kiên định lập trường tư tưởng, giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành, luôn nỗ lực cố gắng, vượt mọi khó khăn, thách thức, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đẩy mạnh giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự tôn dân tộc, truyền thống cách mạng vẻ vang của Đảng, của dân tộc và của lực lượng Công an nhân dân. Coi trọng giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ theo 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân; tạo chuyển biến tích cực trong đời sống văn hóa, tinh thần; đấu tranh đẩy lùi những biểu hiện tiêu cực trong đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, chiến sĩ; phát huy phẩm chất tốt đẹp của người cán bộ công an cách mạng. Gắn công tác giáo dục chính trị với định hướng tư tưởng để mỗi cán bộ, chiến sĩ nhận thức đúng tình hình, không mơ hồ, mất cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn

chống phá của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Các đơn vị, trước hết là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy các cấp cần coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, làm cho cán bộ, chiến sĩ thấy rõ bản chất nguy hiểm của chiến lược “*diễn biến hòa bình*”, âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch nhằm “*phi chính trị hóa*” lực lượng vũ trang nhân dân nói chung, lực lượng Công an nhân dân nói riêng, từ đó nâng cao tinh thần cảnh giác, có giải pháp phòng, chống âm mưu, thủ đoạn “*phi chính trị hóa*” lực lượng vũ trang một cách thiết thực, hiệu quả.

Ba là, tăng cường chế độ công tác đảng, công tác chính trị trong Công an nhân dân, coi việc tiến hành công tác đảng, công tác chính trị trong Công an nhân dân là nguyên tắc cơ bản trong xây dựng lực lượng Công an nhân dân về chính trị, là một bộ phận của công tác xây dựng Đảng. Thường xuyên tiến hành công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định, quy trình, quy chế công tác đảng, công tác chính trị của công an các đơn vị, địa phương. Thực hiện nghiêm túc việc sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả các mặt công tác đảng, công tác chính trị nhằm kịp thời phát hiện những hạn chế, yếu kém để khắc phục, chấn chỉnh và sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn. Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng. Tăng cường đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa X và Kết luận Hội nghị Trung ương 5 khóa XI, tạo môi trường công tác trong sạch, lành mạnh ở mỗi cơ quan, đơn vị. Tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, trên cơ sở kế thừa những

thành tựu, kinh nghiệm đã đạt được để chủ động phát triển, đổi mới các mặt công tác đảng, công tác chính trị trong Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị đặt ra trong tình hình mới.

Bốn là, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nắm, giải quyết tình hình tư tưởng cán bộ, chiến sĩ. Đề cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, thủ trưởng đơn vị và các đơn vị chức năng trong việc chủ động nắm bắt thông tin phản ánh về tình hình tư tưởng của cán bộ, chiến sĩ để đề ra nội dung công tác chính trị và biện pháp giải quyết sát hợp, hiệu quả. Tập trung giải quyết kịp thời, dứt điểm những vấn đề liên quan đến quan điểm sai trái, tư tưởng cục bộ, bè phái, gây mất đoàn kết nội bộ cơ quan, đơn vị. Cấp ủy các cấp phải thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, không để các thế lực thù địch lợi dụng, gây chia rẽ, mất đoàn kết hoặc tác động làm cho cán bộ, chiến sĩ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Năm là, nâng cao phẩm chất đạo đức và năng lực công tác, thể hiện vai trò tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu cấp ủy và chỉ huy đơn vị. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo, chỉ huy thực sự gương mẫu, tiêu biểu về năng lực, trình độ, trí tuệ, phẩm chất, đạo đức cách mạng, phương pháp, tác phong công tác, có uy tín trong nội bộ và nhân dân, vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách và sự chống phá của các thế lực thù địch. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác đảng, công tác chính trị chuyên trách trong Công an nhân dân có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn ngang tầm nhiệm vụ.

Sáu là, chủ động đấu tranh trên phương diện lý luận, phản bác lại các quan điểm, luận điệu sai trái đòi “*phi chính trị hóa*” lực lượng vũ trang và những biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ, góp phần bảo vệ vững chắc trận địa tư tưởng của Đảng trong Công an nhân dân. Chú trọng đấu tranh trực diện với các thủ đoạn nguy hiểm của địch, kiên quyết bác bỏ những luận điệu tuyên truyền, kích động, phản khoa học, gây dao động về tư tưởng chính trị của cán bộ, chiến sĩ; đồng thời, khẳng định tính đúng đắn, tính khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

Thực hiện đồng bộ các nội dung, giải pháp nêu trên là cơ sở cho việc xây dựng lực lượng Công an nhân dân vững mạnh về chính trị, xứng đáng là lực lượng vũ trang trọng yếu, tin cậy của Đảng, Nhà nước, là lực lượng được nhân dân tin yêu, có đủ sức mạnh đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn “*phi chính trị hóa*” lực lượng vũ trang nhân dân trong chiến lược “*diễn biến hòa bình*” của các thế lực thù địch, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong giai đoạn cách mạng mới.

ĐẤU TRANH LÀM THẤT BẠI MỌI ÂM MƯU, THỦ ĐOẠN CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH CHỐNG PHÁ VIỆT NAM XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG QUÂN ĐỘI TRONG TÌNH HÌNH MỚI

PGS.TS. PHAN TRỌNG HÀO*

Quý luật của chiến tranh là mạnh được - yếu thua, vì vậy, muốn duy trì và không ngừng nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của quân đội trong thời chiến và thời bình, vấn đề chăm lo xây dựng hậu phương quân đội là tất yếu khách quan. Đây vừa là một nhân tố tạo nên sức mạnh tổng hợp của quân đội ta, của nền quốc phòng toàn dân, toàn diện, vừa là một truyền thống văn hóa dựng nước, giữ nước của dân tộc Việt Nam đã được minh chứng và tỏa sáng trong các cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc hàng nghìn năm qua. Hiện nay Đảng, Nhà nước ta kế thừa, tiếp tục xây dựng, bảo vệ và phát huy vai trò hậu phương quân đội trong thực hiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới theo tinh thần Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.

* Hội đồng Lý luận Trung ương.

Qua hơn 30 năm đất nước tiến hành công cuộc đổi mới và đẩy mạnh hội nhập quốc tế, Quân đội nhân dân đang được xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại. Những thành tựu xây dựng quân đội nói riêng và nền quốc phòng toàn dân vững mạnh nói chung là biểu hiện sự phát huy sức mạnh tổng hợp của nhiều nhân tố, trong đó nhân tố hậu phương quân đội đóng vai trò rất quan trọng. Việc Đảng và Nhà nước ta thường xuyên chăm lo xây dựng hậu phương quân đội với những chính sách cụ thể, thiết thực, hiệu quả đã góp phần quan trọng nâng cao sức mạnh chính trị - tinh thần của quân đội, tạo nền tảng vững chắc trong xây dựng bền vững nền quốc phòng toàn dân, xây dựng Quân đội nhân dân ngày càng chính quy, hiện đại.

Trước những thành tựu xây dựng quân đội trong những năm qua, các thế lực thù địch vẫn không ngừng chống phá quyết liệt quân đội ta, với nhiều thủ đoạn hết sức tinh vi, xảo quyệt, vừa ngấm ngấm, vừa công khai. Chúng liên tục cố sùyt cho các luận điệu đòi chuyên nghiệp hóa quân đội, “phi chính trị hóa” quân đội, hô hào quân đội là của nhà nước, không thuộc đảng phái nào. Các thế lực thù địch và những phần tử cơ hội, bất mãn tung ra quan điểm có vẻ khách quan, khoa học để lừa mị nhân dân khi cho rằng, trong thời chiến chống xâm lược để bảo vệ Tổ quốc mới có phân tuyến hậu phương - tiền tuyến, mới có chính sách riêng đối với quân đội và hậu phương quân đội; còn khi cả nước đã thống nhất, đặc biệt trong cơ chế thị trường không tồn tại vấn đề hậu phương quân đội (!); thậm chí chúng vin có Quân đội nhân dân Việt Nam điều động lực lượng đi làm nhiệm vụ gìn giữ hòa bình ở khu vực khác trong

khuôn khổ của Liên hợp quốc để tung ra luận điệu cho rằng, toàn cầu hóa đã làm biến mất khái niệm hậu phương quân đội,... Những quan điểm, luận điệu của các thế lực thù địch và những phần tử cơ hội, bất mãn tung ra mang tính phản động, phản khoa học cả về lý luận và không đúng với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Mục đích thâm độc của chúng hòng phá hoại chủ trương, chính sách chiến lược đầy nhân văn của Đảng và Nhà nước ta về quân đội và hậu phương quân đội; qua đó nhằm gây rối loạn, mất ổn định, làm giảm sức mạnh chiến đấu của quân đội - một công cụ sắc bén để bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ chế độ, bảo vệ nhân dân và mọi thành quả cách mạng. Vì vậy, trong tình hình mới, việc đấu tranh vạch rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá ta về xây dựng hậu phương quân đội trên cả phương diện lý luận và phương diện thực tiễn là yêu cầu rất cấp thiết.

Trên phương diện lý luận, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin luôn đề cao vai trò xây dựng, bảo vệ và phát huy vai trò hậu phương quân đội trong xây dựng quân đội của giai cấp vô sản. Ph.Ăngghen, nhà quân sự lỗi lạc và người thầy vĩ đại của cách mạng vô sản luôn nhấn mạnh đến vai trò của hậu phương vững chắc, có tổ chức để tạo nên sức mạnh quân sự của nhà nước trong bảo vệ Tổ quốc, chống thù trong, giặc ngoài; là một trong những điều kiện cơ bản, quyết định sự thành bại của chiến tranh. Theo quan điểm của Ph.Ăngghen, chiến tranh phải dựa vào hậu phương hùng mạnh. Quân đội nào tách khỏi hậu phương thì không thể giành thắng lợi trong chiến tranh, không thể tồn tại được, bởi vì hậu phương là nơi xây dựng và dự trữ tiềm lực của chiến tranh cả về chính trị, kinh tế, quân sự, văn

hóa, khoa học - kỹ thuật,...; là nơi cung cấp nhân lực, vật lực và là chỗ dựa chính trị - tinh thần cho các lực lượng ở tiền tuyến, song không phân biệt rạch ròi với tiền tuyến về mặt không gian. Ph.Ăngghen viết: “toàn bộ tổ chức và phương thức chiến đấu của quân đội, và do đó, thắng lợi và thất bại, đều tỏ ra là phụ thuộc vào những điều kiện vật chất, nghĩa là điều kiện kinh tế, vào chất liệu của con người và của vũ khí”¹. Đánh giá cao vai trò to lớn của hậu phương đối với tiến trình và kết cục thắng lợi của chiến tranh cách mạng, V.I.Lênin nhấn mạnh: Tiến hành một cuộc chiến tranh không tách rời với xây dựng một hậu phương có tổ chức vững chắc, nếu không lập tức sẽ bị kẻ thù tiêu diệt, vì họ không được vũ trang, tiếp tế lương thực và huấn luyện đầy đủ.

Đề cập đến những yếu tố quyết định sức mạnh của hậu phương, C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin đều đánh giá cao nhân tố chính trị - tinh thần, chỗ dựa vững chắc cho quân đội ở ngoài tiền tuyến. Sự chuyển hóa sức mạnh của các bên tham chiến từ yếu sang mạnh, hoặc ngược lại, phụ thuộc rất lớn vào những yếu tố như: tính chất của chiến tranh, trình độ giác ngộ của con người, năng lực xử lý các vấn đề liên quan đến chiến tranh, chăm lo đến hậu phương của binh lính... V.I.Lênin chỉ rõ: “Trong chiến tranh, ai có nhiều lực lượng hậu bị hơn, ai có nhiều nguồn lực lượng hơn, ai kiên trì đi sâu vào quần chúng nhân dân hơn, thì người đó thu được thắng lợi”². Người cũng nhấn mạnh, muốn để hậu phương động viên được sức người,

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.20, tr.241.

2. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.39, tr.271.

sức của cho kháng chiến, đồng thời là nguồn cổ vũ mạnh mẽ về chính trị, tinh thần cho các lực lượng chiến đấu trên chiến trường, phải trải qua một quá trình xây dựng, củng cố chế độ, chính sách đối với gia đình binh lính. Đó là một quá trình thường xuyên tái tạo ra tiềm lực mới cả về vật chất lẫn tinh thần, từ nhân tố hậu phương đối với gia đình binh lính, để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc chiến tranh. Các nhà kinh điển mácxít cũng chỉ ra những cấp độ và hình thức khác nhau của hậu phương; có hậu phương chiến lược, hậu phương tại chỗ, có những căn cứ du kích, lại còn có “hậu phương lòng dân” - một phạm trù rộng bao hàm vấn đề hậu phương quân đội. Như vậy, xét trên phương diện lý luận tổng quát nhất, thì lực lượng cách mạng muốn xây dựng tiềm lực quân sự, quốc phòng vững mạnh để sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng kẻ thù xâm lược, tất yếu phải xây dựng hậu phương chiến lược vững mạnh, trong đó “hậu phương lòng dân” giữ vai trò quyết định. Theo V.I.Lênin: không có một đội quân nào trên thế giới không có hậu phương vững chắc lại có thể chiến thắng được. Điều đó đã trở thành quy luật, làm cho các quan điểm, luận điểm của các thế lực thù địch xuyên tạc chống phá chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề “hậu phương lòng dân” trở nên lỗi thời.

Trên phương diện thực tiễn, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã hết sức coi trọng việc xây dựng và phát huy vai trò hậu phương quân đội, coi đó là nhân tố hết sức quan trọng, quyết định thắng lợi của toàn bộ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho

rằng, khi có chiến tranh, phải huy động và tổ chức tất cả các lực lượng trong nước để chống giặc. Người nêu rõ: “Chiến sĩ hy sinh xương máu để giữ đất nước. Bụng có no, thân có ấm mới đánh được giặc.

Làm ra gạo thóc cho chiến sĩ ăn, làm ra vải vóc cho chiến sĩ mặc. Điều nhờ nơi đồng bào ở hậu phương...

Hậu phương thắng lợi, thì chắc tiền phương thắng lợi”¹. Kế thừa truyền thống dân tộc và trên cơ sở vận dụng sáng tạo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về việc xây dựng hậu phương, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tranh thủ mọi thời gian, điều kiện vật chất, tinh thần cụ thể của hậu phương để có những chính sách phù hợp phục vụ trực tiếp cho cán bộ, chiến sĩ tại ngũ và gia đình thân nhân tham gia quân đội, cả trong thời bình cũng như thời chiến, bảo đảm để quân đội luôn trưởng thành vững mạnh, chiến thắng và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Thực tiễn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, Đảng ta đã đặc biệt chú ý đến vai trò to lớn của hậu phương quân đội. Đó là hậu phương được tổ chức chặt chẽ theo đường lối đúng đắn, sáng tạo và bằng những biện pháp, chính sách có hiệu quả. Trong các cuộc chiến không cân sức, phải đối đầu với những kẻ thù nguy hiểm, có tiềm lực kinh tế, quân sự, quốc phòng mạnh hơn ta gấp nhiều lần, thì việc tổ chức, huy động sức mạnh của toàn dân tộc và “phải có một hậu phương vững chắc” như

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, tr.540.

V.I.Lênin đã từng nói, là hoàn toàn cần thiết. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hậu phương quân đội trong kháng chiến chống xâm lược đã phát huy mạnh mẽ vai trò, tác dụng to lớn, toàn diện, góp phần động viên ý chí, niềm tin cho bộ đội trên chiến trường và gia đình họ ở hậu phương, trở thành một trong những nhân tố quyết định vào thắng lợi chung của toàn dân tộc.

Khi đất nước bước vào thời bình, cả nước thống nhất cùng đi lên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Những bài học kinh nghiệm xây dựng quân đội, trong đó có chính sách đối với quân đội và hậu phương quân đội trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược trước đây, được Đảng và Nhà nước ta kế thừa và tiếp tục xây dựng, hoàn thiện để phù hợp với phương hướng, nhiệm vụ xây dựng quân đội “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”. Thế nhưng, có những quan điểm chống đối của các thế lực thù địch cho rằng, hậu phương quân đội chỉ tồn tại trong chiến tranh, còn thời bình làm gì còn khái niệm “hậu phương”, “hậu phương quân đội”, “hậu phương chiến sĩ”, nó chỉ là gánh nặng cho xã hội phát triển (!). Những quan điểm sai trái mà các thế lực thù địch tung ra một cách hần học không ngoài mục đích phủ nhận lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chiến tranh và quân đội, về vấn đề hậu phương quân đội, cũng như phủ nhận thực tiễn sống động quan điểm, chính sách xây dựng hậu phương quân đội của Đảng và Nhà nước ta từ sau năm 1975 đến nay.

Do đó, trước hết cần khẳng định, trong thời bình quân đội vẫn phải được tăng cường xây dựng vững mạnh về mọi

mặt để sẵn sàng đối diện với chiến tranh nếu xảy ra, đặc biệt trong bối cảnh đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc vẫn diễn ra gay gắt, khó lường như hiện nay. Rõ ràng, vấn đề xây dựng hậu phương quân đội là yếu tố rất cần thiết, khách quan, là chỗ dựa, bệ đỡ, điểm tựa cho quân đội để tạo nên và không ngừng tăng cường sức mạnh nội lực cho quân đội, tạo cho quân đội hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống. Thực tiễn hơn 30 năm đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước ta rất coi trọng xây dựng hậu phương quân đội. Những năm 80 của thế kỷ XX, trước những diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế và trong nước, với quan điểm “toàn dân xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, toàn quân bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước”, Đại hội VI của Đảng đã xác định quan điểm: “xây dựng hậu phương đất nước một cách toàn diện”¹. Đại hội VII của Đảng nhấn mạnh: “Sự ổn định và phát triển mọi mặt đời sống xã hội là nền tảng của quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh”². Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 đã có điều khoản quy định thực hiện chính sách hậu phương quân đội. Đại hội XII của Đảng nêu rõ: “Xây dựng thế trận lòng dân, tạo nền tảng vững chắc xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân”³. Đó là những quan điểm nhất quán, hoàn toàn đúng

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X)*, Sđd, P.I, tr.36, 419.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.149.

đắn của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng, phát triển đất nước trong thời bình, trong đó rất chú trọng dựa vào lực lượng đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng quân đội và hậu phương quân đội vững chắc.

Có thể nêu ra một số kết quả điển hình về xây dựng hậu phương quân đội trong công cuộc đổi mới. Đó là hiện nay, 100% thân nhân của quân nhân, thân nhân của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ đang tại ngũ được hưởng chế độ bảo hiểm y tế; gần 250.000 cán bộ quân đội nghỉ hưu được tổ chức quản lý. Đặc biệt từ khi chúng ta quyết định triển khai chính sách dành cho các đối tượng tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp xuất ngũ về địa phương đã có hơn 260.000 người được hưởng chế độ. Trước đó, hơn 650.000 người đã được hưởng chế độ, chính sách cho các đối tượng tham gia kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Thực hiện Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27-10-2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương, đến nay đã có hơn 1 triệu người được hưởng chế độ, chính sách... Công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công luôn được Đảng và Nhà nước thường xuyên coi trọng, là một nội dung biểu hiện sinh động của việc xây dựng hậu phương quân đội trong thời bình. Vì vậy, phải khẳng định rằng, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, hậu phương quân đội luôn có vai trò quan trọng, là nhân tố thường xuyên tạo nền tảng trực tiếp cho mọi nhu cầu xây dựng trong đời sống của quân đội cả trong thời bình và thời chiến. Rõ ràng, trong thời bình, quân đội ta vẫn phải huấn luyện, sẵn sàng

chiến đấu, xây dựng và công tác để hoàn thành tốt chức năng của đội quân chiến đấu, đội quân công tác và đội quân lao động, sản xuất. Quan điểm, chính sách xây dựng hậu phương quân đội của Đảng và Nhà nước ta là bệ phóng, là nhân tố cơ bản để thường xuyên bảo đảm cho quân đội luôn luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Những kết quả xây dựng hậu phương quân đội những năm qua cũng chính là hiện thực sinh động nhất để đấu tranh, bác bỏ mọi quan điểm, luận điệu thù địch, sai trái về vấn đề xây dựng hậu phương quân đội ở nước ta hiện nay.

Trong tình hình mới, đất nước ta đang tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh quốc tế và khu vực đang có nhiều diễn biến phức tạp, có nhiều thuận lợi và nguy cơ, thách thức đan xen. Các thế lực thù địch đang áp dụng chiến lược “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” hòng xóa bỏ mọi thành quả cách mạng của nước ta. Vì vậy, để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả cuộc đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch về vấn đề xây dựng hậu phương quân đội, cần phải xác định những định hướng nội dung và biện pháp tổng thể, phù hợp, trong đó tập trung vào một số vấn đề sau:

Một là, định hướng nội dung cơ bản về xây dựng hậu phương quân đội, góp phần làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch.

- Thường xuyên quán triệt sâu sắc các quan điểm, nguyên tắc chỉ đạo của Đảng ta, thực tiễn yêu cầu xây dựng, chiến đấu

của quân đội trong thời bình để chủ động đề xuất, ban hành và thực hiện các chính sách đãi ngộ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới, đặc thù hoạt động và sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang.

- Phát huy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc và kinh nghiệm trong các cuộc kháng chiến, Đảng và Nhà nước tiếp tục tập trung chỉ đạo và thực hiện tốt chính sách đối với thương binh, liệt sĩ, góp phần ổn định đời sống thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và tình hình ở các địa phương.

- Động viên mọi nguồn lực, thực hiện tốt các chính sách đối với gia đình quân nhân đang phục vụ trong quân đội.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành, xây dựng cơ quan và đội ngũ cán bộ làm công tác chính sách, ngành chính sách quân đội làm nòng cốt thực hiện tốt chính sách đối với quân đội và hậu phương quân đội.

Hai là, định hướng giải pháp cơ bản đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá ta xây dựng hậu phương quân đội hiện nay:

- Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ hậu phương quân đội trong tình hình mới.

Xây dựng và bảo vệ hậu phương quân đội là hai mặt của một vấn đề, thống nhất chặt chẽ với nhau, luôn hỗ trợ và tương tác lẫn nhau. Xây dựng là cơ sở để bảo vệ, có xây dựng tốt thì mới bảo vệ được và ngược lại, có bảo vệ tốt mới giữ vững và phát huy được những thành tựu xây dựng hậu phương quân đội. Chiến tranh càng hiện đại, vai trò của nhân tố hậu phương quân đội càng tăng lên trong sự nghiệp xây dựng quân đội cách

mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng. Theo đó, các thế lực thù địch sẽ ngày càng chống phá quân đội ta quyết liệt hơn. Vì vậy, việc đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch để bảo vệ công tác xây dựng hậu phương quân đội càng trở nên cấp bách.

Xây dựng hậu phương quân đội cần chú trọng bảo đảm yêu cầu phải giữ vững ổn định chính trị, đó là tiền đề để xây dựng và phát triển hậu phương quân đội. Phải gắn với đường lối, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội để xây dựng hậu phương quân đội phù hợp. Quán triệt quan điểm dựa vào dân, dựa vào sức mình là chính, đồng thời ra sức tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế trong tăng cường củng cố quốc phòng, quân đội vững mạnh, trong đó có xây dựng hậu phương quân đội.

Bảo vệ hậu phương quân đội trước hết phải bảo vệ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm và chính sách của Đảng, Nhà nước ta về xây dựng hậu phương quân đội; bảo vệ những thành tựu xây dựng hậu phương quân đội trong công cuộc đổi mới. Đồng thời, nghiên cứu vạch rõ mọi âm mưu, thủ đoạn hiểm độc của các thế lực thù địch cấu kết với các phần tử cơ hội, bất mãn chống phá ta cả về lý luận và thực tiễn xây dựng hậu phương quân đội hiện nay. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thông tin chính thống để nhân dân hiểu rõ và luôn đề cao cảnh giác, không mắc mưu trước các thủ đoạn chống phá, kích động, phản tuyên truyền của các thế lực thù địch.

Thực tiễn đã chỉ rõ, bảo vệ tốt là cơ sở bảo đảm cho hậu

phương quân đội có một đời sống kinh tế, xã hội ổn định, nhân dân phấn khởi tin tưởng, là điều kiện quan trọng để tiến hành công cuộc xây dựng củng cố quốc phòng, quân đội vững mạnh và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá ta về xây dựng hậu phương quân đội của các thế lực thù địch. Nếu chúng ta lơ lửng việc bảo vệ sẽ không thể huy động được toàn bộ sức lực và trí tuệ của toàn dân để xây dựng hậu phương quân đội. Hơn nữa, một khi xây dựng hậu phương quân đội không tốt thì kẻ thù dễ lợi dụng chống phá ta, quân nhân không thể yên tâm phục vụ quân đội, ảnh hưởng lớn đến tâm thế sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ hậu phương quân đội trong tình hình mới phải được coi là một bài học kinh nghiệm lớn và một giải pháp hữu hiệu trong đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch về xây dựng hậu phương quân đội của ta hiện nay.

- Đảng và Nhà nước sớm hoạch định chiến lược và triển khai các kế hoạch xây dựng hậu phương quân đội phù hợp với tình hình mới.

Kinh nghiệm từ lịch sử giữ nước của dân tộc hàng nghìn năm qua cho thấy, để sẵn sàng chiến đấu chống lại các kẻ thù xâm lược lớn hơn gấp nhiều lần về sức mạnh kinh tế, quân sự, các thế hệ người Việt Nam phải dồn tâm lực vào các hoạt động quân sự để giành lại, giữ vững nền tự do, độc lập và vẹn toàn lãnh thổ. Để có thể vững vàng đối diện với chiến tranh, chiến thắng trong chiến tranh, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, nhân dân Việt Nam phải xây dựng hậu phương quân đội vững mạnh và phải có đường lối chiến lược, kế hoạch xây dựng hậu

phương quân đội từ rất sớm, thực hiện trong cả thời chiến cũng như thời bình. Rõ ràng, nếu “không có đường lối đúng để xây dựng chỗ đứng chân vững chắc, để động viên và bồi dưỡng tiềm lực của nhân dân, của đất nước nhằm bảo đảm nguồn cung cấp sức người, sức của cũng như nguồn động viên, cổ vũ về chính trị, tinh thần thì không thể tiến hành được chiến tranh cách mạng lâu dài để cuối cùng giành lấy thắng lợi”¹.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, Đảng và Nhà nước ta đã giải quyết thành công vấn đề xây dựng hậu phương quân đội và phát huy vai trò của nhân tố đó trong tiến trình giành thắng lợi quyết định của chiến tranh cách mạng. Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa và đẩy mạnh hội nhập quốc tế, đất nước thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhiều vấn đề mới đặt ra đối với xây dựng quân đội nói chung và vấn đề xây dựng hậu phương quân đội nói riêng. Vì vậy, để thực hiện tốt quan điểm của Đảng, “Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa”², Đảng, Nhà nước cần nhanh chóng nghiên cứu, hoạch định chiến lược xây dựng hậu phương quân đội và triển khai các kế hoạch phù hợp với tình hình mới. Đây cũng là một biện pháp hữu hiệu để vừa xây dựng niềm tin của nhân dân, phát huy nội lực trong nhân dân xây dựng hậu

1. Võ Nguyên Giáp: *Chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1979, tr.202.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.149.

phương quân đội; đồng thời góp phần rất quan trọng làm thất bại mọi mưu đồ vin có để chống phá ta về vấn đề này của các thế lực thù địch trong nước cũng như quốc tế.

Việc hoạch định chiến lược xây dựng hậu phương quân đội cần quán triệt sâu sắc quan điểm “lòng dân” là nền tảng chính trị của hậu phương quân đội. Bởi vì, sức mạnh của hậu phương quân đội, trước hết và chủ yếu là ở “lòng dân”; gắn chiến lược xây dựng hậu phương quân đội với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; động viên sức dân để xây dựng hậu phương quân đội phải được tiến hành song song với củng cố sức dân, chăm lo đến đời sống nhân dân, “khoan thư sức dân làm kế sâu rễ bền gốc”. Đồng thời, chú trọng đề xuất và thực hiện các chính sách có tính đột phá, đãi ngộ phù hợp các lực lượng tiên phong trong quá trình hiện đại hóa quân đội và tham gia hội nhập quốc tế về quốc phòng, quân đội. Sự ủng hộ của toàn dân đối với chiến lược của Đảng và Nhà nước là nền tảng chính trị, tinh thần vững chắc để xây dựng hậu phương quân đội và làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị trong xây dựng hậu phương quân đội, làm thất bại mọi quan điểm sai trái, thù địch.

Xây dựng hậu phương quân đội vững mạnh toàn diện không chỉ là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và các cơ quan chức năng chuyên trách, mà là trách nhiệm chung của hệ thống chính trị và của toàn dân. Kinh nghiệm hơn 30 năm đổi mới đã chỉ rõ, khi toàn bộ hệ thống chính trị “vào cuộc” sẽ tạo thành

sức mạnh và hiệu quả thực hiện chính sách đối với quân đội và xây dựng hậu phương quân đội, qua đó không để khoảng trống cho các thế lực thù địch len lỏi chống phá ta. Vì vậy, việc phát huy những thành tựu, kinh nghiệm trước đây, vận dụng phù hợp với tình hình mới, xây dựng hậu phương quân đội vững mạnh, làm chỗ dựa bảo đảm cho việc nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội cần phải luôn phát huy vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị một cách hiệu quả, thiết thực hơn, cả trước mắt và lâu dài.

Yêu cầu đặt ra đối với từng tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đoàn thể là phải thực sự làm tốt vai trò, chức năng của mình trong việc tổ chức quản lý và điều hành các hoạt động xây dựng hậu phương quân đội theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phải chú trọng phát huy tốt vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo chấp hành và thực hiện nghiêm chỉnh chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách, chế độ đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng; ưu tiên các chính sách động viên, khuyến khích đối với các lực lượng làm nhiệm vụ nơi khó khăn, gian khổ, biên giới, biển, đảo, các lực lượng làm nhiệm vụ mới, có yêu cầu cao, phức tạp. Thực hiện có hiệu quả các vấn đề trên vừa là trách nhiệm, sự tri ân đối với cống hiến, hy sinh của các thế hệ đi trước, vừa là yêu cầu giáo dục, bồi đắp truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên, công chức và toàn dân, nhất là thế hệ trẻ; đồng thời tạo sự đồng thuận xã hội trong đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của các

thế lực thù địch chống phá ta về xây dựng hậu phương quân đội hiện nay.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở trong tổ chức thực hiện chính sách đối với quân đội và xây dựng hậu phương quân đội phải bảo đảm công khai, minh bạch, chống tham nhũng, lãng phí, không tạo sơ hở để các thế lực thù địch lợi dụng chống phá ta. Đồng thời, tiếp tục kiện toàn cơ quan và đội ngũ cán bộ làm công tác chính sách trong hệ thống chính trị có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng hậu phương quân đội vững mạnh.

Ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, việc phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị đối với việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng hậu phương quân đội càng có ý nghĩa hết sức quan trọng, tác động đến toàn bộ cơ sở chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước. Vì vậy, cần phải thường xuyên giáo dục, đề cao trách nhiệm chính trị của mỗi công dân trong thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội; đồng thời nêu cao cảnh giác, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi mưu toan của các thế lực thù địch chống phá quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng hậu phương quân đội trong tình hình mới.

**PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG:
“TRONG ĐIỀU KIỆN CHIẾN TRANH BẰNG
VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO, ĐƯỜNG LỐI
XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN
VÀ AN NINH NHÂN DÂN LÀ SAI LẦM”**

Trung tướng, GS.TS. NGUYỄN NGỌC THANH*

Cuộc đấu tranh bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã và đang diễn ra vô cùng gay go, phức tạp. Các thế lực thù địch quốc tế và trong nước bằng những thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt, tìm mọi biện pháp làm suy yếu và phá vỡ nền tảng chính trị ở nước ta, trực tiếp chống phá những quan điểm, đường lối của Đảng ta trong điều kiện mới. Một trong những nội dung quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân đã và đang bị các thế lực thù địch phủ định. Chúng cho rằng, trong điều kiện chiến tranh

* Chủ tịch Hội đồng chức danh Giáo sư ngành Khoa học quân sự, Bộ Quốc phòng.

bằng vũ khí công nghệ cao thì đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân của Đảng Cộng sản Việt Nam là lỗi thời, là sai lầm. Luận điệu đó nhằm gây hoang mang và mất niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào đường lối bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới. Đây chỉ là những thủ đoạn lừa gạt, sự ngạo nhận và đề cao quá mức sức mạnh của vũ khí công nghệ cao, dẫn tới mù quáng không nhận ra sức mạnh tổng hợp của dân tộc ta mà không loại vũ khí hiện đại nào, không một kẻ xâm lược nào có thể khuất phục được.

1. Vũ khí công nghệ cao tuy có sức mạnh, nhưng không phải là vạn năng

Vũ khí công nghệ cao là những sản phẩm được nghiên cứu, thiết kế dựa trên những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, có sự nhảy vọt về chất và tính năng chiến đấu - kỹ thuật. Vũ khí công nghệ cao có những đặc tính: độ chính xác cao (còn gọi là vũ khí chính xác), uy lực phá hủy lớn, tầm hoạt động xa, sức cơ động cao, có thể hoạt động trong những điều kiện nhiễu, thời tiết phức tạp, ngày, đêm và đạt hiệu quả hơn hàng chục tới hàng trăm lần so với vũ khí thông thường trước đây. Một số loại vũ khí công nghệ cao còn được gọi là vũ khí thông minh hay vũ khí tinh khôn có khả năng nhận biết một số địa hình, nhớ được tọa độ và đặc điểm của mục tiêu, tự động tìm và chọn mục tiêu, có khả năng linh hoạt trong thay đổi các phương án tiến công mục tiêu đã được sử dụng trong chiến tranh vùng Vịnh (năm 1991), chiến tranh Nam Tư (năm 1999), chiến tranh Ápganixtan (năm 2001), chiến tranh Irắc (năm 2003)... Các chuyên gia quân sự phương Tây coi

vũ khí công nghệ cao là loại vũ khí phổ biến trong chiến tranh tương lai¹. Đồng thời vũ khí công nghệ cao cũng làm thay đổi các phương thức tiến hành chiến tranh như: triệt để lợi dụng vũ khí công nghệ cao để thực hiện tiến công hỏa lực từ xa (phi tiếp xúc), thực hiện những đòn đánh phủ đầu làm “mềm” chiến trường, phá hủy mọi tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh và lực lượng vũ trang của đối phương, làm hoang mang, tan rã về tinh thần, trước khi đưa lực quân vào tham chiến. Ngoài ra, chúng sẽ tăng cường chiến tranh điện tử nhằm vô hiệu hóa mọi hệ thống liên lạc và lãnh đạo, chỉ huy chiến tranh, chỉ huy tác chiến của đối phương...

Chúng ta không phủ nhận vai trò và tính chất nguy hại của vũ khí công nghệ cao, nhưng cũng cần nhìn nhận khoa học và biện chứng về khả năng của các loại vũ khí hiện đại này.

Thứ nhất, dù hiện đại tới đâu, vũ khí công nghệ cao không thể làm thay đổi bản chất của các hoạt động quân sự như: thu thập, xử lý tin tức tình báo; chỉ huy tác chiến; cơ động lực lượng, cơ động hỏa lực; tác chiến tiến công, phản công, phòng ngự. Các yếu tố liên quan đến tác chiến của lực lượng vũ trang như: bí mật, bất ngờ, yếu tố chính trị, tinh thần và các mặt bảo đảm cho chiến đấu...

Thứ hai, đặc điểm nổi bật của vũ khí công nghệ cao là tính hệ thống hoàn chỉnh, tính liên kết chặt chẽ trong một cơ cấu

1. Bộ Quốc phòng: *Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004, tr.1181.

thống nhất, chỉ cần hỏng một khâu nào đó sẽ kéo theo sự hỏng hóc, ngưng trệ của toàn bộ hệ thống.

M.Defourneaux, chuyên viên Pháp, Giám đốc Trung tâm kỹ thuật của khối NATO cũng phải thừa nhận: *“Ngay với đôi thủ yếu, họ chỉ cần làm hỏng một bộ phận cũng đủ xóa bỏ hiệu lực của toàn bộ hệ thống vũ khí hiện đại, ngược lại để xóa một nhóm du kích độc lập, có thể phải diệt đến người cuối cùng”*; *“Nơi mà xe tăng hạng nặng và khí tài điện tử hoặc trí tuệ không hoạt động được, thì ở đó con người vẫn tiếp tục cuộc chiến”*; *“Sức mạnh vũ khí không thể thay thế được cái vĩ đại từ hàng nghìn năm nay - sức mạnh con người”*¹... Đây là một sự đánh giá rất khách quan của chính những người trong cuộc về những hạn chế của vũ khí công nghệ cao.

Thứ ba, ngày nay các đối thủ có đủ trình độ và năng lực để tạo ra các loại mục tiêu giả như thật để đánh lừa đối phương (như: cầu, phà giả; địa hình giả; trận địa phòng không, pháo binh giả; sân bay giả; thậm chí cả một thành phố giả...) tạo ra nhiều loại bẫy kỹ thuật để lừa địch, tạo ra nguồn số liệu đầu vào giả, làm rối loạn các thiết bị điều khiển vũ khí công nghệ cao.

Thứ tư, địa hình, khí hậu, thời tiết phức tạp cũng là những yếu tố bất lợi cho các loại vũ khí điều khiển chính xác... Xét ở góc độ nghệ thuật quân sự, trong chừng mực nào đó, vũ khí công nghệ cao có lúc không đương đầu nổi với các loại vũ khí thô sơ, vũ khí ít hiện đại của đối phương. Cho tới nay chưa có một mô hình toán học nào có thể bao quát hết được các yếu tố

1. Bộ Quốc phòng, Trung tâm thông tin Khoa học quân sự: *Tạp chí Thông tin Khoa học quân sự nước ngoài*, số tháng 8-1995, tr.18-19.

trên vào điều khiển vũ khí chính xác. Đây cũng là những điểm yếu của vũ khí công nghệ cao mà đối phương có thể dùng các biện pháp chiến thuật và kỹ thuật để đối phó với vũ khí công nghệ cao.

Thứ năm, để tiến hành cuộc chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao, phải tổ chức quân đội theo quy mô đồ sộ, công kênh, phụ thuộc nặng nề vào công nghệ, các thành phần của quân đội lại phụ thuộc chặt chẽ với nhau, do đó sẽ kém linh hoạt, đặc biệt khi phải đối phó với kiểu chiến tranh nhỏ, chiến tranh du kích...

Các lực lượng tham gia chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao phải được huấn luyện, chuẩn bị nhiều thời gian, nếu cuộc chiến tranh bị kéo dài không phải lúc nào cũng đáp ứng kịp và không phải nước nào cũng làm được.

Thứ sáu, chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao cần lực lượng bảo đảm cho tác chiến (không trực tiếp chiến đấu) rất lớn. Hệ thống bảo đảm tác chiến rất phức tạp, phải liên kết hàng trăm căn cứ chiến đấu ở khắp nơi trên thế giới... sẽ tạo ra sự thiếu bền vững của công tác bảo đảm. Hệ thống bảo đảm hậu cần - kỹ thuật công kênh, cứng nhắc và tốn nhiều sức người, sức của cũng là một hạn chế của chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao. Trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh (năm 1991), trong số 537.000 quân Mỹ tham chiến có tới 350.000 quân (chiếm 64%) quân số làm công tác bảo đảm hậu cần - kỹ thuật.

Ngoài ra, sẽ rất tốn kém trong chi phí tài chính để phát triển vũ khí công nghệ cao, chẳng hạn để phát triển loại máy bay

chiến lược tàng hình B.2 phải chi tới 530 triệu USD, máy bay tàng hình F.117A phải chi tới 120 triệu USD... nghĩa là so với thế hệ vũ khí trước đây, vũ khí công nghệ cao đắt gấp 10 đến 100 lần. Trong chiến tranh vùng Vịnh (năm 1991) chỉ kéo dài hơn 1 tháng đã chi hết 70 tỷ USD.

Như vậy, việc bảo đảm hậu cần - kỹ thuật, tài chính cho một cuộc chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao là những thách thức, khó khăn và hạn chế của loại chiến tranh này.

Thứ bảy, về phương thức tiến hành chiến tranh, nhìn về hình thức thì chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao sẽ phô diễn được “ưu thế” của vũ khí công nghệ cao như: tiến công từ xa (phi tiếp xúc), đánh áp đảo đối phương, đánh nhanh, giải quyết nhanh... Tuy vậy, nếu chỉ dùng sức mạnh của hỏa lực để thay thế cho xung lực thì khó giải quyết triệt để được thắng lợi trong chiến tranh. Nghĩa là muốn cái “ưu thế”, cái “cao” của vũ khí công nghệ cao để bù cho “cái thấp” của mục đích cuộc chiến tranh phi nghĩa, dùng hỏa lực tiêu diệt đối phương thay cho việc sử dụng binh lính vào chiến tranh để xoa dịu dư luận trong nước... chỉ là những ảo tưởng khó thực hiện được.

2. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, tạo sức mạnh tổng hợp là con đường duy nhất đúng để bảo vệ Tổ quốc, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao

Trong tất cả các cuộc chiến tranh chống xâm lược từ ngàn xưa tới thời đại ngày nay, nhân dân ta luôn phải đương đầu với những kẻ xâm lược có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh hơn ta nhiều lần và đều giành được thắng lợi vẻ vang. Đặc biệt trong

thế kỷ XX, nhân dân ta đã đánh thắng hai đế quốc mạnh nhất của thời đại ngày nay là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Trong chiến tranh không bao giờ có chuyện may rủi, mà phải theo đúng quy luật là “mạnh được yếu thua”. Trong quá khứ, hiện tại và tương lai, Đảng ta luôn nắm vững quy luật đó, tìm mọi biện pháp để xây dựng sức mạnh tổng hợp đủ sức đánh thắng kẻ thù xâm lược có tiềm lực kinh tế, vũ khí trang bị quân sự hiện đại và mạnh hơn ta nhiều lần. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân là đường lối đúng đắn và khoa học nhất trong thời bình, sẵn sàng chuyển hóa thành lực lượng, thế trận chiến tranh nhân dân, đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, kể cả kẻ thù đó tiến hành chiến tranh xâm lược bằng vũ khí công nghệ cao.

Nền quốc phòng và an ninh của ta là nền quốc phòng, an ninh của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và quản lý thống nhất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là quan điểm cơ bản nhất của truyền thống quân sự Việt Nam là “cả nước chung sức một lòng, toàn dân đánh giặc”. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân là xây dựng *lực lượng quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân và xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân*. Nội dung xây dựng lực lượng quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân tập trung vào xây dựng bốn tiềm lực cơ bản là: *tiềm lực chính trị, tinh thần; tiềm lực kinh tế; tiềm lực khoa học và công nghệ; và tiềm lực quân sự, an ninh*.

- *Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần* là xây dựng yếu tố con người với tư cách là chủ thể có vai trò quyết định trong chiến

tranh. Đây cũng là chỗ mạnh cơ bản của ta, phải chăm lo xây dựng rất công phu ngay từ trong thời bình, nhất là trong điều kiện phức tạp hiện nay, chăm lo xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần là một việc làm thường xuyên, liên tục với những biện pháp phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện mới.

- *Xây dựng tiềm lực kinh tế* là cơ sở vật chất của sức mạnh quốc phòng, an ninh, chúng ta không thể có nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân mạnh nếu không có kinh tế mạnh, phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm hiện nay để vừa nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, vừa có đủ khả năng để tăng cường tiềm lực cho quốc phòng và an ninh, mỗi bước phát triển của kinh tế phải tăng cường tiềm lực cho quốc phòng và an ninh.

- *Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ* có ý nghĩa cực kỳ quan trọng không chỉ với nền kinh tế quốc dân mà còn phục vụ đắc lực cho hiện đại hóa Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, lực lượng nòng cốt trong củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội - một nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn dân. Khoa học, công nghệ và kinh tế phát triển sẽ tạo điều kiện phát triển công nghiệp quốc phòng và an ninh, tăng cường nguồn lực, tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hiện đại hóa lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

- *Xây dựng tiềm lực quân sự và an ninh* là xây dựng lực lượng quân đội nhân dân và công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có cơ cấu tổ chức hợp lý, “ưu

tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng”¹ cho quân đội và công an, bảo đảm quân đội và công an “vững mạnh về chính trị, nâng cao chất lượng tổng hợp sức mạnh chiến đấu, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân”².

Bốn tiềm lực là một thể thống nhất biện chứng, quan hệ chặt chẽ, bổ sung cho nhau, trong đó tiềm lực chính trị, tinh thần là nhân tố quyết định; tiềm lực kinh tế, khoa học và công nghệ là rất quan trọng không thể thiếu; tiềm lực quân sự và an ninh là nòng cốt.

Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc trên từng khu vực và trên cả nước, đặc biệt ở các vùng chiến lược trọng điểm, chú trọng xây dựng “thể trận lòng dân” tạo nền tảng vững chắc cho xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Có kế hoạch chủ động và sẵn sàng chuyển hóa lực lượng, thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân thành lực lượng và thể trận chiến tranh nhân dân nếu xảy ra chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao của mọi kẻ thù xâm lược.

Như vậy, đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân của Đảng ta sẽ bảo đảm cho nước ta có sức mạnh tổng hợp hơn chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao của địch ở những vấn đề cơ bản sau:

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.149.

Một là, chúng ta có sức mạnh chính nghĩa, sức mạnh chính trị, tinh thần của một nước có độc lập, chủ quyền chống lại chiến tranh xâm lược, áp đặt của nước khác. Cuộc chiến tranh chính nghĩa đó sẽ được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới. Ta sẽ kết hợp được sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại để cô lập và chiến thắng kẻ thù. Tháng 8-1948, tại Hội nghị Quân sự lần thứ năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “muốn thành công phải có ba điều kiện là: thiên thời, địa lợi và nhân hòa... Nhưng thiên thời không quan trọng bằng địa lợi mà địa lợi không quan trọng bằng nhân hòa.

Nhân hòa là thế nào?

Nhân hòa là tất cả mọi người phải nhất trí. Nhân hòa là quan trọng hơn hết”¹. Lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh là phương pháp luận quan trọng để chúng ta xây dựng sức mạnh vô địch của nhân dân trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, chúng ta có sức mạnh của cả nước một lòng, toàn dân đánh giặc, tiến hành chiến tranh toàn dân, toàn diện và hiện đại, do lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt với nền nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo, biết “lấy ít địch nhiều, lấy nhỏ thắng lớn”, đồng thời biết nắm thời cơ tập trung lực lượng hơn địch một cách hợp lý ở quy mô chiến dịch, chiến thuật để tiêu diệt địch. Cố Thủ Tướng Phạm Văn Đồng đã khái quát về sức mạnh của chiến tranh nhân dân Việt Nam: “Có lẽ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.594.

hiếm ở đâu chiến tranh nhân dân trong thực tế lại đúng với tên gọi của nó như vậy, thực sự sâu rộng trong nhân dân và thực sự vô địch như nhân dân"¹.

Nhân dân là vô địch, chiến tranh nhân dân Việt Nam đã đánh thắng hai đế quốc to nhất của thế kỷ XX. Trong thời đại ngày nay, tuy có nhiều đổi thay, nhưng chiến tranh nhân dân Việt Nam vẫn đủ thế và lực đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược.

Cả trước kia, hiện nay và sau này, chúng ta không duy ý chí, không bao giờ coi nhẹ vấn đề vũ khí và chất lượng vũ khí cũng như không bao giờ lơ là việc tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh để có đủ sức mạnh đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, dù chúng là ai, sử dụng vũ khí, trang bị hiện đại tới mức nào, chúng ta đều quyết đánh, dám đánh và biết đánh, biết tránh chỗ mạnh, khoét sâu chỗ yếu, điểm yếu của địch cả về vũ khí, trang bị và phương thức tiến hành chiến tranh để đánh thắng chúng.

Ba là, chúng ta có những giải pháp khoa học, kết hợp cả chiến thuật và kỹ thuật trong phòng, chống vũ khí công nghệ cao, có kế hoạch tốt bảo toàn tiềm lực kinh tế, quân sự, an ninh, phòng tránh vũ khí công nghệ cao. Tổ chức tốt các lực lượng đánh trả vũ khí công nghệ cao cả ở quy mô chiến lược, chiến dịch và chiến thuật, đặc biệt cách đánh rộng khắp của các khu vực phòng thủ địa phương, buộc địch phải phân tán, bị động đối phó, làm cho địch không có điều kiện phát huy sức mạnh

1. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1990, tr.32.

của vũ khí công nghệ cao; mất chỗ dựa chủ yếu này quân địch sẽ suy sụp, suy yếu nhanh chóng và sẽ bị thất bại trong chiến tranh xâm lược.

Bốn là, sử dụng có hiệu quả vũ khí trang bị hiện đại kết hợp với vũ khí trang bị chưa hiện đại và thô sơ. Kết hợp đánh rộng khắp, cài xen kẽ với địch với nắm thời cơ tập trung lực lượng ở các quy mô thích hợp để tiêu diệt làm suy yếu địch từng bước, tiến tới đánh bại ý chí xâm lược của địch giành thắng lợi trong chiến tranh.

Chúng ta cần phát huy tốt sức mạnh của lực quân. Về vũ khí trang bị, lực quân ta không kém địch, nhất là bộ binh. Về tinh thần và ý chí chiến đấu, chúng ta hơn hẳn địch với cách đánh khoa học nên nhất định sẽ đánh bại lực quân địch - lực lượng có vai trò quyết định trên chiến trường, giành thắng lợi quyết định trong chiến tranh.

Ngoài ra, chúng ta khéo kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và ngoại giao, trong đó đấu tranh quân sự trên chiến trường là chủ yếu, quyết định, làm cho địch bị cô lập trên trường quốc tế, suy yếu về tinh thần tạo thành sức mạnh tổng hợp để thắng địch.

“Đặc điểm cơ bản của nền nghệ thuật tiến hành chiến tranh nhân dân đó là nghệ thuật lấy nhỏ thắng lớn, lấy yếu chống mạnh về kinh tế và vật chất kỹ thuật, lấy ít đánh nhiều về lực lượng vũ trang tập trung, lấy trang bị kỹ thuật ít hơn và kém hiện đại đánh thắng quân địch có trang bị kỹ thuật dồi dào và hiện đại hơn. Nó biểu thị *một tư duy quân sự rất sáng tạo*, tiêu biểu cho *học thuyết chiến tranh nhân dân Việt Nam* trong thời đại

Hồ Chí Minh. Giá trị về quan điểm và lý luận của nó thật sự bền vững cho hiện nay và cho mai sau”¹.

Một nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh, ngày càng hiện đại được biểu hiện ở lực lượng và thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân và “thể trận lòng dân” do lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý điều hành thống nhất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quy tụ được sức mạnh dân tộc, được sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ, nhất định chúng ta có đủ sức mạnh vật chất và tinh thần để đánh thắng mọi kẻ thù tiến hành chiến tranh xâm lược bằng vũ khí công nghệ cao.

1. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.195.

**PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG:
“TRONG ĐIỀU KIỆN TÁC CHIẾN BẰNG
VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO, ĐƯỜNG LỐI
XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN
VÀ AN NINH NHÂN DÂN LÀ SAI LẦM”**

Thiếu tướng, PGS.TS. NGUYỄN VĂN SƠN*

Có thể khẳng định, quan điểm cho rằng: “Trong điều kiện tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao, đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân là sai lầm” là tiếp tục tư tưởng của thuyết “vũ khí luận” - một luận thuyết của chủ nghĩa tư bản đã ra đời từ nhiều thập kỷ nay. Và chính chủ nghĩa tư bản đã công nhận về sự phiến diện của nó về mặt khoa học, khi họ thừa nhận đã bị thua trong một số cuộc chiến tranh, mặc dù trong tay họ là vũ khí công nghệ cao, hiện đại gấp nhiều lần đối phương. Việc một số cán bộ, đảng viên cho rằng “trong điều kiện tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao, đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân là sai lầm” chính là biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, “nói và viết không

* Phó Giám đốc Học viện Quốc phòng.

đúng với quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”¹, “nói, viết, làm trái quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”².

Thuyết “vũ khí luận” cho rằng, nhân tố quyết định sức mạnh chiến đấu của quân đội, của lực lượng vũ trang, của các bên tham chiến, của thành hay bại trong chiến tranh là vũ khí. Từ chỗ tuyệt đối hóa vai trò của vũ khí, thuyết “vũ khí luận” hạ thấp và đi đến phủ nhận vai trò của nhân tố con người trong sức mạnh chiến đấu, trong tiến trình và kết cục của chiến tranh. Phủ nhận vai trò của con người cũng có nghĩa là phủ nhận toàn bộ vai trò chi phối của đường lối, chủ trương, chính sách, quyết sách, chiến lược, kế hoạch, mưu lược... của nhà nước, giai cấp đã hoạch định ra để tiến hành chiến tranh.

Trước khi bàn tiếp về vấn đề này, chúng ta phải trở lại với tư tưởng của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về mối quan hệ giữa con người với vũ khí và nhân tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh. Với nhãn quan duy vật biện chứng, C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đã đánh giá khách quan về tất cả các yếu tố có liên quan đến sức mạnh quân sự quốc gia, đặc biệt là vũ khí và con người.

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, trong cuộc đấu tranh giai cấp, “một giai cấp bị áp bức nếu không cố gắng học tập sử dụng vũ khí, không cố gắng để có được vũ khí thì chỉ đáng bị

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.29, 32.

người ta coi là nô lệ”¹. Đối với “những công cụ” - vũ khí của bạo lực - thì “công cụ hoàn hảo hơn sẽ thắng công cụ không hoàn hảo bằng”². Sự ra đời, tồn tại và phát triển của vũ khí chi phối rất lớn đến các yếu tố khác để tạo nên chiến thắng trong chiến tranh, đặc biệt là phương thức tác chiến. Mỗi sự thay đổi của vũ khí tất yếu lại dẫn đến sự thay đổi của phương thức tác chiến. Sự thay đổi của phương thức tác chiến là một quá trình cách mạng hóa, mà nguyên nhân, “không phải là “những sáng tạo tự do của trí tuệ” của những tướng lĩnh thiên tài, mà là việc phát minh ra những vũ khí tốt hơn và việc thay đổi chất liệu người lính”³. Vũ khí hiện đại chỉ là một nhân tố trong rất nhiều các nhân tố khác để tạo nên chiến thắng. Sức mạnh tạo nên chiến thắng phải là sức mạnh tổng hợp của con người và vũ khí. Mỗi quan hệ giữa con người và vũ khí được thể hiện thông qua tổ chức và phương thức tác chiến. Và “do đó, thắng lợi và thất bại, đều tỏ ra là phụ thuộc vào những điều kiện vật chất, nghĩa là điều kiện kinh tế, vào chất liệu của con người và của vũ khí, nghĩa là vào chất lượng và số lượng của dân cư và của kỹ thuật”⁴.

Như vậy, có thể thấy mỗi quan hệ giữa con người với vũ khí mới là nền tảng tạo nên sức mạnh chiến đấu của quân đội. Một điều rất hiển nhiên là bản thân mọi loại vũ khí đều là sản phẩm sáng tạo của con người. Vì vậy, dù nó có hiện

1. Đại tướng Nguyễn Chí Thanh: *Tổng tập*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2009, tr.376.

2, 3, 4. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.234-235, 241.

đại tới đâu thì vẫn chỉ là vũ khí. Nó không thể phát huy được tác dụng, uy lực, tính năng kỹ thuật và chiến thuật nếu không có bàn tay, khối óc của con người sản sinh và điều khiển nó.

Vấn đề tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao và đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân của nước ta đương nhiên là có mối quan hệ biện chứng. Song, nếu cho rằng, trong điều kiện tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao, đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân là sai lầm, thì đây lại chính là một quan niệm sai lầm cả về khoa học và chính trị, cả về quân sự và chính trị, cả về kỹ thuật và chiến thuật...

Vũ khí công nghệ cao với những đặc điểm nổi bật như: tính tinh khôn, chính xác, sức hủy diệt lớn, nhanh, ác liệt, chớp nhoáng, bất ngờ, hậu quả nặng nề. Sử dụng vũ khí công nghệ cao với tính mục đích cao, kế hoạch chuẩn xác, trình độ kỹ thuật, công nghệ và tính kỷ luật của con người rất cao...

Những đặc điểm của vũ khí công nghệ cao và tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao tác động rất mạnh mẽ, sâu sắc đến mục đích chính trị, mục tiêu, tổ chức và phương thức tác chiến và quốc phòng của các quốc gia.

Đối với nước ta, vũ khí công nghệ cao và sử dụng vũ khí công nghệ cao không phải là vấn đề mới. Dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ có sử dụng vũ khí công nghệ cao. Năm 1972, Mỹ đã huy động tới 40% lực lượng không quân chiến thuật (1.300 chiếc), 45% máy bay ném bom chiến lược

B.52 (150 chiếc), 60 tàu chiến. Chỉ tính riêng lực lượng không quân mà đế quốc Mỹ dùng đánh Việt Nam gần bằng lực lượng không quân của ba nước mạnh nhất Tây Âu lúc đó gồm Anh, Pháp và Cộng hòa liên bang Đức cộng lại (1.575 chiếc). Tổng thống R.Nixon khi đó hy vọng Mỹ sẽ đạt được mục đích thay đổi cục diện chiến tranh qua cuộc tập kích chiến lược đường không. Nhà sử học Giolingeri tiết lộ rằng: R.Nixon, H.Kissinger và 1.700 nhân viên phi hành B.52 tham gia cú đấm chiến lược này đều có niềm tin mãnh liệt ban đầu về kết quả chiến đấu. Bởi vì theo họ ở Nam Việt Nam B.52 giữ vai trò quyết định, các vũ khí phòng không của Việt Cộng không có tác dụng gì với B.52. Song, với ý chí quyết tâm sắt đá, sự thông minh, sáng tạo vượt bậc, nhân dân Việt Nam đã đập tan cuộc tập kích chiến lược quy mô lớn của đế quốc Mỹ. Đây là chiến dịch đầu tiên trên thế giới tiêu diệt nhiều máy bay ném bom chiến lược B.52 của Mỹ. Đây cũng là trận thất bại nặng nề nhất của không quân Mỹ từ trước tới nay. Tầm vóc vĩ đại của chiến thắng 12 ngày đêm cuối năm 1972, thế giới gọi đó là trận “Điện Biên Phủ trên không”. Thắng lợi này tạo thế và lực mới cho Việt Nam trên bàn đàm phán tại Hội nghị Pari và đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; một lần nữa khẳng định sức mạnh tổng hợp và con người mới là nhân tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh.

Vũ khí công nghệ cao dù có siêu việt đến đâu thì nó cũng chỉ là phục vụ mục đích chiến tranh, mục đích chính trị. Tính chất hiện đại cả về kỹ thuật và chiến thuật của vũ khí công nghệ cao không thể làm mất đi bản chất, tính chất chính trị - xã hội của chiến tranh, của nền quốc phòng. Bản chất chiến tranh

vẫn là sự kế tục của chính trị bằng biện pháp bạo lực; chính trị quyết định chiến tranh, chiến tranh tác động trở lại chính trị. Quốc phòng là công cuộc giữ nước của một quốc gia, gồm tổng thể hoạt động đối nội và đối ngoại về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học,... của nhà nước và nhân dân, trong đó sức mạnh quân sự là đặc trưng nhằm để phòng thủ đất nước, giữ vững hòa bình, đẩy lùi, ngăn chặn các hoạt động gây chiến và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược của kẻ thù dưới mọi hình thức, quy mô để bảo vệ vững chắc tổ quốc. Tổ chức và hoạt động quốc phòng của mỗi nước phụ thuộc trực tiếp vào chế độ chính trị - xã hội, truyền thống dân tộc và hoàn cảnh cụ thể của mỗi nước.

Đối với nước ta, tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao của kẻ xâm lược không thể làm thay đổi bản chất, tính chất, mục đích chính trị của cuộc chiến tranh nhân dân và nền quốc phòng toàn dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Quốc phòng Việt Nam là nền quốc phòng toàn dân, bao gồm tổng thể hoạt động đối nội và đối ngoại về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học...; dựa trên sức mạnh của cả nước, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng quân sự và thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước.

Vũ khí công nghệ cao đã, đang, sẽ tiếp tục đặt ra những yêu cầu mới và khó khăn, thách thức mới đối với nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trên cả phương diện đường lối,

chiến lược, sách lược; xây dựng và tổ chức lực lượng, lập thế trận; chỉ huy, lãnh đạo; con người và vũ khí...

Để xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, đủ sức đánh thắng kẻ thù sử dụng vũ khí công nghệ cao, đòi hỏi phải có tư duy mới về xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Trong đó, đặc biệt chú trọng đổi mới các chủ trương, biện pháp để cả nước đoàn kết thành một khối thống nhất ý chí và hành động; huy động sức mạnh vật chất, trí tuệ của mọi lực lượng, mọi thành phần kinh tế; đổi mới phương thức tác chiến nhằm phát huy cao độ vũ khí, trang bị hiện có, tính độc lập, tự chủ, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đánh, dám thắng, biết đánh, biết thắng của toàn dân, toàn quân, khoét sâu những điểm yếu, hạn chế đến mức cao nhất những điểm mạnh của địch, phát huy cao nhất sở trường, hạn chế đến mức thấp nhất những sở đoản của ta, làm cho ta càng đánh càng mạnh, làm cho địch càng đánh càng yếu; kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn giữ vững môi trường hòa bình, sẵn sàng đánh bại mọi kẻ thù, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chúng ta chiến thắng kẻ thù bằng sức mạnh tổng hợp, lấy con người là nhân tố quyết định. Song, sức mạnh tổng hợp sẽ được nhân lên nếu chúng ta có trong tay vũ khí hiện đại, vũ khí công nghệ cao. Vì vậy, Đảng, Nhà nước, quân đội chủ trương xây dựng nền quốc phòng toàn dân, toàn diện, hiện đại; xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, trong đó một số lực lượng (không quân, hải quân, thông tin, tác chiến điện tử...) tiến thẳng lên hiện đại. Sự hiện đại hóa từng bước và tiến

thăng lên hiện đại đã bao hàm trong đó cả nhân tố con người, vũ khí và mối quan hệ giữa con người và vũ khí.

Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, chúng ta cũng đánh thắng kẻ thù xâm lược bằng sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, trong đó con người là nhân tố quyết định. Vì vậy, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân phải luôn giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa con người với vũ khí; kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại... để tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn giữ vững môi trường hòa bình, sẵn sàng đánh bại mọi kẻ thù, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG:
“TRONG ĐIỀU KIỆN TÁC CHIẾN BẰNG
VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO, ĐƯỜNG LỐI
XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN
VÀ AN NINH NHÂN DÂN LÀ SAI LẦM”**

Trung tướng TRẦN THÁI BÌNH*

Những năm gần đây, trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh xuất hiện một số quan điểm nhấn mạnh, đề cao vai trò của vũ khí công nghệ cao trong tác chiến, coi nhẹ yếu tố con người. Thậm chí còn có quan điểm cho rằng: Chỉ có các lực lượng sở hữu vũ khí công nghệ cao mới có thể đánh thắng trong chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao, dẫn đến phủ nhận giá trị của quốc phòng, an ninh truyền thống, coi nhẹ vai trò của nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân và chiến tranh nhân dân. Sự thật, có vũ khí công nghệ cao để chống lại kẻ địch là tốt, nhưng dù vũ khí hiện đại thế nào đi nữa vẫn phải do con người sử dụng, do đó, con người là yếu tố quyết định, còn vũ khí tốt sẽ nâng cao hiệu suất tác chiến. Nhưng không phải nước nào và bao giờ các nước cũng có vũ

* Nguyên Viện trưởng Viện Chiến lược Quốc phòng, Bộ Quốc phòng.

khí công nghệ cao ngang bằng nhau, vì thông thường nhiều quốc gia phải tiến hành chiến tranh bằng vũ khí, trang bị kém hơn, thậm chí là rất kém để chống lại đối phương có vũ khí công nghệ cao. Do đó, phải có đường lối xây dựng nền quốc phòng, an ninh và tiến hành chiến tranh phù hợp điều kiện, hoàn cảnh của từng quốc gia.

Với Việt Nam, có thể khẳng định: Hiện tại và trong tương lai nếu buộc phải tiến hành chiến tranh để bảo vệ Tổ quốc, chúng ta vẫn phải tác chiến bằng vũ khí, trang bị ở trình độ hạn chế hơn đối phương nhiều lần, vì vậy, cần có đường lối xây dựng nền quốc phòng, an ninh hợp lý ngay từ thời bình để có thể hạn chế chỗ mạnh, khoét sâu chỗ yếu của kẻ địch có vũ khí công nghệ cao. Kế thừa được các giá trị quốc phòng, an ninh truyền thống, phát huy mặt mạnh, khắc phục các mặt còn hạn chế của ta để đánh thắng đối phương có vũ khí công nghệ cao. Đường lối đó chỉ có thể là đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân làm cơ sở để tiến hành chiến tranh nhân dân thắng lợi trong điều kiện chiến tranh có sử dụng phổ biến vũ khí công nghệ cao, tất nhiên đó phải là nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân có sự đổi mới, phát triển phù hợp các điều kiện tác chiến mới của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Vì thế, nếu cho rằng, trong điều kiện tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là đường lối sai lầm, thì chính những người đưa ra quan điểm này là những người sai lầm nhất. Bởi vì, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh để đối phó với các loại hình chiến tranh có thể xảy ra vẫn là đường lối quân sự phù hợp nhất đối với Việt Nam hiện nay.

1. Tổng quan về vũ khí công nghệ cao và tác động của nó trong chiến tranh

Vũ khí công nghệ cao là vũ khí được nghiên cứu, thiết kế, chế tạo dựa trên những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, có sự nhảy vọt về chất lượng và tính năng chiến - kỹ thuật. Vũ khí công nghệ cao gồm các loại: vũ khí hủy diệt lớn, vũ khí năng lượng định hướng, vũ khí chùm tia, laze, chùm hạt, điện từ, vũ khí mềm... được chế tạo dựa trên cơ sở vũ khí thông thường, ứng dụng những thành tựu mới nhất của khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực vi điện tử, vi xử lý, tin học, vật liệu mới, laze, hồng ngoại, năng lượng mới, sinh học, tự động hóa... Vũ khí công nghệ cao có đặc tính là độ chính xác cao, uy lực lớn, tầm hoạt động xa, có thể hoạt động trong những điều kiện phức tạp và đạt hiệu quả cao hơn từ hàng chục tới hàng trăm lần so với vũ khí thông thường. Một số loại vũ khí công nghệ cao còn được gọi là vũ khí thông minh có khả năng nhận biết địa hình, nhớ được tọa độ, tự động tìm, chọn và diệt mục tiêu. Vũ khí công nghệ cao xuất hiện từ Chiến tranh thế giới thứ hai, phát triển mạnh vào thập niên 80, 90 của thế kỷ XX, một số loại vũ khí công nghệ cao đã được sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam, chiến tranh vùng Vịnh, Nam Tư, Ápganixtan... Nhiều chuyên gia quân sự coi vũ khí công nghệ cao là loại vũ khí chủ yếu trong chiến tranh tương lai.

Vũ khí công nghệ cao ra đời và phát triển là một bước tiến bộ nhảy vọt về chất lượng vũ khí, nó tác động làm thay đổi căn bản một số quan điểm về chiến tranh, ảnh hưởng lớn đến nghệ thuật quân sự và tính chất của chiến tranh. Làm xuất hiện nhiều vấn đề lý luận mới về chiến tranh: lý luận tác chiến

chiều sâu; chiến tranh bằng tiến công hỏa lực; chiến tranh phi trực tiếp tiếp xúc, phi đối xứng; tiền tuyến, hậu phương không còn phân định rõ ràng, không gian chiến tranh không đâu là an toàn. Tuy nhiên, vũ khí công nghệ cao không phải là không có điểm yếu do đây là vũ khí vận hành theo hành trình, theo quy luật, một số loại còn chịu ảnh hưởng lớn của địa hình thời tiết, một số loại còn bay thấp, tốc độ không cao... Nếu có giải pháp hợp lý vẫn hạn chế được hiệu quả của vũ khí công nghệ cao, kể cả các giải pháp thô sơ, truyền thống. Hơn nữa, trên chiến trường rộng lớn, vũ khí công nghệ cao không thể có đủ để tấn công được tất cả mọi mục tiêu, mọi địa điểm. Đối với Việt Nam, nếu chỉ bị phá hoại một số trọng điểm thì chưa mất nước, vì vậy, nếu kẻ địch chỉ tiến công bằng vũ khí công nghệ cao thì không khuất phục được Việt Nam. Hơn nữa, nếu kẻ địch tiến công trên bộ thì đó sẽ là điều kiện để chúng ta tiêu diệt kẻ địch. Làm được việc ấy, không có con đường nào khác là phải tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân Việt Nam dựa trên nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được xây dựng vững chắc từ thời bình.

2. Vì sao phải xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh trong điều kiện tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao

2.1. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là nền quốc phòng, an ninh có sức mạnh tổng hợp cao, có sức đề kháng mạnh mẽ nhất và có khả năng ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ xung đột và chiến tranh hiệu quả nhất, kể cả là chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao

Chiến tranh bằng vũ khí thông thường hay bằng vũ khí

công nghệ cao cũng đều là chiến tranh, gây ra những thiệt hại, tổn thất nặng nề về kinh tế, chính trị, con người, ảnh hưởng đến ổn định, hòa bình thế giới. Vì vậy, giữ vững ổn định, hòa bình cho đất nước mà không phải tiến hành chiến tranh, hay “đánh thắng chiến tranh ngay khi nó chưa xảy ra” mới là tối ưu. Tôn Tử nói: “Đại phạm cái phép dụng binh, làm cho cả nước địch khuất phục trọn vẹn là thượng sách, đánh nó là kém hơn. Làm cho toàn quân địch khuất phục là thượng sách, đánh nó là kém hơn. Thế nên bách chiến, bách thắng cũng chưa phải cách sáng suốt trong sự sáng suốt. Không cần đánh mà làm cho kẻ địch khuất phục mới gọi là sáng suốt nhất trong sự sáng suốt”. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, tư tưởng giữ nước cơ bản, bao trùm nhất của tổ tiên ta là “*Giữ nước từ khi nước chưa nguy*”. Thời đại Hồ Chí Minh, trong hơn 30 năm đổi mới, Đảng ta đã phát triển tư duy nhận thức căn bản trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng từ tư duy quân sự đến tư duy quốc phòng, từ tư duy chủ yếu về chiến tranh sang tư duy giữ nước mà không phải tiến hành chiến tranh và chỉ rõ trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng “Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa”¹. Để hiện thực hóa tư tưởng, quan điểm nêu trên, Đảng ta, nhân dân ta phải lựa chọn đường lối xây dựng nền quốc phòng, an ninh phù hợp nhất, hiệu quả nhất, đường lối ấy chỉ có thể là đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc, có sự phát triển cao trong các điều kiện mới.

Nền quốc phòng toàn dân là nền quốc phòng của dân, do

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.149.

dân và vì dân, đó là nền quốc phòng mang tính chất hòa bình, tự vệ, được xây dựng toàn diện cả tiềm lực, lực lượng. Và thế trận do toàn dân tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của Nhà nước và Nhân dân làm chủ. Đó là nền quốc phòng phát huy được cao nhất các giá trị truyền thống, cốt cách văn hóa Việt Nam, sức mạnh mọi mặt của Việt Nam: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và sức mạnh thời đại. Cùng với nền an ninh nhân dân giữ cho đất nước ổn định và phát triển, kịp thời phát hiện và triệt tiêu các nguy cơ từ bên trong có thể gây đột biến. Đấu tranh có hiệu quả với các âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch nước ngoài, theo quan điểm giải quyết các tranh chấp, bất đồng bằng các giải pháp hòa bình trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế. Nền quốc phòng toàn dân còn là nền quốc phòng không ngừng hiện đại, với sức mạnh quân sự nhà nước ngày càng lớn mạnh, sức mạnh quân đội nòng cốt, đủ sức răn đe và đánh thắng ngay từ thời bình. Như vậy, có thể khẳng định: Chỉ có xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc ngay từ thời bình mới có điều kiện để ngăn chặn và đẩy lùi các nguy cơ chiến tranh, kể cả chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao. Đó là lựa chọn tối ưu nhất đối với Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

2.2. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chỗ dựa chủ yếu để tiến hành chiến tranh nhân dân (nếu xảy ra), đánh thắng chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao

Có thể khẳng định, nếu buộc phải tiến hành chiến tranh, chúng ta vẫn tiến hành theo đường lối chiến tranh nhân dân. Đó là cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, dựa trên sức mạnh

của cả đất nước để đánh giặc, toàn dân là binh, đánh giặc với các loại vũ khí đa dạng: đơn giản, thô sơ, hiện đại. Tác chiến với các cách đánh rất linh hoạt: du kích, chính quy, quy mô nhỏ, vừa, lớn, nhỏ lẻ, rộng khắp, đánh bên sườn, phía sau, đánh sâu, đánh hiểm... với nhiều hình thức và phương pháp thích hợp. Chiến tranh như thế hoàn toàn có thể chế ngự được ưu thế của vũ khí công nghệ cao, nhưng nó chỉ phát huy được hiệu quả dựa trên nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được xây dựng vững chắc và không ngừng hiện đại từ thời bình. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc là sự chuẩn bị tốt nhất về lực lượng, phương tiện, cơ sở vật chất, kỹ thuật, tiềm lực và thế trận cho chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), bảo đảm điều kiện để đánh thắng trong chiến tranh có sử dụng vũ khí công nghệ cao.

Đặc tính cơ bản của vũ khí công nghệ cao là tính chính xác cao, nhưng nhiều loại vũ khí công nghệ cao hoạt động theo những quy luật nhất định, dựa vào nhận dạng địa hình, mục tiêu... Bằng tác chiến của chiến tranh nhân dân, ta làm thay đổi quy luật, biến dạng địa hình, di chuyển, dịch chuyển, làm mục tiêu giả, tổ chức hệ thống phòng không nhân dân rộng khắp, có thể hạn chế được hiệu quả của vũ khí công nghệ cao, tiêu diệt được các loại máy bay và tên lửa hành trình của địch. Giả sử địch có tác chiến điện tử mạnh, ta vẫn có thể chế áp điện tử được hiệu quả trinh sát của chúng; nếu chỉ huy, hiệp đồng bị gián đoạn, ta vẫn có thể tiến hành chiến tranh nhân dân để chiến đấu. Vũ khí công nghệ cao có uy lực mạnh, nhưng chắc chắn kẻ địch không có đủ để tiến công, phá hủy, xâm chiếm tất cả mọi mục tiêu trên khắp đất nước Việt Nam. Hơn nữa, với

nền quốc phòng hiện đại, chúng ta vẫn có thể tiêu diệt được bộ phận lực lượng, phương tiện công nghệ cao của địch (năm 1972 ta đã bắn rơi máy bay B.52 của đế quốc Mỹ). Nhưng điều quan trọng hơn, bằng thế trận chiến tranh nhân dân, chúng ta có điều kiện để bảo toàn lực lượng, tồn tại sau các đòn tiến công hỏa lực mạnh bằng vũ khí công nghệ cao của địch. Trong chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao, tồn tại sau các đòn tiến công hỏa lực cũng là thắng lợi, vì Đảng còn, Nhà nước còn, Nhân dân còn, quân đội còn thì Việt Nam còn tiếp tục chiến đấu để giành chiến thắng. Đó là chưa nói, nếu chỉ tiến công bằng vũ khí công nghệ cao, thì chưa thể khuất phục được Việt Nam, còn khi kẻ địch tiến công trên bộ thì đó cũng là lúc chiến tranh nhân dân phát huy hiệu quả cao nhất.

Có thể nói, với điều kiện và hoàn cảnh của Việt Nam, nếu buộc phải tiến hành chiến tranh thì đường lối duy nhất đúng vẫn là tiến hành chiến tranh nhân dân, một cuộc chiến tranh nhân dân đúng nghĩa thì không một thế lực nào có thể đánh bại được, kể cả là các thế lực tiến hành chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao. Nhưng cuộc chiến tranh ấy phải được chuẩn bị dựa trên cơ sở là kết quả xây dựng một nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc ngay từ thời bình. Vì vậy, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vẫn là đường lối xây dựng nền quốc phòng, an ninh đúng đắn trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

3. Một số vấn đề đặt ra

- Tuyên truyền, giải thích cho lực lượng vũ trang và nhân dân hiểu rõ về vũ khí công nghệ cao và cách phòng chống, đấu

tranh, phê phán các quan điểm đề cao vũ khí công nghệ cao, tuyệt đối hóa vũ khí công nghệ cao dẫn đến sợ sệt, thiếu tự tin, bị quan, giảm sút ý chí, quyết tâm chiến đấu.

- Giáo dục cho lực lượng vũ trang và nhân dân nhận thức đúng về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, từ đó xây dựng niềm tin vào khả năng có thể hạn chế được hiệu quả của vũ khí công nghệ cao từ nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được xây dựng vững chắc ngay từ thời bình, cơ sở để tiến hành thắng lợi chiến tranh nhân dân (nếu xảy ra).

- Đầu tư nghiên cứu, phát triển lý luận về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trong các điều kiện mới, đột phá tư duy truyền thống. Nói đến quốc phòng toàn dân là nói đến đơn giản, thô sơ, nhỏ lẻ, coi nhẹ yếu tố hiện đại, vì vậy cần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện đại.

- Đầu tư nghiên cứu phát triển khoa học quân sự chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, tập trung nghiên cứu các giải pháp phòng, chống vũ khí công nghệ cao trong chiến tranh. Nghiên cứu phát triển khoa học nghệ thuật quân sự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, nhất là các loại hình tác chiến mới, phương pháp tác chiến mới và các biện pháp tác chiến trong điều kiện tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao.

- Đầu tư, cải tiến, hiện đại hóa, sản xuất và mua sắm một số vũ khí hiện đại, nhất là vũ khí chiến lược có tầm bắn xa, uy lực lớn, có khả năng răn đe có hiệu quả ngay từ thời bình, phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Chúng ta không bảo thủ đến mức cố tình bảo vệ những điều không còn phù hợp với thực tiễn và lý luận, song sự thật

về đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và chiến tranh nhân dân thì chưa lạc hậu. Nó vẫn là đường lối duy nhất đúng trong tình hình, điều kiện, hoàn cảnh của Việt Nam hiện nay, kể cả khi xảy ra chiến tranh sử dụng phổ biến vũ khí công nghệ cao. Nếu từ bỏ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chúng ta sẽ phải tăng cường sức mạnh của lực lượng vũ trang với vũ khí công nghệ cao, điều này trái với truyền thống, không phát huy được sức mạnh vốn có của Việt Nam. Điều quan trọng nhất là trong điều kiện hiện nay, chúng ta không thể trang bị được hệ thống vũ khí công nghệ cao như của đối phương, nhất là khi buộc phải tiến hành chiến tranh. Vì vậy, trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần phải có cách nhìn nhận, đánh giá đúng đắn để bác bỏ quan điểm cho rằng “trong điều kiện tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao, đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân là sai lầm”.

**PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG:
“TRONG ĐIỀU KIỆN TÁC CHIẾN BẰNG
VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO, ĐƯỜNG LỐI
XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN
VÀ AN NINH NHÂN DÂN LÀ SAI LẦM”**

Thiếu tướng, PGS.TS. NGUYỄN HỒNG QUÂN*

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được đúc kết từ tinh hoa truyền thống đấu tranh anh dũng hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, là quan điểm nhất quán, xuyên suốt của Đảng ta, đã thực sự trở thành bài học vô giá, có ý nghĩa không chỉ đối với hiện tại mà còn mãi mãi cho các thế hệ mai sau để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong khi toàn dân, toàn quân ta đang ra sức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, lại có ý kiến cho rằng: “Trong điều kiện tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao, đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân là sai lầm”. Quan điểm này có thể diễn ra ở một bộ phận nhân dân, trong đó có cả cán

* Phó Viện trưởng Viện Chiến lược Quốc phòng, Bộ Quốc phòng.

bộ, đảng viên, do hạn chế về nhận thức. Tuy nhiên, chủ yếu vẫn là của các thế lực thù địch, nhằm thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, phá hoại sự nghiệp cách mạng nước ta. Quan điểm sai trái này nhằm hai mục đích: (i) Tuyệt đối hóa sức mạnh vũ khí công nghệ cao, hạ thấp nhân tố con người để xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng; (ii) Tuyên truyền, xuyên tạc, gây tâm lý hoang mang, dao động trong nhân dân đối với quan điểm của Đảng ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

1. Ưu điểm của vũ khí công nghệ cao và mối quan hệ biện chứng giữa vũ khí và con người

Đúng là từ đầu những năm 1990, vũ khí công nghệ cao được áp dụng rộng rãi trong các cuộc chiến tranh¹, trong đó Mỹ và đồng minh đều sử dụng vũ khí công nghệ cao, tránh trực tiếp tiếp xúc, độ chính xác rất cao, sức hủy diệt lớn, cơ bản giải quyết chiến tranh nhanh chóng, hiệu quả. Bên cạnh đó, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục có những bước phát triển nhảy vọt, không chỉ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp mà còn trở thành lực lượng chiến đấu trực tiếp của quân đội các nước. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ cùng với việc ứng dụng những thành tựu đó trong lĩnh vực quân sự cho phép cung cấp cho lực lượng vũ trang các loại vũ khí, trang bị ngày càng hiện đại, làm thay đổi cơ

1. Như cuộc chiến vùng Vịnh (năm 1991), Nam Tư (năm 1999), Ápganixtan (năm 2001), Irắc (năm 2003), Libi (năm 2012).

cấu tổ chức, biên chế và phương thức tác chiến, tạo nên hình thái chiến tranh mới - tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao với một số đặc điểm chính như: cách đánh “không tiếp xúc”, hạn chế thương vong của bên tiến công do tiến công từ xa; cùng lúc có thể tiến công cả phía trước, phía sau, trên toàn lãnh thổ của đối phương với cường độ cao, dài ngày, liên tục, đánh có trọng điểm. Vì thế, tiền tuyến và hậu phương khó có ranh giới, quy mô chiến dịch và chiến thuật không rõ rệt; thành phần, lực lượng tham gia trực tiếp chiến tranh rất linh hoạt. Mục tiêu của chiến tranh nhằm tiêu diệt một con người cụ thể, lật đổ một chế độ chứ không phải như chiến tranh xâm chiếm đất đai, do đó việc sử dụng bộ binh chỉ được đặt ra trong những trường hợp nhất định. Bên cạnh đó, không gian chiến tranh mở rộng, thời gian tiến hành rút ngắn rất nhiều so với trước đây. Do vũ khí và phương tiện chiến tranh ngày càng hiện đại, để tiến công từ xa, vũ khí được đặt trên chiến hạm, các căn cứ quân sự của đồng minh, hoặc trên máy bay ném bom chiến lược, làm cho việc đánh trả của đối phương gặp rất nhiều khó khăn.

Một sự khác biệt nổi bật trong tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao đó là, nếu như trước đây, các cuộc chiến tranh sử dụng phổ biến là các binh chủng pháo binh, xe tăng, thiết giáp, không quân... do con người trực tiếp điều khiển, trực tiếp tiếp xúc trên chiến trường đối phương, thì nay xuất hiện nhiều loại vũ khí, dựa trên những thành tựu mới nhất của khoa học - công nghệ như: tác chiến điện tử, vi điện tử, tin học, laze, tự động hóa, tàng hình, tác chiến từ xa. Hình thức tác chiến này thực tế đã tạo ra uy lực lớn, độ chính xác cao, tầm hoạt động xa, có thể

hoạt động cả ngày lẫn đêm, gây cho đối phương những hậu quả nặng nề so với các cuộc chiến tranh trước đây. Đó là những ưu thế không thể phủ nhận.

Tình hình đó làm thay đổi đáng kể trong nhận thức của một bộ phận nhân dân và đặc biệt, đây là nguyên cơ để các thế lực thù địch xuyên tạc đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân của Đảng. Tuy nhiên, các thế lực thù địch cố tình che lấp những điểm yếu cơ bản trong phương thức tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao, nhằm thực hiện ý đồ chính trị. Đây là vấn đề cần làm sáng rõ.

Khi nghiên cứu học thuyết về chiến tranh và quân đội, chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ rõ mối quan hệ biện chứng giữa vũ khí và con người, trong đó khẳng định, con người luôn luôn là yếu tố giữ vị trí quyết định, vũ khí trang bị là yếu tố quan trọng. V.I.Lênin chỉ rõ: “Trong mọi cuộc chiến tranh, rốt cuộc thắng lợi đều tùy thuộc vào tinh thần của quần chúng đang đổ máu trên chiến trường”¹. Trong Chỉ thị thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra nguyên tắc chiến lược “người trước, súng sau”. Đó là những cơ sở lý luận bền vững đã được lịch sử chứng minh tính đúng đắn. Trung thành tư tưởng đó, trong chỉ đạo chiến tranh, cùng với việc coi trọng yếu tố vũ khí trang bị, Đảng ta luôn đặt lên hàng đầu yếu tố xây dựng con người; đặt vũ khí và con người trong mối quan hệ biện chứng, trong đó nhân tố chính trị - tinh thần luôn là ưu thế tuyệt đối của nhân dân và quân đội ta trong

1. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.41, tr.147.

các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trước đây cũng như trong chiến tranh kiểu mới hiện nay. Vì thế, bên cạnh việc chuẩn bị tích cực vật chất, tăng cường vũ khí, trang bị thì việc chuẩn bị sức mạnh về chính trị - tinh thần của nhân dân và quân đội giữ vai trò quyết định.

Lịch sử hàng nghìn năm chống ngoại xâm đã chứng minh, mặc dù Việt Nam là dân tộc nhỏ bé, vũ khí trang bị thô sơ, luôn phải đương đầu với kẻ thù hung bạo, có quân số, vũ khí, trang bị lớn mạnh hơn ta gấp nhiều lần, song chúng đều bị thất bại bởi ý chí kiên cường, tinh thần bất khuất, mưu trí, sáng tạo và nghệ thuật quân sự độc đáo của dân tộc Việt Nam. Ưu thế đó vẫn luôn có ý nghĩa quyết định và chắc chắn sẽ được tiếp tục kế thừa, phát huy nếu xảy ra các cuộc chiến tranh.

2. Hạn chế trong tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao

Trong tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao, chi phí cho cuộc chiến là vô cùng tốn kém. Kẻ thù tuy giàu nhưng sức mạnh không phải là vô hạn, đó là một thực tế. Giả sử, các thế lực hiếu chiến phát động chiến tranh, chúng sẽ bị sa lầy khi gặp phải sức mạnh của cuộc chiến tranh nhân dân Việt Nam. Khi đó, những ưu thế nói trên sẽ không dễ phát huy được khả năng. Dù tinh vi và xảo quyệt như thế nào, thì bản chất xâm lược, phản động của chúng vẫn khó được che đậy. Cuộc chiến tranh xâm lược nước ta vẫn là cuộc chiến tranh phi nghĩa, chắc chắn sẽ bị thế giới lên án mạnh mẽ, gây nên những bất lợi cho kẻ thù trong việc lôi kéo, tập hợp đồng minh. Đối với Việt Nam, địa hình rất đa dạng, hiểm trở, khí hậu, thời tiết khắc nghiệt, đó là một trong những trở ngại lớn, làm hạn chế khả

năng cơ động lực lượng và thế mạnh của vũ khí công nghệ cao. Phương thức tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao có khá nhiều nhược điểm. Tên lửa hành trình là phương tiện tiến công chủ lực chỉ đạt độ chính xác cao khi đánh các mục tiêu cố định, thời gian chuẩn bị dài và các số liệu được lập trình sẵn, do đó, chúng ta có thể đối phó bằng cách cơ động lực lượng, ngụy trang, nghi binh. Hơn nữa, tên lửa hành trình thường có đường bay thấp, tính linh hoạt kém, tốc độ chậm, dễ bị bắn hạ bằng súng bộ binh hoặc vũ khí phòng không tầm thấp. Bên cạnh đó, công tác bảo đảm rất phức tạp, chi phí chiến tranh nói chung, chi phí bảo đảm hậu cần, kỹ thuật nói riêng rất tốn kém, nhất là trong điều kiện tác chiến xa hậu phương. Mặt khác, do sử dụng vũ khí công nghệ cao và phương thức tác chiến mới, nên lực lượng tham chiến phải có trình độ tương ứng. Do đó, các đồng minh tham gia chiến tranh luôn phải cân nhắc kỹ lưỡng về hậu quả và khả năng tham gia. Điều này cho thấy khả năng huy động lực lượng tham chiến là việc không dễ thực hiện. Bên cạnh đó, sự phối hợp hiệp đồng tác chiến giữa các quân, binh chủng, các mũi tiến công và giữa các thế đội vẫn là một khâu yếu của đối phương. Đó là chưa kể đến tác chiến trực tiếp tiếp xúc, nhất là khi tiến công trên bộ, kẻ thù càng dễ bị thương vong và sa lầy. Cho dù vũ khí có hiện đại, nhưng bộ binh vẫn luôn là lực lượng giải quyết chiến trường, nên khi tiến công trên bộ, kẻ thù sẽ phải đối mặt với sức mạnh của cuộc chiến tranh nhân dân Việt Nam toàn dân, toàn diện... khiến kẻ địch bị sa lầy, đi đến thất bại. Như vậy, có thể khẳng định rằng, việc tuyệt đối hóa ưu thế của tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao là hoàn toàn sai lầm.

3. Quan điểm xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, sáng tạo và là tất yếu trong điều kiện hiện nay để bảo vệ vững chắc Tổ quốc

Trước hết, quan điểm xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, sáng tạo, đã được thực tiễn lịch sử chứng minh. Nền quốc phòng toàn dân ở nước ta là nền quốc phòng “của dân, do dân, vì dân”, phát triển theo phương hướng toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và ngày càng hiện đại; kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa với quốc phòng, an ninh và đối ngoại, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước, do Nhân dân làm chủ, nhằm giữ vững hòa bình, ổn định đất nước, sẵn sàng đánh bại mọi hành động xâm lược và bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nền quốc phòng của ta là sức mạnh toàn dân, toàn diện, tổng hợp tất cả các yếu tố kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, đối ngoại; là sự kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Nền an ninh nhân dân của ta là “sự nghiệp của toàn dân, do nhân dân tiến hành, lực lượng an ninh nhân dân làm nòng cốt, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Kết hợp phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng chuyên trách, nhằm đập tan mọi âm mưu và hành động xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, cùng với quốc phòng toàn dân bảo vệ vững chắc

Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”¹. Như vậy, bản chất quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là dựa vào sức mạnh toàn dân tộc, do nhân dân cả nước tiến hành, nhằm bảo vệ Tổ quốc, là sự nghiệp chính nghĩa. Đây là yếu tố cơ bản tập hợp sức mạnh toàn dân tộc, kể cả đồng bào ta ở nước ngoài; xây dựng “thế trận lòng dân” là yếu tố cốt lõi để tiến hành chiến tranh nhân dân, đồng thời cũng là nhân tố để tranh thủ sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân thế giới. Điều đó, một mặt góp phần khơi dậy, động viên sức mạnh chính trị - tinh thần của quân và dân ta, mặt khác tạo ra áp lực phân hóa, cô lập kẻ thù. Hơn nữa, trong tình hình mới, khi nước ta là thành viên của Liên hợp quốc, của Tổ chức Thương mại Thế giới, của các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, của Cộng đồng ASEAN... chúng ta càng có thêm lợi thế để thực hiện thắng lợi quan điểm của Đảng.

Lực lượng vũ trang là một nhân tố cấu thành tiềm lực và sức mạnh quân sự - quốc phòng. Trong tình hình mới, nhận thức và hành động xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân của nước ta đã phát triển mạnh mẽ cả về quy mô và tính chất. Việc xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về chính trị làm cơ sở để xây dựng các yếu tố khác luôn được coi trọng. Bên cạnh đó, các yếu tố về vũ khí, trang bị, trình độ kỹ, chiến thuật thường xuyên được quan tâm,

1. *Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004, tr.26.

đổi mới mạnh mẽ cho phù hợp với yêu cầu tác chiến trong điều kiện mới.

Thế trận chiến tranh nhân dân chuyển hóa từ thế trận quốc phòng toàn dân được xây dựng từ thời bình, cùng với địa hình thiên nhiên hiểm trở của đất nước là những yếu tố thuận lợi cho chiến tranh nhân dân phát triển rộng khắp. Thế trận của ta được chuẩn bị từ thời bình bao gồm lực lượng tại chỗ, lực lượng cơ động của các khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) và của quân khu, của cả nước. Khi chiến tranh xảy ra, ta có thể kết hợp ngay từ những ngày đầu hoạt động tác chiến của các lực lượng trong khu vực phòng thủ địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực cơ động trong cả phòng thủ, phòng ngự, phản công, tiến công để làm phá sản chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của địch. Nếu vấp phải chiến tranh nhân dân rộng khắp của ta, địch sẽ bị bao vây, cô lập và một khi đã bị sa lầy sẽ dẫn đến thương vong cao, chi phí chiến tranh lớn.

Chúng ta rất có ưu thế về nghệ thuật quân sự và kinh nghiệm trong các cuộc chiến tranh trước đây. Đó là nghệ thuật tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, “lấy ít địch nhiều, lấy nhỏ thắng lớn” đã được đúc kết trong suốt chiều dài lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc. Nghệ thuật đó vẫn đang được kế thừa và phát triển trên cơ sở tiếp thu những kinh nghiệm của thế giới để ngày càng hoàn thiện nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh, chiến lược quân sự, chiến lược quốc phòng, nghệ thuật chiến dịch, lãnh đạo và tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Một yếu tố có ý nghĩa hết sức quan trọng, đó là nguồn lực bảo đảm hậu cần, kỹ thuật phục vụ chiến tranh bảo vệ Tổ quốc

đã có bước phát triển mạnh mẽ cùng với sự tăng trưởng cao và liên tục của nền kinh tế đất nước. Nhiệm vụ kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh đã đạt được những thành tựu quan trọng trong từng chiến lược, quy hoạch vùng, lãnh thổ. Những thành tựu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã và đang tạo ra một cơ cấu ngành, nghề đa dạng, phân bố trên phạm vi cả nước, làm cho quốc phòng có nhiều lợi thế bảo vệ Tổ quốc hơn.

Tuy nhiên, để sẵn sàng đánh bại phương thức tác chiến mới của địch, chúng ta cần tiếp tục củng cố, tăng cường xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, bảo vệ Tổ quốc, nhanh chóng khắc phục những hạn chế, yếu kém sau:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, tạo sự đồng thuận mạnh mẽ, đoàn kết, nhất trí cao, kiên định với đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, làm thất bại mọi âm mưu xuyên tạc, chống phá, chia rẽ nội bộ của các thế lực thù địch.

Công tác tuyên truyền, giáo dục cần tập trung quán triệt và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội XII và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, xác định đây là trách nhiệm chính trị của mọi cấp, mọi ngành, mọi người, trước hết là của các cấp ủy đảng, của bí thư và chủ trì các cấp. Công tác này cần tiến hành thực chất, cả bề rộng và chiều sâu; sử dụng sức mạnh tổng hợp của các phương tiện, lực lượng... thực sự tạo chuyển biến mạnh mẽ cả nhận thức và hành động.

Thứ hai, tiếp tục xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, trọng tâm là xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc, là vấn đề cơ bản nhất hiện nay. Để làm được điều này, trước hết cần thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về tiếp tục xây dựng và chỉnh đốn Đảng, trọng tâm là thực hiện cuộc đấu tranh có hiệu quả chống suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống; chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, lợi ích nhóm; củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh, xây dựng chính quyền thực sự phục vụ cho lợi ích của đông đảo nhân dân, có như vậy mới giữ được lòng tin của nhân dân. Tiếp đó, khắc phục triệt để những khuyết điểm, hạn chế, yếu kém trong quá trình xây dựng “thế trận lòng dân”, trọng tâm là giải quyết tốt các chính sách trong công tác cán bộ, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, xóa đói giảm nghèo, giải quyết công ăn việc làm, chính sách đối với đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo... Phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, tạo nên sức mạnh đoàn kết, tạo nên “thế trận lòng dân” vững chắc, bảo vệ Tổ quốc.

Thứ ba, chú trọng xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân cả về tiềm lực, lực lượng và thế trận, trọng tâm là tiềm lực chính trị, tinh thần và tiềm lực khoa học quân sự, bởi đây là những vấn đề cơ bản để đánh bại phương thức tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao của địch.

Là một nước nhỏ, tiềm lực khoa học - kỹ thuật hạn chế, vũ khí trang bị kỹ thuật quân sự của ta hiện nay vừa thiếu lại vừa

kém về chất lượng, năng lực công nghiệp quốc phòng yếu, do đó, cần tiếp tục phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam trong điều kiện mới, chú trọng nghiên cứu các hình thức tác chiến mới; có những biện pháp để chế ngự, hạn chế, vô hiệu hóa sức mạnh các loại vũ khí, công nghệ cao của địch; có cơ chế, chính sách khuyến khích phát huy trí tuệ Việt Nam để phát triển công nghiệp quốc phòng, cải tiến vũ khí, trang bị hiện có, đồng thời đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại để sản xuất, chế tạo mới vũ khí, nhanh chóng trang bị một phần cho quân đội và lực lượng vũ trang, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Thứ tư, tiếp tục xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”, trong đó ưu tiên một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại; tập trung xây dựng quân đội và công an có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc và nhân dân, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là khâu then chốt nhất trong nhiệm vụ xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân vững mạnh về chính trị. Muốn vậy, phải không ngừng củng cố và tăng cường nguyên tắc Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân. Tiếp tục kiện toàn tổ chức, biên chế bảo đảm “tinh, gọn, mạnh, sức cơ động cao”; nâng cao chất lượng huấn luyện, tăng cường đầu tư ngân sách cho quốc phòng, đặc biệt là vũ khí, trang bị đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trực tiếp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Thứ năm, phát huy nghệ thuật quân sự Việt Nam trong điều kiện mới. Trên cơ sở kế thừa và phát huy truyền thống về chỉ

đạo và tiến hành chiến tranh nhân dân chống xâm lược của dân tộc ta trước đây, căn cứ vào đặc điểm chiến tranh kiểu mới, trên cơ sở quán triệt tư duy mới bảo vệ Tổ quốc của Đảng, cần phát huy mạnh mẽ nghệ thuật quân sự trong điều kiện mới. Theo đó, quán triệt tư tưởng chiến lược cách mạng tiến công, thực hiện phòng thủ tích cực, ngoan cường, kết hợp phòng ngự với phản công, tiến công kiên quyết; từ vũ khí kém hiện đại, cần cải tiến, nâng cấp tầm bắn, thời hạn sử dụng, hiệu quả hơn, đánh thắng vũ khí, trang bị kỹ thuật hiện đại; tự lực, tự cường, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ của mọi lực lượng tiến bộ trên thế giới, phân hóa, cô lập kẻ thù. Trên cơ sở đánh dài ngày, tập trung mọi nỗ lực giành thắng lợi trong thời gian ngắn nhất. Kết hợp phòng tránh, đánh trả vũ khí công nghệ cao một cách hợp lý, giữ vững thế trận; tích cực, chủ động tiêu hao, tiêu diệt sinh lực, phương tiện của địch, từng bước làm chúng suy yếu. Phát huy sức mạnh tổng hợp, kết hợp chặt chẽ tác chiến của các binh đoàn chủ lực với tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương, kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa với đánh lớn, vận dụng sáng tạo các loại hình chiến dịch, hình thức chiến thuật và thủ đoạn chiến đấu linh hoạt để đánh bại các hình thức tác chiến của chúng. Cùng với đó, kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động tác chiến với công tác địch vận, đấu tranh chính trị, ngoại giao, pháp lý và các mặt đấu tranh khác. Dựa vào sức mạnh của khu vực phòng thủ, phối hợp chặt chẽ với lực lượng cơ động, kịp thời phát hiện, tiêu diệt lực lượng bạo loạn lật đổ, đánh bại thủ đoạn kết hợp can thiệp bên ngoài với bạo loạn bên trong.

Thứ sáu, thực hiện hiệu quả hoạt động đối ngoại, trong đó đối ngoại quốc phòng có vị trí quan trọng, mở rộng hợp tác

quốc tế theo tinh thần Việt Nam sẵn sàng “là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế...”¹ nhằm xây dựng lòng tin chính trị, củng cố môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi để phát triển kinh tế, tăng cường quốc phòng, an ninh, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, nâng cao sức mạnh của quân đội, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều cốt yếu là ngăn chặn và đẩy lùi chiến tranh. Hoạt động đối ngoại phải hướng đến làm cho mâu thuẫn lớn trở thành mâu thuẫn nhỏ; mâu thuẫn nhỏ triệt tiêu thành không mâu thuẫn; không để mâu thuẫn, bất đồng biến thành xung đột, chiến tranh; đồng thời đề phòng sự thỏa hiệp có hại cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là bài học kinh nghiệm vô cùng quý báu đã được lịch sử dân tộc ta chứng minh. Bằng chiến tranh nhân dân, chúng ta sẽ buộc địch phải đánh theo cách đánh của ta. Trong điều kiện mới, quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân cần sự phát triển về chất, tăng cường cả thể và lực, cả lực lượng lẫn nghệ thuật tác chiến, cả vũ khí, trang bị lẫn hệ thống chỉ huy, điều hành.

Cần đặt lên hàng đầu yêu cầu khẩn trương củng cố, xây dựng, tích lũy sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, làm cơ sở chuẩn bị cho thế trận chiến tranh nhân dân. Cần chuẩn bị toàn diện đất nước, đầu tư phát

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.153.

triển nghệ thuật quân sự, nghệ thuật chiến tranh nhân dân, đẩy mạnh công nghiệp quốc phòng đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới.

Mỗi cán bộ, đảng viên và toàn dân cần hết sức cảnh giác, nhận rõ âm mưu, thủ đoạn của địch, đồng thời tuyệt đối tin tưởng ở quan điểm của Đảng, không mắc mưu địch, không “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, tiếp tục đoàn kết, thống nhất, ra sức xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới.

PHÊ PHÁN MỘT SỐ QUAN ĐIỂM PHỦ NHẬN, XUYÊN TẠC ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI

PGS.TS. ĐỖ THỊ THẠCH*
TS. NGUYỄN ANH TUẤN **

1. *Độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa* là đường lối đối ngoại nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình đổi mới. Đường lối này đã tạo được sự đồng thuận cao trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta và được dư luận quốc tế đồng tình ủng hộ. Nhờ thực hiện đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng, công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế thời gian qua đã đạt được *những kết quả quan trọng*, góp phần xứng đáng vào *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử* của đất nước ta trong 30 năm đổi mới. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, trước những diễn biến phức tạp của tình hình khu vực và thế giới, nhất là vấn đề Biển Đông, đã xuất hiện những tư tưởng, tâm trạng lo lắng, quan ngại. Trong khi đại đa số ý kiến ở trong và ngoài nước ủng hộ phương thức đấu tranh hòa bình đúng

*, ** Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

đảng của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam, thì trên các trang mạng internet, kể cả trên một số trang báo điện tử trong nước đã xuất hiện những quan điểm, tư tưởng khác của những “công dân”, “nhà báo”, “nhà dân chủ”, “trí thức”, “học giả”, “nhà nghiên cứu”, “người yêu nước”... dưới các hình thức “lời kêu gọi”, “tư vấn”, “phản biện”, “kiến nghị”, “góp ý”, “gợi ý”, “khuyến nghị”... nhằm phê phán, bác bỏ đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước Việt Nam hiện nay. Đó là các quan điểm như: (1) Để giữ độc lập, chủ quyền... phải tẩy chay hàng hóa Trung Quốc, tẩy chay người Trung Quốc, phải chống Trung Quốc... (2) *“Không liên minh với nước nào nhằm chống nước thứ ba là tự trói buộc mình, không phù hợp với thực tế, cần phải thay đổi”* (!). Cần “cân nhắc” lại chính sách “ba không”; nếu vẫn giữ thì nên “chỉnh sửa”, “bổ túc” chính sách này ở trạng thái “có điều kiện”. Rằng, chỉ có liên minh quân sự với một cường quốc thì Việt Nam mới giữ được chủ quyền biển, đảo (!). (3) Nếu Đảng, Nhà nước vẫn “kiên định”, vẫn “khăng khăng” giữ quan điểm “ba không” (không tham gia các liên minh quân sự, không là đồng minh quân sự của bất kỳ nước nào, không cho bất cứ nước nào đặt căn cứ quân sự ở Việt Nam và không dựa vào nước này để chống nước kia) như thế là *“dân đi một đường, Đảng đi một nẻo”* (!)...

Vậy, thực hư những quan điểm, luận điệu đó thế nào? Đây là lời “gan ruột” góp ý chân thành, tâm huyết nhưng thiếu nhạy cảm, tinh táo về chính trị hay là dụng ý thâm độc của những kẻ cơ hội, những kẻ vong ân, bội nghĩa? Đây là sự phiến diện, lệch lạc do hạn chế về phương pháp luận nhận thức, xử lý thông tin hay là sự lọc lừa, xuyên tạc, dối trá

thay đen? Đây có phải là sự nham hiểm, tinh vi, trắng trợn của các thế lực phản động, thù địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình” nhằm thực hiện mưu đồ chính trị đen tối hay là biểu hiện của sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, biểu hiện của “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ như Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII của Đảng ta vừa chỉ ra? Theo chúng tôi, ranh giới của những giả định trên đây thật mong manh, không dễ gì phân biệt. Nhưng về mặt nội dung, thực chất đây là những tư tưởng, quan điểm lệch lạc, thậm chí sai trái, xuyên tạc, phủ nhận đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước Việt Nam. Chúng ta có đầy đủ cơ sở để khẳng định tính đúng đắn, khoa học trong đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam và bác bỏ những quan điểm, tư tưởng, hành vi lệch lạc, sai trái nêu trên của những “công dân”, “người yêu nước”, “nhà báo”, “nhà dân chủ”, “trí thức”, “học giả” và của những “anh hùng bàn phím”.

2. Vậy, thực chất của những quan điểm, luận điệu nêu trên là gì? Chúng ta cần phê phán ra sao?

Thứ nhất, phê phán luận điệu: Để giữ độc lập, chủ quyền... phải tẩy chay hàng hóa Trung Quốc, tẩy chay người Trung Quốc, phải chống Trung Quốc.

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng, núi liền núi, sông liền sông, có nhiều điểm tương đồng về lịch sử, văn hóa, thể chế chính trị. Tình cảm hữu nghị giữa hai nước đã được xây dựng qua nhiều thế hệ, trở thành tài sản quý báu của hai dân tộc. Quan hệ giữa hai nước tuy có trải qua thăng trầm nhưng hợp tác hữu nghị là dòng chảy chính. Đảng, Nhà nước và Nhân dân Việt Nam luôn coi trọng quan hệ láng giềng hữu

ngợi, hợp tác bình đẳng cùng có lợi với Trung Quốc, coi đây là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Việt Nam và luôn mong muốn quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc phát triển lành mạnh, ổn định, bền vững¹. Với những thỏa thuận đã được hai quốc gia đàm phán, ký kết trong những năm vừa qua, hai bên cần kiên trì giải quyết hòa bình vấn đề Biển Đông trên cơ sở luật pháp quốc tế, Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và tinh thần Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC)². Việt Nam kiên quyết sử dụng mọi biện pháp phù hợp với luật pháp của Việt Nam và luật pháp quốc tế để bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo của Tổ quốc; nhưng đồng thời cũng phải quyết tâm giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Điều này cũng đã và đang được cộng đồng quốc tế ủng hộ ngày càng mạnh mẽ.

Rõ ràng những “kiến nghị”, “lời kêu gọi”, “bài Trung”, “tẩy chay hàng hóa Trung Quốc”, “không tiếp khách Trung Quốc”... được phát tán trên mạng xã hội, trên một số trang báo điện tử trong nước và những hành vi kích động, đập phá của những người biểu tình ở các khu công nghiệp Bình Dương, Vũng Áng... vừa qua là những tư tưởng và hành động sai trái, thâm độc cần phải phê phán, bác bỏ. Những tư tưởng, quan điểm đó thực chất là xuyên tạc, chống lại đường lối của Đảng,

1, 2. Xem Đại sứ quán Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa nhân dân Trung Hoa: *Tổng quan về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc*, tại trang: <http://www.vnemba.org.cn/nr050706234129/>.

chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam, cố sù ý cho chủ nghĩa vô chính phủ, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, kích động bạo lực, kích động chiến tranh và hận thù dân tộc. Những tư tưởng, hành động cực đoan, quá khích đó không những đã làm thiệt hại cho các doanh nghiệp, các nhà đầu tư nước ngoài (trong đó có người Trung Quốc) mà còn trực tiếp gây thiệt hại cho người tiêu dùng, người lao động, người sản xuất, kinh doanh Việt Nam, gây mất an ninh, trật tự xã hội. Những tư tưởng, quan điểm về “bảo vệ Tổ quốc”, “bảo vệ chủ quyền” và những hành động “yêu nước” của những kẻ quá khích, những “nhà dân chủ”, “trí thức”, “học giả” nói trên thực chất là làm suy yếu đất nước từ bên trong, làm xấu đi hình ảnh của một Việt Nam thanh bình, yêu chuộng hòa bình, điể m đến an toàn, hấp dẫn trong mắt bè bạn quốc tế và vì thế mà càng gây thêm khó khăn cho cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của chúng ta¹. Do đó, cũng giống như những hành động bất chấp luật pháp quốc tế của Trung Quốc ở Biển Đông, những tư tưởng, hành động cực đoan, quá khích đó đã làm tổn thương nghiêm trọng tình hữu nghị tốt đẹp của nhân dân hai nước Việt - Trung.

Thứ hai, phê phán quan điể m cho rằng: Chỉ có “nắm lấy bàn tay của một nước phát triển nào đó”; “chỉ có liên minh quân sự với một cường quốc thì Việt Nam mới giữ được chủ quyền biển, đảo...”(!).

1. Xem Nguyên Vũ: *Thể hiện tình cảm yêu nước một cách tỉnh táo, để không bị lợi dụng*, tại trang: <http://tapchiquptd.vn/vi/van-de-su-kien/the-hien-tinh-cam-yeu-nuoc-mot-cach-tinh-tao-de-khong-bi-loi-dung/5633.html>.

Một là, những bất đồng, tranh chấp ở Biển Đông hiện nay không chỉ liên quan đến 5 nước, 6 bên có yêu sách chủ quyền mà còn trực tiếp liên quan đến hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn, tự do hàng hải, hàng không ở Biển Đông và khu vực. Đây là vấn đề phức tạp, lâu dài, không thể giải quyết ngay trong ngày một, ngày hai và vấn đề Biển Đông không thể do một nước lớn hay một vài cường quốc nào đó dàn xếp, quyết định. Càng không thể giải quyết được vấn đề phức tạp ở Biển Đông bằng sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực. Vì sẽ không thể có hòa bình, ổn định và phát triển lành mạnh ở Biển Đông nếu ở đây chân lý thuộc về kẻ mạnh, nếu những tranh chấp, bất đồng được các bên hành xử theo kiểu “cá lớn nuốt cá bé”. Thực tế cho thấy, chính những hành động bất chấp luật pháp quốc tế và quân sự hóa Biển Đông gần đây đã và đang làm cho tình hình trở nên phức tạp, căng thẳng và khó kiểm soát. Do đó, giải quyết vấn đề Biển Đông tất yếu phải bằng các cơ chế đàm phán, thương lượng hòa bình song phương và đa phương trên cơ sở Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) và Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC).

Hai là, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ hiện nay phải bằng sức mạnh tổng hợp trên cơ sở luật pháp quốc tế. Kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, nội lực và ngoại lực, bằng cả sức mạnh trong nước và sức mạnh của cộng đồng quốc tế chứ không thể chỉ dựa vào việc liên minh quân sự với một cường quốc, một nước phát triển. Trong điều kiện các nước đều đề cao lợi ích quốc gia, dân tộc thì hiếm có một “nước phát triển”, một “cường quốc” nào lại đi bảo vệ chủ quyền, bảo vệ Tổ quốc cho

quốc gia, dân tộc khác một cách vô tư, không tính toán. Do đó, dựa vào một nước nào đó cho dù là “nước phát triển”, “cường quốc” thì không những không giải quyết được vấn đề mà thậm chí còn làm trầm trọng, căng thẳng và phức tạp thêm tình hình. Thực tế cho thấy, là đồng minh của Nhật Bản nhưng lâu nay Mỹ cũng không giúp được gì cho Nhật Bản trong việc khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Senkaku (Trung Quốc gọi là Điếu Ngư); hay như cả Mỹ và Liên minh châu Âu “bảo trợ” khá toàn diện cho Ucraina nhưng đất nước này vẫn rơi vào khủng hoảng và không thể giữ được bán đảo Crim...

Ba là, “liên minh” với một nước nào đó để chống nước khác tức là chúng ta đã tự tạo cho mình thêm một kẻ thù. Càng tai hại hơn nếu đó lại là một quốc gia có địa chính trị “núi liên núi, sông liên sông”. Lịch sử đã khắc ghi nhiều bài học sâu sắc cho việc tồn tại độc lập bên cạnh một láng giềng luôn tìm cách “đồng hóa” chúng ta, đó không chỉ là nhờ vào những chiến công hiển hách như lời hiệu triệu của các bản Tuyên ngôn “Hịch tướng sĩ” hay “Đại cáo bình Ngô”... mà còn nhờ vào chính sách ngoại giao mềm dẻo ngay sau mỗi chiến thắng của các tướng anh minh vì dân, vì nước. “Bán anh em xa, mua láng giềng gần”, “nước xa không cứu được lửa gần”,... những câu dặn dò của cha ông xưa vẫn còn nguyên giá trị. Hơn nữa, trong quan hệ quốc tế đương đại, các nước vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau. Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, Nhật Bản... vừa là chủ nợ, vừa là con nợ, vừa là đối thủ, vừa là đối tác lớn của nhau. Do đó, việc nêu “quan điểm” đi theo (liên minh với) nước này để chống nước khác nhằm bảo vệ chủ quyền biển, đảo là ảo tưởng, ngây thơ, hài hước.

Bốn là, quan điểm dựa vào nước này, liên minh với nước khác để bảo vệ chủ quyền... là thể hiện tư tưởng yếu hèn, nhược tiểu. Quan điểm này hoàn toàn trái ngược với truyền thống của dân tộc ta và trái với xu thế vận động khách quan của thế giới đương đại. Trong trường kỳ lịch sử: Độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường là truyền thống, kinh nghiệm, bản lĩnh, khí phách dân tộc Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng từng đúc kết: Không có gì quý hơn độc lập, tự do; đem sức ta mà giải phóng cho ta; tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính. Xu thế phát triển khách quan của thế giới đương đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển; các quốc gia, dân tộc đề cao ý thức độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường... Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, dựa vào nước khác không những không bảo vệ, không đòi được chủ quyền, thậm chí còn mất luôn cả quyền độc lập về chính trị, quyền tự quyết của dân tộc. Do đó, ý lại, trông chờ sự giúp đỡ của nước khác, dựa vào nước khác để bảo vệ độc lập, chủ quyền thì không xứng đáng được hưởng tự do, độc lập. Sự phụ thuộc của một số quốc gia trên thế giới hiện nay càng khẳng định thêm tính đúng đắn trong đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước Việt Nam.

Thứ ba, phê phán quan điểm cho rằng: “Không liên minh với nước nào nhằm chống nước thứ ba là tự trói buộc mình, không phù hợp với thực tế, cần phải thay đổi” (!).

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, trong hơn 30 năm qua, hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế của nước ta đã đạt được những thắng lợi to lớn.

Một là, đã mở rộng quan hệ đối ngoại, giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia; phá được thế bị bao vây, cấm vận thời kỳ đầu đổi mới; bình thường hóa, thiết lập quan hệ ổn định, lâu dài với các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ chính trị. Đến nay, chúng ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 185 nước, trong đó có tất cả các nước lớn, có quan hệ thương mại - đầu tư với hơn 230 nước và vùng lãnh thổ. Đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 15 nước, quan hệ đối tác toàn diện với 11 nước, trong đó có 5 nước lớn Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Chủ động, tích cực tham gia các công việc chung của cộng đồng quốc tế, các diễn đàn, tổ chức khu vực và quốc tế, nâng cao vị thế của đất nước. Tham gia tích cực, có trách nhiệm vào các định chế đa phương quốc tế như IMF, WB, WTO, Liên hợp quốc và các tổ chức thành viên, các diễn đàn đa phương như Tổ chức các nước không liên kết, nhóm các nước G77... để nâng cao vị thế quốc tế, tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế đối với Việt Nam.

Hai là, quan hệ với các nước láng giềng được củng cố và tăng cường. Quan hệ đoàn kết, hữu nghị đặc biệt giữa Việt Nam và Lào có nhiều bước phát triển mới và vẫn sâu đậm nghĩa tình, thủy chung, trong sáng. Quan hệ Việt Nam - Campuchia phát triển tích cực theo phương châm “láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài”. Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc có những bước tiến triển, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, thương mại. Trước tình hình phức tạp trên Biển Đông, việc chúng ta kiên trì bảo vệ chủ

quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích của đất nước; kiên trì giữ vững môi trường hòa bình và ổn định; kiên trì quan hệ hữu nghị với nhân dân Trung Quốc; kiên trì chủ trương giải quyết những bất đồng bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế... đã được đông đảo nhân dân đồng tình và dư luận quốc tế ủng hộ.

Ba là, tích cực tham gia và đóng góp hiệu quả cho việc hình thành Cộng đồng ASEAN. Theo đó, cơ chế ASEAN đã tạo ra thế và lực tốt hơn cho Việt Nam trong quan hệ với các đối tác khác. Tham gia tích cực và có trách nhiệm vào việc liên kết khu vực ở Đông Á, có quan hệ hài hòa với tất cả các nước Đông Á, góp phần thúc đẩy việc hình thành Cộng đồng Kinh tế Đông Á theo hướng mở. Quan hệ Việt - Mỹ không ngừng tiến triển theo hướng ngày càng tích cực; quan hệ kinh tế phát triển nhanh; quan hệ an ninh, quân sự từng bước được thiết lập; hợp tác về khoa học - kỹ thuật, giáo dục, y tế... được mở rộng. Quan hệ đối tác toàn diện Việt - Nga đã đi vào thực chất, hiệu quả, cùng có lợi. Quan hệ đối tác chiến lược sâu rộng Việt Nam - Nhật Bản được thúc đẩy mạnh mẽ bằng những hành động cụ thể. Tăng cường hợp tác thúc đẩy quan hệ Việt Nam - EU. Cùng với việc tăng cường thực hiện vai trò là cầu nối giữa EU với khu vực Đông Nam Á, thúc đẩy quan hệ hợp tác song phương với nhiều nước trong EU, đưa các quan hệ hợp tác vào chiều sâu...

Như vậy, nhờ đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa; nhờ không liên minh với nước nào nhằm chống nước thứ ba nên Việt Nam không những không

bị trói buộc, không bị cô lập mà còn có điều kiện để chủ động, tích cực mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế; có điều kiện để giữ vững được độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, đổi mới, phát triển và đã trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Rõ ràng, đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa nói chung, chính sách đối ngoại quốc phòng “ba không” nói riêng của Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn và phù hợp với thực tế.

Thứ tư, phê phán quan điểm cho rằng: Đảng, Nhà nước vẫn “kiên định”, vẫn “khăng khăng” giữ quan điểm “ba không” là “dân đi một đường, Đảng đi một nẻo”(!).

Đề nghị “chỉnh sửa”, “thay đổi”, “từ bỏ” chính sách “ba không” được phát tán trên mạng internet chỉ là quan điểm của *một số người* hoặc chưa hiểu đầy đủ căn cứ lý luận, thực tiễn của chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta, hoặc họ là những phần tử cơ hội, bất mãn, thù địch với ý đồ thâm độc, nham hiểm, một bộ phận rất nhỏ, do đó tiếng nói của họ không thể là tiếng nói của nhân dân và dân tộc Việt Nam tự lực, tự cường, luôn mong muốn chung sống hòa bình, hữu nghị với các nước láng giềng và anh em bè bạn quốc tế. Nếu một đảng chỉ biết theo đuôi quần chúng, nghe theo, làm theo một cách mù quáng tất cả các đề xuất, kiến nghị của quần chúng, nhất là những kiến nghị, góp ý của một bộ phận “quần chúng”, một số “trí thức”, “học giả” với tư tưởng cực đoan, thù hận, với tinh thần nhược tiểu, yếu hèn thì nhân dân Việt Nam, dân tộc Việt Nam cũng không cần một đảng như thế lãnh đạo cầm quyền.

Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa của Đảng, Nhà nước ta nói chung, trong đó có chính sách đối ngoại quốc phòng “ba không” nói riêng chính là sự kết tinh trí tuệ, ý chí, nguyện vọng, quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Đường lối ấy có cơ sở lý luận, khoa học, thực tiễn và cơ sở pháp lý vững chắc. Đường lối, cương lĩnh, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều được lấy ý kiến của các tầng lớp nhân dân bằng những hình thức phù hợp. Do đó, thực chất quan điểm, đường lối của Đảng chính là ý chí, nguyện vọng của nhân dân và cả dân tộc Việt Nam. Nhân dân Việt Nam yêu chuộng hòa bình, quyết tâm bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng bằng tất cả sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế, bằng tình cảm yêu nước thiết tha và trí tuệ thông minh, sáng tạo của mình dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng. Đảng từ dân mà ra và vì dân mà phục vụ. Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc...¹. Nhân dân Việt Nam anh hùng, sáng tạo cần có Đảng cách mạng, chân chính, trung thành, sáng suốt theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh lãnh đạo, dẫn đường.

1. Xem *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.10.

Trong Văn kiện Đại hội XII, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Trên cơ sở vừa hợp tác, vừa đấu tranh, hoạt động đối ngoại nhằm phục vụ mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”¹. Rõ ràng, trong vấn đề đối ngoại, kể cả chính sách đối ngoại quốc phòng, lòng dân và ý Đảng gắn bó, thống nhất chặt chẽ. Không hề có chuyện “*dân đi một đường, Đảng đi một nẻo*” như các thế lực thù địch xuyên tạc. Vì thế, chúng ta không thể chấp nhận quan điểm “thay đổi”, “từ bỏ” chính sách “ba không”. Ngược lại, chúng ta cần nhận thức sâu sắc, quán triệt đầy đủ, rộng rãi chính sách “ba không” vì đây là một trong những nội dung cơ bản trong đường lối,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr.153.

chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa của Đảng, Nhà nước ta. Đồng thời qua đó, góp phần tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII; thực hiện có hiệu quả việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ về lĩnh vực quốc phòng, đối ngoại.

TƯ DUY CHÍNH TRỊ SAU CHIẾN TRANH LẠNH VÀ ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẠI HỘI XII ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TS. CAO ĐỨC THÁI *

Cuộc đấu tranh chống các thế lực thù địch “diễn biến hòa bình”, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” về tư tưởng chính trị có tầm quan trọng đặc biệt. Cũng có thể xem cuộc đấu tranh này vừa là một quy luật của cách mạng Việt Nam, vừa thể hiện bản chất của Đảng ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong thời kỳ xây dựng *xã hội xã hội chủ nghĩa kiểu mới*. Tầm quan trọng của cuộc đấu tranh này chính là cuộc đấu tranh mới thay cho các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc bằng mồ hôi, xương máu của dân tộc nhằm bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ trong nhiều thời kỳ cách mạng đã qua.

Bối cảnh cuộc đấu tranh chính trị, tư tưởng ngày nay là thế giới đã chuyển sang *thời kỳ sau Chiến tranh lạnh*. Đó không còn là bối cảnh cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống

* Giảng viên cao cấp, nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

chính trị, xã hội trong thời kỳ Chiến tranh lạnh. Nếu trong thời kỳ Chiến tranh lạnh (1945-1991), cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội (tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa) chủ yếu tập trung vào đấu tranh vũ trang (cục bộ), đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận là thứ yếu thì ngày nay *bối cảnh cuộc đấu tranh của dân tộc ta là những vấn đề chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội, đặc biệt là kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế sau Chiến tranh lạnh.*

Trong cuộc đấu tranh này, dân tộc ta phải ứng phó với các thế lực thù địch trong bối cảnh xuất hiện nhiều nhân tố mới. *Trước hết*, đó là quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế được thúc đẩy bởi sự phát triển mãnh mẽ của khoa học, công nghệ, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghệ thông tin. Sự bùng nổ của internet, “thế giới phẳng” ra đời, thúc đẩy toàn cầu hóa mọi mặt của đời sống nhân loại. *Hai là*, sự nổi lên *vai trò của các nước lớn và quan hệ của các nước lớn.* Thay vì vai trò lãnh đạo, bảo vệ lợi ích hai hệ thống chính trị xã hội trước đây, ngày nay, các nước lớn (không phân biệt hệ tư tưởng, chế độ chính trị) đặt lợi ích của mình lên trên hết, đồng thời họ “chia sẻ” lợi ích với nhau trong quan hệ với các nước nhỏ và chưa phát triển. *Ba là*, địa - chính trị (trên thế giới và khu vực) trong chiến lược của các nước lớn có ý nghĩa, tầm quan trọng ngày càng to lớn. *Bốn là*, sự “trỗi dậy hòa bình” của Trung Quốc nhờ sự phát triển “hai con số” trong hàng thập kỷ qua (1990-2010). Dựa trên ý tưởng khôi phục “con đường tơ lụa”, Trung Quốc xây dựng và triển khai chiến lược “Một vành đai, một con đường” mà nhiều chuyên gia gọi đó là “Giấc mộng Trung Hoa” nhằm thống trị thế

giới. Cho đến những năm gần đây, quốc gia này đã trở thành siêu cường kinh tế (thứ hai) và về quân sự chỉ đứng sau Mỹ. Cùng với những đòi hỏi về vị thế chính trị, đặc biệt là về việc họ xem Biển Đông là “lợi ích cốt lõi” đã khiến cho Biển Đông “nóng” lên, trở thành một vấn đề lớn đối với trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh. *Năm là*, nhiều nước phát triển như Anh, Pháp, Ấn Độ... thực hiện chính sách “hướng Đông”. Ngoài ra, còn phải nói đến *sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc - tôn giáo cực đoan* (Nhà nước Hồi giáo tự xưng IS), *chủ nghĩa ly khai, chủ nghĩa bảo hộ* và “*chủ nghĩa dân túy*” từ những quốc gia chưa phát triển đến những quốc gia phát triển hàng đầu như Mỹ (qua cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ vừa qua), sự kiện Brexit (Anh rút khỏi Liên minh châu Âu (EU)) và Trung Quốc với tư tưởng “tự tôn dân tộc” và ý thức hệ dân tộc chủ nghĩa - bài ngoại, xem mình là “nạn nhân” trong các thời kỳ lịch sử, chiến lược sử dụng tiềm lực tài chính để mở rộng ảnh hưởng và đe dọa sử dụng chiến tranh với các nước; là nước Nga, Putin “bất ngờ” ủng hộ Trung Quốc (không chấp nhận phán quyết của Tòa Trọng tài Thường trực PCA trong vụ Philipin kiện Trung Quốc về đường lưỡi bò),...

Trong bối cảnh chính trị quốc tế mới, dựa trên chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Đại hội XII Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 01-2016 đã xác định đường lối đối ngoại của Đảng ta là: “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ,

hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”¹.

Đường lối đối ngoại của Đảng ta thể hiện nhất quán những quan điểm chính trị và chiến lược cách mạng khách quan, khoa học và thích ứng trong bối cảnh chính trị và xu thế của thời đại ngày nay. Đường lối đó đã kết hợp được sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo ra sức mạnh tổng hợp to lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Có thể nói, đường lối đối ngoại của Đảng là kết tinh trí tuệ và kinh nghiệm lịch sử cách mạng hơn 87 năm qua của Đảng và dân tộc ta:

Trước hết, về lợi ích, Đảng ta đặt lợi ích của quốc gia, dân tộc lên trên hết. Khía cạnh mới mẻ của tư tưởng này là ở chỗ: Trong điều kiện Chiến tranh lạnh đã kết thúc, lợi ích của quốc gia - dân tộc ngày nay là hoàn toàn độc lập, không nhất thiết, không bị ràng buộc bởi việc phải bảo vệ lợi ích chung hoặc bảo vệ lợi ích của bất cứ quốc gia nào, cho dù là “cùng ý thức hệ”.

Thứ hai, về mục tiêu, đó là vì hòa bình, hợp tác và phát triển; đồng thời là ý thức tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế; là “thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”. Quan điểm này hoàn toàn khác biệt với chủ nghĩa dân tộc ích kỷ, cực

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.153.

đoan, đối lập lợi ích quốc gia, dân tộc với lợi ích chung của cộng đồng quốc tế.

Thứ ba, về nguyên tắc, đó là bình đẳng và cùng có lợi; phương châm đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế; đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Đây là nguyên tắc và phương châm hợp tác để định hướng cho Nhà nước ta có thể chủ động mở rộng và đa dạng hóa các quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, không phân biệt ý thức hệ, chế độ chính trị, mô hình xã hội và trình độ phát triển...

Sau Chiến tranh lạnh, các thế lực thù địch vẫn thực hiện chiến lược nhằm hai mục tiêu chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. *Một là, xâm phạm độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ bằng những phương thức, thủ đoạn mới như: chiến tranh “tầm ăn dâu”, “cắt lát salami”, dùng hacker tấn công mạng internet, không loại trừ chúng có thể thực hiện chiến tranh xâm lược cục bộ (nhất là về biển, đảo ở Biển Đông).* *Hai là, thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” kết hợp với thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nhằm nhiều mục tiêu, từ thúc đẩy suy thoái xã hội đến xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng ta, chuyển hóa chế độ ta sang mô hình xã hội dân chủ, nhân quyền ngoại nhập.*

Còn nhớ, trước khi Chiến tranh lạnh kết thúc, Trung Quốc đã thực hiện cuộc chiến đánh vào biên giới phía Bắc Việt Nam (năm 1979), đánh chiếm đảo Gạc Ma (năm 1988 thuộc quần đảo Trường Sa), hiện nay Trung Quốc vẫn đang xâm phạm chủ quyền của Việt Nam và các quốc gia khác ở Biển Đông với lập luận bảo vệ “chủ quyền lịch sử”. Đồng thời, quốc gia này còn vi phạm quyền tự do hàng hải, hàng không trên Biển Đông theo

Công ước quốc tế về Luật Biển năm 1982 bằng tuyên bố sở hữu “đường chín đoạn” còn gọi là “đường lưỡi bò” phi pháp... Bởi vậy, có thể nói khái niệm bạn - thù; địch - ta; đối tác - đối tượng đã có sự chuyển hóa, thay đổi mau lẹ, phức tạp.

Mặt khác, cùng với bối cảnh chính trị quốc tế sau Chiến tranh lạnh, Việt Nam cũng đang trong quá trình xây dựng đất nước theo mô hình mới của chủ nghĩa xã hội và hội nhập quốc tế, trong đó về chính trị là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về kinh tế là xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa... Do đó, chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch ngày nay đã có những cơ hội mới. Đó là việc chúng có thể lợi dụng sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị các cấp và một số cán bộ, đảng viên cao cấp đã nghỉ hưu (do nhiều nguyên nhân khác nhau) đã ngộ nhận về đường lối, quan điểm của Đảng ta. Những điều nói trên khiến cho cuộc đấu tranh địch - ta đã có lúc, có nơi, có sự kiện chuyển thành cuộc đấu tranh tư tưởng, chính trị, lý luận vào trong nội bộ Đảng, Nhà nước và xã hội ta. Bởi vậy, ngày nay cuộc đấu tranh bảo vệ chế độ xã hội, bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng ta, chống “diễn biến hòa bình” phải gắn liền với chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Tất nhiên, khái niệm “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” cũng cần phải được nhận thức đầy đủ, tránh tình trạng “vơ đũa cả nắm”, làm tổn thương đến lòng yêu nước, yêu chế độ, lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngày nay, trong cuộc đấu tranh chống các thế lực thù địch, cần nhận thức đúng đối tượng đấu tranh và các thủ đoạn của

chúng. Về các thế lực thù địch hiện nay, thực tế cho thấy, không chỉ là chủ nghĩa đế quốc mà còn có lực lượng theo chủ nghĩa dân tộc ích kỷ, cực đoan như Thời báo Hoàn Cầu (Global Time).

Thủ đoạn của Hoàn Cầu là xuyên tạc lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, chia rẽ nhân dân Việt Nam với Đảng Cộng sản Việt Nam. Mặt khác, chúng đe dọa dùng vũ lực chống Việt Nam. Sự kiện tờ Hoàn Cầu tung tin thất thiệt nội dung Hội nghị Thành Đô năm 1990 là một ví dụ. Những thông tin đó khiến cho nhiều cán bộ, đảng viên nghi ngờ quan điểm của Đảng ta trong quan hệ với Trung Quốc. Thậm chí có kẻ nói: Đảng Cộng sản Việt Nam đã bán nước cho Trung Quốc vì lợi ích của Đảng, vì cùng chung ý thức hệ (!). Đến lượt nó, sự xuyên tạc, vu cáo này đã trở thành cái cớ cho những kẻ đóng vai “người yêu nước” tán phát quan điểm chống phá Đảng và chế độ ta.

Ngày nay, chủ nghĩa đế quốc, nhất là những thế lực cực hữu trong chính quyền Mỹ, những kẻ trong chính quyền tay sai của chúng trước đây đang mưu sinh ở nước ngoài... vẫn không quên mối hận thua cuộc trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Chúng vẫn thường xuyên đẩy tới chiến lược “diễn biến hòa bình” với mục tiêu và thủ đoạn quen thuộc. Mặt khác, chúng cũng đã có sự thay đổi chiến lược, chiến thuật nhất định, mà chủ yếu là tác động nhằm tạo ra “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, từng bước chuyển hóa chế độ ta sang mô hình xã hội tư bản chủ nghĩa - “đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập” và thể chế “tam quyền phân lập” phương Tây.

Về nguy cơ và mối quan hệ giữa suy thoái đạo đức, lối

sống với “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, nhiều văn kiện của Đảng, nhất là Hội nghị Trung ương 4 khóa XI và gần đây là Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đã đề cập đến. Trong bài phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương 4 khóa XII, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nói: “Từ suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc”¹.

Bởi vậy, nhiệm vụ phòng, chống “diễn biến hòa bình” ngày nay tất yếu phải gắn với phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Tuy nhiên, chúng ta cần phân loại, làm rõ các nhóm “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Chẳng hạn, có những nhóm “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” do tác động của chiến lược “diễn biến hòa bình” (nhóm này thường là những thanh niên, sinh viên, trí thức, văn nghệ sĩ,...); nhóm “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” do bức xúc với nhiều vấn đề chính trị, kinh tế - xã hội (thường là một số cán bộ cao cấp, cán bộ lão thành,...); nhóm “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” tự nhiên do đã thay đổi bản chất (đó là những cán bộ, đảng viên, công chức suy thoái về đạo đức, lối sống đã và đang giàu lên nhờ lợi dụng được cơ chế, chính sách trong “nhóm lợi ích”). Nhóm này tự cho rằng, chế độ tư bản chủ nghĩa là thích hợp nhất, an toàn nhất để bảo đảm tài sản cho họ.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Sđd, tr.144.

Cho dù do những nguyên nhân khác nhau, nhưng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” đều là biểu hiện của sự phản bội về chính trị, là nguy cơ hàng đầu làm sụp đổ chế độ xã hội.

Về thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, cần phải chú ý, chúng thường hướng vào mục tiêu “kép” - vừa tác động, gây sức ép nhằm “lái” đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng ta hoặc ngả theo quốc gia này hoặc quốc gia kia, đồng thời chúng còn nhằm *chia rẽ lãnh đạo Đảng, Nhà nước*. Chẳng hạn, khi Đảng ta chủ trương duy trì quan hệ bình thường với Trung Quốc,...; thậm chí đón lãnh đạo Trung Quốc thì họ cho rằng duy trì quan hệ với quốc gia “cùng ý thức hệ” (Trung Quốc), Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ nhằm “bảo vệ sự tồn tại và lợi ích của Đảng”(!). Khi Đảng ta xác lập quan hệ đối tác toàn diện với Mỹ thì họ cho rằng Đảng ta đã đi theo chủ nghĩa tư bản. Mặt khác, trên nhiều trang mạng, đặc biệt trên YouTube, đã thường xuyên phát tin, bài cho rằng Ban Lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam chia ra làm hai phái: Phái ngả theo Trung Quốc và phái ngả theo Mỹ, phương Tây (với những tên tuổi, “chứng cứ”, “lý do” cụ thể) (!).

Từ khi Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan HD981 trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của nước ta (năm 2014) và sau sự cố môi trường nghiêm trọng do Formosa Hà Tĩnh gây ra, một số kẻ đóng vai “*người yêu nước*” đưa ra kiến nghị Đảng ta *thay đổi Cương lĩnh, đường lối đối ngoại*. Đó là Đảng ta cần chuyển sang tư tưởng “dân chủ, dân tộc”, kiến nghị “*Thoát Trung*”... Đồng thời, một số người đóng vai “*người đổi mới triệt để*” đã “*đề xuất*”, “*gợi ý*” chuyển sang đường lối “*dân chủ, dân tộc*” và kiến nghị *thay đổi “chính sách quốc phòng ba*

không” (trong đó có chính sách không liên minh với nước thứ ba) là không phù hợp với thực tế!

Trên nhiều trang mạng trong và ngoài nước, nhiều người đã phân tích, “thuyết phục” Đảng ta rằng, Việt Nam muốn bảo vệ được chủ quyền biển, đảo, muốn phát triển thì phải “thoát Trung”, “không phải với nghĩa không có quan hệ với Trung Quốc mà là không lệ thuộc vào Trung Quốc”(!). Quan điểm này dựa trên sự thiếu hiểu biết về bối cảnh chính trị và bản chất chiến lược đối ngoại của Đảng ta.

Đồng thời với quan điểm “bài Trung”, “thoát Trung” là quan điểm “liên minh với các nước dân chủ”, đặc biệt là với Mỹ. Với họ, lý do là trong bối cảnh Trung Quốc đang dùng sức mạnh “cơ bắp” lấn lướt các nước nhỏ thì chúng ta chỉ có thể liên minh với Mỹ mới có đủ sức mạnh làm “đối trọng” với Trung Quốc. Có người cho rằng, Việt Nam cần áp dụng bài học lịch sử của Nguyễn Trường Tộ, “*Dùng Tây chặn Tàu*”. Có người phân tích rằng, Việt Nam liên minh với Mỹ là sự lựa chọn đúng đắn xét về các “*giá trị*” (hướng theo các giá trị cơ bản của nền văn minh nhân loại như “tự do, dân chủ và luật quốc tế”...) và về *lợi ích*. Theo họ, liên minh với Mỹ là vì hai quốc gia có chung “*giá trị*” và “*lợi ích*”. Về sự tương đồng lợi ích, họ viết: Đó là lợi ích giữa hai quốc gia, “nhất là giá trị địa - chính trị ở khu vực Biển Đông”. Cùng quan điểm nói trên, một số kẻ cho rằng đường lối, chính sách đối ngoại của Việt Nam hiện nay là “*đu dây*” trong quan hệ với Trung Quốc và Mỹ. Theo họ, *điều này sẽ dẫn đến nhiều rủi ro, bị cô lập khi Trung Quốc xâm lược...*

Để bác bỏ những quan điểm thù địch, sai trái, ngộ nhận về đường lối, chính sách đối ngoại, chúng ta cần làm rõ tính đúng

đầu, khách quan, khoa học của đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta; đồng thời, cần chỉ ra những sai trái trong những quan điểm của họ.

Trước hết, đường lối đối ngoại của Việt Nam là sự thích ứng với nhiều vấn đề chính trị, kinh tế, quân sự... trong bối cảnh quốc tế, hội nhập sau Chiến tranh lạnh và do vị trí địa - chính trị khu vực Biển Đông.

Việt Nam nằm trong khu vực Đông Nam Á, có vị trí địa - kinh tế - chính trị chiến lược quan trọng hàng đầu trên thế giới, nhất là về tài nguyên và giao thông hàng hải, hàng không đi qua khu vực này¹. Đồng thời, đây cũng là khu vực cạnh tranh chiến lược giữa một số nước lớn. Các khái niệm “lợi ích cốt lõi”, “xoay trục”, “tái cân bằng” lực lượng của các nước lớn... đã phản ánh tính quyết liệt trong cuộc cạnh tranh của nhiều quốc gia, đặc biệt là sự cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc. Trong bối cảnh chính trị quốc tế và khu vực đó, đường lối đối ngoại của Việt Nam nói chung, chiến lược đối với Trung Quốc và Mỹ nói riêng, một mặt *mở rộng tối đa quan hệ hợp tác với tất cả các quốc gia trong cộng đồng quốc tế, mặt khác cân bằng lợi ích giữa*

1. “Biển Đông từ Đặng Tiểu Bình đến Tập Cận Bình”, “Theo số liệu của Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) cho biết, Biển Đông ước tính chứa khoảng 11 tỷ thùng dầu và trên 190 tỷ mét khối khí tự nhiên. Còn Tổng Công ty Dầu khí Hải Dương Trung Quốc (CNOOC) lại cho rằng, con số đó có thể lớn gấp 10 lần dự báo của EIA... Gần 50% tỷ trọng hàng hóa thương mại quốc tế ước tính khoảng trên 5.000 tỷ USD đi qua Biển Đông mỗi năm. Con đường này có ý nghĩa sống còn với nhiều quốc gia trên thế giới...”, trong đó có Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ..., www.vnmedia.vn/quoc-te/.../bien-dong-tu-dang-tieu-binh-den-tap-can-binh-527566/, ngày 7-4-2016.

những nước lớn, đặc biệt là Trung Quốc, Mỹ và Nga. Không thể “nhất bên trọng, nhất bên khinh” như có người nghĩ.

Về chính trị trong quan hệ hợp tác, đối với các nước nhỏ, yếu (trong đó có Việt Nam) chỉ có thể lựa chọn chiến lược “*duy trì môi trường hòa bình*”; *phản đối “sử dụng vũ lực” và “đe dọa sử dụng vũ lực”*; “*giải quyết các bất đồng bằng biện pháp hòa bình dựa trên luật pháp quốc tế*”, (nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982); “*hợp tác, hữu nghị*” với tất cả các nước không phân biệt ý thức hệ, chế độ chính trị - xã hội.

Thực hiện đường lối và chiến lược đối ngoại, cho đến nay, nước ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 185 quốc gia và vùng lãnh thổ. Việt Nam là đối tác chiến lược với Trung Quốc, Nga, Anh, Pháp; là đối tác toàn diện với Mỹ. Ngoài các quốc gia thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Việt Nam còn có quan hệ đối tác chiến lược với các quốc gia khác như: Ấn Độ (năm 2007), Nhật Bản (năm 2006); Hàn Quốc, Tây Ban Nha (năm 2009), Đức (năm 2011), Italia, Thái Lan, Indônêxia, Xingapo; đối tác toàn diện với Ôxtrâylia (năm 2009); Niu Dilân (năm 2010)...

Thứ hai, trong bối cảnh sau Chiến tranh lạnh, quan hệ quốc tế dựa trên cùng hoặc đối lập về hệ tư tưởng, chế độ xã hội không còn phù hợp nữa.

Tiêu chí xác lập quan hệ giữa các quốc gia nay đã thay đổi. Thay cho vai trò của hệ tư tưởng (được xem là lợi ích của cả hệ thống xã hội của nhiều quốc gia trong thời kỳ Chiến tranh lạnh...) nay là *lợi ích của dân tộc và là sự tôn trọng thể chế chính trị của nhau*. Tất nhiên sự khác biệt nào đó về thể chế, trình độ phát

triển và bản sắc văn hóa luôn là một thực tế mà các quốc gia phải chia sẻ với nhau bằng phương thức đối thoại. Tuy nhiên, điều đó cũng không phải là *“điều kiện”* tiên quyết trong quan hệ đối ngoại. Lợi ích quốc gia, dân tộc luôn phải tính toán đến sự cân bằng giữa các nước lớn, nhất là ở những địa bàn địa - chính trị như Việt Nam và Biển Đông. Mặt khác, trong quan hệ quốc tế ngày nay không chỉ tính đến về mặt chính trị, quân sự, an ninh quốc gia... mà còn phải tính đến *yếu tố kinh tế*, tính đến thị trường mua, bán hàng hóa. Duy trì quan hệ bình thường, quan hệ tốt đẹp với tất cả quốc gia dựa trên nguyên tắc đặt lợi ích dân tộc lên trên hết là điều dễ hiểu.

Hơn nữa, ngay trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, không phải các nước lớn (chẳng hạn Trung Quốc và Mỹ) đã từng đặt lợi ích *“cùng ý thức hệ”*, chế độ chính trị lên trên hết. Còn nhớ năm 1972, trong khi chúng ta đang chống Mỹ, cứu nước thì Bắc Kinh lại đón tiếp R.Nixon; ở miền Nam, Mỹ bỏ mặc lời kêu cứu của Chính quyền Sài Gòn để Trung Quốc chiếm Hoàng Sa... Đây là những ví dụ sống.

Ở Biển Đông, những liên minh có cam kết của Mỹ với một số quốc gia như Philíppin cũng không phải là giải pháp tối ưu trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia. Khi diễn ra tranh chấp bãi cạn Scarborough giữa Trung Quốc với Philíppin, Mỹ nhiều lần tuyên bố *“không đứng về bên nào”* trong tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông. Bởi dựa vào *“liên minh”* với nước này hoặc đối đầu với nước khác là không thích hợp.

Trong quan hệ đối ngoại hiện nay, Việt Nam luôn tính đến những quan hệ lịch sử và hiện tại để xác định các quan hệ quốc tế. Đó là quan hệ *“đặc biệt”*, quan hệ *“láng giềng”*, *“bè bạn truyền*

thông” và quan hệ mới (chẳng hạn với Mỹ)... quan hệ “*đôi tác chiến lược*”, “*đôi tác chiến lược toàn diện*”, “*đôi tác toàn diện*”. Những quan hệ này, *trước hết*, nhằm củng cố các quan hệ hợp tác tốt đẹp trong quá khứ (chẳng hạn như với Lào, Cuba, Nga và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu (cũ), các nước Mỹ Latinh...; *hai là*, nhằm kiềm chế những tham vọng của lực lượng cực hữu (chẳng hạn như đối với Trung Quốc liên quan đến Biển Đông); và *ba là*, nhằm mở rộng các quan hệ mới, kể cả những quốc gia có sự khác biệt về ý thức hệ, thậm chí đã từng xâm lược Việt Nam (như Mỹ, Pháp).

Thứ ba, về đường lối đối ngoại trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, *Việt Nam thực hiện chính sách “ba không”* có điều kiện.

Chính sách quốc phòng “ba không” của Đảng ta được công khai tuyên bố trong dịp mà Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Nguyễn Chí Vịnh dẫn đầu đoàn đại biểu Bộ Quốc phòng Việt Nam sang thăm Trung Quốc (từ ngày 22 đến ngày 25-8-2010). Trả lời câu hỏi của các nhà báo liên quan đến sự gia tăng sức mạnh quân sự của Trung Quốc và khả năng Việt Nam liên minh quân sự với Mỹ, Thứ trưởng Nguyễn Chí Vịnh nói: Chính sách quốc phòng đối ngoại của Việt Nam là: “Không tham gia các liên minh quân sự, không là đồng minh quân sự của bất kỳ nước nào, không cho bất cứ nước nào đặt căn cứ quân sự ở Việt Nam và không dựa vào nước này để chống nước kia”¹.

Có thể nói, với chính sách quốc phòng “ba không” cùng với *quan điểm động về “đôi tác và đôi tượng”*, Nghị quyết Hội nghị

1. “Chính sách “ba không” của quốc phòng Việt Nam”, *VnEpress*, Thứ năm, 26-8-2010 | 10:59 GMT+7.

Trung ương 8 khóa IX của Đảng ta nêu rõ: “Những ai chủ trương tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác của chúng ta. Bất kể thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng đấu tranh”, hình thành tư tưởng chính trị - quân sự toàn diện, vững chắc: *vừa ngăn chặn, vừa trấn an, vừa kiên trì, kiên quyết* bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Khái niệm “có điều kiện” trong chính sách quốc phòng “ba không” được hiểu là giới hạn của chính sách đó trong điều kiện hòa bình. Việt Nam cần và chắc chắn sẽ kêu gọi cộng đồng quốc tế ủng hộ và sự giúp đỡ của tất cả các quốc gia khi có kẻ thù xâm lược. Mặt khác, Việt Nam tuy không tham gia “*liên minh cam kết*” với quốc gia nào, song chúng ta nhận thức được và hoan nghênh các “*đồng minh tự nhiên*” trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia và tôn trọng luật pháp quốc tế, trong đó có tự do hàng hải, hàng không trên Biển Đông.

Trên đây là cơ sở tư tưởng chính trị, đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, chúng ta có đầy đủ căn cứ để bác bỏ các thủ đoạn của các thế lực thù địch, sai trái, ngạo mạn, xuyên tạc, bôi nhọ Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta nói riêng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam nói chung.

Qua theo dõi báo chí và nhiều diễn đàn trực tiếp, xin kiến nghị về hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta:

Thứ nhất, cần thống nhất trong Đảng và hệ thống chính trị các cấp về đường lối, chính sách, đặc biệt là giải pháp trong công

tác đối ngoại, tránh tình trạng cán bộ, đảng viên, nhân dân ngộ nhận về đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta¹.

Thứ hai, cần thông tin về quan điểm và giải pháp kịp thời khi xuất hiện sự kiện, sự cố liên quan đến hoạt động đối ngoại (tránh để chậm trễ, các mạng đưa tin đã lâu mà báo chí chính thống chưa có bài...).

Thứ ba, cần có quan điểm rõ ràng, không né tránh, phản ứng kiên quyết theo các mức độ được xác định cụ thể; cần có thông điệp về “lằn ranh đỏ” công khai trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia; không ngại phản ứng đối với bất cứ quốc gia nào khi họ có hoạt động xâm phạm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của chúng ta, cho dù chủ thể đó là ai... Không để “những khoảng trống tâm lý, tâm trạng” trong cán bộ, đảng viên và nhân dân cho các thế lực thù địch lợi dụng.

Gắn liền với quan điểm đó, cần nuôi dưỡng tinh thần yêu nước của nhân dân. Chẳng hạn như sớm xây dựng Luật Biểu tình, Luật về hội... (đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013) để người dân thể hiện lòng yêu nước, chính kiến của mình, răn đe các thế lực thù địch,... hỗ trợ, làm chỗ dựa cho Đảng và Nhà nước.

1. Ý kiến của Trương Trọng Nghĩa (Đại biểu Quốc hội Thành phố Hồ Chí Minh) và Lê Văn Lai (Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi) tại kỳ họp cuối cùng của Quốc hội khóa XIII (ngày 01-4-2016).

NHẬN DIỆN VÀ ĐẤU TRANH PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM: “MUỐN VIỆT NAM THỰC SỰ DÂN CHỦ VÀ PHÁT TRIỂN CẦN THỰC HIỆN ĐA NGUYÊN CHÍNH TRỊ, ĐA ĐẢNG ĐỐI LẬP”

GS.TS. NGUYỄN VĂN NGỌC *

Lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng minh, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng cả trong thời kỳ giành, giữ chính quyền và công cuộc xây dựng, phát triển Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay. Nhận thức rõ vấn đề đó, thực hiện chiến lược “điễn biến hòa bình” nhằm thay đổi chế độ chính trị tại Việt Nam, hướng Việt Nam đi theo quỹ đạo tư bản chủ nghĩa, các thế lực thù địch chú trọng tấn công vào vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Bên cạnh những hoạt động như tác động, chuyển hóa; thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nội bộ Đảng thì một mũi tấn công trọng yếu, thường xuyên được các thế lực thù địch tiến hành thời gian vừa qua là đẩy mạnh hoạt động phá hoại tư tưởng với nhiều luận điệu “tấn công trực diện” vào vai trò lãnh đạo của Đảng. Mục đích của các thế lực thù địch là

* Giám đốc Học viện An ninh nhân dân.

thông qua hoạt động phá hoại tư tưởng để tác động nhằm thay đổi nhận thức, niềm tin của các tầng lớp nhân dân, kể cả cán bộ, đảng viên vào vai trò lãnh đạo của Đảng, vào tính tất yếu của sự ra đời và lãnh đạo cách mạng của Đảng, từ đó lôi kéo các tầng lớp nhân dân vào con đường chống đối lại Đảng, hình thành nên các tổ chức, lực lượng chính trị đối lập tại Việt Nam, tiến tới thiết lập cơ chế đa nguyên, đa đảng. Với mục đích đó, các thế lực thù địch đã tung ra hàng trăm, hàng nghìn các luận điệu khác nhau tấn công vào vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Do tác động từ hoạt động phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, cộng với việc thiếu tu dưỡng, rèn luyện, không tích cực học tập, quán triệt chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như nhận thức chính trị non kém nên trong nội bộ Đảng cũng đã xuất hiện một số cán bộ, đảng viên “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” về chính trị. Đáng chú ý, có một số người tỏ ra đồng tình, ủng hộ, thậm chí là cổ súy cho một luận điểm phá hoại tư tưởng rất phổ biến, đó là chỉ có thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập thì Việt Nam mới có dân chủ, xã hội Việt Nam mới có thể phát triển sánh kịp với các quốc gia khác trên thế giới. Và ngược lại, nếu vẫn chỉ duy trì chế độ một đảng thì sẽ đồng nghĩa với độc tài, sẽ cản trở quá trình phát triển của đất nước (!).

Có thể thấy rằng, đây là một luận điệu hết sức nguy hiểm, bởi nó cố tình đánh đồng giữa vấn đề đa nguyên, đa đảng với dân chủ và phát triển. Những người có nhận thức chính trị không vững vàng có thể dễ dàng bị đánh lừa bởi luận điệu này, từ đó cổ súy cho việc thiết lập cơ chế đa nguyên, đa đảng tại

Việt Nam. Chính vì lẽ đó, việc nhận diện đầy đủ và đấu tranh phản bác, thuyết phục, vạch rõ những điểm giả dối, phản cách mạng, phản khoa học trong luận điệu “đa nguyên, đa đảng đồng nghĩa với dân chủ, phát triển” là vô cùng quan trọng trong cuộc đấu tranh tư tưởng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của chế độ hiện nay.

Xoay quanh vấn đề này, thiết nghĩ cần làm rõ một số điểm lớn sau: *Thứ nhất*, Việt Nam có cần thiết phải thực hiện đa nguyên, đa đảng không? *Thứ hai*, cơ sở lý luận cho việc thực hiện thể chế đa nguyên, đa đảng có thực sự cách mạng và khoa học? *Thứ ba*, thực chất âm mưu, ý đồ của các thế lực thù địch trong việc thúc đẩy đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập ở Việt Nam là gì? Trả lời được những câu hỏi này sẽ cho chúng ta nhìn nhận, đánh giá rõ được về sự sai trái trong luận điểm nêu trên.

Vấn đề thứ nhất, Việt Nam hiện nay có cần thiết phải thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập không? Câu trả lời là **không**. Xuất phát từ mấy điểm sau:

Một là, sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự lựa chọn tất yếu của lịch sử. Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam đã cho thấy, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với đất nước là sự lựa chọn tất yếu của lịch sử, là ý nguyện của toàn thể nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời vừa tuân theo quy luật chung, vừa tuân theo quy luật lịch sử đặc thù của Việt Nam, giải quyết được cuộc khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc. Vào những thập niên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, cả nước ta chìm trong lầm than nô lệ của thực dân Pháp. Nhiều phong

trào yêu nước đã xuất hiện như phong trào Cần Vương, khởi nghĩa Yên Thế, Yên Bái nhưng lần lượt thất bại. Việc tìm kiếm con đường cứu nước của các chí sĩ tiền bối như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... đều rơi vào bế tắc. Trong bối cảnh đó, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã tìm đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và chính Người đã có công truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị điều kiện tiền đề về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho việc ra đời của Đảng Cộng sản. Cũng chính nhờ sự truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam mà phong trào công nhân và phong trào yêu nước có điều kiện phát triển mạnh mẽ, dẫn tới sự hình thành các tổ chức cộng sản. Sự xuất hiện của ba tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn tiếp tục thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển, nhưng cũng đặt ra một yêu cầu bức thiết rằng, cần phải hợp nhất ba tổ chức thành một tổ chức thống nhất để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới. Và sự ra đời của Đảng Cộng sản sau Hội nghị hợp nhất ngày 03-02-1930 dưới sự chủ trì của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc là một tất yếu của lịch sử cách mạng Việt Nam, chấm dứt thời kỳ cách mạng Việt Nam khủng hoảng về đường lối, mở ra một thời đại mới cho lịch sử đất nước.

Trong giai đoạn 1930-1945, lịch sử Việt Nam chứng minh, chỉ có Đảng Cộng sản chứ không có bất kỳ tổ chức, đảng phái chính trị nào khác lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Thắng lợi của Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 dẫn tới sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là công lao của Đảng

Cộng sản. Đến năm 1946, do bối cảnh tình hình chính trị lúc đó, tại Việt Nam ngoài Đảng Cộng sản xuất hiện thêm hai đảng khác là Việt Nam Quốc dân đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh hội. Tuy nhiên, về thực chất lãnh đạo cách mạng Việt Nam vẫn chỉ có Đảng Cộng sản, còn hai đảng Việt Quốc và Việt Cách “theo đuôi Tưởng” chứ không hề đứng về lợi ích dân tộc. Cho đến khi quân Tưởng rút khỏi Việt Nam, hai đảng này cũng ra đi theo quân Tưởng, trên vũ đài chính trị chỉ còn lại duy nhất Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Sự xuất hiện và rút lui của hai đảng Việt Cách và Việt Quốc cho thấy, chỉ có Đảng Cộng sản là được nhân dân và lịch sử Việt Nam lựa chọn, còn những đảng phái không đứng về nhân dân đã bị chính lịch sử và nhân dân ta loại bỏ. Thời kỳ sau đó, bên cạnh Đảng Cộng sản cũng tồn tại hai đảng khác là Đảng Dân chủ Việt Nam và Đảng Xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, cả hai đảng này đều thừa nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản và sau đó tuyên bố tự giải tán.

Thật vậy, Việt Nam đã từng có tiền lệ về chế độ đa đảng, nhưng chính lịch sử và nhân dân Việt Nam đã phủ nhận chế độ đó. Trong bối cảnh, tình hình lịch sử của Việt Nam, việc Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo nhà nước và xã hội là hoàn toàn phù hợp với thực tế của Việt Nam. Đây là sự lựa chọn của lịch sử Việt Nam. Thực tế đã chứng minh rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam chưa bao giờ và không bao giờ tự ban cho mình quyền lãnh đạo nhà nước và xã hội, mà vai trò lãnh đạo nhà nước và xã hội chính là nhiệm vụ cao cả mà nhân dân Việt Nam tin tưởng giao phó cho Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngay từ khi thành lập cho đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn là

đội tiên phong, đại diện cho ý chí, nguyện vọng, trung thành với lợi ích của toàn thể nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam.

Hai là, Đảng Cộng sản đủ khả năng lãnh đạo để đưa đất nước phát triển, không cần thiết phải thực hiện đa nguyên, đa đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đường lối lãnh đạo hết sức đúng đắn, đã đưa Việt Nam giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Điều này đã được lịch sử chứng minh. Năm 1945, chỉ 15 năm sau ngày thành lập với chỉ khoảng 5.000 đảng viên, Đảng đã lãnh đạo toàn thể nhân dân làm nên cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám lịch sử, lật đổ ách áp bức của thực dân, phong kiến, lập ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa nhân dân Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của độc lập, tự do. Tiếp sau đó, Đảng lại lãnh đạo nhân dân làm nên hai cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, làm nên những chiến thắng vang dội và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền của đất nước. Với đường lối đổi mới đúng đắn, Đảng đang lãnh đạo cả nước thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, đưa đất nước từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, bị tàn phá bởi chiến tranh trở thành một quốc gia đang phát triển hết sức năng động, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân đang không ngừng được cải thiện, uy tín, vị thế Việt Nam không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế. Hiện nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 185 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Việt Nam cũng là điểm đến hấp dẫn của nhiều nhà đầu tư nước ngoài. Quốc phòng, an ninh được giữ vững, văn hóa,

xã hội có nhiều bước phát triển. Có thể khẳng định, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, Việt Nam vẫn đang trên đà phát triển hết sức mạnh mẽ, vì thế không cần thiết phải thực hiện đa nguyên, đa đảng.

Ba là, tiêu chí cao nhất của hoạt động chính trị là ổn định xã hội vững bền và sự tăng trưởng kinh tế, an sinh xã hội được bảo đảm, một đảng hay đa đảng, đa nguyên hay không đa nguyên cũng đều phải vì vấn đề cốt lõi này.

Vậy thì Việt Nam hiện nay, sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản đang đáp ứng rất tốt vấn đề này. Với chế độ một đảng lãnh đạo, Việt Nam có điều kiện để giữ vững ổn định chính trị. Việt Nam được đánh giá là một trong những nước có sự ổn định chính trị hàng đầu thế giới. Đây là một điểm sáng của Việt Nam và là một yếu tố quan trọng hàng đầu trong việc thu hút đầu tư nước ngoài. Việt Nam hiếm khi xảy ra bất ổn chính trị hay khủng bố, bạo loạn đường phố quy mô lớn, một điều thường xảy ra với các quốc gia đa đảng do sự cạnh tranh quyền lực. Chính trị ổn định, an ninh được giữ vững, thu hút được ngày càng nhiều các nhà đầu tư nước ngoài, cho nên Chính phủ có điều kiện để cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân cũng như nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế. Nếu Việt Nam thực hiện đa nguyên, đa đảng, đất nước sẽ rơi vào tình trạng hỗn loạn, mất ổn định chính trị do sự tranh giành quyền lực giữa các đảng phái. Thực tiễn nhiều nước trên thế giới hiện nay đang phải đối mặt là sự bất ổn nghiêm trọng về chính trị do sự cạnh tranh quyền lực giữa các đảng phái, từ đó dẫn tới kinh tế suy giảm, đời sống nhân

dân cực kỳ khó khăn. Đây là bài học đã từng diễn ra ở nhiều quốc gia như Thái Lan, Ucraina, Ai Cập...

Bốn là, dân chủ, phát triển không đồng nghĩa với đa nguyên, đa đảng và thực hiện đa nguyên, đa đảng không đồng nghĩa với sẽ có dân chủ và phát triển.

Dân chủ là phạm trù lịch sử, xuất hiện khi nhà nước xuất hiện và mỗi nền dân chủ phải gắn với một nhà nước nhất định, được pháp luật quy định. Nó tùy thuộc vào sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trong giai đoạn lịch sử tương ứng. Trong *Phê phán cương lĩnh Gôta*, C.Mác viết: “Quyền không bao giờ có thể ở một mức cao hơn chế độ kinh tế và sự phát triển văn hóa của xã hội do chế độ kinh tế đó quyết định”¹. Mỗi nước có những đặc thù và trình độ phát triển về kinh tế, chính trị, lịch sử,... khác nhau, do đó có nền dân chủ khác nhau. Chính những yếu tố đó quy định dân chủ chứ không phải là cơ chế đa nguyên, đa đảng hay một đảng. Quan điểm cho rằng, đa đảng thì có dân chủ và một đảng thì mất dân chủ thực ra là một trò “lập lò đánh lận con đen” nhằm cổ vũ cho việc thiết lập cơ chế đa nguyên, đa đảng tại Việt Nam. Chính Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, khi giữ cương vị Chủ tịch Quốc hội, trong lần sang thăm Ấn Độ năm 2010, trả lời câu hỏi của phóng viên báo *Express* của Ấn Độ về việc liệu đã đến lúc chín muồi để Việt Nam có một hệ thống đa đảng, hoặc có các đảng khác ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam để có thể tính tới các quan điểm của nhiều nhóm sắc tộc, nhiều dân tộc khác nhau, đồng chí đã khẳng định:

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.19, tr.36.

Không phải có nhiều đảng thì dân chủ hơn, ít đảng thì ít dân chủ hơn, mỗi nước có hoàn cảnh, điều kiện lịch sử cụ thể khác nhau, điều quan trọng là xã hội có phát triển không, nhân dân có được hưởng cuộc sống ấm no, hạnh phúc không và đất nước có ổn định để ngày càng phát triển đi lên không? Đó là tiêu chí quan trọng nhất. Và cũng không nhất thiết cứ kinh tế thị trường thì phải đa đảng và ở Việt Nam chưa thấy sự cần thiết khách quan phải có chế độ đa đảng, ít nhất cho đến bây giờ¹.

Câu trả lời của đồng chí Nguyễn Phú Trọng có lẽ cũng là lời giải đáp thuyết phục cho vấn đề đa đảng, một đảng và dân chủ.

Về mặt thực tiễn, thực hiện đa nguyên, đa đảng không đồng nghĩa với việc sẽ có dân chủ, không đồng nghĩa với việc sẽ đưa đất nước phát triển. Thực tiễn nhiều nước đã chứng minh rằng, có những nước đa đảng nhưng vẫn thuộc loại nghèo nhất trên thế giới. Tuy nhiên, cũng có những nước chỉ một đảng lãnh đạo nhưng vẫn là một nước rất phát triển với đời sống nhân dân sung túc. Điều đó có nghĩa là đa nguyên, đa đảng không phải là cứu cánh cho sự phát triển. Thực hiện đa đảng không đồng nghĩa với việc đất nước sẽ phát triển. Vấn đề quan trọng nằm ở chỗ không phải là đa đảng hay một đảng lãnh đạo mà quan trọng nhất là đường lối lãnh đạo đúng đắn của đảng cầm quyền. Và như đã khẳng định, tại Việt Nam hiện nay, với đường lối lãnh đạo sáng suốt, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn đang đưa đất nước liên tục phát triển, người dân cả nước đều được hưởng thành quả của sự nghiệp đổi

1. Theo Thông tấn xã Việt Nam, ngày 26-02-2010.

mới, dân chủ vẫn đang không ngừng được mở rộng và nhân quyền của người dân vẫn luôn được bảo đảm. Việc Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc là một trong những minh chứng điển hình cho vấn đề Việt Nam có dân chủ, nhân quyền hay là không.

Hơn nữa, cần phân biệt rõ giữa vấn đề đa đảng, đa nguyên với đa đảng, nhất nguyên. Một số người, kể cả cán bộ, đảng viên mơ hồ vẫn thường lấy thể chế chính trị của Mỹ để ca ngợi cho tính ưu việt của mô hình đa nguyên, đa đảng. Ấy thế nhưng, nếu tìm hiểu kỹ thì thấy rõ một điều rằng, ở Mỹ chỉ có hai đảng thay nhau lãnh đạo xã hội Mỹ, đó là Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa. Về bản chất, đây đều là đảng của giai cấp tư sản. Vậy thực chất nền chính trị Mỹ là đa đảng nhưng nhất nguyên chứ không phải đa đảng, đa nguyên như nhiều người nhầm tưởng. Tương tự như thế, ở một số nước tư bản phương Tây khác, mặc dù Đảng Cộng sản có thể được cho tồn tại nhưng nếu giai cấp tư sản cảm nhận thấy sự tồn tại đó có khả năng uy hiếp, đe dọa đến sự lãnh đạo, thống trị xã hội của họ thì ngay lập tức, Đảng Cộng sản đó sẽ bị đặt ra ngoài vòng pháp luật. Thứ dân chủ mà họ thường khoe khoang đó chỉ là thứ dân chủ giả hiệu. Vậy nên, đừng ảo tưởng quá nhiều vào thể chế đa nguyên, đa đảng mà phương Tây coi như một phép màu nhiệm duy nhất.

Vấn đề thứ hai, cơ sở lý luận cho việc thực hiện thể chế đa nguyên, đa đảng là gì và nó thực sự có tính khoa học, cách mạng không?

Về vấn đề này, cần khẳng định, cơ sở lý luận cho việc thực

hiện đa nguyên, đa đảng chính là chủ nghĩa đa nguyên và đây là một học thuyết phi mácxít. Chủ nghĩa đa nguyên là một trường phái triết học xã hội tư sản do nhà triết học Đức Christian Wolff (1679-1754) đề xuất vào đầu thế kỷ XVIII. Thế giới quan của chủ nghĩa đa nguyên là phủ nhận tính thống nhất của thế giới, cho thế giới là sự kết hợp các nguyên thể, các yếu tố cường điệu, thời phong cái riêng. Chủ nghĩa đa nguyên ít thiên về thế giới quan mà chủ yếu gắn liền với những vấn đề xã hội. Chủ nghĩa đa nguyên lấy xã hội tư sản trên chế độ tư hữu làm mẫu, họ cho rằng xã hội luôn được chia nhỏ thành cơ sở các cá thể, nhóm, tầng lớp, tập đoàn, phân biệt bằng tài sản và thu nhập, tín ngưỡng, tôn giáo, đảng phái, nghề nghiệp, che đậy tính đối kháng trong mối quan hệ xã hội và đặc biệt là phủ nhận sự phân chia xã hội thành giai cấp, phủ nhận đấu tranh giai cấp. Chủ nghĩa đa nguyên chủ trương xây dựng một cơ chế quản lý xã hội theo nguyên tắc đa lực lượng, đa đảng phái và các tổ chức đảng phái này quan hệ với nhau theo nguyên tắc hiệp thương. Quan điểm này của chủ nghĩa đa nguyên nếu được áp dụng vào chủ nghĩa xã hội thì sẽ dẫn đến nguy cơ phủ định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, hạ thấp đảng thành một tổ chức xã hội bình thường. Nó đối lập hoàn toàn với lý luận đảng kiểu mới của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Có thể thấy rằng, chủ nghĩa đa nguyên là sản phẩm của giai cấp tư sản với thế giới khách quan phi khoa học, trái với tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nó là một trong những công cụ lý luận cho sự tồn tại của chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Chính vì bản chất chính trị thù địch của chủ nghĩa đa nguyên như thế nên nếu chúng ta chấp nhận

thứ học thuyết này, chấp nhận đa nguyên, đa đảng thì chẳng khác nào một sự thỏa hiệp với giai cấp tư sản trên lĩnh vực tư tưởng. Mà ai cũng biết, thỏa hiệp trên lĩnh vực tư tưởng là sai lầm nghiêm trọng.

Vấn đề thứ ba, âm mưu, ý đồ của các thế lực thù địch trong việc thúc đẩy đa nguyên, đa đảng ở Việt Nam là gì và Việt Nam sẽ như thế nào nếu thực hiện đa nguyên, đa đảng?

Cần khẳng định rằng, đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập nằm trong âm mưu thực hiện “diễn biến hòa bình” nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, thay đổi chế độ chính trị tại Việt Nam. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Chính vì lẽ đó, để chống phá cách mạng Việt Nam, để chặn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, các thế lực thù địch tìm mọi cách tấn công vào vai trò lãnh đạo của Đảng. Đòi hỏi phải thực hiện đa nguyên, đa đảng, về bản chất là để nhằm tạo điều kiện, tiền đề cho việc ra đời và công khai hóa, hợp pháp hóa các tổ chức chính trị đối lập với Đảng Cộng sản Việt Nam, từ đó cạnh tranh vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản và tiến tới thủ tiêu vai trò lãnh đạo của Đảng. Những gì đã diễn ra tại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã chứng minh rất rõ âm mưu, ý đồ thâm độc này. Chẳng phải tại Liên Xô dưới sự tác động của các thế lực thù địch và sự “phản bội” của một số Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, đặc biệt là M.Gorbachev, ngày 15-3-1990 tại Đại hội bất thường của các đại biểu nhân dân, Điều 6 Hiến pháp của Liên Xô (quy định về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản)

bị xóa bỏ. Đây là “dấu mốc” quan trọng dẫn đến hình thành cơ chế đa nguyên, đa đảng ở Liên Xô với việc ra đời của nhiều tổ chức, đảng phái chính trị đối lập cạnh tranh vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô. Đến đầu năm 1991, sự tồn tại của Đảng Cộng sản Liên Xô chỉ còn trên danh nghĩa và sự sụp đổ của Liên Xô vào tháng 8-1991 là một tất yếu khi Đảng Cộng sản đã mất quyền lãnh đạo. Vậy nếu Việt Nam chấp nhận đa nguyên, đa đảng thì chắc chắn sẽ “mắc mưu” các thế lực thù địch và đi theo “vết xe đổ của Liên Xô”, bao nhiêu thành quả cách mạng sẽ tiêu tan.

Ngoài ra, cũng cần khẳng định thêm rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nghiêm khắc và có trách nhiệm cao với sứ mệnh lãnh đạo của mình. Đảng không hề bảo thủ, xa rời quần chúng mà ngược lại Đảng luôn đề cao tự phê bình và phê bình, luôn coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, luôn biết tự đổi mới và gắn bó mật thiết với nhân dân. Chính điều này đã giúp Đảng nâng cao được năng lực lãnh đạo và điều dắt cách mạng Việt Nam vượt qua biết bao thác ghềnh, bão tố. Có những thời điểm, tình thế cách mạng rơi vào thế vô cùng hiểm nguy “ngàn cân treo sợi tóc” như những năm 1945-1946, thời điểm khó khăn vào những năm 1980 hay sau khi Liên Xô sụp đổ, tuy nhiên, Đảng Cộng sản Việt Nam với bản lĩnh, trí tuệ và sự sáng tạo đã chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua và tiếp tục tạo đà phát triển. Hiện nay, Đảng cũng đang rất quyết liệt trong công cuộc chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” để nâng cao năng lực lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới.

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 17-12-1998 của Bộ Chính trị về Chiến lược an ninh quốc gia khẳng định: Bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; không chấp nhận đa nguyên chính trị; không để hình thành tổ chức chính trị đối lập, đối trọng với Đảng và Nhà nước. Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 14-10-2006 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác lãnh đạo bảo đảm an ninh quốc gia trong tình hình mới một lần nữa nhấn mạnh: Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Không để xảy ra khủng bố, phá hoại, bạo loạn chính trị, biểu tình, gây rối an ninh, trật tự; kiên quyết không để hình thành các tổ chức chính trị đối lập trong nội địa; không để kẻ xấu lợi dụng tự do báo chí để vu khống, bôi đen Đảng và Nhà nước ta. Điều này cho thấy, quan điểm nhất quán của Đảng ta là không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

Tóm lại, vì nhiều lý do, cả trên phương diện lý luận và thực tiễn cho thấy, luận điểm muốn mở rộng dân chủ và phát triển xã hội, Việt Nam phải thực hiện đa nguyên, đa đảng là một luận điểm sai trái. Việt Nam hiện nay không cần thiết phải thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Với sự cố gắng nỗ lực của toàn dân, toàn quân, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản, chắc chắn Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển nhanh và bền vững trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.

**PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG:
“MUỐN THỰC SỰ CÓ DÂN CHỦ CHO NGƯỜI DÂN
VÀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI PHẢI THỰC HIỆN
“ĐA NGUYÊN, ĐA ĐẢNG””**

PGS.TS. NGUYỄN VINH THẮNG*

Trong quá trình thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” chống phá cách mạng Việt Nam, các thế lực thù địch rất quan tâm đến việc chống phá Đảng Cộng sản Việt Nam, luôn tìm mọi cách để hạ thấp và đi đến phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam, đối với xã hội Việt Nam. Chúng thường xuyên tuyên truyền, kích động, kêu gọi tán dương, cổ súy cho quan điểm “đa nguyên, đa đảng”, nhất là vào dịp chúng ta tổ chức Đại hội Đảng. Đặc biệt, trong thời gian chúng ta tổ chức cho toàn Đảng, toàn dân góp ý vào Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, trên các trang mạng xã hội đã xuất hiện rất nhiều “ý kiến đóng góp” yêu cầu xóa bỏ Điều 4 trong Hiến pháp năm 1992, “xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam”, đòi

* Nguyên Viện trưởng Viện Khoa học Xã hội Nhân văn Quân sự, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.

thực hiện chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập ở Việt Nam (!). Họ thường rêu rao rằng, muốn cho người dân thực sự có dân chủ, muốn cho phát triển xã hội thì phải thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập (!).

Trong quá trình vận động, phát triển của lịch sử xã hội loài người, chế độ đa nguyên, đa đảng đã sớm xuất hiện vào đầu thế kỷ XVIII, khi giai cấp tư sản còn đóng vai trò là lực lượng xã hội tiến bộ, tích cực đi tiên phong trong đấu tranh chống phong kiến, bảo vệ quyền bình đẳng của các nhóm xã hội có lợi ích khác nhau, phát triển quyền tự do, dân chủ tư sản. Qua các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản, nhất là từ khi chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh chuyển thành chủ nghĩa tư bản độc quyền, thì chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập đã mất dần những ý nghĩa tích cực ban đầu. Lúc này, chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập như là cái “bình phong” dân chủ để che đậy sự bất công, bất bình đẳng trong xã hội tư bản. Mặc dù giai cấp tư sản cố tìm mọi cách để che đậy, lừa mị, song vẫn không thể phủ nhận được mục đích cuối cùng, mục tiêu duy nhất của chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập trong xã hội tư bản về bản chất vẫn là bảo đảm quyền lực của giai cấp tư sản, bảo vệ lợi ích của giai cấp bóc lột, thực hiện dân chủ cho một bộ phận thiểu số trong xã hội tư bản.

Nghiên cứu chế độ đa đảng ở các nước phương Tây có thể nhận thấy, bề ngoài thì các đảng chính trị có vẻ như được tự do, bình đẳng tranh cử để trở thành đảng cầm quyền, chi phối quốc hội và chính phủ, nhưng thực chất bên trong, cũng chỉ có những đảng lớn được sự ủng hộ của các thế lực tư bản độc quyền mới giành được vai trò chấp chính. Đảng cộng sản ở các nước tư bản

không bao giờ được bình đẳng trong tranh cử. Ở một số nước tư bản hiện nay, đặc biệt là ở nước Mỹ, bên cạnh “một xã hội” với những người có cuộc sống xa hoa, hào nhoáng, thì vẫn còn tồn tại “một xã hội” hoàn toàn khác hẳn với hàng chục triệu người phải sống trong sự bất công, đói nghèo, bệnh tật, thất nghiệp, mất hết quyền dân chủ! Chẳng hạn, ở Mỹ hiện có 112 đảng, nhưng chỉ có hai đảng (Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ) thay nhau cầm quyền. Tuy bề ngoài là chế độ đa đảng đối lập, song xét về bản chất, đó chỉ là một đảng - đảng của giai cấp tư sản. Dù Đảng Dân chủ hay Đảng Cộng hòa nắm quyền thì cũng đều là đảng của giai cấp tư sản, đều nhận sự tài trợ của các tập đoàn kinh tế, đại diện cho lợi ích của giai cấp tư sản. Vì thế, dân chủ ở Mỹ thực chất vẫn là nền dân chủ tư sản, nền dân chủ chỉ dành cho một bộ phận thiểu số, một số ít người trong xã hội.

Hãy nghe chính người Mỹ nói về nước Mỹ, một nước thực hiện chế độ đa đảng, thực chất là thế nào? Họ nói rằng, nước Mỹ là một nước “tự do”, người dân được tự do biểu tình, tự do chửi bới; báo chí được tự do phanh phui những chuyện nhay cảm, xuyên tạc, bôi xấu lẫn nhau vì sự cạnh tranh của đảng phái này trước đảng phái kia, nhằm hạ uy tín của đảng phái kia. Nhưng điều đó không phải là bản chất thực sự của dân chủ. Giáo sư trường Đại học bang Indiana, Paul Mishler cho thấy rõ thực chất vấn đề: Mọi đói nghèo, thất nghiệp, thất học... đều do lỗi của hệ thống, lỗi từ chủ nghĩa tư bản Mỹ gây ra; Nước Mỹ tự xưng là đa đảng nhưng thực chất chỉ là một đảng, đó là đảng của chủ nghĩa tư bản, dù là Đảng Cộng hòa hay Dân chủ¹.

1. Xem Tạp chí *Nghiên cứu châu Âu*, số 7 (106), 2009, tr.87-89.

Một số nước khác tuy có hệ thống chính trị đa nguyên, đa đảng nhưng vẫn thường xuyên xảy ra khủng hoảng chính trị, đảo chính làm cho xã hội bất ổn. Những bất ổn chính trị ở Ucraina hay ở Thái Lan diễn ra trong thời gian gần đây là do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ yếu là do đảng cầm quyền và đảng đối lập mâu thuẫn với nhau về lợi ích, dẫn đến đảng đối lập đã kích động quần chúng biểu tình, đưa yêu sách lật đổ chính phủ hợp pháp đang điều hành đất nước. Hậu quả là, quyền dân chủ của người dân bị lợi dụng phục vụ cho mục đích riêng của từng đảng; xã hội gặp phải những khó khăn, trở ngại trong quá trình phát triển. Như vậy, đâu phải cứ có đa đảng mới có dân chủ, mới bảo đảm cho xã hội phát triển!

Nhìn lại lịch sử của dân tộc Việt Nam có thể thấy, có những thời điểm nhất định chế độ đa đảng cũng đã từng xuất hiện ở Việt Nam. Đảng Dân chủ Việt Nam được thành lập ngày 30-6-1944 và Đảng Xã hội Việt Nam được thành lập ngày 22-7-1946 theo sáng kiến của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm tập hợp những trí thức yêu nước, những thương gia, kỹ nghệ gia, cả những viên chức của chế độ cũ tham gia cách mạng. Đây là vấn đề thuộc về sách lược nhằm mở rộng thành phần của Mặt trận Việt Minh, tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc. Tuy nhiên, Đảng Dân chủ Việt Nam và Đảng Xã hội Việt Nam là những tổ chức yêu nước chân chính, là thành viên của Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam, thừa nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong suốt quá trình tồn tại, Đảng Dân chủ Việt Nam và Đảng Xã hội Việt Nam chưa bao giờ là lực lượng đối lập với Đảng Cộng sản Việt Nam, trái lại luôn ủng hộ Đảng Cộng sản Việt Nam.

Khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, xét thấy lý do và mục đích tồn tại không còn phù hợp với điều kiện lịch sử mới, không phát triển thêm được đảng viên mới, nên Đảng Dân chủ Việt Nam và Đảng Xã hội Việt Nam đã hoàn toàn tự nguyện giải tán, chứ hoàn toàn không phải bị ai “bức tử” như có người đã hàm hồ rêu rao trên các trang mạng xã hội.

Thực tiễn ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, nhất là ở Liên Xô trước đây cũng cho thấy, việc chấp nhận bỏ Điều 6 trong Hiến pháp của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết đã dẫn đến tình trạng xuất hiện đa đảng và hậu quả là Đảng Cộng sản Liên Xô đã dần dần đánh mất quyền lãnh đạo xã hội. Những sự thỏa hiệp về “dân chủ hóa”, về “công khai hóa” hay “đa nguyên chính trị” không những không làm cho người dân được dân chủ hơn, không làm cho xã hội phát triển hơn, nếu không muốn nói là sự đình trệ thê thảm trong sự vận động của xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, mà còn là mảnh đất rất màu mỡ cho các thế lực thù địch đẩy mạnh các hoạt động chống phá, làm cho chế độ xã hội chủ nghĩa theo mô hình xôviết ở Liên Xô và các nước Đông Âu nhanh chóng sụp đổ.

Thực chất những luận điệu hô hào, cổ súy đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập không có mục đích gì khác là muốn hạ thấp và đi tới phủ nhận, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam, với những lời lẽ hết sức mỉa mai, nào là: đa đảng là dân chủ, độc đảng là độc tài (!); Việt Nam phải đa đảng đối lập để có dân chủ “thực sự” (!); thực hiện chế độ “đa nguyên, đa đảng” thì “xã hội Việt Nam

mới nhanh chóng thoát khỏi đói nghèo" (!). Có người còn "lớn tiếng kêu gọi" những đảng viên cộng sản hãy ra khỏi Đảng Cộng sản Việt Nam để thành lập một đảng mới, làm "đối trọng" với Đảng Cộng sản Việt Nam (!). Các thế lực thù địch đã luôn rêu rao rằng, chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập theo các nước phương Tây là điều mà chúng ta phải nên "học theo" để bảo đảm dân chủ và xã hội phát triển. Chúng cho rằng, "Từ bỏ độc quyền lãnh đạo là vấn đề căn bản, vì đó là then chốt của chế độ dân chủ"¹.

Thực chất luận điểm "đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập" là luận điểm mang nặng tính chất mị dân, rất dễ gây nên sự ngộ nhận, nhất là đối với những người có nhận thức hạn chế, từ đó có thể gây nên sự mơ hồ, lẫn lộn, dẫn tới sự dao động về tư tưởng, hoài nghi về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam, đối với xã hội Việt Nam; gây nên sự phân tâm trong xã hội; làm suy giảm và có thể đi đến mất dần niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thực chất của luận điểm "đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập" là tìm cách xóa bỏ nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, lái nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta sang nền dân chủ tư sản; gây nên những khó khăn trong quá trình phát triển của xã hội Việt Nam, nhất là làm cho chính trị - xã hội không ổn định, kinh tế suy giảm, văn hóa xuống cấp, các mâu thuẫn và xung đột xã hội ngày

1. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.53.

càng gia tăng, phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Và nếu cứ nghe theo lời khuyên của các thế lực thù địch, cơ hội, chiều theo sự đòi hỏi phi lý của những người (hoặc là do thiếu hiểu biết, hoặc là do động cơ không trong sáng) để thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, thì điều gì sẽ xảy ra? Điều chắc chắn có thể khẳng định là hậu quả đối với đất nước sẽ vô cùng lớn, chế độ xã hội chủ nghĩa sẽ đứng trước nguy cơ bị sụp đổ, chẳng những người dân không được dân chủ, mà xã hội cũng rơi vào rối loạn, khủng hoảng, đình trệ, không phát triển được.

Thực hiện chế độ nhất nguyên chính trị, một Đảng Cộng sản Việt Nam duy nhất lãnh đạo xã hội Việt Nam là sự lựa chọn đúng đắn của lịch sử cách mạng Việt Nam, sự lựa chọn đúng đắn của chính nhân dân Việt Nam trong quá trình đấu tranh cách mạng đầy khó khăn, gian khổ, hy sinh. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là hoàn toàn hợp quy luật, phản ánh những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan đã chín muồi trong quá trình vận động của cách mạng Việt Nam. Thực tiễn cho thấy, khác với tình hình của nhiều nước trên thế giới, ở Việt Nam, ngay từ khi mới ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã là lực lượng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Điều đó không phải là do mong muốn chủ quan của Đảng, mà chính là sự giao phó của lịch sử, của cách mạng Việt Nam thông qua quá trình sàng lọc, lựa chọn một cách đúng đắn. Bằng sự thể nghiệm xương máu trong cuộc đấu tranh cách mạng với bao khó khăn, gian khổ, hy sinh của nhiều thế hệ người Việt Nam mà nhân dân ta đã lựa chọn và thừa nhận: Chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam, là

bảo đảm cho người dân có dân chủ thực sự, xã hội phát triển tiến bộ.

Thực tế lịch sử cách mạng Việt Nam trong hơn 87 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam cho thấy, Đảng Cộng sản Việt Nam đã hoàn toàn xứng đáng với sự lựa chọn, giao phó của lịch sử, sự tin cậy của nhân dân. Đảng đã lãnh đạo nhân dân làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á; đưa dân tộc ta từ một dân tộc không có độc lập đến một dân tộc độc lập có tên trên bản đồ thế giới; đưa nhân dân ta từ kiếp nô lệ đến dân chủ, tự do, hạnh phúc. Sau đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, miền Bắc được giải phóng và đi lên chủ nghĩa xã hội. Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Tiếp đó, Đảng đã khởi xướng và lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc đổi mới đất nước vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử: đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hình thành, phát triển; chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường; văn hóa - xã hội có bước phát triển; bộ

mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi; dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng; đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường; công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh; sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa; quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Đặc biệt, trong quá trình tiến hành công cuộc đổi mới đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, Đảng và Nhà nước tiếp tục ban hành nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật nhằm phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được xác định đầy đủ hơn trong Hiến pháp năm 2013 và trong hệ thống pháp luật mới được ban hành và sửa đổi. Khẳng định rõ các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng và bảo vệ. Quyền làm chủ của nhân dân được phát huy tốt hơn trong các lĩnh vực của đời sống xã hội bằng dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, nhất là trong lĩnh vực chính trị và kinh tế. Nhiều cấp ủy đảng, chính quyền đã lắng nghe, tăng cường tiếp xúc, đối thoại với nhân dân, tôn trọng các loại ý kiến khác nhau. Coi trọng chăm lo hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của con người, bảo vệ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà nước ta ký kết.

Như vậy, cả lý luận và thực tiễn đều khẳng định: Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định bảo đảm cho người dân được thực sự dân chủ, bảo đảm cho xã hội Việt Nam được từng bước phát triển bền vững vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đây là cơ sở quan trọng để phê phán, bác bỏ quan điểm của các thế lực thù địch, cơ hội cho rằng, muốn thực sự có dân chủ cho người dân và phát triển xã hội thì phải thực hiện “đa nguyên, đa đảng”.

Để tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, bảo đảm cho dân chủ của nhân dân ngày càng được thực hiện tốt hơn và xã hội ngày càng phát triển bền vững theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, cần quan tâm làm tốt một số vấn đề sau đây:

Một là, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, nhất là năng lực đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo trên cơ sở trung thành và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, áp dụng kinh nghiệm của các nước phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có phẩm chất, năng lực, tác phong, phương pháp công tác tốt, thực sự là người lãnh đạo, là “đầy tớ” trung thành của nhân dân.

Hai là, chăm lo xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển nhanh và bền vững, đi đôi với bảo đảm cho nền kinh tế phát triển đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ứng dụng

thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, không ngừng phát triển lực lượng sản xuất, tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân, nhất là thu hẹp dần khoảng cách phân hóa giàu - nghèo.

Ba là, Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành từ Trung ương đến các địa phương cần kịp thời đề ra và triển khai thực hiện tốt những chủ trương, chính sách “hợp lòng dân” nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng cao, vùng xa, những căn cứ cách mạng trước đây và những gia đình, những người có nhiều công lao đóng góp cho công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với những chế độ, chính sách phù hợp.

Bốn là, quan tâm giải quyết tốt những vấn đề xã hội, nhất là những vấn đề bức xúc, nổi cộm, những nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Xây dựng và phát huy sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc Việt Nam, cả người Việt Nam ở trong nước và đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài luôn hướng về Tổ quốc; tạo nên sự đồng thuận xã hội rộng lớn dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước. Thực hiện dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân được thụ hưởng mọi thành quả lao động mà chính mình đã sáng tạo ra.

Năm là, chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới, nhất là chăm lo xây dựng đội ngũ đảng viên xứng đáng là người lãnh đạo, là “đầy tớ” trung thành của nhân dân. Tích cực

đấu tranh phòng, chống “diễn biến hòa bình” và đấu tranh ngăn ngừa, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII. Tiếp tục thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Sáu là, Đảng phải thường xuyên quan tâm lãnh đạo để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; xây dựng Chính phủ kiến tạo, phát triển, liêm chính và hành động, nhất là tăng cường cải cách hành chính, giảm phiền hà cho nhân dân. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước vừa có đức, vừa có tài, vừa “hồng”, vừa “chuyên”, nhất là phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp, tác phong công tác, xứng đáng là “công bộc” của dân.

Bảy là, mỗi cán bộ, đảng viên và mỗi người dân phải thường xuyên tự học tập để không ngừng nâng cao sự hiểu biết về dân chủ, về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của công dân trong công cuộc đổi mới đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là việc thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Để có thể biết, bàn, làm và kiểm tra thì người dân phải có trình độ nhận thức, có ý thức và sự giác ngộ chính trị, hiểu được nội dung, yêu cầu của những vấn đề đặt ra trong thực hành dân chủ.

Tám là, đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, nhất là trong bộ máy Đảng và Nhà nước, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên; làm trong sạch bộ máy,

trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên; kiên quyết đấu tranh ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiêm khắc, dứt điểm các vụ việc tham nhũng nghiêm trọng gây hậu quả lớn nhằm củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Chín là, phát huy tốt vai trò của các tổ chức, các lực lượng tham gia đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận, phê phán, vạch trần, bác bỏ các quan điểm thù địch, sai trái, chống phá Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong đó, cần quan tâm đến các vấn đề như: công tác lãnh đạo, chỉ đạo định hướng hoạt động đấu tranh; lựa chọn đúng và trúng nội dung đấu tranh; xác định các hình thức, phương pháp đấu tranh phù hợp, có hiệu quả; tổ chức xây dựng, bồi dưỡng lực lượng tham gia hoạt động đấu tranh, nhất là tổ chức lực lượng nòng cốt; tăng cường bảo đảm thông tin, tài liệu, cơ sở vật chất, kinh phí cho hoạt động đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận phê phán, vạch trần, bác bỏ các quan điểm thù địch, sai trái trong tình hình mới.

**PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG:
“MUỐN THỰC SỰ CÓ DÂN CHỦ CHO NGƯỜI DÂN
VÀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI PHẢI THỰC HIỆN
“ĐA NGUYÊN, ĐA ĐẢNG”**

PGS.TS. TRƯƠNG THỊ HỒNG HÀ*

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đã chỉ ra thực trạng một số cán bộ, đảng viên “phai nhạt lý tưởng cách mạng; dao động, giảm sút niềm tin vào mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hoài nghi, thiếu tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; xa rời tôn chỉ, mục đích của Đảng; không kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; phụ họa theo những nhận thức lệch lạc, quan điểm sai trái; đòi thực hiện đa nguyên, đa đảng; phản bác, phủ nhận nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa...”. Để đưa Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII vào thực tiễn đời sống và có cơ sở phê phán quan điểm: Muốn thực sự có

* Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách Tư pháp Trung ương.

dân chủ cho người dân và phát triển xã hội phải thực hiện “đa nguyên, đa đảng”, cần dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn về dân chủ và chế độ chính trị, tiếp cận ở khía cạnh lịch sử và đương đại để phân tích, bình luận về quan điểm nêu trên, luận giải những vấn đề cần phải làm trong xây dựng Đảng, bảo đảm rằng Đảng Cộng sản là chính đảng cầm quyền thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa và đưa đất nước phát triển là giá trị cốt lõi, tiền đề cho Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được xây dựng và hoàn thiện ở Việt Nam.

1. Muốn thực sự có dân chủ cho người dân và phát triển xã hội phải thực hiện “đa nguyên, đa đảng”?

Cần thấy rằng, “đa nguyên, đa đảng” là sản phẩm của nhà nước tư sản nhằm duy trì bản chất của giai cấp tư sản (số ít trong xã hội thuộc giai cấp bóc lột). Mục đích chính trị của đa nguyên, đa đảng là nhằm thủ tiêu chế độ công hữu, duy trì chế độ tư hữu. Do đó, nhà nước tư sản mặc dù là kiểu nhà nước tiến bộ trong lịch sử, song do giai cấp tư sản nắm địa vị thống trị nên vẫn là kiểu nhà nước của thiểu số bóc lột đa số giống như hai kiểu nhà nước trước đó (nhà nước chiếm hữu nô lệ và nhà nước phong kiến).

Nhà nước tư sản ra đời từ sau thắng lợi của cách mạng tư sản, là nấc thang tiến bộ trong lịch sử nhân loại, phá bỏ chế độ phong kiến, hình thành nền dân chủ tư sản, thông qua lý luận chính thể trên cơ sở Hiến pháp (Hiến chính) tạo nên hình thức chính thể mới là quân chủ lập hiến (quân chủ lập hiến là sản phẩm của cách mạng không triệt để, có sự thoả hiệp giữa giai cấp tư sản và giai cấp quý tộc, phong kiến). Vua không còn

quyền lực vô biên như ở nhà nước phong kiến mà bị ràng buộc bởi quy định mang tính chuẩn mực của Hiến pháp. Đồng thời, cùng với thắng lợi của cách mạng tư sản và để thích ứng với sự phát triển của kinh tế, đa số nhà nước tư sản đều xây dựng chế độ cộng hòa dân chủ (cộng hòa tổng thống, cộng hòa nghị viện và cộng hòa lưỡng tính), thực hiện nguyên tắc tam quyền phân lập và đa đảng cạnh tranh. Trong nhà nước tư sản, bầu cử được xem là một biện pháp dân chủ để thông qua đó người dân cử người đại diện cho mình tham gia các công việc của nhà nước. Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra: vì sao ở những nhà nước tư sản với nền chính trị “đa nguyên, đa đảng”, bầu cử dân chủ mà đại diện cho nhân dân lao động chiếm tuyệt đại đa số trong xã hội lại rất khó trúng cử hoặc không thể chiếm đa số trong nghị viện. Các chính sách phát triển cho đa số người lao động, người nghèo lại khó được nghị viện thông qua như vậy (ví dụ trường hợp Obamacare không phải là cá biệt). Thực trạng đó cho thấy, đại diện các đảng phái có chân trong nghị viện sẽ thực hiện quyền lập pháp, quyết định chính sách có lợi cho đảng mình mà không phải cho đông đảo người lao động; pháp luật là công cụ cho giai cấp tư sản không chỉ quản lý đất nước mà còn thực hiện biện pháp bóc lột giai cấp.

Như vậy, đa nguyên, đa đảng không phải là phương thức để mang đến dân chủ thực sự với ý nghĩa dân chủ là giá trị cốt lõi để người dân được trực tiếp, gián tiếp tham gia các hoạt động nắm giữ quyền lực công, mang lại việc thụ hưởng quyền đầy đủ. Đây chính là lý do để thấy rằng trong các nhà nước tư sản đang tồn tại chế độ “đa nguyên, đa đảng” thì vẫn phải đối mặt với chính trị bất ổn, kinh tế suy thoái, quyền lực chính trị

thuộc về nhân dân không được bảo đảm. Có thể thấy được thực trạng này ở những nhà nước tư sản trên thế giới như Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ và thậm chí là Mỹ, Anh, Pháp. Như vậy, trong nhà nước tư sản, người dân không được làm chủ, mà các đảng phái tranh giành quyền lực chính trị, thôn tóm các vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước với mục đích bóc lột càng nhiều càng tốt nhân dân lao động thông qua các chính sách thuế, chính sách phát triển khác, thì đó là “đảng chủ” chứ không phải là dân chủ.

Trong khi đó, nhà nước xã hội chủ nghĩa ra đời sau thắng lợi của cách mạng vô sản, là kiểu nhà nước chưa từng có trong lịch sử và là kiểu nhà nước cuối cùng trong lịch sử, ra đời với sứ mệnh bảo vệ bản chất giai cấp của nhà nước vô sản: do nhân dân lao động nắm quyền, bảo vệ quyền lợi cho đông đảo người dân trong xã hội, không có áp bức, bóc lột giai cấp khác trong xã hội. Vì thế, V.I.Lênin gọi đây là “nhà nước nửa nhà nước”. Xét về lý luận, kiểu nhà nước xã hội chủ nghĩa là kiểu nhà nước có nền dân chủ ưu việt hơn dân chủ tư sản. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ đưa người dân từ giai cấp bị trị, bị bóc lột lên vị trí nắm quyền quản lý và điều hành đất nước.

Như vậy, có thể trả lời ngay rằng, căn cứ vào lý luận nhà nước và hình thức chính thể, quan điểm “muốn thực sự có dân chủ cho người dân và phát triển xã hội phải thực hiện “đa nguyên, đa đảng”” không có căn cứ khoa học.

2. “Đa nguyên, đa đảng” có phải là biện pháp duy nhất để có dân chủ thực sự và phát triển xã hội?

Dân chủ là giá trị của văn minh nhân loại. Dân chủ gắn liền

với mỗi dân tộc, mỗi nhà nước, mỗi thể chế chính trị, thể hiện giá trị của tự do, công bằng và bình đẳng. Dân chủ gắn với cá nhân thể hiện giá trị của quyền cơ bản của con người: quyền được sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc. Dân chủ gắn với các thiết chế chính trị thể hiện chế độ, hình thức nhà nước, phương pháp lãnh đạo và quản lý xã hội - là tuyên bố của mỗi nhà nước, mỗi đảng cầm quyền trước nhân dân; dân chủ là động lực, mục tiêu của sự phát triển trong công cuộc đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng con người. Suy cho cùng, dân chủ vừa là nguyên tắc, vừa là phương pháp để Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý đất nước hướng đến bảo đảm các quyền và lợi ích cho số đông người dân.

Trong khi đó, “đa nguyên, đa đảng” là biểu hiện của chế độ chính trị có trong lịch sử phát triển của cả nhà nước tư sản và không xa rời đối với kiểu nhà nước xã hội chủ nghĩa. Chế độ chính đảng cầm quyền của chủ nghĩa tư bản thông thường là đa đảng, chế độ một đảng chỉ là ngoại lệ đặc thù¹. Chế độ đa đảng tư bản chủ nghĩa chủ yếu có ba loại hình thái: chế độ một đảng thống trị, cầm quyền lâu dài (Đảng Dân chủ tự do của Nhật Bản); chế độ hai đảng thống trị, thay nhau cầm quyền (Mỹ: Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa, Anh: Đảng Bảo thủ và Công Đảng...); chế độ đa đảng thống trị, đa đảng liên minh cầm quyền (Italia...).

Ở các nước xã hội chủ nghĩa, về lý luận và thực tế không phủ nhận chế độ đa đảng. C.Mác và Ph.Ăngghen trong

1. Nhà nước chuyên chính phát xít và các quốc gia dân tộc mới giành được độc lập.

“Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” đã đề cập đến việc Đảng Cộng sản cần phải liên hợp với các chính đảng công nhân khác, các chính đảng của giai cấp tiểu tư sản, thậm chí phải liên hợp với cả một bộ phận tiến bộ của giai cấp tư sản¹. Sau Cách mạng Tháng Mười, nước Nga cũng không thực hiện chuyên chính một Đảng². Sau thắng lợi của cách mạng, nước Nga đều do liên minh hai đảng hoặc ba đảng cầm quyền mà hoàn toàn không phải một đảng cầm quyền. Hiện nay, mặc dù đa số các quốc gia xã hội chủ nghĩa thực hiện chế độ một đảng cầm quyền, nhưng cũng có những nước như Trung Quốc đã và đang thực hiện chế độ đa đảng³ (song ở Trung Quốc thì Đảng Cộng sản là đảng cầm quyền). Ở Việt Nam, tháng 8-1945, Đảng ta lãnh đạo toàn dân tộc đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong những ngày đầu giữ chính quyền và nền độc lập dân tộc, Đảng ta đã tuyên bố tự giải tán và Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu đã mở rộng thành phần cho mọi tổ chức, chính đảng cùng tham gia lãnh đạo đất nước.

1. Công xã Paris là chính quyền công nhân đầu tiên ra đời năm 1871, là sự chấp chính liên hợp của 4 phái, bao gồm phái Proudhon, phái Blanqui, phái Jacobins và phái Cộng sản.

2. Từ tháng 12-1917 đến tháng 3-1918, Đảng Bôn-sê-vích và Đảng Cách mạng xã hội cánh tả liên hợp chấp chính. Sau đó, nước Nga do ba chính đảng liên hợp chấp chính, bao gồm Đảng Cộng sản Nga (Bôn-sê-vích), Đảng Cộng sản chủ nghĩa dân túy và Đảng Cộng sản cách mạng.

3. Hiến pháp Trung Quốc xác định Đảng Cộng sản Trung Quốc là đảng chấp chính (đảng cầm quyền), các đảng còn lại thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và chỉ là những đảng tham chính.

Chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã có các đảng như Đảng Dân chủ, Đảng Xã hội, Quốc dân đảng tham gia. Sau này còn Đảng Dân chủ, Đảng Xã hội và Đảng Cộng sản, và đến năm 1988, Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội tuyên bố tự giải tán. Tuy nhiên, hai đảng này được tổ chức và hoạt động như những đồng minh chiến lược của Đảng Cộng sản, thừa nhận vai trò lãnh đạo và vị trí cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều đó cho thấy, chế độ đa đảng không phải chỉ tồn tại trong nhà nước tư sản mà nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng có thể sử dụng hình thái chính trị này. Song điều quan trọng là duy trì chế độ đa đảng không phải là con đường duy nhất để có được dân chủ thực sự cho người dân.

Chế độ một đảng cầm quyền hay đa đảng trong hệ thống chính trị có phát huy được dân chủ hay không phụ thuộc nhiều vào phương thức lãnh đạo của đảng cầm quyền đó. Thực tế phát triển của mỗi quốc gia, mỗi nhà nước và phương thức lãnh đạo của đảng sẽ trả lời cho việc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với bộ máy nhà nước. Bởi lẽ, phương thức lãnh đạo của đảng (phương thức cầm quyền) sẽ quyết định đến tính duy nhất của đảng trong việc lãnh đạo đất nước và toàn xã hội. Để giải quyết vấn đề này cần thấy rằng, phương thức lãnh đạo của đảng cầm quyền trong nhà nước tư sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa không giống nhau vì mục tiêu, bản chất giai cấp sở dĩ đã không giống nhau.

Ở nhà nước tư sản, trong chính thể quân chủ lập hiến hoặc cộng hòa đại nghị, đảng nào có số ghế chiếm đa số trong nghị viện thì chủ tịch đảng đó sẽ đồng thời là thủ tướng nên hiện tượng thủ tướng độc lập ban hành và thực hiện chính sách là

phổ biến. Việc trình chính sách lên nghị viện và được thông qua là dễ dàng vì đa số ghế của nghị viện thuộc đảng đó. Nếu không, do nghị viện nắm quyền giám sát, có thể bỏ phiếu bất tín nhiệm dẫn đến thủ tướng và các thành viên của chính phủ phải từ chức và ngược lại, nghị viện có thể bị giải tán để bầu lại nghị viện. Đây là phương thức lãnh đạo phổ biến dẫn đến sự mất ổn định xã hội lớn cả trong hai trường hợp nêu trên xảy ra.

Trong khi đó, ở nhà nước xã hội chủ nghĩa, phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản được khẳng định ở đường lối, chủ trương, công tác tổ chức, cán bộ và biện pháp giáo dục, thuyết phục. Tuy nhiên, sự đổ vỡ của khối các nước xã hội chủ nghĩa lại chỉ ra rằng, sự không phân biệt giữa đảng cầm quyền và chính quyền, sự duy trì đảng trị thay cho pháp trị dẫn đến hiện tượng Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất hoạt động mang tính hình thức, còn Bộ Chính trị Trung ương Đảng mới là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Theo đó, sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu có nguyên nhân do phương thức lãnh đạo của đảng cầm quyền còn xa rời thể chế dân chủ xã hội chủ nghĩa nên việc cả đảng viên và nhân dân từ bỏ thể chế đó đã xảy ra.

Điều này cho thấy dân chủ thực sự được quyết định bởi phương thức lãnh đạo của đảng, cách thức lãnh đạo nhân dân; nhà nước thực hiện và duy trì bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa chứ không phụ thuộc vào thể chế chính trị đó là đa nguyên, đa đảng hay duy nhất một đảng. Bởi nhiều đảng song không có chính đảng có lý tưởng và mục đích chính trị đúng đắn như Đảng Cộng sản thì nhiều đảng là vô nghĩa, nền dân

chủ xã hội chủ nghĩa không được bảo đảm. Ngược lại, một đảng có mục tiêu, có lý tưởng chính trị đúng đắn nhưng không có phương pháp lãnh đạo đúng đắn, không tự thường xuyên chỉnh đốn đảng thì lý tưởng của đảng đó chỉ nằm trên giấy.

Chân lý đó được kiểm nghiệm qua thực tiễn Việt Nam, trong suốt quá trình cách mạng. Bằng năng lực và sự nỗ lực quên mình vì lợi ích chung, Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ thể hiện là đội tiên phong của giai cấp công nhân mà còn thực sự là đội tiên phong của nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam, lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc đổi mới. Mặc dù có hạn chế, khuyết điểm, song Đảng Cộng sản vẫn được nhân dân giao phó trách nhiệm ngày càng cao. Thông qua Hiến pháp, nhân dân không chỉ thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội mà còn là sự giao trách nhiệm cho Đảng. Điều đó cho thấy nguyên lý chủ quyền nhân dân là cơ sở để nhận diện vai trò của Đảng Cộng sản, nó đòi hỏi sự thống nhất về lợi ích và ý chí giữa đảng cầm quyền và nhân dân. Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội có tính hợp pháp, tính chính đáng nên muốn bảo đảm vị thế chính trị đó, Đảng luôn chú trọng tới đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đây là biện pháp cần thiết mang tính cấp bách.

3. Một số giải pháp nhằm bảo đảm dân chủ cho người dân và phát triển xã hội

Trước hết, Đảng Cộng sản cầm quyền cần lãnh đạo thực hiện đúng mục đích chính trị của Đảng Cộng sản: “xây dựng

nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, không còn người bóc lột người, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản”¹; “Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền”², “Đảng lãnh đạo phát huy mạnh mẽ vai trò và hiệu lực của Nhà nước chứ không điều hành thay Nhà nước. Đảng và mọi đảng viên đều hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và chịu trách nhiệm về các hoạt động của mình”³. Như vậy, mục đích cầm quyền của Đảng chính là để hiện thực hóa quan điểm, chủ trương, đường lối, mục tiêu, lý tưởng của Đảng, đem lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, quyền con người, quyền công dân một cách đầy đủ nhất, vì sự phát triển phồn vinh của đất nước và dân tộc.

Thực tiễn lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội cho thấy sự nghiệp đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam hơn 30 năm qua đã đạt được thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử, chính trị - xã hội ổn định, kinh tế phát triển, “Quyền làm chủ của nhân dân được phát huy tốt hơn trong các lĩnh vực của đời sống xã hội bằng dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, nhất là trong lĩnh vực chính trị và kinh tế. Nhiều cấp ủy đảng, chính quyền đã lắng nghe, tăng cường tiếp xúc, đối thoại với nhân dân, tôn trọng

1, 2. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.4, 5.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđđ*, t.55, tr.424.

các loại ý kiến khác nhau”¹... Đạt được thành tựu như vậy là do “Đảng và Nhà nước coi trọng việc đề ra và tổ chức chỉ đạo thực hiện nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật, quy chế, quy định mới nhằm phát huy hơn nữa dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Hiến pháp năm 2013 quy định rõ: Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân”². Do vậy, cần thiết phát huy tối đa ưu điểm và hạn chế đến mức thấp nhất những khuyết điểm trong quá trình cầm quyền của Đảng với phương châm nhìn thẳng vào sự thật, tìm mọi biện pháp với quyết tâm chính trị cao để đạt được mục đích chính trị của Đảng, bảo đảm tính chính đáng trong vị thế cầm quyền của Đảng³.

Thứ hai, Đảng Cộng sản không làm thay chính quyền. Khắc phục các hiện tượng Đảng làm thay Nhà nước, Đảng trị, mất uy tín của Đảng Cộng sản trước nhân dân, biến Quốc hội thành cơ quan hoạt động mang tính hình thức. Do đó, tuyệt đối tôn trọng và tuân thủ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội. Theo đó, Đảng không quá tập trung

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.167, 167-168.

3. Tính chính đáng của quyền lực chính trị có nội dung rất gần với vấn đề tha hoá quyền lực, do đó xảy ra xu hướng người dân thờ ơ hay gần bó với quyền lực chính trị phụ thuộc vào việc họ cảm nhận quyền lực chính trị được vận hành có dân chủ hay không.

vào những công việc của chính quyền mà lo là những công việc chính, cơ bản và quan trọng của Đảng là xây dựng đường lối, chiến lược, chủ trương quan trọng; củng cố hệ tư tưởng, lý luận vững chắc; quan tâm đến việc nắm bắt tư tưởng của cán bộ, đảng viên, quần chúng và chỉnh đốn tổ chức, tác phong của Đảng. Đảng không làm thay chính quyền mà tuân thủ phương thức cử đảng viên ưu tú, có năng lực, trình độ của mình tham gia vào chính quyền, song cần nỗ lực tìm ra biện pháp dân chủ nhất để có được đảng viên xứng đáng vào các vị trí quan trọng của chính quyền.

Thứ ba, Đảng Cộng sản là đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam. Trong Điều lệ Đảng đã ghi nhận: “Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới”¹ nên hơn lúc nào hết, Đảng cần tôn trọng giá trị phổ quát của dân chủ. Không cường điệu, tách biệt dân chủ xã hội chủ nghĩa với dân chủ tư sản hoặc tuyệt đối hóa vai trò lãnh đạo của Đảng mà quên mất vai trò của các tổ chức chính trị, đoàn thể quần chúng và vai trò chính trị của nhân dân. Đấu tranh tư tưởng cần có các biện pháp sử dụng giá trị trí tuệ thay cho hô hào suông. Cần triệt để khắc phục quan điểm cho rằng mọi thứ của chủ nghĩa tư bản đều xấu. Cần có nghiên cứu đầy đủ lý luận chung về nhà nước và pháp luật

1. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Sđd, tr.6.

để thấy nhà nước tư sản là một kiểu nhà nước trong nấc thang tiến bộ của loài người; cách mạng tư sản để lại cho nhân loại nhiều giá trị không thể phủ nhận như lý luận chính thể trên cơ sở Hiến pháp (Hiến chính), Nhà nước pháp quyền, kinh tế thị trường và dân chủ tư sản... Nhà nước xã hội chủ nghĩa không thể phủ nhận những giá trị tiến bộ này mà nên kế thừa và phát huy để những giá trị ấy trở nên tiến bộ hơn. Chính vì vậy, cần thừa nhận và chấp nhận hiện tượng trong chế độ chính trị của các nước tư bản và xã hội chủ nghĩa ở một hoặc một vài khía cạnh nào đó, vẫn có những nét tương đồng, vẫn có thể tiếp thu hạt nhân hợp lý của chính thể, chế độ chính trị thay vì cho rằng hai chế độ này là hoàn toàn đối lập (trên thực tế, từ lần sửa Hiến pháp năm 1992 vào năm 2001 đến Hiến pháp năm 2013 đã tiếp thu hạt nhân hợp lý của thuyết phân quyền để quy định tại Điều 2 Hiến pháp).

Tuy nhiên, cần nắm vững lập trường tuân thủ và bảo đảm hiện thực hóa dân chủ trong Đảng nhưng không thực hiện cạnh tranh đa đảng và tam quyền phân lập. Đây là biện pháp mang tính chất quyết định và là cơ sở phản bác quan điểm đòi đa đảng, đa nguyên chính trị, xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Bởi những người có quan điểm này cho rằng, về mặt kinh tế, chúng ta đã chuyển sang kinh tế thị trường thì về mặt chính trị cũng cần học theo mô hình cạnh tranh đa đảng và tam quyền phân lập của phương Tây. Song cần thấy rằng, nếu sao chép chế độ tam quyền phân lập mà vẫn duy trì phương thức lãnh đạo Đảng làm thay chính quyền thì sự phân

chia quyền lực nhà nước là vô nghĩa¹. Vì vậy, vấn đề quan trọng nằm ở việc không chỉ đổi mới phương thức Đảng và chính quyền phân định nhiệm vụ, thẩm quyền mà còn phải bảo đảm dân chủ. Trình độ dân chủ của xã hội phụ thuộc vào điều kiện tiên quyết từ trình độ dân chủ trong Đảng. Trên thực tế, vẫn còn một số tổ chức đảng không thực hiện tốt nguyên tắc này; vừa thiếu tập trung đúng đắn, vừa thiếu dân chủ thực sự. Một đảng “là đạo đức, là văn minh” theo quan điểm của Hồ Chí Minh là phải bảo đảm thực hành dân chủ rộng rãi ở trong Đảng, phải làm cho tất cả đảng viên bày tỏ hết ý kiến của mình với Đảng; khi đã thảo luận dân chủ, ra được nghị quyết, thì mọi đảng viên phải tập trung thực hiện thắng lợi nghị quyết; như thế, quyền dân chủ là quyền phục tùng chân lý. Do đó, phát huy dân chủ cần đồng bộ với xây dựng Nhà nước pháp quyền bởi dân chủ là tiền đề quan trọng của Nhà nước pháp quyền, Nhà nước pháp quyền do Đảng lãnh đạo xây dựng và hoàn thiện là sự bảo đảm cho dân chủ được thực hiện trong đời sống chính trị và xã hội (dân chủ cơ sở,

1. Thực tế đã chứng minh điều này. Từ năm 1918, Séc đã là nước cộng hòa dân chủ tư bản chủ nghĩa tam quyền phân lập. Năm 1948, sau khi đi trên con đường xã hội chủ nghĩa, nước này vẫn thực hiện chế độ Tổng thống, bảo lưu dân chủ nghị viện, tuy nhiên, ba quyền lập pháp, hành chính và tư pháp đều thống nhất nghe lệnh từ Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Séc, thực hiện chế độ đảng trị theo mô hình xôviết. Như vậy, mặc dù nước này bảo lưu chế độ tam quyền phân lập nhưng lại thực hiện chế độ Đảng làm thay chính quyền nên rốt cuộc sự phân chia quyền lực cũng không phát huy được bất cứ vai trò gì trong hoạt động của bộ máy nhà nước.

dân chủ quản lý trong các đơn vị, doanh nghiệp...). Đối với nước ta, do chúng ta kiên trì chế độ một đảng lãnh đạo và bảo đảm thực hiện thắng lợi mục tiêu chính trị của Đảng, thống nhất với lợi ích của đất nước, dân tộc và nhân dân nên không có cơ sở cho hình thức dân chủ liên đảng.

Thứ tư, phát huy ưu điểm của thể chế Đảng Cộng sản lãnh đạo, khắc phục các nhược điểm như lạm dụng về tư tưởng, tập quyền quá mức đã “tạo nên không gian rộng lớn cho việc truyền bá chế độ cạnh tranh đa đảng và chế độ tam quyền phân lập của nhà nước tư sản”. Do đó, bên cạnh cuộc chiến chống suy thoái tư tưởng, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong Đảng thì cần có nhận thức rõ ràng, đầy đủ những thiếu sót, hạn chế của mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa (tập quyền trung ương, tập quyền cá nhân quá mức và quá lâu) làm cho tính ưu việt của kiểu nhà nước và hình thức nhà nước xã hội chủ nghĩa không thể phát huy vai trò. Do đó, cần khắc phục các biểu hiện của sự xa rời nghiêm trọng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học. Đồng thời, duy trì và kiên định Đảng Cộng sản là một đảng duy nhất cầm quyền thì cần phải thật sự chú trọng phòng tránh, khắc phục bệnh chủ quan, duy ý chí, mệnh lệnh, cửa quyền, quan liêu, tham nhũng, lãng phí... để bảo đảm Đảng Cộng sản là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc đúng như Điều lệ Đảng ghi nhận.

Thứ năm, một nền dân chủ thực sự chỉ có khi quyền lực nhà nước, quyền lực chính trị bị kiểm soát, hạn chế bởi những thiết

chế dân chủ, khi người dân được tham gia vào các quá trình xã hội. Do đó, để hạn chế sự tha hóa quyền lực chính trị thì công khai, minh bạch, đề cao cơ chế giải trình trước nhân dân của Đảng, cán bộ, đảng viên được Đảng cử tham gia các vị trí chủ chốt trong chính quyền để người dân hiểu và tin tưởng đi theo sự lãnh đạo của Đảng.

**PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG:
“THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC TẬP TRUNG
DÂN CHỦ CHỈ DẪN ĐẾN TẬP TRUNG
QUAN LIÊU, ĐỘC TÀI, MẤT DÂN CHỦ”**

PGS.TS. NGUYỄN TẮT VIỄN*

C húng ta đều biết, nguyên tắc tập trung dân chủ do C.Mác và Ph.Ăngghen khởi thảo, được V.I.Lênin khái quát và được xác định là nguyên tắc tổ chức cơ bản của đảng cộng sản. Nguyên tắc này được ví như xương sống làm cho đảng luôn vững mạnh trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức; bảo đảm thống nhất ý chí và hành động. Đây là tiêu chí để phân biệt đảng cộng sản với các đảng khác. Nếu phủ nhận nguyên tắc này là phủ nhận đảng cộng sản từ bản chất. Ở Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI đã xác định: “Đảng Cộng sản Việt Nam

* Nguyên Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương.

tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ”; đồng thời nêu 6 nội dung cụ thể bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức, hoạt động, sinh hoạt của Đảng (Điều 9). Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, cùng với nguyên tắc tập trung dân chủ, còn đề cập tới nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Đây là biểu hiện của nguyên tắc tập trung dân chủ trên phương diện lãnh đạo, quản lý. Người khẳng định: “Lãnh đạo không tập thể, thì sẽ đi đến cái tệ bao biện, độc đoán, chủ quan. Kết quả là hỏng việc.

Phụ trách không do cá nhân, thì sẽ đi đến cái tệ bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ...

Tập thể lãnh đạo là *dân chủ*.

Cá nhân phụ trách là *tập trung*.

Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách tức là *dân chủ tập trung*...¹.

Ở phương diện nhà nước, chúng ta đều biết, sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nhà nước kiểu mới được thiết lập ở nước ta, tập trung dân chủ được xác định là một nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa, phản ánh sự kết hợp hài hòa giữa sự chỉ đạo tập trung thống nhất của cấp trên với phát huy dân chủ và quyền chủ động sáng tạo của cấp dưới. Nguyên tắc tập trung dân chủ, với tầm quan trọng của nó, đã được ghi nhận trong các bản

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.620.

Hiến pháp của Nhà nước ta từ năm 1959 đến nay¹. Trong tổng thể bộ máy nhà nước ta, nguyên tắc tập trung dân chủ được thể hiện như sau:

- Toàn bộ các cơ quan nhà nước phải có một trung tâm quyền lực chỉ đạo một cách mạnh mẽ và thống nhất, nhưng không phải là sự tập trung toàn diện, tuyệt đối mà chỉ đối với những vấn đề cơ bản, chính yếu nhất, bản chất nhất. Mỗi cơ quan nhà nước đều có những chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn nhất định, theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Theo Hiến pháp năm 2013, Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Tất cả các cơ quan nhà nước đều bắt nguồn từ Quốc hội, phải báo cáo công tác trước Quốc hội. Quốc hội chỉ đạo thống nhất hoạt động của toàn bộ các thiết chế trong bộ máy nhà nước; quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, trong một số vấn đề lớn và hệ trọng, trước khi quyết định phải lấy ý kiến của nhân dân hoặc phải do

1. Hiến pháp năm 1959 (Điều 4) quy định: Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan Nhà nước khác đều thực hành nguyên tắc tập trung dân chủ. Hiến pháp năm 1980 (Điều 6) quy định: Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan khác của Nhà nước đều tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Hiến pháp năm 1992 (Điều 6) quy định: Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan khác của Nhà nước đều tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Gần đây nhất, Hiến pháp năm 2013 (Điều 8) quy định: Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

nhân dân trực tiếp quyết định thông qua việc trưng cầu ý kiến của nhân dân.

- Các cơ quan quyền lực nhà nước là Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín trên cơ sở dân chủ. Cơ quan quản lý nhà nước chịu trách nhiệm và báo cáo trước cơ quan dân cử. Các đại biểu dân cử phải liên hệ chặt chẽ với nhân dân, nói lên tiếng nói và nguyện vọng của nhân dân, chịu sự giám sát chặt chẽ của nhân dân.

- Các cơ quan nhà nước trung ương có quyền quyết định đối với các cơ quan nhà nước địa phương. Về phần mình, cơ quan nhà nước địa phương có quyền chủ động, sáng tạo trong việc thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước trung ương hoặc những vấn đề thuộc thẩm quyền của mình, phù hợp với đặc điểm cụ thể của địa phương hoặc đơn vị, nhưng không được trái với các quy định của cơ quan nhà nước trung ương.

- Ủy ban nhân dân các cấp do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra (do cấp trên phê chuẩn), phải thực hiện các quyết nghị của cơ quan quyền lực nhà nước và chịu sự giám sát của cơ quan quyền lực cùng cấp.

- Trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phải phân định những vấn đề thuộc thẩm quyền tập thể, những nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của người đứng đầu. Những vấn đề thuộc thẩm quyền tập thể thì thiếu số phục tùng đa số, nhưng thiếu số có quyền bảo lưu ý kiến. Về phần mình, đa số cũng cần xem xét, tham khảo ý kiến của thiểu số để kiểm tra tính đúng đắn trong quyết định của mình. Những vấn đề cá nhân có quyền quyết định thì cá nhân phải chịu trách nhiệm.

Những nội dung nêu trên thể hiện đặc điểm của hệ thống tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo hướng pháp quyền, văn minh, hiện đại¹.

Có thể khẳng định, từ ngày thành lập đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn tuân thủ và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức, hoạt động và sinh hoạt đảng. Chính điều đó đã tạo nên sức mạnh để Đảng lãnh đạo nhân dân ta tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công, làm nên những chiến công hiển hách đánh thắng thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và hiện nay đang xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Trong hơn 70 năm xây dựng và phát triển của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, với việc chấp hành nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, bộ máy nhà nước đã từng bước được củng cố, vận hành theo đúng tinh thần “chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân” mà Hiến pháp năm 1946 đã khẳng định. Nguyên tắc tập trung dân chủ cũng được nhiều đảng cộng sản và công nhân trên thế giới đưa vào điều lệ và đã có những đóng góp không nhỏ vào việc ổn định nội bộ của các đảng, tạo sự nhất trí, đủ sức vượt qua những thời kỳ khó khăn và phức tạp nhất mà không bị phân liệt.

1. Ở nhiều nhà nước tư sản theo chế độ tam quyền phân lập, người ta không nói về nguyên tắc tập trung dân chủ mà thường nói về tập quyền, phân quyền và tản quyền trong hành chính. Nội dung và sự kết hợp các nguyên tắc này không khác nhiều so với nguyên tắc tập trung dân chủ trong bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa. Xem PGS.TS. Nguyễn Cửu Việt (chủ biên): *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2005, tr.149.

Tuy nhiên, thực tế cách mạng cho thấy, nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng và trong bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa không hề đơn giản. Trên lĩnh vực tư tưởng, chúng ta cần phê phán một cách nghiêm túc quan điểm của một số người do nhận thức chính trị kém cho rằng, nguyên tắc tập trung dân chủ chỉ phù hợp với hoạt động của Đảng khi chưa giành được chính quyền, trong hoạt động bí mật, hoặc khi lãnh đạo chiến tranh. Còn trong thời kỳ hậu chiến tranh, xây dựng kinh tế và phát triển đất nước thì không còn phù hợp. Hoặc quan điểm cho rằng, nguyên tắc tập trung dân chủ chỉ là nguyên tắc riêng của Đảng, không thể áp dụng cho cơ quan nhà nước, do đó không nên biến nguyên tắc của một đảng chính trị thành nguyên tắc của bộ máy nhà nước sau khi Đảng giành được chính quyền và lãnh đạo chính quyền.

Hai ý kiến nêu trên có tính chất phiến diện, bởi nếu coi nguyên tắc tập trung dân chủ chỉ phù hợp với hoạt động của Đảng khi chưa giành được chính quyền thì đó là nhận thức non nớt về bản chất của nguyên tắc tập trung dân chủ. Có thể khẳng định ngay rằng, không có đảng cộng sản nào từng lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền, thiết lập nên nhà nước kiểu mới đại diện cho lợi ích của quảng đại quần chúng nhân dân lao động lại thực hiện một cách tùy tiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Một đảng cộng sản chân chính, nhất quán trong đường lối, chính sách thì không thể thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ chập chững ở giai đoạn này, nhưng lại buông lỏng ở giai đoạn khác. V.I.Lênin từng cảnh báo “giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền còn khó hơn nhiều”. Vì vậy, đảng cộng

sản, một khi đã cầm quyền thì tuyệt nhiên không được buông lỏng sự lãnh đạo đối với nhà nước, vì nếu buông lỏng sự lãnh đạo chính quyền thì đó là một nguy cơ. Muốn tồn tại để thực hiện sứ mệnh của mình, bên cạnh nhiều yếu tố khác, ở mọi giai đoạn cách mạng, đảng cộng sản đều phải thực hiện nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ trong sự phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

Còn ý kiến cho rằng, không nên đưa nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng thành nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước là đã nhầm lẫn giữa vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước (bằng Cương lĩnh chính trị, chiến lược, chính sách, chủ trương; bằng công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kiểm tra, giám sát) và vai trò của Nhà nước với tư cách là tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt, thực hiện quản lý xã hội. Một vấn đề có tính nguyên tắc là Đảng lãnh đạo Nhà nước nhưng không làm thay Nhà nước, không đảng hóa Nhà nước. Như đã phân tích ở phần trên, nội dung và cách thức thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng khác nhiều so với nguyên tắc tập trung dân chủ trong bộ máy nhà nước. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng bảo đảm cho Đảng thật sự chặt chẽ về tổ chức, đoàn kết, thống nhất và có sức chiến đấu cao. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước bảo đảm cho Nhà nước xã hội chủ nghĩa đủ uy lực để điều hành đất nước có hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở phát huy dân chủ, phát huy sự sáng tạo của quần chúng nhân dân lao động, thu hút họ tham gia quản lý nhà nước và quản lý xã hội, bảo vệ thành quả của chủ nghĩa xã hội.

Về phía các thế lực phản động và thù địch, trước những thành tựu không thể phủ nhận của cách mạng Việt Nam, họ đã không ngừng thực hiện âm mưu và hoạt động “diễn biến hòa bình” nhằm chống phá Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, không từ thủ đoạn nào để tấn công vào nền tảng tư tưởng của chúng ta là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xuyên tạc đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó có việc tập trung phê phán nguyên tắc tập trung dân chủ - nguyên tắc cơ bản trong xây dựng tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam. Những thế lực này hiểu rõ rằng, nếu tập trung tấn công vào các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, đặc biệt là đánh thẳng vào nguyên tắc tập trung dân chủ thì Đảng dễ bị suy yếu và đổ vỡ nếu Đảng không kiên định, vững vàng. Họ đưa ra nhiều luận điệu bác bỏ những nội dung cốt lõi, then chốt, những nguyên tắc cơ bản trong đường lối chính trị, quan điểm cơ bản của Đảng Cộng sản, vu cáo Đảng chiếm quyền của dân, vi phạm dân chủ, nhân quyền, “độc đoán, đảng trị”, thực hiện sự chuyên chính của một đảng, rằng Đảng có nhiều sai lầm, cho dù trong quá khứ có được nhiều thành công thì đến thời đại mới đã hết vai trò lịch sử, vì vậy cần xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng. Họ lớn tiếng đòi Đảng Cộng sản “từ bỏ độc quyền lãnh đạo là vấn đề căn bản vì đó là then chốt của chế độ dân chủ”(!) hòng xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, “phi chính trị hóa” quân đội, thay đổi lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội, dẫn đến sự đổ vỡ của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, lập chính quyền dưới sự chi phối của mình. Cùng lúc đó, họ tung hô những giá trị dân chủ phương Tây nhằm lung lạc tinh thần và tư tưởng của cán bộ, đảng viên, tạo cơ hội cho

hiện tượng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ Đảng và trong cán bộ, đảng viên.

Bằng nhiều hình thức và thủ đoạn thâm độc, nhiều phần tử trong các thế lực phản động, thù địch, cơ hội chính trị còn đưa ra lập luận rằng, tập trung dân chủ chỉ là một dạng thức của chế độ tập quyền, độc tài, cho rằng Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn duy trì cái gọi là chế độ tập trung dân chủ, mà hầu hết các đảng cộng sản trên thế giới đã từ bỏ, vì sự tập trung quyền lực bao giờ cũng đưa tới chỗ triệt tiêu dân chủ (!). Theo họ, nhiều lắm dân chủ chỉ có tác dụng trang trí cho sự tập trung quyền lực và đòi đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng “không lãnh đạo kinh tế, văn hóa, không lãnh đạo lực lượng vũ trang”, đó là công việc của Nhà nước (!). Để minh chứng cho luận điểm của mình, những người này ra sức tán dương việc thực hiện dân chủ tự do, dân chủ vô hạn, dân chủ cực đoan; ủng hộ nhiều phe nhóm đối lập để đấu tranh; sử dụng chiêu bài “dân chủ”, “đa nguyên”, cổ vũ cho những ý kiến bất đồng để chia rẽ nội bộ Đảng, gây mất lòng tin của nhân dân vào Đảng và cơ quan nhà nước. Họ viện dẫn các ví dụ về sai lầm, về hiện tượng quan liêu, độc đoán, mất dân chủ của một số cá nhân và tổ chức trong bộ máy của Đảng và Nhà nước để chứng minh cho việc cần phải bãi bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ.

Phụ họa các quan điểm trên, nhiều người còn cho rằng sự tập trung càng cao thì dân chủ càng suy giảm. Vì vậy, muốn tăng cường dân chủ thì phải giảm bớt tập trung; còn giữ lại nguyên tắc tập trung dân chủ thì bản chất của nó không thể khắc phục được tệ độc đoán, gia trưởng, quan liêu...(!). Số khác cho rằng thích ứng với nền kinh tế đa sở hữu thì nền

chính trị không thể nhất nguyên được, không thể duy trì sự lãnh đạo của một đảng duy nhất. Do vậy, dân chủ phải đi liền với đa nguyên chính trị. Không ít lời chỉ trích rằng dân chủ của Việt Nam là dân chủ nửa vời, chưa mở ra đã khép lại... Có người nói cách làm của Việt Nam là non gan, không dám mở bung dân chủ hết cỡ, không dám thực hiện dân chủ công khai, không giới hạn¹(!).

Những người này cũng cho rằng bản chất thực của tập trung dân chủ là tập trung quan liêu, vì tập trung là mục đích, dân chủ chỉ là phương tiện, do vậy có rất nhiều phương tiện để đạt được mục đích, thành ra dân chủ chỉ là một loại phương tiện mà thôi. Ngoài ra, còn nhiều ý kiến khác có tính chất tản mạn nhưng không kém phần nguy hiểm, rằng không nên tồn tại nguyên tắc tập trung dân chủ vì chỉ dẫn đến mâu thuẫn giữa hai yếu tố này và như vậy tập trung sẽ được ưu tiên hơn dân chủ.

Những quan điểm trên thể hiện sự thù địch, phá hoại, theo kiểu “nói lấy được” và không dựa trên một cơ sở khách quan nào. Việc cho rằng tập trung dân chủ chỉ là một dạng thức của chế độ tập quyền, độc tài, quan liêu hay sự tập trung càng cao thì dân chủ càng suy giảm rõ ràng là thái độ cực đoan đối với dân chủ, là tầm thường hóa khái niệm dân chủ. Quan điểm này có thể làm ai đó ngộ nhận mà từ bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ. Việc đem dân chủ đối lập với tập trung là sai lầm cơ bản trong nhận thức về nội dung của nguyên tắc tập trung dân chủ.

1. Xem GS.TS. Vũ Văn Hiến: *Nhận diện, đấu tranh với các loại quan điểm sai trái, thù địch*, Thông tấn xã Việt Nam, truy cập ngày 13-12-2013.

Khi nói đến dân chủ thì thường đề cập đến hai khuynh hướng: dân chủ hướng tới tập trung hoặc dân chủ vô chính phủ. Còn khi nói đến tập trung thì thường đề cập đến hai khuynh hướng: tập trung trên cơ sở dân chủ hoặc tập trung quan liêu, độc đoán. Như vậy, tập trung trên cơ sở dân chủ không bao giờ đồng nhất với tập trung quan liêu. Tập trung trên cơ sở dân chủ sẽ loại trừ khuynh hướng tập trung quan liêu. Dân chủ hướng tới tập trung là dân chủ có kỷ cương, pháp luật, không bao giờ đồng nhất với dân chủ vô chính phủ.

Kinh nghiệm phong trào công nhân thế giới trước đây, ở Liên Xô, Đông Âu vào cuối những năm 1980, đầu những năm 1990 cho thấy: những kẻ phản bội Đảng đều bắt đầu từ việc tìm cách phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ trong xây dựng tổ chức và hoạt động của Đảng. Một đảng có bề dày lịch sử truyền thống cách mạng như Đảng Cộng sản Liên Xô, nhưng do sai lầm trong thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, buông lỏng kỷ luật, coi nhẹ tập trung, thống nhất trong Đảng, nhấn mạnh một chiều về dân chủ, để cho những phần tử cơ hội lũng đoạn, chia rẽ tổ chức đảng, làm rối loạn và mất sức chiến đấu của Bộ chỉ huy tối cao khiến Đảng bị tan rã, từ đó kéo theo sự đổ vỡ của thể chế Nhà nước xôviết, một thể chế với những ưu việt không thể phủ nhận, những ưu việt mà nhà nước tư sản không bao giờ có được.

Những người theo quan điểm dân chủ cực đoan hay dân chủ vô chính phủ cố tình không hiểu rằng “quần chúng là lực lượng làm nên lịch sử” nên chính đảng nào của giai cấp công nhân theo chủ nghĩa Mác - Lênin cũng đều phải lấy dân chủ làm nền tảng của chế độ tập trung. Và thực tế là mọi công việc

của Đảng đều được toàn thể đảng viên bàn bạc một cách dân chủ, rồi tập trung mọi ý chí và hành động của từng đảng bộ cho tới đảng viên trong toàn Đảng vào các trung tâm lãnh đạo của từng cấp. Những trung tâm đó không bao giờ là một cá nhân mà là một tập thể đã được toàn thể đảng viên trong đảng bộ lựa chọn và bầu cử bằng phiếu kín, không chịu áp lực của bất cứ ai. Còn về mặt nhà nước, nguyên tắc tập trung dân chủ sở dĩ chiếm vị trí đặc biệt quan trọng vì nó bảo đảm cho một bộ máy nhà nước có uy lực, thông suốt, phát huy dân chủ, năng động, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Còn trong những giai đoạn lịch sử nhất định của mỗi quốc gia, có những thời điểm cần sự tập trung cao độ để giải quyết các nhiệm vụ cấp bách, đó là chuyện bình thường như kinh nghiệm của Xingapo, Hàn Quốc, Đài Loan trong việc xử lý vấn đề tập trung và dân chủ. Trong quá trình tiếp thu những giá trị văn minh và công nghệ tiên tiến của thế giới, họ cũng đồng thời phủ định những giá trị mang tính áp đặt của kiểu dân chủ phương Tây, cho rằng những giá trị này không có cơ hội “bén rễ” trên mảnh đất của họ. Một nhà xã hội học người Anh từng nhận xét: “Các nước thế giới thứ ba bất kể là phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa, đều cần phải có một chính phủ có sức kết dính, có quyền uy. Sự yếu ớt về chính trị của các nước thế giới thứ ba thường dẫn đến khủng hoảng kinh tế”¹. Điều đó dễ hiểu vì sao phương Tây liên tục chỉ trích nhân quyền ở các quốc gia này.

1. Xem Andrew Webster: *Xã hội học phát triển*, Nxb. Hoa Hạ, 1987, tiếng Trung. Xem Tiêu Phong: *Hai chủ nghĩa, một trăm năm*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.314-315.

Như vậy, đối với quan điểm sai trái mang tính chất thù địch, phản động, có mục đích xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, lật đổ Nhà nước xã hội chủ nghĩa, hòng xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa thì chúng ta phải đấu tranh, phê phán mạnh mẽ, kiên quyết đến cùng, không mơ hồ, không thỏa hiệp, không nhân nhượng. Khi cần thiết sử dụng cả các biện pháp, chế tài của pháp luật để đấu tranh, vì dã tâm của các thế lực phản động, thù địch không thay đổi. Còn đối với những quan điểm sai trái do nhận thức kém về chính trị của một người hay một nhóm người nào đó trong cán bộ, đảng viên và nhân dân thì cần phải đấu tranh, phê phán, làm rõ đúng, sai thông qua đối thoại, trao đổi thẳng thắn để thuyết phục họ, tránh đẩy họ về phía các thế lực thù địch.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định: “Thực hiện nhất quán đường lối *đôi* *ngoại* độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”¹. Đảng, Nhà nước và Nhân dân Việt Nam luôn mong muốn hòa bình, hữu nghị để xây dựng một cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc nhưng các

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.83-84.

thế lực thù địch và phản động không bao giờ muốn chúng ta yên ổn. Vì vậy, “cần chú trọng đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận; đấu tranh không khoan nhượng bằng những luận cứ khoa học sắc bén, giàu sức thuyết phục, bằng sức mạnh của niềm tin không thể lay chuyển vào chân lý, làm thất bại mọi mưu toan, hành động xuyên tạc, kích động, chống phá Đảng, chế độ và sự nghiệp đổi mới của nước ta”¹. Cần đề cao cảnh giác, nhận rõ chân tướng các quan điểm sai trái để có những đối sách phù hợp, để đấu tranh có hiệu quả chống lại những luận điệu xuyên tạc, phản động. Đồng thời cũng thẳng thắn nhìn lại những hạn chế, khuyết điểm của chúng ta để sớm có biện pháp khắc phục, không để các thế lực phản động, thù địch lợi dụng thời phỗng làm công cụ chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta.

1. Xem Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Lễ kỷ niệm 20 năm thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương, Báo *Nhân dân điện tử* ngày 22-10-2016.

ĐẤU TRANH CHỐNG HOẠT ĐỘNG LỢI DỤNG VẤN ĐỀ “XÃ HỘI DÂN SỰ” TÁC ĐỘNG CHUYỂN HÓA CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Trung tướng, GS.TS. NGUYỄN XUÂN YÊM*

Hoạt động lợi dụng vấn đề “xã hội dân sự” là một trong những phương thức, thủ đoạn mà các thế lực thù địch đang tiến hành với âm mưu thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, gây bạo loạn lật đổ, “cách mạng màu” đối với cách mạng Việt Nam.

Trong những năm gần đây, các thế lực thù địch, phản động đẩy mạnh thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, lợi dụng các vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, “xã hội dân sự”, dân tộc, tôn giáo và những yếu kém, sơ hở, mất cảnh giác để xuyên tạc, bóp méo tình hình; cổ súy cho lối sống hưởng thụ, thực dụng, ích kỷ, cá nhân chủ nghĩa; cấu kết với các phần tử cơ hội và bất mãn chính trị hoạt động ráo riết, chống phá cách mạng ngày càng tinh vi, nguy hiểm hơn. Ý đồ thâm hiểm, xuyên suốt của các thế lực thù địch là hình thành các phong trào ly khai, các tổ

* Giám đốc Học viện Cảnh sát nhân dân, Bộ Công an.

chức đối lập dưới hình thức các hội, nhóm, các công đoàn, ủy ban... tiến đến tạo ra các cuộc “cách mạng màu” tác động chuyển hóa chính trị ở Việt Nam. Thực tế trên, thế giới đã minh chứng điều đó thông qua các cuộc “cách mạng màu” xảy ra ở một số nước Trung Á - SNG, “Cách mạng cam” ở Ucraina, “Mùa xuân Ảrập” ở Bắc Phi và Trung Đông..., được coi là những điển hình của các cuộc lật đổ chế độ chính trị hiện thời bằng bất bạo động do các nhóm xã hội dân sự tiến hành dưới bàn tay hậu thuẫn của các nước phương Tây.

1. Nhận diện vấn đề “xã hội dân sự”

Hiện nay, “xã hội dân sự” là đối tượng được quan tâm đặc biệt trong các nghiên cứu của nhiều học giả, nhà khoa học, nhà quản lý và hoạch định chính sách ở cấp độ toàn cầu. Điều đó cho thấy tính thời sự và sức “nóng” mà xã hội dân sự mang lại cho chính trị quốc tế nói chung, nền chính trị khu vực và của mỗi quốc gia nói riêng, nhất là những xung đột, bất ổn, bất định của đời sống quốc tế và những vấn đề liên quan đến xã hội dân sự trong những năm gần đây. Vậy, có thể nhận diện “xã hội dân sự” như thế nào?

Thuật ngữ “xã hội dân sự” (Civil Society) có nguồn gốc từ phương Tây. Để hiểu về thực thể xã hội dân sự, chúng ta tiếp cận thông qua nghiên cứu của các học giả, nhà nghiên cứu trong và ngoài nước.

Theo quan điểm của C.Mác, *xã hội dân sự chỉ xuất hiện trong chế độ tư bản chủ nghĩa*, từ khi giai cấp tư sản nắm quyền thống trị: “Thuật ngữ “xã hội công dân” xuất hiện trong thế kỷ XVIII khi những quan hệ sở hữu thoát khỏi thể cộng đồng

[Gemeinwesen] cổ đại và trung cổ. Xã hội tư sản [bürgerliche Gesellschaft] với tính cách là xã hội tư sản chỉ phát triển cùng với giai cấp tư sản; tuy nhiên, tổ chức xã hội trực tiếp sinh ra từ sản xuất và giao tiếp và trong mọi thời đại đều cấu thành cơ sở của nhà nước và của kiến trúc thượng tầng tư tưởng, vẫn luôn luôn được gọi bằng danh từ đó"¹. C.Mác cho rằng, xã hội dân sự là một phương tiện khác để tăng thêm lợi ích của giai cấp thống trị trong chủ nghĩa tư bản, bản chất của xã hội dân sự vẫn là chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên, C.Mác cũng nhận thấy ở xã hội dân sự vấn đề cốt lõi chính là việc huy động sự tham gia của quần chúng, các hội, đoàn thể quần chúng đối với tiến trình lịch sử xã hội.

Trên cơ sở quan điểm của C.Mác, cùng với sự tổng kết các quan điểm về xã hội dân sự, có thể đi đến một sự khái quát chung như sau:

Xã hội dân sự là tập hợp các mối quan hệ (và thiết chế tương ứng đi kèm) giữa các cá nhân trong khuôn khổ của một quốc gia - dân tộc (Nation - State), được xác định với những đặc tính cơ bản như: tính tự nguyện, tính phi lợi nhuận và tính tự quản. Xã hội dân sự được xem là lĩnh vực nằm cạnh và độc lập với thị trường và nhà nước.

Trong khái niệm này nổi lên những dấu hiệu bản chất của thuật ngữ xã hội dân sự như sau:

Thứ nhất, xã hội dân sự là “những hoạt động tập thể tự nguyện”. Những hoạt động này mang tính tập thể, tức là thuộc

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.52.

lĩnh vực hoạt động công cộng - phân biệt với những lĩnh vực riêng tư, cá nhân. Chúng mang tính tự nguyện, dựa trên những nguyên tắc đạo đức được chia sẻ và không bị ép buộc, không bị dẫn dắt bởi ý chí chính trị hay bởi mục tiêu lợi nhuận.

Thứ hai, xã hội dân sự phân biệt với thị trường bởi tính chất phi lợi nhuận trong các hoạt động của nó. Các dịch vụ hay sản phẩm mà những tổ chức thuộc xã hội dân sự cung ứng là miễn phí và mang tính công ích.

Thứ ba, xã hội dân sự tồn tại dưới dạng những tổ chức và thiết chế mang tính tự quản. Những tổ chức, nhóm, nghiệp đoàn... của xã hội dân sự hoạt động trên cơ sở luật pháp, nhưng lại không đi theo ý chí của nhà nước và không bị dẫn dắt bởi thị trường. Chúng có những mục tiêu và tôn chỉ riêng của mình là phản ánh và đáp ứng các nhu cầu đa dạng của các cá nhân - những người đã thiết kế và tạo dựng chúng.

Thứ tư, do các cá nhân hợp thành xã hội dân sự là những công dân sống trong lãnh thổ do quốc gia quản lý nên xét trong quan hệ đối ngoại, xã hội dân sự thể hiện ra với tư cách là *một dân tộc* (trong quan hệ với những dân tộc khác). Còn trong quan hệ đối nội, xã hội dân sự là “cử tri” của quyền lực nhà nước. Nói cách khác, ý chí và hành vi đồng thuận của người dân là cơ sở để hình thành nên quyền lực công cộng.

Thứ năm, với tư cách là một lĩnh vực nằm cạnh, độc lập với thị trường và nhà nước, xã hội dân sự phải hứng chịu sự tác động đến từ hai khu vực kế cận này. Điều đó có nghĩa là, khi nhà nước hay thị trường có sự biến chuyển thì tất yếu cũng sẽ kéo theo sự biến đổi của xã hội dân sự. Điều này đúng đối với bất kỳ yếu tố nào trong “mối quan hệ tay ba” nói trên.

Từ các dấu hiệu bản chất của khái niệm xã hội dân sự trên cho thấy, xã hội dân sự là một “thực thể” có tính hai mặt (tích cực và tiêu cực). Bên cạnh những giá trị nhân văn, đạo đức có thể mang lại để góp phần phát triển xã hội nếu xã hội dân sự được quản lý và phát huy tốt các chức năng của nó, thì xã hội dân sự là một “thực thể” được tạo dựng bởi các mối quan hệ tự nguyện, tự quản, phi lợi nhuận... nên tính tổ chức khá lỏng lẻo, dễ tổn thương, dễ mất kiểm soát và rơi vào hỗn loạn, dễ bị lợi dụng vì mục đích chính trị.

Đối với nước ta hiện nay, trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, ngày càng có nhiều tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó có một số tổ chức là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Các tổ chức xã hội đã có nhiều đóng góp trong việc phát huy dân chủ, xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật và thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; chủ động tham gia cung ứng dịch vụ công, hỗ trợ cho hoạt động của Chính phủ trong việc phân phối và nâng cao chất lượng dịch vụ, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo..., góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, với thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, các thế lực phản động quốc tế và thù địch luôn muốn tạo ra các lực lượng đối lập, chống đối Đảng Cộng sản ngay trong lòng xã hội Việt Nam. Cần cảnh giác với xu hướng này, vì các tổ chức xã hội dân sự kiểu này nhằm mục đích tạo ra sự đối lập và thoát ly khỏi sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý của Nhà nước ta.

2. Bộ mặt thật của các thế lực thù địch, phản động lợi dụng vấn đề “xã hội dân sự” ở nước ta hiện nay

Trong bối cảnh hiện nay, “xã hội dân sự” được nhìn nhận là một vấn đề chính trị, xã hội hết sức phức tạp và nhạy cảm. Sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu cũng như biến động chính trị trên thế giới thời gian qua như “Cách mạng màu” ở các nước không gian hậu xôviết hay “Mùa xuân Ảrập” ở Bắc Phi và Trung Đông cho thấy Mỹ, phương Tây và các lực lượng đối lập đã triệt để lợi dụng vấn đề “xã hội dân sự” để tập hợp lực lượng lật đổ chính quyền đương nhiệm. Đối với Việt Nam, các thế lực thù địch cũng đã và đang lợi dụng vấn đề “xã hội dân sự” để thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” với âm mưu thay đổi chế độ chính trị ở Việt Nam.

Để thực hiện âm mưu tác động gây chuyển hóa chính trị ở Việt Nam, các thế lực thù địch, phản động đang ráo riết tiến hành một số hoạt động sau:

Một là, tuyệt đối hóa tính “độc lập” tương đối của xã hội dân sự với Nhà nước. Các thế lực phản động bằng nhiều chiêu bài khác nhau để đẩy mạnh tuyên truyền về cái gọi là ranh giới giữa nhà nước với xã hội dân sự, giữa “công” và “tư”, giữa “chính trị” và “phi chính trị”. Theo đó, xã hội dân sự được đề cao, tuyệt đối hóa, được mô tả như là mô hình xã hội nhân đạo, tốt đẹp, dân chủ; ngược lại, nhà nước là cơ quan bảo thủ, chuyên chế và cường bức.

Thực chất, trên đây là các luận điệu tuyên truyền nhằm làm cho vai trò tổ chức, quản lý xã hội của Nhà nước bị suy yếu,

qua đó không ngừng cổ súy cho xã hội dân sự, tạo môi trường xã hội cho sự ra đời của các tổ chức chính trị đối lập với Đảng núp dưới danh nghĩa là xã hội dân sự.

Hai là, lợi dụng xã hội dân sự để đòi hỏi về dân chủ hóa. Các thế lực phản động có thể lợi dụng vấn đề xã hội dân sự để đòi Nhà nước phải bảo đảm tự do vô giới hạn trong các lĩnh vực. Họ coi hình thành xã hội dân sự độc lập về chính trị là điều kiện, tiền đề cho việc bảo đảm quyền tự do, dân chủ của công dân và các quyền con người.

Lợi dụng các quyền con người, đặc biệt là cổ súy thái quá tự do cá nhân, thông qua quyền tự do ngôn luận, tự do lập hội, tự do biểu tình... Hơn nữa, các thế lực phản động tuyên truyền, khuyến khích mỗi công dân có quyền bày tỏ chính kiến không giới hạn và liên kết với những người khác hình thành các tổ chức “độc lập” tham gia vào đời sống cộng đồng, thoát ly khỏi sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

Ba là, lợi dụng viện trợ, quan hệ kinh tế, thương mại, ngoại giao để gây sức ép về dân chủ, nhân quyền, đòi thành lập các hội, các tổ chức độc lập về chính trị; tác động và gây sức ép đòi thay đổi đường lối, chính sách, hệ thống pháp luật và lĩnh vực tư pháp.

Bằng các hình thức tài trợ khác nhau cho một số tổ chức xã hội dân sự, các thế lực phản động nhằm mục đích chính trị là hậu thuẫn cho các thế lực hoạt động chống phá cách mạng nước ta; lợi dụng vấn đề tự do lập hội để tập hợp lực lượng đối trọng với Đảng, Nhà nước ta, gây sức ép và đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập nhằm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta.

Bốn là, thông qua môi trường xã hội dân sự, các lực lượng phản động lôi kéo quần chúng vào hoạt động dưới danh nghĩa vì mục tiêu chung, “thúc đẩy sự tham gia của người dân vào công việc của chính quyền”, dùng chiêu bài phản biện chính sách, phản biện xã hội, đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, bảo vệ môi trường..., từ đó tạo ra những tâm lý phản kháng, tinh thần đấu tranh của quần chúng chống lại các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta, gây mất ổn định chính trị, xã hội.

Thời gian qua, một số đối tượng xấu đã lợi dụng các tổ chức xã hội dân sự để phục vụ cho các mưu đồ chính trị, tiến hành thành lập các tổ chức “xã hội dân sự chính trị” để thực hiện các hoạt động chống Đảng, Nhà nước. Trong đó, có thể kể đến những cái gọi là: “Hội Cựu tù nhân lương tâm”, “Hội Phụ nữ nhân quyền”, “Hội Anh em dân chủ”, “Diễn đàn xã hội dân sự”, “Khởi 8406”, “Bauxite Việt Nam”, “Hiệp hội dân oan Việt Nam”, “Văn Đoàn độc lập”, “Kiến nghị 72”, “Tổ chức Việt Tân”(!)... Các tổ chức này đều được lập ra bởi các đối tượng có quan điểm chính trị đối lập, những người “bất đồng chính kiến”. Chúng thường lợi dụng các vấn đề “tự do”, “dân chủ”, “nhân quyền”, vì sự tiến bộ của xã hội để tuyên truyền xuyên tạc các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội; vu cáo Đảng, Nhà nước, đòi xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản (xóa bỏ Điều 4 Hiến pháp năm 2013), đòi đa nguyên, đa đảng, gây mất lòng tin của quần chúng nhân dân.

Từ các hoạt động này, các lực lượng phản động nhằm làm suy yếu và vô hiệu hóa vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực

quản lý của Nhà nước, đưa xã hội rơi vào tình trạng hỗn loạn, vô chính phủ, tạo điều kiện cho sự ra đời của các tổ chức chính trị đối lập với Đảng Cộng sản Việt Nam.

Âm mưu của các thế lực phản động quốc tế là hòng tạo ra các lực lượng đối lập, chống đối Đảng Cộng sản Việt Nam ngay trong lòng xã hội Việt Nam, nên chúng tác động cho ra đời những tổ chức xã hội dân sự kiểu phương Tây để từ “phản biện” hướng đến “phản đối” và cuối cùng thành tổ chức “phản động, chống đối” Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Thực chất là các thế lực phản động phương Tây đang muốn sử dụng các tổ chức xã hội dân sự như một phương thức để “diễn biến hòa bình” tiến tới “diễn biến không hòa bình” (cách mạng màu) lật đổ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam¹.

Rõ ràng không phải ngẫu nhiên mà một số tổ chức phi chính phủ nước ngoài thường “quan tâm” nhiều đến các địa bàn trọng điểm về an ninh chính trị - xã hội hoặc đang xảy ra các sự kiện “nhạy cảm” liên quan đến vấn đề dân tộc, tôn giáo.

Trong bối cảnh đó, một mặt phải nâng cao cảnh giác, phát hiện kịp thời và kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu lợi dụng vấn đề xã hội dân sự của các thế lực thù địch, mặt khác cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước đối với các tổ chức xã hội.

1. Xem Đại tá, TS. Đỗ Văn Hoan: “Phòng, chống hoạt động lợi dụng “xã hội dân sự” để thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” ở Việt Nam”, Tạp chí *Khoa học và Chiến lược*, số 8-2015, tr.45-48.

3. Ngăn chặn hoạt động lợi dụng vấn đề xã hội dân sự tác động chuyển hóa chính trị ở nước ta hiện nay

Nhận thức được tính chất nguy hiểm của hoạt động lợi dụng vấn đề xã hội dân sự, việc tổ chức công tác phòng ngừa, đấu tranh với hoạt động này có ý nghĩa quan trọng trong chống “diễn biến hòa bình”, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong bối cảnh hiện nay.

Trong thời gian tới, để ngăn chặn các hoạt động lợi dụng vấn đề xã hội dân sự gây “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” chính trị ở nước ta, lực lượng Công an nhân dân cần làm tốt những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, nhận thức đúng đắn về xã hội dân sự và đấu tranh chống hoạt động lợi dụng xã hội dân sự tác động gây chuyển hóa chính trị ở Việt Nam.

Cần nhận thức rằng, xã hội dân sự là một vấn đề chính trị, xã hội phức tạp, đòi hỏi phải đi sâu nghiên cứu, nhận diện, làm rõ để xác định chủ trương, cách ứng xử phù hợp. Tuyệt đối tránh khuynh hướng đơn giản hóa nhận thức về xã hội dân sự như: quá đề cao xã hội dân sự hoặc đồng nhất xã hội dân sự với việc thực hiện dân chủ hóa. Cần nhận rõ âm mưu, hoạt động của các lực lượng phản động lợi dụng vấn đề xã hội dân sự để tác động chuyển hóa chế độ chính trị ở Việt Nam. Mặt khác, cũng tránh tư tưởng coi xã hội dân sự là tiêu cực, chống đối, “đối lập” hoàn toàn với Nhà nước và “tẩy chay”, không nghiên cứu, tìm hiểu kỹ về vấn đề này.

Thực tế, bên cạnh đa số các tổ chức xã hội có vai trò tích cực, vẫn có một số tổ chức, trong những trường hợp nhất định

có xu hướng chính trị hóa, can thiệp sâu, thậm chí lũng đoạn các hoạt động chính trị không chỉ trong nước mà cả ngoài nước, vượt quá phạm vi, giới hạn cho phép, trái với tôn chỉ, mục đích đã được xác định khi thành lập.

Ở nước ta hiện nay, một số tổ chức xã hội hoạt động còn hình thức, kém hiệu quả, chưa đáp ứng được nguyện vọng và lợi ích của đoàn viên, hội viên, có tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự tài trợ của Nhà nước; có xu hướng “hành chính hóa” về mặt tổ chức và hoạt động, do đó khả năng thu hút, tập hợp hội viên bị hạn chế.

Việc tham gia cung ứng dịch vụ công trong một số trường hợp chưa được triển khai đúng với tôn chỉ và mục đích đã đăng ký, thậm chí có trường hợp chạy theo lợi nhuận đơn thuần, hoặc lợi dụng danh nghĩa tổ chức phi lợi nhuận để trốn thuế, gây tổn hại đối với lợi ích xã hội.

Vì vậy, cần nhận thức khách quan, toàn diện về vai trò, tác dụng cũng như những hạn chế, thách thức của các tổ chức xã hội đối với phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội; từ đó bổ sung, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức, hoạt động và quản lý các tổ chức xã hội phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước.

Đấu tranh chống hoạt động lợi dụng vấn đề xã hội dân sự của các thế lực thù địch thực chất là ngăn chặn mưu đồ thực hiện “chuyển hóa dân chủ”, tạo tiền đề dẫn đến các kịch bản “diễn biến hòa bình”, “cách mạng màu”, bạo loạn lật đổ ở nước ta.

Thứ hai, tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự đối với hoạt động của các hội và tổ chức phi chính phủ ở Việt Nam.

Nhìn chung, phần lớn các quốc gia trên thế giới, có thể theo những chuẩn mực khác nhau, nhưng đều thực hiện việc quản lý tổ chức xã hội dân sự thông qua các quy định khá chặt chẽ và cụ thể về việc thành lập hội, tổ chức phi chính phủ. Theo đó, thường có một số nội dung như: điều kiện thành lập hội, tổ chức phi chính phủ; yêu cầu tối thiểu về điều lệ; các quy định về nghiêm cấm tư lợi trực tiếp hoặc gián tiếp; điều kiện nhận tài trợ hoặc được miễn, giảm thuế; các quy định về gây quỹ, quảng cáo...

Đối với nước ta, thể chế quản lý tổ chức và hoạt động của các tổ chức xã hội phải phù hợp và đáp ứng được cơ chế vận hành của thể chế chính trị: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ.

Thể chế quản lý các tổ chức xã hội kết hợp chặt chẽ giữa tự quản của các tổ chức xã hội với quản lý của Nhà nước đối với tổ chức xã hội; phát huy tính tự quản của tổ chức xã hội trong khuôn khổ pháp luật của Nhà nước nhằm khắc phục tình trạng hành chính hóa, nhà nước hóa, đồng thời hạn chế tính tự phát hoặc lợi dụng danh nghĩa tổ chức xã hội để hoạt động kinh doanh kiếm lời, thậm chí vì mục đích chính trị, gây mất ổn định chính trị - xã hội.

Thứ ba, làm tốt công tác nắm tình hình, chủ động phát hiện âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề xã hội dân sự xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Để chủ động trong phòng ngừa, đấu tranh với hoạt động lợi dụng vấn đề xã hội dân sự xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, công tác nắm tình hình cần tập trung vào các trọng điểm sau: Hoạt động của các tổ chức phi chính phủ (NGO), các tổ chức tư nhân của Mỹ, phương Tây có liên quan đến dân chủ, nhân quyền, nhất là chú ý làm rõ hệ thống tổ chức đã tác động trực tiếp đến các cuộc “cách mạng màu” ở Đông Âu và Trung Á, đến cách mạng “Mùa xuân Ả Rập” tại Bắc Phi và Trung Đông, phát hiện kịp thời âm mưu, ý đồ của các tổ chức này triển khai tại Việt Nam; các chương trình, dự án của các NGO, các tổ chức tư nhân nước ngoài triển khai tại Việt Nam, nhất là các chương trình liên quan đến cải cách hành chính, pháp luật, dân chủ, nhân quyền.

Ngoài ra, cần chú ý nắm tình hình toàn diện đối với các hội, NGO có những biểu hiện hoạt động xa rời tôn chỉ, mục đích ban đầu, có dấu hiệu bị đối tượng chống đối trong nước, cá nhân, tổ chức nước ngoài lợi dụng, chi phối hướng hoạt động theo xu hướng đối lập với Đảng, Nhà nước và cả các tổ chức không có tư cách pháp nhân, được hình thành tự phát và có số lượng thành viên đông, có ảnh hưởng xã hội, thu hút thành viên là thanh niên, sinh viên, trí thức, văn nghệ sĩ...

Thứ tư, kiên quyết xử lý các tổ chức hội, đoàn thể, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động vi phạm pháp luật, kịp thời tham mưu cho Đảng, Nhà nước ban hành các chủ trương, chính sách, xây dựng hệ thống văn bản pháp luật phù hợp, điều chỉnh hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội theo đúng định hướng phát triển của đất nước.

Đối với các tổ chức hội, đoàn thể có biểu hiện hoạt động phức tạp, có dấu hiệu “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, cần tăng cường đối thoại, tiếp xúc, cảm hóa chính trị, không để các thế lực thù địch lợi dụng nhằm thực hiện ý đồ chống đối từ bên trong. Kịp thời phát hiện, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn âm mưu, hoạt động của các đối tượng phản động, chống đối lợi dụng các tổ chức đoàn thể xã hội để chuyển hóa thành tổ chức chính trị đối lập.

Bên cạnh đó, cùng với việc tiếp tục thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tổ chức và hoạt động của các hội, đoàn thể, cần tiếp tục nghiên cứu, đề xuất đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này sao cho phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội và truyền thống văn hóa Việt Nam. Tăng cường công tác quản lý các tổ chức hội, không để các thế lực thù địch lợi dụng tác động, chuyển hóa chính trị ở nước ta.

Thứ năm, quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Đây là những nội dung cơ bản cần thực hiện đồng bộ, toàn diện mà trọng tâm là đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, để Đảng ta trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, đáp ứng lòng mong đợi của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đã chỉ ra những biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Trong đó, nguy hiểm nhất là sự phai nhạt lý tưởng cách mạng, không kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, mơ hồ, dao động, thiếu niềm tin; nói trái, làm trái quan điểm, đường lối của Đảng; sa sút ý chí chiến đấu; không còn ý thức hết lòng vì nước, vì dân, không làm tròn bốn phận, chức trách được giao; không thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng; sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi, hám danh, tham nhũng, ham quyền lực, bè phái cục bộ, mất đoàn kết; quan liêu, xa dân, vô cảm trước khó khăn, bức xúc của nhân dân.

“Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” có quan hệ chặt chẽ với “diễn biến hòa bình”. “Diễn biến hòa bình” thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Đến lượt nó “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” thúc đẩy “diễn biến hòa bình”, trong đó “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” là nhân tố bên trong quan trọng nhất. Hoạt động lợi dụng vấn đề xã hội dân sự để tác động chuyển hóa chính trị ở nước ta đã và đang được các thế lực thù địch thực hiện theo phương thức như vậy. Chính vì lẽ đó, đòi hỏi chúng ta cần hết sức cảnh giác và kiên quyết đấu tranh ngăn chặn những mưu đồ thâm hiểm này.

**NHẬN DIỆN VÀ ĐẤU TRANH VỚI ÂM MƯU,
HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH,
CƠ HỘI CHÍNH TRỊ LỢI DỤNG VẤN ĐỀ
“XÃ HỘI DÂN SỰ” ĐỂ CHỐNG ĐẢNG,
NHÀ NƯỚC, CHUYỂN HÓA CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ
Ở VIỆT NAM**

Trung tướng, TS. NGUYỄN XUÂN MUỘI*
Thiếu tướng, PGS.TS. TRẦN XUÂN DUNG**

Những năm gần đây, khái niệm “xã hội dân sự” xuất hiện ở Việt Nam với tần suất ngày càng nhiều. Vấn đề này được thảo luận nhiều trong vòng hơn hai thập kỷ vừa qua với những lý do: các tổ chức xã hội (với chức năng dân sự) đột nhiên lại đóng các vai trò chính trị quan trọng, đặc biệt góp phần đưa đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và các nước thuộc Liên Xô trước đây; bên cạnh đó, các thể lực thù địch, cơ hội luôn tìm cách triệt để lợi dụng xã hội dân sự như là một công cụ, phương thức hiệu quả để chống phá các nước xã hội chủ nghĩa trong chiến lược “diễn biến hoà bình”.

* Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Chính trị Công an nhân dân.

** Phó Giám đốc Học viện Chính trị Công an nhân dân.

1. Bản chất của “xã hội dân sự” và những đặc điểm mà các thế lực thù địch, cơ hội chính trị thường chú ý lợi dụng

Có nhiều cách hiểu, định nghĩa về xã hội dân sự, nhưng có một định nghĩa được nhiều nhà khoa học cho là hợp lý hơn cả: *Xã hội dân sự là không gian xã hội công cộng nằm ngoài nhà nước, thị trường và lĩnh vực riêng tư của cá nhân, bao gồm tổng thể các định chế xã hội độc lập tương đối với nhà nước và hoạt động tự nguyện trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, truyền thông đại chúng, tôn giáo, xã hội...* Ở đây, người ta cho rằng, nhà nước và xã hội dân sự có mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau, trong đó nhà nước thực hiện chức năng cưỡng chế nhằm bảo đảm trật tự của đời sống xã hội dân sự; ngược lại, xã hội dân sự là môi trường bảo đảm “tính chính đáng” của nhà nước thông qua tạo sự đồng thuận ở các nhóm, tầng lớp, giai cấp cùng tồn tại trong xã hội. Đồng thời, xã hội dân sự là nơi diễn ra những cuộc đấu tranh giữa các nhóm, tầng lớp xã hội với nhau, cũng như giữa giai cấp thống trị với các giai cấp và tầng lớp khác.

Xã hội dân sự là một bộ phận của đời sống xã hội nằm ngoài khu vực xã hội - chính trị (tức nhà nước), xã hội - kinh tế (tức thị trường) và ngoài khu vực gia đình (lĩnh vực riêng tư của cá nhân). Xã hội dân sự là tổng thể các *định chế xã hội* (bao gồm các tổ chức xã hội và các chế định điều tiết hoạt động của nó như luật pháp, tôn chỉ, mục đích, điều lệ...) và phân biệt nó với *định chế xã hội - chính trị* (là tổng hòa của các quan hệ và các thiết chế xã hội - chính trị tương ứng như các chính đảng, các tổ chức nhà nước và cơ quan nhà nước, các đoàn thể chính trị), *định chế xã hội - kinh tế* (bao gồm các tổ chức kinh tế hoạt động theo cơ chế thị trường và hệ thống các chế định xã hội - kinh tế

tương ứng). Xã hội dân sự nằm ngoài nhà nước, nhưng tính “độc lập” của xã hội dân sự trong mối quan hệ với nhà nước chỉ là *tương đối*. Trong xã hội có giai cấp, mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội dân sự được thể chế hóa bằng pháp luật. Xã hội dân sự tồn tại dưới dạng các tổ chức hội, hiệp hội, đoàn thể, tổ chức phi chính phủ... và các phong trào xã hội.

Do những mặt tích cực nhất định của xã hội dân sự, các đối tượng thù địch, phản động, cơ hội chính trị đã, đang lợi dụng đặc điểm này để tập hợp, lôi kéo người khác tham gia với ý đồ thành lập lực lượng đối trọng với Đảng, Nhà nước Việt Nam; lợi dụng các kẽ hở về mặt pháp luật, các vấn đề tiêu cực trong xã hội, vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo... để tuyên truyền, xuyên tạc và âm mưu hình thành, công khai hóa các tổ chức chính trị đối lập tại Việt Nam.

Dưới góc độ công tác an ninh, khi nhìn nhận, đánh giá về vấn đề xã hội dân sự cần chú ý mấy điểm sau:

Thứ nhất, tuy những người cổ vũ cho xã hội dân sự xác định xã hội dân sự nằm ngoài các thể chế chính trị, xã hội, kinh tế, do đó có tính “độc lập” với nhà nước và không mang bản chất giai cấp, nhưng thực tế cho thấy, xã hội dân sự bao gồm các tổ chức hội, hiệp hội, đoàn thể, tổ chức phi chính phủ... đều mang tính chất chính trị, do đó luôn tiềm ẩn nguy cơ bị các thế lực thù địch lợi dụng để tiến hành các hoạt động chống Đảng và Nhà nước. Xã hội dân sự chính là môi trường mà trong chính bản thân các thành tố cấu thành cũng diễn ra cuộc đấu tranh giai cấp trên mọi phương diện, từ chính trị, kinh tế, tư tưởng, văn hóa... Do đó, các lực lượng, phe phái, đảng phái chính trị luôn tìm cách chi phối, vận động, lôi kéo lực lượng xã hội dân sự

hoặc chính các thành tố của xã hội dân sự (hội, hiệp hội, đoàn thể...) cũng muốn đi theo nhằm thực hiện các mục tiêu, lợi ích chính trị của họ. Thực tế cho thấy, thời gian qua, các thế lực đế quốc, một số quốc gia phương Tây đã và đang triệt để lợi dụng, thúc đẩy hình thành xã hội dân sự đối lập ở những nước có chế độ bị coi là “thù địch”, “độc tài” để can thiệp, lật đổ các chế độ này dưới danh nghĩa gọi là “chuyển hóa dân chủ”, đưa các lực lượng thân phương Tây lên nắm chính quyền ở các nước này.

Thứ hai, vốn mang tính đa dạng về lợi ích, thành phần, do đó xã hội dân sự cũng mang tính đa dạng, đa nguyên về tư tưởng. Đặc trưng này phản ánh tính chất phức tạp về tư tưởng, văn hóa trong đời sống xã hội dân sự. Đối với Việt Nam, sự hình thành của xã hội dân sự còn chứa đựng nguy cơ xuất hiện, hình thành hoặc du nhập những khuynh hướng tư tưởng chính trị đối lập với Đảng Cộng sản, tiền đề trực tiếp dẫn đến đa nguyên về chính trị.

Thứ ba, Việt Nam là một quốc gia đang phát triển, với trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nói chung còn thấp; ý thức công dân, ý thức pháp luật của đại đa số người dân còn nhiều hạn chế; hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện, hiệu lực quản lý của chính quyền còn yếu; lại có những đặc điểm phức tạp, đa dạng về tôn giáo, dân tộc... Do đó, sự hình thành và phát triển của xã hội dân sự luôn tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến chia rẽ, xung đột, hỗn loạn, vô chính phủ, mất ổn định chính trị, xã hội của đất nước, là điều kiện để các thế lực thù địch lợi dụng nhằm thực hiện âm mưu, hoạt động chống Đảng, Nhà nước, xâm phạm an ninh quốc gia.

Thứ tư, xã hội dân sự là không gian bao hàm nhiều tổ chức

có tính đa dạng về thành phần, mục đích hoạt động, lợi ích, thiếu tính tổ chức chặt chẽ, do đó nó dễ bị các cá nhân, tổ chức có điều kiện chi phối, lợi dụng vào thực hiện các mục đích riêng và tiềm ẩn nguy cơ gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

Tính chất đa dạng, phức tạp của xã hội dân sự cho thấy đây là khu vực không thuần nhất, tính đồng thuận không cao và thiếu tính nhất quán. Tổ chức xã hội dân sự hình thành chủ yếu dựa trên những mối quan hệ và liên kết mềm, tự nguyện, tự quản, tính thống nhất không cao nên dễ xảy ra nguy cơ các tổ chức này chỉ chăm lo đến lợi ích cục bộ mà không quan tâm đến lợi ích chung toàn xã hội, tạo ra các “lệ” riêng, có thể gây cản trở đến việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, thậm chí có trường hợp bị biến tướng phục vụ cho lợi ích của cá nhân, tổ chức có điều kiện chi phối. Do tính chất đa dạng và phức tạp này mà xã hội dân sự luôn tiềm ẩn nguy cơ bị các đối tượng, tổ chức thù địch cả trong và ngoài nước mua chuộc, chi phối, lợi dụng nhằm thực hiện mưu đồ chính trị đen tối của chúng.

Thứ năm, một số tổ chức xã hội có vai trò, ảnh hưởng xã hội rộng lớn, số lượng thành viên đông đảo luôn là mục tiêu tác động, chi phối, lợi dụng của các thế lực thù địch nhằm biến các tổ chức này trở thành các tổ chức chính trị đối lập với Đảng, Nhà nước Việt Nam.

Một bộ phận các tổ chức xã hội, đặc biệt là các hội, liên hiệp hội, tổng hội có tổ chức mang tính hệ thống cả theo chiều dọc lẫn chiều ngang, với số lượng thành viên đông, có ảnh hưởng lớn đối với quần chúng; một số tổ chức phi chính phủ Việt Nam

(VNGO) có sự tập hợp khá đông những trí thức lớn, có uy tín, có trình độ chuyên môn cao, kể cả đảng viên hay nguyên là cán bộ cấp cao của Đảng, Nhà nước. Đây là những tổ chức có ảnh hưởng xã hội rộng lớn cả trong và ngoài nước, có khả năng tác động vào nội bộ, tác động lớn đến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Do đó, các tổ chức này luôn là mục tiêu tìm kiếm tác động, lợi dụng của các thế lực thù địch, nếu không có những quy định pháp lý hợp lý, đủ mạnh để quản lý, kiểm chế hoạt động “vượt rào” cũng như thiếu sự định hướng và quản lý có hiệu quả của các cơ quan chức năng thì rất dễ bị lợi dụng, dễ biến chất và biến chất rất nhanh thành tổ chức đối lập về chính trị. Điều này sẽ hết sức nguy hiểm bởi nó có khả năng tập hợp, huy động một bộ phận quần chúng vào các hoạt động chính trị có tính thù địch, có khả năng khởi phát các phong trào xã hội rộng lớn, gây áp lực chính trị mạnh đối với Đảng, chính quyền.

2. Âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị lợi dụng vấn đề “xã hội dân sự” để chống phá Đảng, Nhà nước ta

Hiện nay, vấn đề xã hội dân sự đã và đang được các thế lực thù địch tìm mọi cách lợi dụng nhằm thực hiện mưu đồ chuyển hóa chế độ chính trị ở Việt Nam. Sau những thất bại trong hoạt động chống phá Việt Nam ở các giai đoạn trước, hiện nay, các thế lực thù địch đang xem xã hội dân sự là một hướng đi mới, là một trong những phương thức tác động cơ bản trong chiến lược “diễn biến hòa bình” nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, thay đổi thể chế chính trị tại Việt Nam. Mục tiêu của các thế lực thù địch trong hoạt động lợi dụng vấn đề xã hội dân sự là tìm mọi cách tạo “môi trường”

cho sự xuất hiện ở nước ta lực lượng, tổ chức chính trị đối lập với Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua hoạt động dưới danh nghĩa xã hội dân sự để làm suy yếu, vô hiệu hóa vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Các thế lực thù địch cho rằng hình thành *xã hội dân sự độc lập về chính trị* là một “lối thoát” cho sự ra đời công khai, hợp pháp của các tổ chức, lực lượng chính trị đối lập với Đảng Cộng sản Việt Nam, buộc Việt Nam phải chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Họ tìm mọi cách thúc đẩy ở Việt Nam một mô hình xã hội dân sự độc lập về chính trị, nằm ngoài sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, không chịu sự quản lý của Nhà nước, các tổ chức được tự do thành lập, kể cả các tổ chức đối lập với Đảng Cộng sản Việt Nam; đòi “quyền đối lập” được thừa nhận ở Việt Nam...

Để làm được điều đó, các thế lực thù địch đã và đang triệt để lợi dụng tính chất chính trị, xã hội phức tạp của vấn đề xã hội dân sự để tác động vào nội bộ hệ thống chính trị và các tầng lớp xã hội với nhiều phương thức khác nhau, từ tuyên truyền lừa bịp, thổi phồng “ưu điểm” của xã hội dân sự, cung cấp tài chính, phương tiện hoạt động đến việc gây sức ép với Đảng, Nhà nước ta trong quan hệ đối ngoại. Các đối tượng nhân danh chiêu bài xã hội dân sự, “dân chủ”, “nhân quyền”... để tập hợp lực lượng, lập hội, nhóm với tên gọi, khẩu hiệu, tôn chỉ, mục đích dễ gây “ấn tượng” với nhu cầu, thị hiếu của từng tầng lớp, thành phần xã hội nhất định, chẳng hạn như những cái gọi là: Diễn đàn xã hội dân sự, Hội Cựu tù nhân lương tâm, Hội Phụ nữ nhân quyền, Hội Bầu bí tương thân, Hội Nhà báo độc lập, Hội Anh em dân chủ...

Thủ đoạn được các đối tượng sử dụng phổ biến hiện nay là thông qua các trang web, diễn đàn trực tuyến, nhất là mạng xã hội để công khai tổ chức, tuyên truyền, lừa bịp, lôi kéo quần chúng tham gia; sử dụng các phần mềm bảo mật để liên lạc, tổ chức huấn luyện, đào tạo trực tuyến cho số thành viên; công khai viết “đơn kiến nghị”, đòi thành lập đảng chính trị đối lập, xin tự thành lập hội, nhóm và đòi khởi kiện, vu cáo, xuyên tạc Nhà nước ta vi phạm các điều ước quốc tế về quyền dân sự... Ngoài ra, chúng tìm cách chia rẽ nội bộ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm giảm sút lòng tin của quần chúng với Đảng, Nhà nước; tạo tiền đề tập hợp, phát triển lực lượng, hình thành tổ chức chính trị đối lập... Tại các vùng chiến lược, các đối tượng đẩy mạnh tung tin xuyên tạc chính sách dân tộc, tôn giáo; kích động tư tưởng ly khai, tự trị, xuyên tạc lịch sử, khơi gợi, khoét sâu mâu thuẫn dân tộc, tuyên truyền, phát triển tà đạo, tụ tập “xung vua”...

Bên cạnh đó, dưới danh nghĩa đại diện các tổ chức xã hội dân sự, một số đối tượng chống đối đã tham gia các buổi điều trần ở nước ngoài, vu cáo Việt Nam vi phạm “dân chủ”, “nhân quyền”, đề nghị can thiệp trả tự do cho số chống đối trong nước bị bắt do vi phạm pháp luật... Đặc biệt, các thế lực thù địch cơ hội triệt để lợi dụng tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” đang diễn ra trong một bộ phận cán bộ, đảng viên của ta, tình trạng yếu kém, sai phạm của một số cán bộ để tuyên truyền hạ uy tín chính trị của Đảng, lôi kéo người dân vào các tổ chức mang danh nghĩa xã hội dân sự nhằm tiến hành các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước.

Thực tiễn trong những năm qua cho thấy, một số tổ chức phi chính phủ (NGO) nước ngoài rất quan tâm đến các tổ chức chính trị, xã hội ở nước ta và tìm cách xâm nhập, tác động, chuyển hóa các tổ chức này để chuyển hướng hoạt động chính trị trong khi chưa đủ điều kiện thành lập tổ chức đối lập. Thông qua các hoạt động triển khai dự án, hỗ trợ, tài trợ, tổ chức hội thảo với các NGO Việt Nam, một số tổ chức nước ngoài đã cố gắng tìm hiểu nội bộ, xu hướng quan điểm của các NGO Việt Nam về sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức quần chúng, kích động sự thoát ly vai trò lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, cổ vũ quyền tự do lập hội theo tiêu chí phương Tây. Ngoài ra, một số tổ chức nước ngoài còn tài trợ tài chính cho một số NGO Việt Nam để hỗ trợ việc xuất bản, phát hành tài liệu nghiên cứu, văn bản luật nước ngoài nhằm tuyên truyền quan điểm, pháp luật phương Tây đến với công chúng Việt Nam một cách công khai.

Mặt khác, các tổ chức phản động nước ngoài cũng tìm cách phát triển xã hội dân sự tại Việt Nam để phục vụ ý đồ chống phá từ bên trong. Chẳng hạn như, tổ chức được gọi là *“Bảo vệ người lao động”* của đối tượng Trần Ngọc Thành tại Ba Lan gia tăng hoạt động nhằm chuyển hướng hoạt động xâm nhập vào trong nước với ý đồ xây dựng các tổ chức công đoàn tự do. Tổ chức được gọi là *“Mạng lưới tuổi trẻ Việt Nam lên đường”* đã tiến hành “đại hội thanh niên, sinh viên Việt Nam trên thế giới lần thứ V” vào tháng 01-2008 tại Malaixia với chủ đề xã hội dân sự: “dân chủ từ sức mạnh quần chúng với mục đích trao đổi để tìm cách cho ra đời một xã hội dân sự độc lập với chính quyền, tôn trọng nhân quyền, có các công đoàn độc lập, có tự do báo chí...”(!). Tại “đại hội” này, các đối tượng tham gia đã đề ra mục

tiêu để tiến hành “cuộc cách mạng hòa bình” tại Việt Nam là phải xây dựng được một xã hội dân sự bền vững và muốn thay đổi xã hội thì không chỉ trên phương diện chính trị, mà còn trên các phương diện kinh tế, luật pháp, trong mỗi cộng đồng dân cư. Qua đây cho thấy, các thế lực phản động bên ngoài rất quan tâm đến việc lợi dụng xã hội dân sự để thực hiện âm mưu lật đổ chế độ. Đáng chú ý là một số đối tượng cơ hội chính trị có quan điểm chống đối cực đoan đã lợi dụng một số tổ chức quần chúng hợp pháp để tổ chức các hội thảo, tọa đàm, diễn đàn có nội dung đòi sửa đổi Hiến pháp, trưng cầu ý dân về Điều 4 cũng như toàn bộ Hiến pháp, lập Tòa án Hiến pháp, thúc đẩy xã hội dân sự và thực hiện các quyền tự do dân chủ, tự do ngôn luận, báo chí, lập hội theo tiêu chí phương Tây, tư hữu hóa đất đai... Nếu thực hiện các nội dung này theo ý đồ của họ thì chế độ xã hội chủ nghĩa thực tế sẽ không còn tồn tại ở Việt Nam. Đây là phương thức đấu tranh công khai rất nguy hiểm, nếu không cảnh giác có thể sẽ tạo điều kiện cho các thế lực thù địch lợi dụng các tổ chức xã hội dân sự để đưa ra những kiến nghị nhằm thay đổi thể chế, thay đổi hệ thống luật pháp xã hội chủ nghĩa bằng luật pháp tư sản.

3. Vì sao các thế lực thù địch, cơ hội chính trị tăng cường lợi dụng vấn đề “xã hội dân sự”?

Một số học giả trên thế giới có quan điểm chống Cộng rất đề cao vai trò của xã hội dân sự trong các cuộc “cách mạng màu” lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa. Đầu những năm 80 của thế kỷ XX, với việc M.Gorbachev thực hiện công khai và dân chủ hóa, các tổ chức phi chính thức và các ấn phẩm tuyên

truyền cho tự do hóa tư sản dưới nhiều hình thức đã phát triển như nấm sau mưa. Do thái độ này của M.Gorbachev, ngày càng có nhiều phong trào chống đối được công khai hóa, hợp pháp hóa. M.Gorbachev không những cho phép các tổ chức phi chính thức tồn tại mà còn đồng ý cho thành lập các đảng dựa trên các tổ chức phi chính thức, tiến tới thực hiện chế độ đa đảng, để rồi đảng đối lập đã giành chính quyền tại một loạt địa phương dưới cái gọi là “bầu cử tự do”. Ngày 28-12-1987, xã luận đăng trên báo *Sự thật* cho biết, Liên Xô khi đó đã có hơn 30.000 tổ chức, đoàn thể phi chính thức. Những tổ chức này ngang nhiên hô hào chống chế độ và Nhà nước Xôviết, chống Cộng sản, tuyên truyền thành lập các tổ chức đảng và công đoàn độc lập, đối lập - đây là một trong những nhân tố trực tiếp dẫn đến sự tan rã của Liên Xô.

Tại Đông Âu và Liên Xô trước đây, có những “tổ chức chính trị đối lập” hình thành, phát triển và hoạt động với danh nghĩa là “tổ chức xã hội dân sự”, như Công đoàn Đoàn kết ở Ba Lan, Hội Văn hóa Ucraina... Thông qua việc lôi kéo công nhân, với sự hỗ trợ từ nước ngoài (như Trung tâm Đoàn kết lao động quốc tế Mỹ - ACILS) và một số tổ chức Công giáo, từ những năm 1970, tại Ba Lan đã xuất hiện các tổ chức như: Ủy ban Bảo vệ công nhân (KOR), Phong trào Bảo vệ các quyền dân sự và con người (ROPCiO), sau đó Công đoàn Đoàn kết Ba Lan được thành lập. Thông qua Công đoàn Đoàn kết, các thế lực thù địch đã tổ chức thành công việc lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa tại nước này. Tương tự, tại Tiệp Khắc, với sự hỗ trợ của bên ngoài, các đối tượng chống đối chế độ đã thành lập Phong trào Hiến chương 77 làm hạt nhân.

Các cuộc “cách mạng đường phố” tại các nước vùng Trung Đông - Bắc Phi thời gian qua cũng cho thấy vai trò của các cơ quan đặc biệt nước ngoài, các NGO trong việc hỗ trợ các tổ chức xã hội dân sự lôi kéo, kích động quần chúng lật đổ chế độ hiện hành, hợp pháp.

Chúng ta không phủ nhận những đóng góp của tổ chức xã hội dân sự đối với sự phát triển của xã hội. Nhưng cần thấy rõ rằng, ở nhiều quốc gia, nhất là những nước đang phát triển, sự hình thành xã hội dân sự thường chịu sự tác động của nhiều nhân tố, trong đó có những lực lượng chính trị từ bên ngoài thông qua nhiều hình thức khác nhau. Vậy chúng ta cần nhận thức về xã hội dân sự như thế nào, đặc biệt là dưới góc độ công tác an ninh?

Cùng với thực tế tồn tại và phát triển ngày càng phong phú của các tổ chức hội, thời gian gần đây, thuật ngữ xã hội dân sự, tổ chức xã hội dân sự được thảo luận, bàn luận khá sôi nổi ở nước ta. Đây là vấn đề chính trị, xã hội rất phức tạp, nhạy cảm. Nhưng trên thực tế, nhận thức về vấn đề này hiện đang có nhiều quan điểm không thống nhất, thậm chí là khác biệt, đối lập với nhau, phụ thuộc vào từng góc độ tiếp cận. Qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy hiện nay đang tồn tại hai khuynh hướng nhận thức phổ biến về vấn đề xã hội dân sự: *Một là*, đề cao quá mức những đặc điểm của xã hội dân sự, cho rằng cần đẩy nhanh sự phát triển của xã hội dân sự ở Việt Nam, đồng nhất quá trình này với thực hiện dân chủ hóa, khắc phục những vấn đề tiêu cực, phức tạp đang diễn ra trong đời sống xã hội hiện nay; *Hai là*, coi xã hội dân sự là mô hình tiêu cực, chống đối, “đối lập” với Nhà nước xã hội chủ nghĩa, là vấn đề nhạy

cảm, nên né tránh, ngại đề cập và không khuyến khích nghiên cứu, tìm hiểu về nó, thậm chí bài xích, phủ nhận xã hội dân sự. Từ sự chưa thống nhất về nhận thức này khiến cho cách tiếp cận, ứng xử đối với vấn đề xã hội dân sự hiện nay của các cơ quan chức năng đang khá lúng túng.

4. Một số vấn đề đặt ra trong đấu tranh phản bác quan điểm, âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề “xã hội dân sự”

Để giảm thiểu được những tác động tiêu cực của xã hội dân sự đối với sự phát triển ổn định của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam cũng như chủ động phòng ngừa, đấu tranh với âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề xã hội dân sự để xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chuyển hóa chế độ chính trị ở Việt Nam, chúng tôi cho rằng, trước mắt, các lực lượng chủ công, nòng cốt trong cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng - lý luận (bao gồm Hội đồng Lý luận Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Công an, các cơ quan làm công tác tư tưởng - lý luận của Đảng, Nhà nước) cần tập trung vào một số vấn đề sau:

Một là, các lực lượng chủ công, nòng cốt cần nhận thức đầy đủ về xã hội dân sự và có cách “ứng xử” phù hợp với vấn đề xã hội dân sự. Trong giai đoạn hiện nay, không khuyến khích, cổ vũ cho sự hình thành xã hội dân sự và các thành tố cấu thành; chưa nên và không cần thiết đặt ra vấn đề “Việt Nam có phát triển xã hội dân sự hay là không”. Điều này xuất phát từ chính tính chất phức tạp, nhạy cảm của vấn đề xã hội dân sự, vì hiện nay nhiều vấn đề lý luận, thực tiễn liên quan đến xã hội dân sự chưa được nghiên cứu thấu đáo, trong khi hiệu lực và công cụ

quản lý (nhất là chính sách, pháp luật) của Nhà nước, ý thức pháp luật của người dân còn hạn chế. Do đó, nếu chúng ta khuyến khích, cổ vũ hay buông lỏng, thả nổi cho sự hình thành, phát triển xã hội dân sự thì sẽ dễ dẫn đến nhiều hệ lụy phức tạp, khó kiểm soát, nhất là dưới góc độ quản lý nhà nước cũng như bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hai là, kịp thời tham mưu cho Đảng, Nhà nước có chủ trương, chính sách, biện pháp hạn chế đến mức thấp nhất những hệ lụy, ảnh hưởng tiêu cực và những đặc điểm của xã hội dân sự mà các thế lực thù địch, cơ hội có thể lợi dụng chống phá cách mạng Việt Nam. Tăng cường công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về xã hội dân sự, nhất là các vấn đề như: Ở Việt Nam đã có xã hội dân sự chưa, có thừa nhận sự tồn tại của xã hội dân sự ở Việt Nam hay không, thừa nhận vào thời điểm nào, ở mức độ nào? Gọi nó là xã hội dân sự, “xã hội công dân” định hướng xã hội chủ nghĩa, hay “xã hội dân chủ xã hội chủ nghĩa”?... Từ những kết quả nghiên cứu này, giúp cho Đảng, Nhà nước chủ động có chủ trương, chính sách, pháp luật nhằm định hướng sự phát triển của xã hội dân sự (nếu xuất hiện trong tương lai) phù hợp với thể chế chính trị, đặc điểm về kinh tế, văn hóa và xã hội Việt Nam. Bảo đảm sự hình thành, phát triển của xã hội dân sự ở nước ta theo định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức xã hội dân sự; tuyệt đối không chấp nhận sự tồn tại của các cơ cấu xã hội dân sự một cách “độc lập” với sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, “đứng ngoài chính trị, pháp luật”. Đồng thời, làm tốt công tác tư tưởng, tuyên truyền nâng cao nhận thức của

các tầng lớp nhân dân để không bị kẻ địch kích động, lôi kéo thông qua danh nghĩa tổ chức xã hội dân sự.

Ba là, trong điều kiện có sự tồn tại khách quan của một số loại tổ chức có tính xã hội dân sự, cần tham mưu cho Đảng, Nhà nước xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật nhằm phát huy vai trò của các tổ chức xã hội dân sự, hạn chế những tác động tiêu cực của nó và có các biện pháp quản lý các tổ chức xã hội dân sự phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước, đáp ứng được cơ chế vận hành của thể chế chính trị. Chính sự quản lý và định hướng bằng pháp luật của Nhà nước sẽ tạo ra một môi trường dân chủ, lành mạnh cho sự phát triển hài hòa của toàn xã hội. Mặt khác, cần chủ động củng cố và phát huy vai trò của các tổ chức chính trị, xã hội, các tổ chức phi chính phủ hiện có... theo phương châm chính trị: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ.

Đồng thời, quán triệt tinh thần Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng là “Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội”¹, vấn đề xã hội dân sự ở Việt Nam phải gắn liền với việc xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; gắn với đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.149.

Bốn là, lực lượng công an các cấp căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ cụ thể được giao, vận dụng các biện pháp, công tác nghiệp vụ cơ bản, triển khai đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề xã hội dân sự xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Trong đó, vấn đề cấp bách hiện nay là cùng các cơ quan chức năng tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về an ninh đối với các tổ chức hội và các tổ chức phi chính phủ hoạt động ở Việt Nam, không để các thế lực thù địch, cơ hội chính trị tác động, chuyển hóa thành tổ chức xã hội dân sự theo tiêu chí của phương Tây.

Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng khác đẩy mạnh đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng - lý luận, ngăn chặn hoạt động truyền bá tư tưởng, thổi phồng quá mức các “giá trị” của xã hội dân sự theo mô hình, tiêu chí của phương Tây và thành lập các tổ chức chính trị đối lập, các tổ chức phản động dưới danh nghĩa, vỏ bọc của tổ chức xã hội dân sự; phối hợp trong tuyên truyền, vận động các nhân sĩ, trí thức, học giả đang sinh hoạt tại các hội, liên hiệp hội, tổng hội nâng cao cảnh giác trước luận điệu của các thế lực thù địch về cái gọi là “hình mẫu lý tưởng” của xã hội dân sự phương Tây cũng như tham gia vào việc đấu tranh tư tưởng - lý luận. Đồng thời, vạch rõ những điểm không phù hợp (cả về lý luận và thực tiễn) của xã hội dân sự theo hình mẫu phương Tây đối với xã hội Việt Nam; vạch rõ mưu đồ chính trị của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị thông qua việc lợi dụng vấn đề xã hội dân sự để tác động, chuyển hóa chế độ chính trị tại Việt Nam. Bên cạnh đó, vận dụng các biện pháp, chiến thuật nghiệp vụ, sử dụng phương

tiện ngăn chặn, vô hiệu hóa các con đường, cách thức truyền bá vấn đề xã hội dân sự theo hình mẫu phương Tây vào Việt Nam, đặc biệt là thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, thông qua hợp tác, trao đổi về giáo dục - đào tạo... Đấu tranh ngăn chặn, xử lý kịp thời hoạt động của các thế lực thù địch bên ngoài cấu kết, hậu thuẫn cho số đối tượng chống đối trong nước thành lập các tổ chức phản động dưới danh nghĩa, vỏ bọc xã hội dân sự.

Xã hội dân sự vẫn đang là vấn đề mới, phức tạp, còn nhiều quan điểm khác nhau, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu một cách kỹ lưỡng, khách quan, toàn diện. Tuy nhiên, những hoạt động lợi dụng xã hội dân sự đã và đang trở thành một nguy cơ đe dọa đến tình hình an ninh chính trị của Việt Nam. Nếu chúng ta chủ quan, mất cảnh giác hoặc nhận thức không đầy đủ về xã hội dân sự thì các thế lực thù địch, phản động, cơ hội càng có nhiều cơ hội để tiến hành âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” nhằm chống Đảng, Nhà nước ta.

NHỮNG NHẬN THỨC MỚI VỀ “TỰ DIỄN BIẾN”, “TỰ CHUYỂN HÓA” TRONG NỘI BỘ CỦA NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 4 KHÓA XII

PGS.TS. NGUYỄN VIỆT THÔNG*

1. Nhận diện rõ về biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”

Trong Văn kiện Đại hội XI (năm 2011), lần đầu tiên Đảng ta nhận định: “Trong nội bộ, những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” có những diễn biến phức tạp”¹. Đến Đại hội XII, Đảng ta nhận định: “những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí diễn biến phức tạp”². Điểm mới của Đại hội XII so với Đại hội XI là đã chỉ rõ địa chỉ của “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhưng Đại hội XII

* Tổng Thư ký kiêm Ủy viên Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sdd, tr.185.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr.74.

chưa chỉ rõ biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ là gì.

Điểm mới của Hội nghị Trung ương 4 khóa XII là đã chỉ ra những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đó là: (1) Phản bác, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các nguyên tắc tổ chức của Đảng, nhất là nguyên tắc tổ chức tập trung dân chủ; đòi thực hiện “đa nguyên, đa đảng”. (2) Phản bác, phủ nhận nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đòi thực hiện thể chế “tam quyền phân lập”, phát triển “xã hội dân sự”. Phủ nhận nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. (3) Nói, viết, làm trái quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hạ thấp, phủ nhận những thành quả cách mạng; thổi phồng khuyết điểm của Đảng, Nhà nước. Xuyên tạc lịch sử, bịa đặt, vu cáo các lãnh tụ tiền bối và lãnh đạo Đảng, Nhà nước. (4) Kích động tư tưởng bất mãn, bất đồng chính kiến, chống đối trong nội bộ. Lợi dụng và sử dụng các phương tiện thông tin, truyền thông, mạng xã hội để nói xấu, bôi nhọ, hạ thấp uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng, gây chia rẽ nội bộ, nghi ngờ trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. (5) Phủ nhận vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng vũ trang; đòi “phi chính trị hóa” quân đội và công an; xuyên tạc đường lối quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; chia rẽ quân đội với công an; chia rẽ nhân dân với quân đội và công an. (6) Móc nối, cấu kết với các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội, bất mãn chính trị để truyền bá tư tưởng, quan điểm đối lập; vận động, tổ chức, tập hợp lực lượng để chống phá Đảng và Nhà

nước. (7) Đưa thông tin sai lệch, xuyên tạc đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước; thông tin phiến diện, một chiều về tình hình quốc tế, gây bất lợi trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước. (8) Phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng đối với báo chí, văn học - nghệ thuật. Tác động, lôi kéo, lái dư luận xã hội không theo đường lối của Đảng; cố sù cho quan điểm, tư tưởng dân chủ cực đoan; thổi phồng mặt trái của xã hội. Sáng tác, quảng bá những tác phẩm văn hóa, nghệ thuật lệch lạc, bóp méo lịch sử, hạ thấp uy tín của Đảng. (9) Có tư tưởng dân tộc hẹp hòi, tôn giáo cực đoan. Lợi dụng vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, dân tộc, tôn giáo để gây chia rẽ nội bộ, gây chia rẽ giữa các dân tộc, giữa các tôn giáo, giữa dân tộc và tôn giáo, giữa các dân tộc, tôn giáo với Đảng và Nhà nước.

2. Chỉ rõ mối quan hệ giữa suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” cũng như hậu quả của nó

Trung ương đã chỉ ra những biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Trong đó, nguy hiểm nhất là sự phai nhạt lý tưởng cách mạng, không kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, mơ hồ, dao động, thiếu niềm tin; nói trái, làm trái quan điểm, đường lối của Đảng; sa sút ý chí chiến đấu; không còn ý thức hết lòng vì nước, vì dân, không làm tròn bốn phận, chức trách được giao; không thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng; sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi, hám danh, tham nhũng, ham quyền lực, bè phái cục bộ, mất đoàn kết; quan liêu, xa dân, vô cảm trước khó khăn, bức xúc của nhân dân.

Từ suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống tất yếu dẫn tới “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Quá trình này diễn ra nhanh chóng, như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nói chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hay cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

“Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” có quan hệ chặt chẽ với “diễn biến hòa bình”. “Diễn biến hòa bình” thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Đến lượt nó “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” thúc đẩy “diễn biến hòa bình”, trong đó “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” là nhân tố bên trong quan trọng nhất.

Những suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” hiện nay làm vai trò lãnh đạo của Đảng bị giảm sút, làm tổn thương tình cảm và niềm tin của nhân dân đối với Đảng, là nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ.

3. Chỉ ra những nhiệm vụ, giải pháp mới để ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ

Trung ương đã đề ra mục tiêu, quan điểm, trong đó chỉ rõ: Kiên quyết, kiên trì với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn; phát huy sự chủ động, sáng tạo và sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của nhân dân, trong đó cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu các cấp là nòng cốt; thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp và bảo đảm các nguồn lực để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Trung ương cũng xác định những nhiệm vụ, giải pháp đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, trong đó có những nhiệm vụ, giải pháp mới sau:

Một là, hằng năm, người đứng đầu và từng cán bộ, đảng viên có cam kết rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, không có biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Các cấp ủy, tổ chức đảng kiểm tra, giám sát việc thực hiện cam kết của cán bộ, đảng viên ở địa phương, cơ quan, đơn vị mình.

Hai là, phát huy vai trò, xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan báo chí, cơ quan chủ quản báo chí trong công tác đấu tranh chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Ba là, hằng năm, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; tự phê bình và phê bình; sự nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý; hiệu quả đấu tranh, khắc phục suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” là những tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại tổ chức và cán bộ, đảng viên.

Bốn là, tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm của Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương trong đấu tranh phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Hoàn thiện quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ; bảo đảm sự trong sạch về chính trị trong nội bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược. Chú trọng nắm tình hình và giải quyết tốt vấn đề chính trị hiện nay; chủ động phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các đối tượng chống đối, phân tử cơ hội, bất mãn chính trị; kiên quyết không để thành lập các tổ chức chính trị đối lập ngay từ lúc mới manh nha.

Năm là, các cấp ủy, tổ chức đảng tăng cường công khai công tác kiểm tra, giám sát và công khai kết quả để góp phần đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Sáu là, xây dựng quy định xử lý những tập thể, cá nhân suy thoái nghiêm trọng về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có lời nói và việc làm biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nghiêm trọng.

Bảy là, tăng cường công tác dân vận của Đảng và chính quyền; phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội nhằm đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên.

Tám là, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp phải thực hiện nghiêm túc việc tiếp dân định kỳ hoặc đột xuất để tiếp nhận thông tin, lắng nghe, đối thoại trực tiếp và xử lý những phản ánh, kiến nghị của nhân dân, nhất là những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên.

Chín là, xây dựng và thực hiện cơ chế bảo vệ, khuyến khích người dân phản ánh, tố giác và tích cực đấu tranh phòng, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

NHÌN LẠI NGUYÊN NHÂN SỰ ĐỔ CỦA LIÊN XÔ VÀ BÀI HỌC TRONG ĐẤU TRANH NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SỰ SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, “TỰ DIỄN BIẾN”, “TỰ CHUYỂN HÓA” Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Đại tá, PGS.TS. ĐINH NGỌC HOA*

Sự sụp đổ của mô hình xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô đầu những năm 90 của thế kỷ XX là một sự kiện nổi bật, làm thay đổi căn bản cục diện chính trị thế giới, là một tổn thất đặc biệt to lớn của những người cộng sản. Sự kiện đó đã để lại nhiều bài học quý giá cho chúng ta, đặc biệt là trong cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ ở nước ta hiện nay.

1. Trong nửa sau của thế kỷ XX, trên thế giới đã hình thành một hệ thống xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, đủ sức kiểm chế mọi hành động đơn phương, hiếu chiến chống phá cách mạng của chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là Mỹ. Nhờ đó

* Phó Giám đốc Học viện Chính trị Công an nhân dân.

mà hàng trăm dân tộc bị nô dịch, áp bức đã vùng lên làm cách mạng giải phóng dân tộc, làm suy sụp chủ nghĩa thực dân cũ, làm thất bại chủ nghĩa thực dân mới. Các nước xã hội chủ nghĩa mà đứng đầu là Liên Xô đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, ghi dấu ấn trong lịch sử văn minh nhân loại. Nhưng thật trớ trêu, một số Đảng Cộng sản cầm quyền, trước hết và chủ yếu là Đảng Cộng sản Liên Xô, lại để mất quyền lãnh đạo, làm cho hệ thống xã hội chủ nghĩa hùng mạnh mà hàng trăm triệu người xây dựng nên sụp đổ, tan rã. Cần lưu ý rằng, Đảng Cộng sản Liên Xô mất quyền lãnh đạo, Liên Xô tan rã mà không phải do một cuộc chiến tranh với chủ nghĩa đế quốc.

Năm 2005, trong Thông điệp Liên bang, Tổng thống Nga V.Putin cho rằng: “Liên Xô tan rã là tai họa chính trị nghiêm trọng nhất của thế kỷ XX. Đối với nhân dân Nga, đó là một bi kịch thực sự”. Một đảng do V.I.Lênin sáng lập. Một đảng từng lãnh đạo giai cấp công nhân Nga lật đổ ách thống trị của Sa hoàng Nga, xây dựng thành công nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên. Một đảng từng lãnh đạo nhân dân chống lại sự can thiệp vũ trang của 14 nước, bảo vệ thắng lợi thành quả cách mạng. Một đảng đã lãnh đạo chiến thắng phát xít Đức trong cuộc chiến tranh Vệ quốc vĩ đại và cống hiến to lớn cho thắng lợi của thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Một đảng giành được nhiều thành tựu rực rỡ trong xây dựng chủ nghĩa xã hội... Vì sao Đảng đó lại mất địa vị cầm quyền sau 74 năm? Đó là câu hỏi mà cho đến hôm nay vẫn còn mang ý nghĩa thời sự đối với những người cộng sản trên thế giới.

Đã có rất nhiều công trình, bài viết nghiên cứu về nguyên nhân Liên Xô tan rã. Nhưng tựu trung lại, các công trình nghiên cứu đều thống nhất cho rằng: sự sụp đổ của Đảng Cộng sản Liên Xô là sự kiện chính trị phức tạp do nhiều nguyên nhân tổng hợp gây nên. Bao gồm nhân tố trong và ngoài nước (trong đó có cả “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch), trong và ngoài Đảng, nhân tố lịch sử và hiện thực, nhân tố kinh tế, nhân tố chính trị, nhân tố văn hóa, tư tưởng và cả nhân tố xã hội... Thế nhưng, là rường cột của đất nước và nhân dân Liên Xô, là cốt thép của sự nghiệp xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, *sự thoái hóa và biến chất trong nội bộ Đảng Cộng sản Liên Xô chính là một nhân tố chủ yếu dẫn đến sự sụp đổ nhanh chóng của “toà thành trì” kiên cố, vĩ đại này.*

Liên Xô tan rã cơ bản là do những sai lầm nghiêm trọng về chiến lược của Đảng Cộng sản Liên Xô, trước hết là trong công tác cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt cấp chiến lược. Ngay từ những năm 80 của thế kỷ XX, ban lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô đã không tỉnh táo và kiên quyết đấu tranh loại bỏ những phần tử cơ hội, thực dụng trong đội ngũ cán bộ chủ chốt. Năm 1959, lần đầu tiên có 4 cán bộ của Liên Xô sang học ở Mỹ. Sau này hai người trong số đó là A.Yakốplép, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng phụ trách công tác tư tưởng - lý luận và tướng tình báo C.Danilôvích đã trở thành những “điệp viên ảnh hưởng” của CIA, là đạo diễn chính của công cuộc cải tổ làm sụp đổ và tan rã Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết; năm 1975, M.Gorbachev đã tiếp xúc với Matlock là người “phụ trách Đại sứ quán Mỹ ở Mátxcova”, từ đó trở thành đối tượng mà phương Tây tư bản chủ nghĩa tiếp

cận và lợi dụng. M.Gorbachev cũng lũng đoạn đội ngũ cán bộ cao cấp trong Đảng và Nhà nước, tước bỏ dần các khả năng hành động đúng đắn của họ, góp phần đẩy nhanh sự sụp đổ và tan rã của Liên Xô.

Các phần tử cơ hội, thực dụng về kinh tế và chính trị nắm giữ những trọng trách trong ban lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô đã phản bội lý tưởng xã hội chủ nghĩa và lợi ích dân tộc, phản bội tư tưởng của V.I.Lênin về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là xóa bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ, xóa bỏ vai trò lãnh đạo và làm tan rã Đảng Cộng sản Liên Xô, làm cho lực lượng vũ trang bị “phi chính trị hóa”. Tại Hội nghị đại biểu toàn quốc lần thứ 19 của Đảng Cộng sản Liên Xô (từ ngày 28-6 đến ngày 01-7-1988), M.Gorbachev đã báo cáo về “Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô và nhiệm vụ đi sâu cải tổ”, trong đó đưa ra phương án cải tổ với mục tiêu xây dựng “chủ nghĩa xã hội dân chủ nhân đạo”. Điều này về thực chất là phủ nhận triệt để chủ nghĩa Mác - Lênin, áp dụng thể chế chính trị tư bản chủ nghĩa, thực hiện đa đảng qua cái gọi là “phân chia lại quan hệ quyền lực giữa Đảng với Xôviết”, giải tán 23 ban trực thuộc Trung ương Đảng, tiến tới xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô với tư cách đảng cầm quyền. Hội nghị này là bước ngoặt cơ bản thay đổi thể chế chính trị của Liên Xô. Trong báo cáo tại Đại hội XXVIII của Đảng Cộng sản Liên Xô (tháng 7-1990), M.Gorbachev công khai bài xích nguyên tắc tập trung dân chủ. Điều lệ Đảng do Đại hội thông qua chính thức xóa bỏ nguyên tắc quan trọng nhất về tổ chức và hoạt động của Đảng. Ngày 24-8-1991, M.Gorbachev tự ý tuyên bố giải tán Ban Chấp hành Trung

ương Đảng và từ chức Tổng Bí thư. Ngày 29-8-1991, với tư cách là Tổng thống Liên Xô, M.Gorbachev ra lệnh giải thể các cơ quan chính trị và từ ngày 01-9-1991 chấm dứt các hoạt động của Đảng trong quân đội, làm cho quân đội bị “phi chính trị hóa”. Ngày 25-12-1991, M.Gorbachev tuyên bố từ chức Tổng thống và bàn giao nút bấm toàn bộ kho vũ khí hạt nhân cho B.Elsin, đánh dấu sự sụp đổ và tan rã của Liên Xô.

Sự thoái hóa của Đảng Cộng sản Liên Xô là do các đảng viên, trước hết và chủ yếu là các đảng viên giữ vị trí lãnh đạo chủ chốt ở cấp cao, chưa đủ độ chín muồi về mặt chính trị, chưa thực sự giác ngộ về giai cấp, về lý tưởng cộng sản. Những suy thoái về đạo đức, lối sống của một số lãnh đạo cấp cao giữ vai trò chủ chốt với những biểu hiện nổi bật: sống ích kỷ, đặt lợi ích của bản thân, gia đình và người thân lên trên lợi ích của Đảng, của nhân dân; cục bộ địa phương, kéo bè kéo cánh đưa những người thân tín với mình, kể cả những người yếu về năng lực, kém về đạo đức, lối sống vào những vị trí lãnh đạo để làm vây cánh, che chắn bảo vệ mình; tham ô, sống xa hoa, nói một đằng làm một nẻo, cá biệt còn tha hóa, suy đồi về đạo đức, lối sống.

Ngoài ra, ban lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô còn mắc sai lầm nghiêm trọng trong hoạch định và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, không hợp lòng dân. Cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX, Liên Xô đã thực hiện chiến lược cải cách kinh tế theo Chương trình kinh tế 500 ngày của Stalin và Chương trình kinh tế mang tên “Cuộc mặc cả vĩ đại” của Yavôlinxki - sản phẩm của sự thỏa hiệp giữa các phần tử cơ hội, thực dụng trong cơ quan tham mưu chiến lược của Liên Xô với Trung tâm Harvard của Mỹ, đưa nền kinh tế ngà

theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản, dẫn tới sự phân hóa xã hội và xung đột xã hội ngày càng sâu sắc, làm gia tăng những khó khăn và sự bức xúc, bất bình, suy giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Trong khi đó, tầng lớp đặc quyền là các phần tử thoái hóa, biến chất lạm dụng chức vụ mưu lợi riêng trong đội ngũ cán bộ ngày càng lộng hành, làm tổn hại nghiêm trọng đến uy tín của Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Hiện tượng độc quyền không chỉ thể hiện ở lĩnh vực phân phối, mà còn trong hoạch định, thực thi các chính sách, bố trí sử dụng cán bộ, uốn cong luật pháp để mưu lợi riêng cho bản thân, cho “nhóm lợi ích” và “tập đoàn lợi ích đặc biệt”, đồng thời né tránh sự kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng và pháp luật Nhà nước. Căn bệnh này trở nên đặc biệt nghiêm trọng dưới thời M.Gorbachev, làm cho bộ máy của Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa bị tha hóa, biến chất, làm rạn vỡ quan hệ giữa Đảng và Nhà nước với nhân dân, khiến đông đảo đảng viên và nhân dân không còn tin Đảng, thờ ơ, lãnh đạm với các nghị quyết, chỉ thị của Đảng...

2. Việc nghiên cứu nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Liên Xô có ý nghĩa rất to lớn đối với các Đảng Cộng sản trên thế giới, nhất là đối với Đảng Cộng sản cầm quyền như Đảng ta. Điều này lại càng đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh chúng ta đang quyết liệt tiến hành đấu tranh đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Qua đó, chúng ta thấy rõ hơn sự nguy hiểm của tình trạng suy thoái trong cán bộ, đảng viên và vai trò, ý nghĩa quan trọng của cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ ở nước ta hiện nay.

Do tác động của nhiều nhân tố khách quan và chủ quan đã dẫn đến tình trạng hiện nay một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Chính vì vậy, Đảng ta xác định việc ngăn chặn và đẩy lùi sự suy thoái này là nhiệm vụ vừa cơ bản, lâu dài, vừa có ý nghĩa cấp bách trước mắt. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nhận định: “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn”¹. Hội nghị Trung ương 4 khóa XII quyết định ban hành Nghị quyết về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Trong đó đã vạch rõ những biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” (chỉ rõ 9 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; 9 biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống; 9 biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ); nguy hiểm nhất là sự phai nhạt lý tưởng cách mạng, không kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, mơ hồ, dao động, thiếu niềm tin; nói trái, làm trái với quan điểm, đường lối của Đảng; sa sút ý chí chiến đấu, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh, phụ họa theo những nhận thức, quan điểm sai trái, lệch lạc; không còn ý thức hết lòng vì nước, vì dân, không làm tròn bổn phận, chức trách được giao; không thực hiện đúng các nguyên

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.185.

tắc tổ chức sinh hoạt đảng; sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi, hám danh, tham nhũng, ham quyền lực; bè phái, cục bộ, mất đoàn kết; quan liêu, xa dân, vô cảm trước khó khăn, bức xúc của nhân dân... “Từ suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc”¹.

Suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu, bắt nguồn từ việc bản thân cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện; lập trường tư tưởng không vững vàng; sa vào chủ nghĩa cá nhân, quên trách nhiệm, bốn phận trước Đảng, trước nhân dân. Nguyên tắc tập trung dân chủ bị buông lỏng, nguyên tắc tự phê bình và phê bình được thực hiện không nghiêm. Việc nghiên cứu, sửa đổi, ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa kịp thời... Quản lý cán bộ, đảng viên còn lỏng lẻo. Đánh giá, sử dụng, bố trí cán bộ còn nể nang, cục bộ. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên chưa được coi trọng đúng mức, kém hiệu quả. Vai trò của nhân dân trong việc giám sát, phản biện, góp ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền thông qua

1. Nguyễn Phú Trọng: *Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt để phát triển đất nước*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr.194.

Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hình thức khác chưa được phát huy đầy đủ, hiệu quả. Ngoài việc thẳng thắn chỉ rõ những biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và những nguyên nhân, Hội nghị Trung ương 4 khóa XII cũng xác định 4 nhóm giải pháp mang tính toàn diện, bảo đảm thống nhất, khoa học và có mối quan hệ biện chứng trong triển khai thực hiện.

3. Trên tinh thần bài học sâu sắc về sự sụp đổ của Liên Xô, quán triệt quan điểm lãnh đạo của Đảng và nhận thức đúng về tình hình thực tiễn hiện nay, để tiến hành có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII, ngăn chặn, đẩy lùi được tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, theo chúng tôi, cần chú ý làm tốt một số nội dung quan trọng sau:

Một là, quyết tâm, quyết liệt tổ chức quán triệt, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII được đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân đánh giá cao và hy vọng lớn. Vấn đề còn lại là tổ chức thực hiện ra sao để đem lại hiệu quả thiết thực trong thực tế cuộc sống nhằm đạt được mục tiêu cao nhất đúng như Nghị quyết đã xác định: Nhận thức sâu sắc về nguy cơ, nhận diện đúng những biểu hiện và đề ra các giải pháp phù hợp để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Kiên quyết khắc phục những yếu kém trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán

bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, trách nhiệm, năng lực và động cơ đúng đắn, thực sự tiên phong, gương mẫu, luôn đặt lợi ích của tập thể, quốc gia, dân tộc lên trên lợi ích cá nhân, thực sự là cán bộ của dân, phục vụ nhân dân, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Để làm được điều đó, trước hết, cần nâng cao nhận thức của mỗi cấp ủy, cán bộ, đảng viên: xây dựng Đảng luôn luôn phải đi đôi với chỉnh đốn Đảng. Cần nắm vững những nội dung cơ bản, tư tưởng cốt lõi của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII để tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện một cách có hiệu quả. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đã chỉ rõ những biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, nhấn mạnh tính chất nguy hiểm và hậu quả khôn lường của nó. Cùng với việc cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng Đảng mà Đại hội XII đề ra, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đã đưa ra 4 nhóm giải pháp để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, trong đó tập trung vào việc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Bên cạnh đó, cũng cần thống nhất nhận thức: đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ là cuộc chiến đầy cam go, nhưng chúng ta phải quyết tâm thực hiện cho bằng được, vì nó liên quan đến vận mệnh của Đảng ta và chế độ ta. Quan điểm chỉ đạo của Đảng là *kiên quyết, kiên trì* thực hiện, khó mấy cũng phải thực hiện, thực hiện với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, tiến hành thường xuyên, liên tục ở

các cấp, các ngành, đồng bộ cả ở Trung ương và cơ sở. Mỗi cán bộ, đảng viên phải nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình với Đảng, với Tổ quốc để thực hiện Nghị quyết một cách nghiêm túc và có hiệu quả, tránh tình trạng thờ ơ, vô cảm, đứng ngoài cuộc hoặc có tư tưởng chỉ trông chờ, phán xét người khác.

Việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII phải thực hiện đồng bộ với các nghị quyết khác của Trung ương, của Quốc hội và của Chính phủ; đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, ổn định tình hình; tạo niềm tin trong Đảng, trong nhân dân. Cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu các cấp phải thật sự đoàn kết, nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật, nhất là phải có những giải pháp đủ mạnh, những việc làm cụ thể để làm chuyển biến rõ rệt tình hình; kết hợp hài hòa giữa “xây” và “chống”. Thực hiện Nghị quyết của Đảng cần phải hành động, hành động thiết thực, hiệu quả; tránh nói nhiều làm ít hoặc chỉ nói mà không làm...

Để cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ hiện nay đạt hiệu quả thực chất, phụ thuộc rất lớn vào thái độ, trách nhiệm của từng cán bộ, đảng viên, mà trước hết là người đứng đầu cấp ủy. Bởi vậy, trước hết cấp ủy từng cấp, trực tiếp là bí thư cấp ủy phải nắm vững những nội dung trọng tâm, cốt yếu được xác định trong Nghị quyết, mà hàng đầu là 4 nhóm giải pháp, bao gồm: (1) Công tác chính trị, tư tưởng, tự phê bình và phê bình; (2) Cơ chế, chính sách; (3) Kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; (4) Phát huy vai trò của nhân dân và Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã

hội. Đây là cơ sở, điều kiện, căn cứ để cấp ủy các cấp tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế ở từng địa phương, đơn vị. Trên cơ sở nhận thức đúng, nắm vững nội dung và hệ thống giải pháp để cấp ủy các cấp nghiên cứu xây dựng kế hoạch, chương trình hành động phù hợp và thiết thực. Việc xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đòi hỏi mỗi cấp ủy cần xác định rõ từng nội dung, hình thức, bước đi phù hợp, biết lựa chọn vấn đề trọng tâm, tránh dàn trải. Đánh giá đúng thực tế, nhận diện và chỉ rõ những biểu hiện cụ thể ở từng cán bộ, đảng viên để có các giải pháp khắc phục hiệu quả. Đây là một yêu cầu rất cao, đòi hỏi khả năng tư duy, trình độ và trí tuệ của đội ngũ cấp ủy viên, trực tiếp là bí thư cấp ủy.

Hai là, kịp thời phát hiện, vạch trần mọi âm mưu, luận điệu, hoạt động của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị xuyên tạc, chống phá cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ ta hiện nay.

Cứ đến những ngày kỷ niệm lớn, các sự kiện chính trị - xã hội quan trọng (như Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, bầu cử Quốc hội, Đại hội Đảng, các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương...), các thế lực thù địch, phần tử cơ hội, những kẻ tự xưng là “đấu tranh cho dân chủ, nhân quyền Việt Nam”, “người yêu nước”, lại đưa lên các trang mạng, blog hoặc dưới dạng “thư ngỏ”... những nội dung mang quan điểm sai trái, độc hại, tiến hành các hoạt động xuyên tạc, chống phá. Thời gian gần đây, khi chúng ta đã và đang triển khai nhiều hoạt động đưa Nghị quyết Đại hội XII của Đảng vào cuộc sống, nhất là

trước khi diễn ra Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Đảng và Nhà nước ta chủ trương đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, “lợi ích nhóm”, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”... thì các phần tử cơ hội chính trị, các thế lực thù địch cho rằng đó chẳng qua chỉ là những cuộc “đấu đá” nội bộ, “nhóm lợi ích mới cướp (lại) nhóm lợi ích cũ” hoặc chỉ là để “trả thù, triệt hạ tay chân” của người này, người khác... Tất cả những luận điệu xuyên tạc, bóp méo cuộc đấu tranh chống tham nhũng, “lợi ích nhóm” trên các mạng xã hội trong và ngoài nước thời gian qua đều nhằm hạ thấp uy tín của Đảng Cộng sản Việt Nam, kích động tâm trạng bất mãn của người dân trước thực trạng xã hội còn có những vấn đề chưa được giải quyết, hòng chuyển hóa xã hội ta sang một hình thức “dân chủ, nhân quyền”, “đa nguyên, đa đảng”...

Sự suy thoái về đạo đức, lối sống có nguồn gốc sâu xa, sự suy thoái còn liên quan đến cơ chế kinh tế thị trường,... Đặc biệt là vấn đề kiểm soát quyền lực là rất quan trọng và phức tạp. Cơ chế kiểm soát quyền lực không chỉ tùy thuộc vào quyết định của Đảng mà còn tùy thuộc vào thể chế của Nhà nước, của Quốc hội, của Chính phủ... Chính vì vậy, đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ được Đảng ta xác định là một nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài, phải tiến hành một cách thận trọng, bài bản... Với sự quyết tâm của Đảng, sự đồng tình của nhân dân, chúng ta có quyền tin tưởng vào thắng lợi của cuộc đấu tranh. Chúng ta không cho phép bất cứ ai được xuyên tạc về những kết quả đã đạt được bằng quyết tâm của Đảng, Nhà nước và toàn thể cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân ta trong cuộc đấu tranh này.

Ba là, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong Đảng, quản lý xã hội bằng pháp luật; kiên quyết xử lý ngay những vụ việc đang gây bức xúc dư luận, làm ảnh hưởng đến uy tín chính trị của Đảng.

Các cấp ủy, tổ chức đảng cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và công khai kết quả kiểm tra, giám sát để góp phần đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Cấp ủy các cấp cần chỉ đạo rà soát ngay đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc quyền và xử lý nghiêm những trường hợp có biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, không bảo đảm về tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình bổ nhiệm, năng lực và hiệu quả công tác thấp, nhất là những trường hợp người nhà, người thân của cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp có nhiều dư luận. Chú trọng nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tham nhũng; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, quản lý xã hội bằng pháp luật. Bên cạnh đó, xử lý vi phạm cần kết hợp chặt chẽ giữa vận động, giáo dục với xử phạt nghiêm minh. Kết hợp các biện pháp giáo dục, quản lý hành chính, pháp luật với dư luận để điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân. Trong công tác kiểm tra, giám sát của Đảng cần chú trọng kiểm tra ở những nơi có vấn đề nổi cộm qua phản ánh của báo chí và nhân dân; kiểm tra, giám sát tổ chức đảng phải gắn với kiểm tra cá nhân người đứng đầu; xử lý nghiêm minh các tổ chức đảng và đảng viên vi phạm.

Thời gian vừa qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ đã chủ trương tiến hành kiểm tra, thanh tra nhiều lĩnh vực, những dự án có dấu hiệu mờ ám, vi phạm pháp luật,

xem xét những cán bộ có dấu hiệu suy thoái về đạo đức, lối sống, vi phạm các quy định của Đảng. Đặc biệt đưa ra xét xử một số vụ án lớn về kinh tế được dư luận rất hoan nghênh. Qua đó cho thấy cuộc đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, “lợi ích nhóm”, nhằm làm trong sạch Đảng đã được thực hiện bước đầu một cách quyết đoán và được đông đảo cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân đồng tình, ủng hộ, đánh giá cao.

Trải qua hơn 87 năm phấn đấu, xây dựng và trưởng thành, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, với bản lĩnh của một đảng cách mạng, dày dặn kinh nghiệm, luôn gắn bó máu thịt với nhân dân, Đảng ta đã lãnh đạo, tổ chức và phát huy sức mạnh to lớn của toàn dân tộc, giành được nhiều thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp cách mạng. Tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ là yêu cầu, nhiệm vụ, thử thách to lớn; là điều kiện quan trọng để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là Đảng cách mạng chân chính, xứng đáng với niềm tin yêu và sự mong mỏi của nhân dân.

**PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG:
“ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM KHÔNG THỂ
ĐẤU TRANH CHỐNG THAM NHŨNG,
SUY THOÁI THÀNH CÔNG”**

CAO VĂN THỐNG*

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, ở bất cứ giai đoạn nào, các thế lực thù địch cũng luôn dùng mọi phương thức, thủ đoạn để chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta trên mặt trận chính trị, tư tưởng và lý luận. Đây là mặt trận được chúng tập trung chống phá hòng làm suy yếu sức mạnh chính trị, tinh thần của Đảng, của quân và dân ta trong cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong giai đoạn hiện nay. Đây là phương thức phổ biến, thường xuyên để chúng thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” nhằm làm lung lạc tư tưởng, mất phương hướng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân ta, thúc đẩy quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ nước ta, tăng thêm những mầm mống của nguy cơ tự sụp đổ từ bên trong.

* Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Để chống lại quyết tâm phòng, chống tham nhũng, suy thoái của Đảng ta, gần đây các thế lực thù địch đưa ra quan điểm: *“Đảng Cộng sản Việt Nam không thể đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái thành công”*. Tại sao các thế lực thù địch lại đặt vấn đề phức tạp, có tính thời sự mà Đảng, Nhà nước, Nhân dân ta đang quyết tâm, có nhiều chủ trương, phương thức, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng tham nhũng, suy thoái để gây hoài nghi trong quần chúng nhân dân vào thời điểm hiện nay? Chúng muốn phá vỡ niềm tin của đảng viên và quần chúng nhân dân đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa, đối với đường lối, chủ trương, quan điểm cơ bản, nhất quán và quyết tâm chính trị của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Có thể nhận thấy, các thế lực thù địch đưa ra quan điểm trên nhằm ba mục đích: *Thứ nhất*, hạ uy tín để phủ định vị trí cầm quyền, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với xã hội và Nhà nước, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Bởi vì, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái ở nước ta là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng do Đảng lãnh đạo. *Thứ hai*, chống phá sự quyết tâm của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta về đấu tranh đẩy lùi tình trạng tham nhũng, suy thoái để cán bộ, đảng viên rơi vào tình trạng suy thoái, “nền kinh tế đất nước kiệt quệ” do tình trạng tham nhũng. *Thứ ba*, lấy cớ cho rằng, Đảng ta không thể lãnh đạo đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái thành công để kích động, xúi giục, lôi kéo, hỗ trợ cho các phần tử phản động, bất mãn trong

và ngoài nước tăng cường các hoạt động chống phá dưới chiêu bài lợi dụng dân chủ, nhân quyền, tự do ngôn luận để gây hoang mang, hoài nghi trong nhân dân, làm mất an ninh, trật tự, từ đó tác động để cán bộ, đảng viên sẽ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, đất nước rơi vào khủng hoảng, mưu đồ “diễn biến hòa bình” của chúng thành công.

1. Bản chất, mối quan hệ của tham nhũng và suy thoái

Tham nhũng là hiện tượng mang tính xã hội. Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi. Yếu tố quyền lực là yếu tố quyết định, phải có quyền lực thì mới có thể sử dụng nó một cách bất chính để thu lợi. Về bản chất, tham nhũng chính là sự tha hóa quyền lực để thực hiện lợi ích cá nhân hoặc của một nhóm người làm phương hại đến lợi ích cá nhân khác, của tập thể và xã hội. Khai thác khía cạnh này, cũng có ý kiến của các thế lực thù địch cho rằng, “*Đảng không thể đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái vì Đảng cũng tham nhũng, suy thoái*” (!). Đây là quan điểm sai lầm, phản động, bởi tham nhũng gắn với cá nhân có quyền lực và tham nhũng tồn tại ở mọi chế độ có nhà nước vì nó luôn gắn với nhà nước và quyền lực. Quyền lực của tổ chức đảng được phân công, phân nhiệm, giao cho các tập thể, cá nhân đảm trách. Chỉ có cán bộ, đảng viên có chức, có quyền, nhưng thiếu tu dưỡng, rèn luyện, sa vào chủ nghĩa cá nhân, cơ hội thực dụng, thoái hóa, biến chất, thiếu sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát của tổ chức, của nhân dân sẽ tham nhũng, suy thoái, dẫn đến tổ chức đảng suy thoái và tiêu vong.

Quyền lực nhà nước nhằm điều hòa các lợi ích khác nhau, thậm chí đối nghịch nhau của các giai cấp, giai tầng trong xã hội và duy trì sự ổn định của một chế độ xã hội nhất định. Quyền lực đó bao giờ cũng được thực thi thông qua những tập thể và con người cụ thể mà lợi ích được quy định bởi chức vụ, địa vị, trách nhiệm, quyền hạn của họ. Ở bất kỳ đâu và bất kỳ lúc nào, quyền lực cũng luôn có hai mặt: Mặt tích cực, nó là công cụ hữu hiệu bậc nhất để tập hợp lực lượng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng một xã hội tốt đẹp, nếu quyền lực ấy được trao cho những con người có nhân cách tốt; mặt tiêu cực là, nó luôn làm tha hóa những con người và bộ máy sử dụng quyền lực nhưng lại yếu kém về nhân cách và không có cơ chế tốt để kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ quyền lực. Sự tha hóa như vậy có từ trong bản chất tự nhiên của con người và quyền lực. Có những người lúc đầu (khi chưa có quyền lực) thì tốt, nhưng khi đã được trao quyền lực trong tay thì dần dần trở nên hư hỏng, tha hóa, thành người xấu, thậm chí đến mức có thể phản bội nhân dân, bán rẻ Tổ quốc vì lợi ích thấp hèn của tổ chức và cá nhân được trao quyền lực. Khi tham nhũng trở thành phổ biến, các loại quyền lực một khi bị lạm dụng, bị biến dạng không còn giữ được vai trò điều hòa các lợi ích xã hội, từ đó mất đi sự ổn định, đe dọa sự tồn vong của Đảng, Nhà nước và chế độ. Do vậy, ở bất cứ chế độ xã hội nào, tham nhũng, suy thoái cũng đều gắn với quyền lực bị thao túng và bị tha hóa, luôn bị lên án và phải được trừng trị nghiêm khắc.

Suy thoái có nội hàm rất rộng, trong đó có chủ thể, nội dung đa dạng. Suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của

cán bộ, đảng viên ở giai đoạn nào cũng có, nhưng trong điều kiện mặt trái của kinh tế thị trường, sự tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và của cách mạng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, cùng sự “tự đề kháng” của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên giảm sút vì nhiều nguyên nhân. Tham nhũng và sự suy thoái về các nội dung trên càng nghiêm trọng, với nhiều hình thức, mức độ, tính chất, biểu hiện, diễn biến khó lường, ở từng cấp, từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương, đơn vị, cơ quan, tổ chức, trong từng cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ có chức, có quyền. Đây là vấn đề đang gây bức xúc trong nhân dân, phương hại đến uy tín, sự tồn vong của Đảng, Nhà nước và chế độ ta; các thế lực thù địch đang lợi dụng tối đa, triệt để để thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” nhằm chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta. Vì vậy, đòi hỏi chúng ta phải đề cao cảnh giác để có nhận thức đúng, đầy đủ về tình trạng tham nhũng, suy thoái trong Đảng, bộ máy nhà nước, về kết quả đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái trong thời gian qua, những hạn chế, khuyết điểm, tồn tại và nguyên nhân để chủ động có chủ trương, biện pháp ứng phó, đấu tranh phòng, chống, ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu lực, hiệu quả; đồng thời có chủ trương, biện pháp đấu tranh kịp thời, phù hợp để phản bác luận điệu xuyên tạc, chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ ta của các thế lực phản động, thù địch và những người bị lôi kéo, kích động, xúi giục về các vấn đề trên.

Bản chất, nguyên nhân chủ yếu của tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên là do bản thân thiếu tu dưỡng, rèn luyện; quan điểm, bản lĩnh, lập trường tư tưởng không kiên định, vững vàng, hoang

mang, dao động trước những tác động từ bên ngoài, tính chiến đấu giảm sút, ý thức tổ chức kỷ luật kém; sa vào chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, hẹp hòi, bị cám dỗ bởi các lợi ích vật chất, không làm tròn trách nhiệm, bổn phận của mình trước Đảng, trước nhân dân.

Tham nhũng và suy thoái có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tham nhũng là một trong những biểu hiện của suy thoái và nó là biểu hiện nghiêm trọng nhất, vì gắn với quyền lực, tha hóa quyền lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức lợi dụng, lạm dụng quyền lực để làm trái, vụ lợi, bị xã hội và nhân dân khinh ghét, lên án. Tham nhũng được Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi là *“giặc nội xâm”* và Người yêu cầu phải đấu tranh kiên quyết với tệ nạn, kẻ địch nguy hiểm này cùng với đấu tranh chống quan liêu, lãng phí và nhiều căn bệnh khác của cán bộ, đảng viên, nhất là khi Đảng trở thành đảng cầm quyền không tránh khỏi một số cán bộ, đảng viên lên mặt quan cách mạng, hủ hóa. Cán bộ, đảng viên có chức vụ, được giao những quyền hạn nhất định, nếu không có biện pháp kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ, kịp thời việc trao và thực thi quyền lực, thiếu tự giác tu dưỡng, rèn luyện, thiếu tự kiểm tra, tự phê bình sẽ dẫn đến tham nhũng, suy thoái, thoái hóa, biến chất, mất tư cách. Khi đã bị suy thoái, cán bộ, đảng viên sẽ thể hiện sự tham vọng chức quyền; kén chọn chức danh để dễ thăng tiến, vị trí công tác có nhiều thuận lợi, cơ hội, lợi ích để trục lợi; vận động, tác động, tranh thủ phiếu bầu, phiếu tín nhiệm cho cá nhân một cách không lành mạnh; sống thực dụng, cơ hội; chỉ lo vun vén cá nhân, không lo lợi ích tập thể; kèn cựa địa vị, tranh chức, tranh quyền..., tìm cách để mình có vị trí, điều kiện thuận lợi, có

thể kiếm được thật nhiều lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần để thoả mãn nhu cầu cá nhân.

Suy thoái hàm chứa sự tha hóa quyền lực (quyền lực chính trị, quyền lực hành chính, quyền lực kinh tế, quyền lực tư pháp, quyền lực thông tin) để mưu lợi cá nhân. Tham nhũng và suy thoái đều thể hiện sự thiếu tu dưỡng, thiếu rèn luyện, sự xuống cấp của phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

2. Tham nhũng và suy thoái đối với sự tồn vong của Đảng, Nhà nước và chế độ

Nhận thấy rõ bản chất, tính nguy cấp của tham nhũng, Đảng ta đã đề ra chủ trương, phương thức rất đúng và trúng để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng tham nhũng. Ngày 26-4-1962, Bộ Chính trị khóa III ban hành Nghị quyết số 51-NQ/TW về cuộc vận động nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Sau đó, Nghị quyết số 85-NQ/TW ngày 24-7-1963 của Bộ Chính trị khóa III về cuộc vận động “Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu” tiếp tục mở rộng nội dung quản lý nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng tham nhũng.

Văn kiện các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc đều đề cập đến vấn đề phòng, chống tham nhũng và do tình hình tham nhũng ngày càng gia tăng nghiêm trọng ở nhiều cấp, nhiều ngành nên Đảng ta đã xác định tham nhũng là một trong bốn nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng, của chế độ. Tại Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, Đảng đã thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2)

về xây dựng và chỉnh đốn Đảng, trong đó có nhiệm vụ quan trọng trong việc chống tham nhũng, lãng phí. Đại hội X của Đảng đã chỉ rõ: *“Tích cực phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí* là đòi hỏi bức xúc của xã hội, là quyết tâm chính trị của Đảng ta, nhằm xây dựng bộ máy lãnh đạo và quản lý trong sạch, vững mạnh, khắc phục một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta”¹. Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội X, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 21-8-2006 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Bên cạnh việc nhận diện, đánh giá nguy cơ và tìm ra giải pháp phòng, chống tham nhũng, Đảng ta cũng nhận định, thể hiện sự quan tâm tập trung khắc phục, giải quyết tình trạng suy thoái trong cán bộ, đảng viên. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đánh giá: “... sự suy thoái về tư tưởng chính trị; tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn”². Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đánh giá “... chưa ngăn chặn và đẩy lùi được sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống”³.

Nghị quyết Đại hội X của Đảng tiếp tục đánh giá: “... sự suy

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2006, tr.45-46.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.58, tr.57-58.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.52.

thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn ra nghiêm trọng”¹. Đến Nghị quyết Đại hội XI của Đảng xác định: “Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi mà còn tiếp tục diễn biến phức tạp”². Công tác phòng, chống tham nhũng, suy thoái đều được Đảng ta khẳng định và xác định là vấn đề cấp bách, cần phải có chủ trương, giải pháp đồng bộ và quyết tâm chính trị cao để đấu tranh ngăn chặn cả hai vấn đề trên. Bởi vì, tham nhũng và suy thoái có mối quan hệ biện chứng, mật thiết với nhau trong công tác xây dựng Đảng.

Nghị quyết Đại hội XII của Đảng xác định: “Tình trạng tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng với biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn; một số ít cán bộ, đảng viên bị phần tử xấu lợi dụng lôi kéo, kích động, xúi giục, mua chuộc đã có tư tưởng, việc làm chống đối Đảng, Nhà nước”³.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Sđd, tr.274.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.173.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.185.

Theo kết quả điều tra xã hội học tháng 7-2016 của Viện Nghiên cứu dư luận xã hội, Ban Tuyên giáo Trung ương: có 56% số người được hỏi khẳng định, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên có chức, có quyền là nghiêm trọng và rất nghiêm trọng (trong đó, nghiêm trọng là 36%, rất nghiêm trọng là 20%). Đây chính là điều đáng lo ngại nhất, là nguy cơ và thách thức lớn nhất đối với đảng cầm quyền và đặc biệt đối với một đảng duy nhất cầm quyền.

3. Một số kết quả trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thể chế quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng được tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và thực hiện tương đối đồng bộ, toàn diện. Sau khi Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa X được ban hành, Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định số 160-QĐ/TW ngày 12-5-2008 thành lập các đoàn kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết. Ban Chấp hành Trung ương tiến hành sơ kết việc thực hiện Nghị quyết năm 2012. Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Kết luận số 21-KL/TW ngày 25-5-2012 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI (Kết luận Hội nghị Trung ương 5). Bộ Chính trị khóa XI ban hành Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03-01-2014 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07-12-2015 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng. Việc ban hành Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, XII và việc chỉ đạo Quốc hội, Chính phủ

cụ thể hóa nghị quyết, chỉ thị của Đảng thành chính sách, pháp luật của Nhà nước (Luật Phòng, chống tham nhũng, Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng, nghị định về minh bạch tài sản, phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng...), góp phần đấu tranh đẩy lùi tình trạng tham nhũng, suy thoái.

Các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng như: đất đai, tài nguyên, khoáng sản, ngân sách, thuế, hải quan, đầu tư công, đấu thầu, đấu giá tài sản, xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, doanh nghiệp, đầu tư, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước... được chú trọng nghiên cứu, đưa ra hệ thống quy định để lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên, công chức chấp hành và làm căn cứ, cơ sở cho việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc chấp hành và xử lý khi có vi phạm¹.

1. Hệ thống các quy định của Đảng, Nhà nước về phòng, chống tham nhũng hiện nay đã tạo cơ sở chính trị, pháp lý cơ bản đồng bộ cho công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Sau 10 năm kể từ ngày thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khoá X, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành 29 văn bản; Quốc hội ban hành 14 văn bản; Chính phủ ban hành 22 văn bản; Thủ tướng Chính phủ ban hành 23 văn bản về công tác phòng, chống tham nhũng. Quốc hội khoá XII, XIII đã ban hành 175 bộ luật; Chính phủ ban hành 1.311 nghị định, 604 nghị quyết; Thủ tướng Chính phủ ban hành 6.110 chỉ thị, quyết định trên các lĩnh vực quản lý kinh tế - xã hội; cả nước ban hành mới hơn 34.885 văn bản và sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ 27.120 văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn trên các lĩnh vực. Các cấp ủy, tổ chức đảng đã ban hành 26.700 văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng; tổ chức kiểm tra, giám sát 105.519 cuộc đối với các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc về phòng, chống tham nhũng; chỉ đạo xử lý 1.008 vụ việc, vụ án tham nhũng.

- Công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng được quan tâm, vai trò của báo chí trong phòng, chống tham nhũng bước đầu được phát huy, góp phần tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân trong phòng, chống tham nhũng. Các cấp ủy, tổ chức đảng đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng gắn với việc triển khai các chỉ thị của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay; quy định của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm; quy định của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ, lãnh đạo... Từ năm học 2013-2014, việc giảng dạy nội dung phòng, chống tham nhũng tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng đã được triển khai rộng khắp trên phạm vi cả nước. Các cơ quan thông tấn, báo chí có nhiều tin bài về phòng, chống tham nhũng; phát hiện, lên án, phê phán những hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; giám sát việc xử lý và thông tin kịp thời kết quả xử lý các vụ việc, vụ án, tạo hiệu ứng xã hội tích cực cho công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng¹.

1. Từ năm 1996 đến nay đã có hơn 45.090 lượt cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được phổ biến, giới thiệu, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng; tổ chức 603.220 lớp tuyên truyền, quán triệt về phòng, chống tham nhũng và phát hành 9.782.871 bản sách, tài liệu về phòng, chống tham nhũng.

- Vai trò, trách nhiệm, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng được nâng lên. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng đã chủ động và tích cực kiểm tra, giám sát đảng viên trong việc thực hiện quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng; xác định phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, là tiêu chí đánh giá chất lượng tổ chức đảng, đảng viên hàng năm.

- Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về công tác tổ chức, cán bộ để phòng, chống tham nhũng được quan tâm. Nhiều quy định của Đảng, Nhà nước theo hướng công khai, dân chủ, minh bạch đã được xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành và tổ chức thực hiện, nhất là trong việc tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, giới thiệu cán bộ ứng cử; lấy phiếu tín nhiệm một số chức danh lãnh đạo các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Có 6 bộ, ngành và 36 tỉnh, thành phố thực hiện thi tuyển lãnh đạo cấp vụ, cấp sở, cấp phòng.

Việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu để xảy ra tham nhũng; minh bạch tài sản, thu nhập; chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức để phòng, chống tham nhũng; tiếp tục cải cách tiền lương, giao quyền tự chủ về tài chính, biên chế và giao khoán kinh phí hoạt động cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị; xây dựng quy tắc ứng xử... được triển khai thực hiện, phát huy kết quả bước đầu trong phòng ngừa tham nhũng. Từ năm 2006 đến năm 2016, đã có 918 người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu bị xử lý do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình trực tiếp quản lý,

phụ trách, có tác dụng răn đe cao trách nhiệm của người đứng đầu trong phòng, chống tham nhũng. Các bộ, ngành, địa phương đã chuyển đổi vị trí công tác 310.694 lượt cán bộ, công chức, viên chức để phòng, chống tham nhũng.

- Cải cách hành chính công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và đạt được những kết quả tích cực. Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính, tập trung vào các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, hạn chế tiêu cực, nhũng nhiễu đối với người dân, doanh nghiệp; công khai các thủ tục, người chịu trách nhiệm và thời hạn giải quyết, rút ngắn quy trình xử lý, giảm số lượng thủ tục và đơn giản hóa nội dung hồ sơ; giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính. Từ năm 2006 đến năm 2016, các bộ, ngành đã đơn giản hóa 4.219/4.712 thủ tục hành chính; đã thiết lập và công bố Bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính tại 4 cấp chính quyền và công khai trên mạng internet.

Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, bao gồm cả các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành được quan tâm thực hiện, gắn với trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật. Quyền tiếp cận thông tin của người dân đã được thể chế bằng Luật Tiếp cận thông tin.

- Việc minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, đảng viên đã được coi trọng thực hiện, có 4.859 trường hợp được xác minh, phát hiện, xử lý kỷ luật 17 người kê khai tài sản không trung thực.

- Công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng, lãng phí, suy thoái được đẩy mạnh, tạo chuyển biến rõ nét. Đã tập trung kiểm tra, giám sát việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quyết định, quy định, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, chấp hành quy chế làm việc, chế độ công tác, bảo đảm quyền dân chủ; chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước; việc giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực..., qua đó có tác dụng phòng ngừa và răn đe, ngăn ngừa xảy ra vi phạm. Đồng thời tập trung xử lý những trường hợp có khuyết điểm, vi phạm kịp thời, nghiêm minh để giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng¹.

- Tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị chuyên trách về phòng, chống tham nhũng từng bước được kiện toàn, phát huy hiệu quả. Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, Ban Nội chính Trung ương được thành lập và đi vào hoạt động nền nếp, hiệu quả. Các đơn vị chuyên trách phòng,

1. Trong nhiệm kỳ XI, Ủy ban kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra 2.957 đảng viên có dấu hiệu vi phạm về tham nhũng; các cấp ủy đã thi hành kỷ luật 3.730 đảng viên; Ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật 1.143 đảng viên vi phạm liên quan đến tham nhũng, cố ý làm trái. Từ năm 2011 đến năm 2014, cấp ủy và Ủy ban kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và kiểm tra tài chính đảng đối với 213.885 tổ chức đảng và 65.101 đảng viên; giải quyết tố cáo đối với 373 tổ chức đảng và 12.941 đảng viên. Số tiền vi phạm phải thu hồi theo kết luận kiểm tra là 459.438 triệu đồng.

chống tham nhũng của Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tiếp tục được củng cố, kiện toàn, là lực lượng chủ đạo trong công tác phòng, chống tham nhũng. Nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng được phát hiện, xử lý nghiêm minh, nhất là những vụ án trọng điểm, nghiêm trọng được Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng chỉ đạo điều tra, truy tố, xét xử nghiêm minh; bước đầu khắc phục tình trạng án treo về tội phạm tham nhũng. Từng bước chú trọng công tác thu hồi tài sản tham nhũng¹.

1. Ngành thanh tra các cấp, các ngành đã triển khai 93.596 cuộc thanh tra hành chính và 834.640 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; kiến nghị xử lý kỷ luật hành chính 8.234 tập thể, 33.722 cá nhân; kiến nghị thu hồi 142.160 tỷ đồng, 993.978 USD và 51.515 ha đất; chuyển cơ quan điều tra 752 vụ, 1.143 đối tượng. Phát hiện 670 vụ với 1.815 đối tượng có hành vi biểu hiện tham nhũng với số tiền, tài sản liên quan là 1.022 tỷ đồng, 73,6 ha đất; chuyển cơ quan điều tra 274 vụ, 429 đối tượng có dấu hiệu tội phạm tham nhũng. Qua giải quyết 86.463 vụ việc tố cáo theo thẩm quyền về tham nhũng, chuyển cơ quan điều tra 653 vụ việc với 1.172 người có dấu hiệu tội phạm tham nhũng.

Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện 1.470 cuộc kiểm toán; kiến nghị sửa đổi, thay thế, hủy bỏ 687 văn bản không phù hợp; phát hiện và kiến nghị xử lý tài chính hơn 187.530 tỷ đồng; chuyển hồ sơ sang cơ quan có thẩm quyền xử lý 477 vụ việc, trong đó chuyển cơ quan điều tra 73 vụ với 159 người có hành vi tham nhũng.

Cơ quan điều tra đã khởi tố 3.337 vụ án/7.789 bị can; Viện Kiểm sát nhân dân đã truy tố 2.270 vụ án/6.480 bị can; Tòa án nhân dân đã xét xử 2.536 vụ án/5.749 bị cáo về các tội tham nhũng. Ban Chỉ đạo đã quyết định đưa 244 vụ án, vụ việc tham nhũng kinh tế nghiêm trọng, phức tạp vào diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo. Thiệt hại do tham nhũng gây ra trong 10 năm qua được phát hiện là 59.750 tỷ đồng và trên 400 ha đất; số tiền đã thu hồi cho Nhà nước là 4.676,6 tỷ đồng và trên 219 ha đất.

- Hoạt động giám sát của các cơ quan dân cử và nhân dân đối với công tác phòng, chống tham nhũng được quan tâm hơn. Ngoài các cuộc giám sát chuyên đề, công tác phòng, chống tham nhũng được giám sát trong các kỳ họp Quốc hội. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo quy định của Đảng.

- Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng giữa Việt Nam với nhiều quốc gia trên thế giới tiếp tục được mở rộng và củng cố. Việt Nam đã phê chuẩn, ban hành Kế hoạch thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng; đàm phán ký 6 hiệp định tương trợ tư pháp với các nước; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã tiếp nhận giải quyết 1.700 hồ sơ, văn bản ủy thác tư pháp của các nước.

Trong các kỳ Đại hội gần đây, Đảng ta đã nhận thức được nguy cơ suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên là nguyên nhân trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Đảng và đã chủ động đề ra các biện pháp khắc phục. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay đã xác định việc đấu tranh ngăn chặn sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp là vấn đề trọng tâm, xuyên suốt và cấp bách; đồng thời tập trung lãnh đạo thực hiện với quyết tâm chính trị cao.

Việc thực hiện các nghị quyết của Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và quá trình chuẩn bị, tiến hành kiểm điểm phê bình trong Đảng theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI và việc khắc phục, sửa chữa những hạn chế, khuyết

điểm được kết luận sau tự phê bình và phê bình đã góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng; tạo chuyển biến bước đầu trong ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; khắc phục được một số hạn chế, khuyết điểm trong công tác cán bộ và thực hiện các nguyên tắc tổ chức của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; có tác dụng cảnh báo, cảnh tỉnh, răn đe, phòng ngừa sai phạm và góp phần làm trong sạch Đảng¹.

Thông qua kiểm điểm tự phê bình và phê bình, các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên đã nhận dạng rõ hơn, cụ thể hơn những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; thấy rõ nguy cơ đe dọa vai trò lãnh đạo của Đảng và yêu cầu cấp bách phải xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng đã rà soát, bổ sung, hoàn thiện và xây dựng, ban hành các quy chế, quy định mới để thực hiện; từng bước chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác tư tưởng chính trị, công tác tổ chức cán bộ và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Nhiều cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, đổi mới phong cách, lề lối làm việc, từng bước sửa chữa khuyết điểm, điều chỉnh hành vi trong công tác, cuộc sống của bản thân, gia đình và người thân.

1. Trong 5 năm nhiệm kỳ XI (chủ yếu là 4 năm từ khi có Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI), toàn Đảng đã xử lý kỷ luật gần 1.400 tổ chức đảng và gần 74.000 đảng viên ở các cấp. Trong số bị kỷ luật có 82 tỉnh ủy viên và tương đương; hơn 1.500 huyện ủy viên và tương đương; gần 3.000 đảng viên bị kỷ luật bằng hình thức cách chức; hơn 8.700 bị khai trừ ra khỏi Đảng và hơn 4.300 cán bộ, đảng viên phải xử lý bằng pháp luật.

Tuy nhiên, việc đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái trong thời gian qua vẫn còn một số hạn chế, cần nhận thức rõ để có biện pháp khắc phục trong thời gian tới, như: Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên chậm đổi mới và chưa được coi trọng đúng mức, kém hiệu quả. Ý thức tự giác, tự tu dưỡng, rèn luyện, chấp hành kỷ luật đảng của cán bộ, đảng viên còn hạn chế. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu còn bị buông lỏng, chưa thường xuyên, thiếu kiên quyết. Nguyên tắc tập trung dân chủ bị buông lỏng, coi nhẹ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình thực hiện không nghiêm. Việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới một số quy định của Đảng, cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế chưa kịp thời, đồng bộ, còn thiếu tính khả thi. Công tác kiểm tra, giám sát, giữ gìn kỷ luật còn chưa đủ mạnh, hiệu lực, hiệu quả còn hạn chế, không nghiêm túc. Việc xử lý cán bộ tham nhũng, suy thoái còn nương nhẹ, nể nang, thiếu cương quyết. Chậm ban hành quy định xử lý tổ chức, cá nhân có biểu hiện suy thoái. Thiếu chế tài cụ thể để truy cứu trách nhiệm hoặc xử lý khi có vi phạm. Cơ chế kiểm soát quyền lực chậm được hoàn thiện, còn nhiều sơ hở. Việc kê khai tài sản, thu nhập còn hình thức. Việc phát huy vai trò của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong giám sát, đấu tranh ngăn chặn tham nhũng, suy thoái trong cán bộ, đảng viên chưa được đầy đủ, đồng bộ, còn hạn chế, hiệu quả chưa cao. Đặc biệt, sự tự giác, tự phê bình và phê bình của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt đảng còn hạn chế, có nơi bị

tê liệt. Việc phát hiện tham nhũng, tiêu cực, suy thoái không phải ở chi bộ, ngay tại cơ sở, mà do nhân dân, cơ quan báo chí và công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán phát hiện. Các cơ quan báo chí chưa chú trọng phát hiện biểu dương gương người tốt, việc tốt, một số nhà báo, cơ quan báo chí còn chạy theo thị hiếu, câu khách, tuyên truyền các vi phạm tham nhũng, suy thoái, tiêu cực của cán bộ, đảng viên không chính xác, đôi khi quá mức, để các thế lực phản động, thù địch lợi dụng để chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta, gây hoài nghi trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyết tâm của Đảng và nhân dân ta trong việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái...

4. Một số vấn đề cần thực hiện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái trong thời gian tới

Thời gian tới, tình hình tham nhũng vẫn diễn ra nghiêm trọng ở nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực; xuất hiện tham nhũng có tính “lợi ích nhóm” trong một số lĩnh vực; tính chất, mức độ tham nhũng ngày càng nghiêm trọng, phức tạp, thủ đoạn tinh vi hơn; tính có tổ chức của các vụ việc, vụ án tham nhũng ngày càng rõ nét hơn, có sự câu kết trong nội bộ với ngoài xã hội, với doanh nghiệp sâu sau; tình trạng tham nhũng vật vãn còn nhức nhối... Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp, nghiêm trọng hơn, làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ; sự chống phá của các thế lực thù địch, tổ chức phản động đối với Đảng, Nhà nước ta với những âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa

bình”, tạo điều kiện, nhân tố chống phá từ bên trong ngày càng tinh vi, nguy hiểm hơn.

Vì vậy, cần xác định cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái rất cam go, phức tạp, phải thực hiện kiên trì, bền bỉ, kiên quyết, lâu dài, không được chủ quan, nóng vội; phát huy kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII được ban hành, trong đó có mục đích tiếp tục đấu tranh đẩy lùi tình trạng tham nhũng, suy thoái. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII có phạm vi rộng hơn, có một số điểm mới so với Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, cả về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp¹. Phải xác định rõ mục tiêu “*ngăn chặn, từng bước đẩy*

1. Thể hiện thông qua việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nhất là hoàn thiện mô hình tổ chức, nguyên tắc hoạt động, cơ chế vận hành của các cấp ủy, tổ chức đảng gắn với việc đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên; đổi mới cách quản lý tổ chức và biên chế trong hệ thống chính trị; quy định về đổi mới mạnh mẽ công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo chức danh; công tác cán bộ và thực hiện theo cơ chế, chính sách đối với cán bộ; đề cao thẩm quyền, trách nhiệm, tính tiên phong gương mẫu của cấp trên và người đứng đầu; phát huy vai trò của nhân dân và các cơ quan truyền thông để xây dựng, chỉnh đốn Đảng; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; truy trách nhiệm và xử lý đối với cán bộ, đảng viên có sai phạm khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu. Đặc biệt, đã đưa ra 9 nhóm biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, 9 nhóm biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống và 9 nhóm biểu hiện về “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ để giúp tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên có căn cứ, cơ sở, điều kiện nhận diện, liên hệ để chủ động phòng, chống có kết quả.

lùi tham nhũng” với quyết tâm chính trị cao và hành động quyết liệt, mạnh mẽ, đồng bộ ở các cấp, các ngành, các lĩnh vực, đề cao trách nhiệm nêu gương và đi đầu của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế của Nhà nước, các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng gắn với chống suy thoái, vi phạm, tệ nạn xã hội.

Để đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái trong Đảng có kết quả, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, làm lành mạnh các quan hệ xã hội; đồng thời đấu tranh phản bác luận điệu chống phá, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động cho rằng *“Đảng Cộng sản Việt Nam không thể đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái thành công”*, cần tập trung vào một số vấn đề chính yếu sau:

Một là, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, sự hưởng ứng, đồng lòng của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái trong Đảng. Thực tiễn đã chứng minh, Đảng ta đã từng bước tìm ra được con đường đi đúng đắn nhằm đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái có hiệu quả, đó là luôn dựa trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đúng đắn của Đảng; tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng, suy thoái, nhất là trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động hội nhập quốc tế. Luôn nhấn mạnh vừa phải kiên trì sự lãnh đạo của Đảng, vừa phải phát huy tính tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái của cả hệ thống chính trị và của nhân dân, nhất định chúng ta sẽ giành thắng lợi.

Hai là, các cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức khác trong hệ thống chính trị phải triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa X, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII, các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, suy thoái, gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, quy định về những điều đảng viên không được làm, quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, quy chế chất vấn trong Đảng nhằm tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền để nâng cao nhận thức, trình độ chính trị, giác ngộ của cán bộ, đảng viên, từ đó nâng cao sức đề kháng nội sinh trong Đảng, hệ thống chính trị; nêu cao ý thức cảnh giác, tích cực đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái gắn với đấu tranh chống luận điệu xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch, phản động nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và chế độ ta trong mọi tình huống.

Cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu phải nêu cao vai trò, trách nhiệm, gương mẫu đi đầu trong giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, có lối sống trong sáng, giản dị, lành mạnh, tiết kiệm; có cam kết không tham nhũng, suy thoái và đi đầu trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái; tăng cường quản lý, giáo dục, rèn luyện, kiểm tra, giám sát, kiểm soát cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý; có cơ chế, biện pháp, hình thức để giám sát, kiểm soát chặt chẽ cán bộ, đảng viên từ nhiều phía *“trong cái lồng của chế độ”*. Kịp thời thay thế,

điều chuyển công tác cán bộ, đảng viên có biểu hiện tham nhũng, suy thoái nghiêm trọng; tạm đình chỉ công tác, chức vụ khi có dấu hiệu vi phạm để kiểm tra, kết luận, xử lý kịp thời, nghiêm minh và công khai kết quả giải quyết, xử lý. Cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để ngăn chặn tham nhũng, suy thoái; kiên quyết xóa bỏ cơ chế *“xin - cho”*, *“duyet - cấp”*, cơ chế đặc thù; khắc phục tình trạng *“trên có chính sách, dưới có đôi sách”*, *“trên trái thảm, dưới rải đinh”*, *“nói không đi đôi với làm”* hoặc *“nói một đằng, làm một nẻo”*; chấn chỉnh lề lối, tác phong, phương pháp làm việc thiếu khoa học, không sâu sát cơ sở, thiếu điều tra, nghiên cứu, không vì nhân dân phục vụ; sách nhiễu, cửa quyền, hách dịch hoặc gây khó khăn, phiền hà, thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân. Xây dựng chiến lược phát triển đạo đức công vụ gắn với đạo đức cách mạng và đạo đức xã hội, với sự tham gia giám sát, phản biện của nhân dân trên tinh thần *“dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát và dân hưởng thụ”*.

Ba là, hoàn thiện quy định nhận xét, đánh giá cán bộ, đánh giá, phân tích chất lượng đảng viên, tổ chức đảng bảo đảm đúng thực chất, tránh hình thức; kiên quyết xóa bỏ nạn *“mua quan, bán chức”*, *“chạy chức, chạy quyền, chạy vị trí công tác, chạy tội”*, sắp xếp cán bộ theo thứ bậc *“tiên tỵ, hậu duệ, phá hệ, quan hệ, lợi ích nhóm”*, chỉ *“lấy người nhà, người có bề dày cống hiến và cung tiến”*, mà *“không lấy người tài đức”*. Đề cao tự giác, tự phê bình và phê bình, tính chiến đấu trong sinh hoạt đảng, sinh hoạt chi bộ, cấp ủy các cấp, trước hết là người đứng đầu phải gương mẫu thực hiện, tự giác nhận khuyết điểm, vi phạm để khắc

phục, sửa chữa, phấn đấu vươn lên như Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: "... một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính"¹; để giữ tư cách của Đảng chân chính cách mạng là: "... 8. Đảng không che giấu những khuyết điểm của mình, không sợ phê bình. Đảng phải nhận khuyết điểm của mình mà tự sửa chữa, để tiến bộ, và để dạy bảo cán bộ, đảng viên... 10. Đảng phải luôn tẩy bỏ những phần tử hủ hóa ra ngoài. 11. Đảng phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới"². Kịp thời biểu dương tổ chức, cá nhân thực hiện tốt, có thành tích; phê phán, kiểm điểm, xử lý những tổ chức, cá nhân thiếu gương mẫu, thiếu tự giác, có khuyết điểm, sai phạm. Thực hiện tốt phương châm kết hợp "xây" và "chống", trong đó "xây" phải chủ động, tích cực, chủ đạo; "chống" phải mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả để thúc đẩy "xây" có hiệu lực, hiệu quả hơn. Xử lý nghiêm, đồng bộ kỷ luật đảng với kỷ luật hành chính, đoàn thể và xử lý bằng pháp luật đối với cán bộ, đảng viên, công chức có khuyết điểm, vi phạm về tham nhũng, suy thoái nghiêm trọng.

Bốn là, có giải pháp để khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân tố cáo, đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.301.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.290.

Xây dựng và hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách, biện pháp hữu hiệu để chống tham nhũng cả ở khu vực công và khu vực tư, bảo đảm cán bộ, công chức *“không cần tham nhũng, không muốn tham nhũng, không thể tham nhũng và không dám tham nhũng”*; phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh tội phạm tham nhũng và thu hồi triệt để tài sản tham nhũng hoặc có nguồn gốc, liên quan đến tham nhũng. Tập trung thanh tra, giám sát, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử các tổ chức, cá nhân có vi phạm tham nhũng, suy thoái nghiêm trọng được dư luận xã hội quan tâm. Tập trung giám sát tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong việc ban hành văn bản có dấu hiệu trái với đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giám sát, kiểm soát chặt chẽ việc kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, đảng viên.

Năm là, rà soát hoàn thiện cơ chế kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm soát bảo đảm chặt chẽ việc thực thi quyền lực của người có chức vụ, quyền hạn, nhất là người đứng đầu; xây dựng và thực hiện Đề án tăng cường giám sát, kiểm soát quyền lực; nghiên cứu quy định cụ thể hơn về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ủy ban kiểm tra đảng các cấp trong công tác phòng, chống tham nhũng. Xây dựng quy định về xử lý tập thể, cá nhân suy thoái nghiêm trọng tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; có lời nói, việc làm thể hiện *“tự diễn biến”*, *“tự chuyển hóa”* và chế tài xử lý trong thực thi quyền lực của người có chức, có quyền.

Sáu là, phải tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng thường xuyên nắm chắc tình hình chống phá của các thế lực thù địch, phản động đối với Đảng, Nhà nước và chế độ ta,

trong đó có luận điệu xuyên tạc, cho rằng: “*Đảng Cộng sản Việt Nam không thể đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái thành công*”. Trên cơ sở đó tăng cường chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, phổ biến kịp thời, đầy đủ các đường lối, chủ trương, quan điểm, nghị quyết của Đảng, kết quả đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái, gắn với chủ động đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động về các nội dung nêu trên. Chỉ đạo cơ quan báo chí tăng cường phát hiện, tuyên truyền gương người tốt việc tốt, cái tốt, cái tích cực để đẩy lùi cái xấu, tiêu cực; phản ánh kịp thời, chính xác, đúng mức, thực chất các vụ việc tham nhũng, biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cán bộ, đảng viên, không để các thế lực thù địch, phản động hoặc những người bị xúi giục, kích động, mua chuộc lợi dụng để xuyên tạc, chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta, phủ định vai trò lãnh đạo và quyết tâm của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái. Đồng thời, xử lý nghiêm các nhà báo, tổng biên tập báo có hành vi vi phạm pháp luật, đạo đức nghề nghiệp đã cho đăng tin, bài không đúng trong việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cán bộ, đảng viên.

Bảy là, trên cơ sở kế thừa, phát huy truyền thống đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái của cha ông ta và tiếp thu tinh hoa, kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng, suy thoái trên thế giới để vận dụng phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam, cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái trong thời gian tới cần phải thường xuyên được tìm tòi, nghiên cứu để hoàn thiện và đạt hiệu quả hơn trong quá trình

xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Cần chú trọng đổi mới một cách căn bản, toàn diện nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng Đảng không bao biện làm thay, không chống chèo với công việc của Nhà nước, của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, nhất là việc sử dụng quyền lực nhà nước, mà chuyển mạnh sang lãnh đạo chủ yếu bằng các giá trị văn hóa, từ chủ trương, đường lối, nghị quyết hợp lòng dân đến noi gương và thuyết phục, không áp đặt một chiều bằng biện pháp tổ chức, hành chính và quyền lực. Phải có cơ quan do Đại hội cử ra để kiểm tra, giám sát, kiểm soát cán bộ lãnh đạo, quản lý, trước hết là người đứng đầu các cấp về nhân cách, đạo đức, trí tuệ và việc sử dụng quyền lực; đồng thời phải thực hành dân chủ rộng rãi và chịu sự giám sát, kiểm soát của nhân dân trong việc thực thi quyền lực được trao. Kiên định con đường đã chọn, chúng ta nhất định sẽ hạn chế, ngăn chặn và đẩy lùi được tệ tham nhũng, suy thoái trong Đảng, hệ thống chính trị hiện nay, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, lãnh đạo thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, phản động.

**PHÊ PHÁN LUẬN ĐIỂM:
“ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM KHÔNG THỂ
ĐẤU TRANH CHỐNG THAM NHŨNG,
SUY THOÁI THÀNH CÔNG”**

PGS.TS. VŨ NHƯ KHÔI*

Những năm gần đây, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn hết sức quan tâm lãnh đạo công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, trong đó tập trung đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, suy thoái trong cán bộ, đảng viên. Hiện nay, toàn Đảng, toàn dân đang triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng và các nghị quyết Trung ương, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Nhân dịp này, lợi dụng tình hình dư luận xã hội đang bức xúc về tệ nạn tham nhũng, suy thoái của một số cán bộ, đảng viên, nhất là những người giữ các vị trí lãnh đạo cơ quan chính quyền, quản lý kinh tế; công tác xây dựng Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, suy thoái của

* Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự, Bộ Quốc phòng.

Đảng còn không ít hạn chế, khuyết điểm, dẫn đến kết quả chưa đạt mục tiêu, yêu cầu đặt ra..., một số người đã tung ra luận điểm “Đảng Cộng sản Việt Nam không thể đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái thành công”. Luận điểm này chỉ là đơn lẻ của một số người và chỉ dựa trên mấy luận chứng chủ quan, võ đoán: Tham nhũng, suy thoái là căn bệnh kinh niên của chế độ độc đảng cầm quyền; vì xã hội ta thiếu dân chủ nên không thể chống tham nhũng, suy thoái thành công; đã nhiều lần phát động chống tham nhũng, suy thoái nhưng đều không thành công, tệ nạn lại càng gia tăng (!); từ đó, họ kết luận cuộc đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái của Đảng Cộng sản Việt Nam không thể thành công (!).

Muốn dự báo cuộc đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái có thành công hay không, phải dựa trên các luận chứng khoa học; lại phải có cách đánh giá khách quan, toàn diện, dự báo đúng chiều hướng phát triển của tình hình.

Quốc gia nào cũng vậy, trong từng thời điểm đều do một đảng cầm quyền. Khi đảng nào cầm quyền thì người đứng đầu và các chức vụ quan trọng của chính quyền nhà nước đều là người của đảng đó; đường lối, chủ trương của đảng cầm quyền sẽ chi phối đường lối, chính sách của quốc gia. Dù là chế độ một đảng cầm quyền hay đa đảng thay nhau cầm quyền thì nạn tham nhũng, suy thoái vẫn thường xảy ra, kể cả các nước phát triển có hệ thống pháp luật khá hoàn chỉnh, có trình độ quản lý kinh tế, xã hội cao.

Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi ra đời, lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền, cán bộ, đảng viên của Đảng tuyệt đại đa số đều là những nhà cách mạng tự nguyện từ bỏ lợi ích bản

thân, xả thân chiến đấu, hy sinh vì sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Nhiều tấm gương hy sinh oanh liệt của các nhà lãnh đạo Đảng, các cán bộ, đảng viên mãi mãi lưu danh trong lịch sử vẻ vang của Đảng như: Trần Phú, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Văn Tần, Hoàng Văn Thụ... Tuy nhiên, ngay từ đó, trong cuộc đấu tranh lưu huyết một sống, một chết dưới ách thống trị tàn bạo của chính quyền thực dân, phong kiến cũng đã có những người không chịu nổi thử thách gian nguy, tự rời bỏ hàng ngũ cách mạng, thậm chí đầu hàng địch, phản bội cách mạng. Những người thiếu kiên trung với cách mạng, có biểu hiện dao động, cầu an, Đảng đã thải loại họ. Nhưng đó chỉ là những trường hợp hết sức cá biệt. Đảng không vì thế yếu đi mà ngày càng trong sạch và phát triển vững mạnh, được các tầng lớp nhân dân tin tưởng, tôn vinh vai trò lãnh đạo và tình nguyện chiến đấu dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng.

Hoạt động bí mật, bất hợp pháp, trong điều kiện vô cùng khó khăn, nguy hiểm, trải qua ba cao trào cách mạng đấu tranh kiên cường bất khuất, dũng cảm, mưu trí, Đảng càng trưởng thành, cách mạng càng phát triển. Đến tháng 8-1945, chỉ với khoảng 5.000 đảng viên, Đảng đã lãnh đạo toàn dân đứng lên Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đương nhiên trở thành đảng cầm quyền. Cũng là thông lệ, đảng cầm quyền thì đảng phải thực hiện quyền lãnh đạo chính quyền nhà nước, lãnh đạo xã hội. Đảng viên của đảng sẽ giữ chức danh đứng đầu các cơ quan chính quyền nhà nước. Ở vị trí đó, có chức, có

quyền, dễ xảy ra quan liêu, tham nhũng. Đảng Cộng sản Việt Nam đứng đầu là Lãnh tụ Hồ Chí Minh đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết. Trước nguy cơ giặc ngoài, thù trong, vận mệnh của dân tộc như “ngàn cân treo sợi tóc”, để tránh sức ép và vu cáo của địch, Đảng ra tuyên bố tự giải tán, rút vào hoạt động bí mật. Nhiều đảng viên cộng sản trước đây lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám, được giao các chức danh trong Chính phủ lâm thời, đã tự nguyện từ chức để nhường chức danh đó cho người không đảng phái hoặc đảng phái đối lập. Với đội ngũ công chức, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong *Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng* đã xác định: “Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật”¹.

Trong thời kỳ chiến tranh giải phóng, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn quan tâm đến công tác xây dựng Đảng. Người chỉ rõ *Tư cách của đảng chân chính cách mạng* gồm 12 điều, trong đó có các điều rất hệ trọng chống sự suy thoái của Đảng:

- Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài.
- Đảng không che giấu những khuyết điểm của mình.
- Đảng phải luôn luôn tẩy bỏ những phần tử hủ hóa.
- Đảng phải luôn luôn xét lại những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không vậy thì những

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.64-65.

ng nghị quyết và chỉ thị đó sẽ hóa ra lời nói suông mà còn hại đến lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng¹.

Với cán bộ, đảng viên, Người dạy: Tính đảng của cán bộ, đảng viên là *đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc, của Tổ quốc lên trên hết*².

Thời chiến, mâu thuẫn dân tộc lên cao độ, mọi người đều dồn tâm lực vào việc đánh giặc cứu nước, lại được Bác Hồ và Đảng giáo dục, rèn luyện nên hầu hết cán bộ, đảng viên ra sức phấn đấu hoàn thành chức trách, nhiệm vụ, xứng đáng là những người cách mạng chân chính.

Trong hai cuộc chiến tranh giải phóng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thật sự xứng đáng là đội tiên phong cách mạng lãnh đạo toàn dân tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, đánh thắng hai đế quốc lớn mạnh, giành độc lập, tự do cho dân tộc. Trong kháng chiến, đảng viên cộng sản là những người tiên phong nhận nhiệm vụ khó khăn, nguy hiểm, chấp nhận hy sinh bản thân mình để giành thắng lợi cho dân tộc. Họ đã trở thành những anh hùng bất tử, nêu tấm gương sáng cho bộ đội và nhân dân noi theo, quyết chiến, quyết thắng với quân thù.

Có chăng một ít người phạm vào tội lỗi tham ô, lãng phí, quan liêu. Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi đó là "*giặc nội xâm*", là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến. Tội lỗi đó làm hại đến tính mệnh và tài sản của nhân dân, làm mất thanh danh, uy tín của Đảng và Nhà nước. Người phạm tội đó dù ở cương vị nào cũng phải đem ra xét xử theo đúng pháp luật để đề cao phép nước. Bản án tử hình dành cho Trần Dụ Châu, Cục trưởng Cục

1, 2. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.5, tr.289-290.

Quân nhu, Bộ Quốc phòng (năm 1950) về tội lợi dụng chức quyền nhận hối lộ, tham ô, sa đọa, thể hiện sự nghiêm minh của Đảng, Chính phủ trong thực thi pháp luật.

Chính vì sự tự giác nêu gương của cán bộ, đảng viên và việc Đảng, Nhà nước xử lý không khoan nhượng đối với những người phạm tội với cách mạng, với nhân dân đã khiến cho Đảng trong sạch, vững mạnh, lãnh đạo kháng chiến thắng lợi.

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, biết bao cán bộ, đảng viên quân đội ngày đêm ở nơi xa xôi biển, đảo, biên cương canh giữ chủ quyền đất nước; nhiều cán bộ, đảng viên công an dũng cảm chiến đấu trên mặt trận thầm lặng, giữ gìn an ninh chính trị và cuộc sống yên bình cho nhân dân; những cán bộ, đảng viên trực tiếp sản xuất vật và trong nhà máy, trên đồng ruộng; những cán bộ, đảng viên lao động trí óc ngày đêm miệt mài nghiên cứu, sáng tạo... đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp chung, không tính toán thiệt hơn, không đòi hỏi sự ưu ái cho riêng mình.

Đó là những bằng chứng lịch sử minh chứng cho đánh giá của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII: Nhìn một cách tổng thể, trong suốt quá trình xây dựng, chiến đấu, trưởng thành và lãnh đạo cách mạng hơn 86 năm qua, Đảng ta xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ và vị thế như ngày nay. Đó là kết quả sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, trong đó có sự hy sinh quên mình và đóng góp quan trọng của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Như vậy, thực tế nền chính trị các quốc gia trên thế giới và lịch sử chế độ chính trị Việt Nam hiện đại đã chứng tỏ *chế độ*

một đảng cầm quyền không phải là nguyên nhân sinh ra tệ nạn tham nhũng, suy thoái trong xã hội.

Vấn đề dân chủ trong xã hội là một vấn đề lớn, không một quốc gia nào dám tự coi là đã thực hiện một cách hoàn hảo. Mỗi quốc gia, dân tộc thực hiện dân chủ xã hội còn tùy thuộc vào tình hình chính trị - xã hội, sự hoàn thiện hệ thống pháp luật, trình độ phát triển kinh tế, xã hội, truyền thống, phong tục, tập quán dân tộc và trình độ dân trí...

Từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, tuy còn là nước nghèo, kinh tế chậm phát triển, dân trí thấp, phải vừa kháng chiến vừa kiến quốc, vừa đấu tranh giải phóng miền Nam, vừa xây dựng, bảo vệ miền Bắc, nhưng dưới chế độ mới, Đảng, Nhà nước đã thực hiện những quyền tự do dân chủ căn bản cho nhân dân, tạo nên cuộc sống chính trị, tinh thần rất tốt đẹp, nhân dân ta đã không còn bị áp bức, bóc lột, thực sự làm chủ vận mệnh của mình. Trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái, Đảng, Nhà nước đã ban hành cơ chế, tạo điều kiện cho các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia như chế độ tiếp dân, đường dây nóng ở các công sở hành chính sự nghiệp để nhân dân trực tiếp phản ánh biểu dương người tốt, việc tốt, tố cáo những hành vi quan liêu, cửa quyền, nhũng nhiễu, vi phạm quyền dân chủ của nhân dân. Tuy việc này còn có hạn chế nhất định, nhưng ý kiến của cử tri qua các cơ quan dân cử, sự giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, sự điều tra, thông tin của các cơ quan thông tin đại chúng, nhiều công dân dũng cảm đứng lên tố giác những hành vi tham nhũng, suy thoái của tổ chức đảng, chính quyền, các cán bộ, đảng viên... đã góp phần tích cực, có

hiệu quả vào cuộc đấu tranh này; nhiều vụ tham nhũng, suy thoái đã được xử lý kỷ luật đảng và pháp luật nhà nước xét xử nghiêm minh.

Như thế, luận chứng vì xã hội ta thiếu dân chủ nên không thể chống tham nhũng thành công là thiếu căn cứ, không thuyết phục.

Về hiện tượng quan liêu, tham nhũng, đúng ra, bắt đầu xuất hiện ở miền Bắc trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, nhưng mức độ chưa nghiêm trọng và chủ yếu là ở cơ sở. Do phải tập trung vào công cuộc kháng chiến, Đảng và Nhà nước chưa có điều kiện ngăn chặn kịp thời những hiện tượng tiêu cực xã hội đó. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có ý tưởng là sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước thì việc cần làm ngay là chỉnh đốn Đảng. Do quá nhiều việc cần làm sau chiến tranh, chưa đánh giá được chiều hướng gia tăng và mức độ nguy hại của tệ nạn tham nhũng, suy thoái trong cán bộ, đảng viên, nên công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng tuy vẫn làm thường xuyên, nhưng việc thực hiện chưa được kiên quyết và hiệu quả.

Ở nước ta, khi cách mạng chuyển giai đoạn, cuộc sống trong hòa bình xây dựng đất nước, cộng thêm sự chống phá của các thế lực thù địch và sự tác động của mặt trái cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế, làm xuất hiện sự phức tạp về tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên được trao cương vị quản lý kinh tế, xã hội. Từ mấy thập niên gần đây, nạn tham nhũng, suy thoái gia tăng, biểu hiện rõ nhất là: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị,

đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc..."¹.

Đại hội lần thứ X, lần thứ XI, lần thứ XII của Đảng, khi kiểm điểm công tác xây dựng Đảng, đều đánh giá nghiêm túc những khuyết điểm, yếu kém của Đảng, trong đó có nạn tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một số cán bộ, đảng viên; đồng thời nêu lên mục tiêu, quan điểm, phương châm, giải pháp ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn trên. Đặc biệt, Hội nghị Trung ương 4 khóa XI (tháng 01-2012), đã ra nghị quyết chuyên đề *Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*, xác định tập trung cao độ thực hiện tốt ba vấn đề cấp bách, trong đó vấn đề "kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của đảng viên và của nhân dân đối với Đảng"². Qua đó có thể thấy rõ, Đảng ta đã sớm nhận thức được tình hình, đánh giá đúng tính chất nguy hiểm của tệ nạn, công khai thừa nhận và quyết tâm ngăn chặn, đẩy lùi hiện tượng tiêu cực đó.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.22, 26.

Nhìn nhận một cách khách quan, từ Đại hội lần thứ X của Đảng đến nay, nhất là từ Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, vấn đề chống tham nhũng, suy thoái luôn là vấn đề có tính thời sự trong xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát động và lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tệ nạn đó.

Việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI về xây dựng Đảng đã đạt được một số kết quả, nhưng một số việc chưa đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra.

Để tăng cường nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Hội nghị Trung ương 4 khóa XII (tháng 10-2016) đã ra Nghị quyết về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI: “Việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI về xây dựng Đảng đã tạo được những chuyển biến tích cực trong hệ thống chính trị”¹. “Công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” đạt được một số kết quả”². Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, “một số việc chưa đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra”³.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đánh giá: “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi,

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Sđd, tr.20, 21, 22.

có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước”¹. Về mức độ nguy hiểm, hậu họa của tình trạng trên, Nghị quyết đánh giá: “... sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc”².

Nghị quyết cũng chỉ ra nguyên nhân khách quan và chủ quan của tình hình trên, trong đó xác định “nguyên nhân chủ quan là chủ yếu”, có nguyên nhân thuộc về trách nhiệm của cơ quan đảng và chính quyền nhà nước cấp Trung ương, có nguyên nhân thuộc về cấp ủy và tổ chức đảng các cấp; đặc biệt nguyên nhân sâu xa, chủ yếu, trước hết là do bản thân những cán bộ, đảng viên đã thiếu tu dưỡng, rèn luyện, lập trường tư tưởng không vững vàng, hoang mang, dao động trước những tác động từ bên ngoài, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, bị cám dỗ bởi các lợi ích vật chất, không làm tròn trách nhiệm, bổn phận của mình trước Đảng, trước dân.

Sự đánh giá tình hình và chỉ ra nguyên nhân như vậy là đúng với thực tiễn. Vượt qua tâm trạng bức xúc trước các hiện tượng tiêu cực xã hội để làm người ta nhìn nhận thực tiễn thiếu khách quan, cần có cách đánh giá khách quan cả

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sđd, tr.22, 23.*

mặt làm được và mặt chưa làm được của cuộc đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái những năm vừa qua, kể từ Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI đến nay. Rõ ràng là mấy năm gần đây, tệ nạn tham nhũng chưa bị đẩy lùi, nhưng đã ngăn chặn được sự lây lan. Trước sự kiểm tra, xử lý đúng kỷ cương, kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với các hiện tượng tham nhũng, suy thoái; trước sự mạnh dạn tố giác các hành vi tham nhũng, suy thoái của nhân dân, những kẻ tham nhũng, suy thoái đã phải dè chừng, có phần e ngại, sợ kỷ luật đảng, pháp luật nhà nước, không dám hành động trắng trợn như trước. Trong số cán bộ, đảng viên phạm vào tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có người được giáo dục, đấu tranh đã từ bỏ quan điểm sai trái của mình, trở về đội ngũ; có người không còn dám công khai thách thức dư luận, hách dịch, cửa quyền, phô trương giàu có, ăn chơi sa đọa... Các cơ quan hành chính sự nghiệp đã có nhiều cải cách hành chính, nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân; các bệnh viện tăng cường trang thiết bị y tế, nâng cao y đức phục vụ người bệnh ngày một tốt hơn; các trường học cũng chấn chỉnh việc học thêm, dạy thêm, thi cử chạy theo thành tích... Rõ ràng là người dân có hài lòng hơn trước về chất lượng phục vụ của cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Các hiện tượng tham nhũng cũng có chiều hướng được ngăn chặn.

Điều đó nói lên rằng, cuộc đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái vừa qua, tuy chuyển biến chậm, chưa đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra, nhưng *đã có kết quả bước đầu*. Đó là điều không thể phủ nhận. Viện dẫn một luận chứng không đúng sự thật

là đã nhiều lần chống tham nhũng, suy thoái không thành công để kết luận rằng cuộc đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái hiện nay của Đảng Cộng sản Việt Nam không thể thành công là điều phi lý.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đã nhận diện rất cụ thể những biểu hiện suy thoái, xác định mục tiêu, quan điểm, các nhóm giải pháp và việc tổ chức thực hiện. Qua đó thể hiện Đảng xác định quyết tâm chính trị, cả xã hội có sự chuyển mình, cả hệ thống chính trị cùng toàn dân quyết tâm vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái.

Một bài học kinh nghiệm trong lịch sử Đảng và lịch sử cách mạng nước ta, khi Đảng với bản lĩnh vững vàng, trí tuệ sáng suốt, có đường lối cách mạng đúng đắn, đáp ứng yêu cầu của lịch sử, được lòng dân, Đảng với dân nhất trí, đồng lòng thì mọi việc dù khó khăn đến mấy, kể cả những khi tình thế cách mạng, vận mệnh dân tộc lâm nguy, cũng đi tới thành công.

Luận điểm *Đảng Cộng sản không thể đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái thành công* với những luận chứng chủ quan, võ đoán thực chất không phải là một luận điểm khoa học, mà chỉ là luận điệu xấu, gieo rắc, lan truyền gây hoang mang, mất niềm tin vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái với những ai thiếu vững vàng, nhẹ dạ cả tin, nhằm phá hoại phong trào cách mạng của Đảng và của nhân dân ta.

PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM CHO RẰNG: “CHỈ CÓ THỂ CHỐNG ĐƯỢC THAM NHŨNG KHI THỰC HIỆN THỂ CHẾ “TAM QUYỀN PHÂN LẬP” ĐỂ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC”

Đại tá, TS. MÃN VĂN MAI*

Tham nhũng đang là tệ nạn nhức nhối của các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Tham nhũng là sự bất công xã hội lớn, gây vô vàn tác hại cho đất nước và nhân dân, là ung nhọt cần loại bỏ.

Từ trước đến nay, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta luôn có thái độ kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng cũng như các tệ nạn và tiêu cực xã hội khác. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định tham nhũng là một trong những nguy cơ, thách thức đe dọa đến vị thế, vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, đến sự tồn vong chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đây cũng là một nội dung quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ ta.

* Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.

Những năm gần đây, công tác phòng, chống tham nhũng có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả bước đầu. Nhận thức trong xã hội về phòng, chống tham nhũng được nâng lên. Nhà nước đã ban hành Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí; tăng cường tổ chức và đổi mới hoạt động của các ban chỉ đạo và cơ quan chuyên trách phòng, chống tham nhũng từ Trung ương đến địa phương. Những vụ án tham nhũng lớn được phát hiện, điều tra, xét xử nghiêm minh. Vai trò của nhân dân, dư luận xã hội, của báo chí, truyền thông trong phòng, chống tham nhũng được phát huy.

Tuy nhiên, Đảng, Nhà nước ta cũng chỉ rõ, tham nhũng vẫn còn nghiêm trọng với những biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, xảy ra trên các lĩnh vực, ở nhiều cấp, nhiều ngành. Công tác phòng, chống tham nhũng chưa đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra. Tham nhũng vẫn là vấn đề nóng, bức xúc trong xã hội, gây xói mòn lòng tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước và chế độ. Nghị quyết Đại hội XII của Đảng ta chỉ rõ: “đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng, đồng thời là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, lâu dài”¹.

Lợi dụng cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng còn những hạn chế, nhất là tâm trạng bức xúc của nhân dân trước nạn tham nhũng, một số người đưa ra quan niệm cho rằng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr.211.

“chỉ có thể chống được tham nhũng khi thực hiện thể chế “tam quyền phân lập” để kiểm soát quyền lực”(!).

Phải chăng là “chỉ có thể chống được tham nhũng khi thực hiện thể chế “tam quyền phân lập”?”. Chúng tôi không cho là như vậy, vì đó là sự khẳng định có tính tuyệt đối hóa và cực đoan, thiếu cơ sở khoa học và thực tiễn. Vì:

Trước hết, thể chế “tam quyền phân lập” không ngăn ngừa được sự nảy sinh nạn tham nhũng. Trên thế giới hiện nay, các nước tư bản hầu hết vận dụng thuyết “tam quyền phân lập” trong xây dựng, tổ chức bộ máy quyền lực nhà nước với nhiều biến thể khác nhau như cộng hòa tổng thống, cộng hòa nghị viện, quân chủ lập hiến...

Thuyết “tam quyền phân lập” được hình thành và phát triển trong cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản chống chế độ quân chủ chuyên chế, tiến hành cuộc cách mạng dân chủ tư sản, thành lập nhà nước tư sản. Kế thừa tư tưởng của một số nhà triết học cổ đại, các nhà tư tưởng, chính trị, triết học ở châu Âu, mà đại diện tiêu biểu là John Locke (1632-1704) người Anh, Montesquieu (1689-1755) người Pháp, Jean-Jacques Rousseau (1712-1778) người Pháp là những người có nhiều đóng góp cho sự phát triển thuyết “tam quyền phân lập”. Theo đó, để ngăn chặn tình trạng lạm quyền, chuyên quyền, quyền lực nhà nước cần được phân chia thành 3 quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Các quyền này có tính độc lập song có mối quan hệ kiểm chế, đối trọng, kiểm soát lẫn nhau. Sự phân quyền này theo cả chiều dọc và chiều ngang trong hệ thống quyền lực nhà nước tư bản.

Nhân đây cũng cần chỉ ra rằng, các quốc gia lựa chọn hình thức, thể chế nhà nước nào là do sự quy định, chi phối của bản chất chế độ xã hội, hoàn cảnh lịch sử cụ thể về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của các quốc gia đó. Ngay trong các quốc gia tư bản hiện đại vẫn tồn tại các biến thể khác nhau như đã nói ở trên về thể chế, hình thức tổ chức quyền lực nhà nước. Song, dù thể chế, hình thức tổ chức quyền lực nhà nước như thế nào thì quyền lực nhà nước đó thực chất vẫn là quyền thống trị xã hội của giai cấp tư sản cầm quyền, mặc dù bao giờ nó cũng được nhân danh xã hội là quyền lực của nhân dân. Do đó, bản chất quyền lực thống trị của giai cấp tư sản là không chia sẻ, đó vẫn là ý chí, là sức mạnh, công cụ để bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản và duy trì trật tự xã hội trong khuôn khổ trật tự tư bản. Sự phân quyền theo quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp thật ra chỉ là sự phân chia về mặt thực thi quyền lực thống trị tối cao của giai cấp tư sản theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ phận khác nhau về chuyên môn trong bộ máy nhà nước để tạo nên sự giới hạn và cân bằng của các nhánh quyền lực trong một chính thể thống nhất. Điều này đã được Jean-Jacques Rousseau chỉ ra khi ông viết: “Những bộ phận quyền hành được chia tách ra đều phụ thuộc vào quyền lực tối cao” và “mỗi bộ phận chỉ thực hiện ý chí tối cao đó”. Vì vậy, sự phân quyền chỉ mang nặng tính hình thức. Thực tế lịch sử nhà nước tư bản cho thấy, “tam quyền phân lập” cũng không ngăn chặn được sự chuyên quyền, sự hình thành và tác oai, tác quái của chế độ độc tài phát xít. Ví dụ như chế độ phát xít Đức, Ý, Nhật, chế độ phân biệt chủng tộc Apartheid (Nam Phi), chế độ độc tài Park Chung Hee (Hàn Quốc), F.Marcos (Philippin), Pinochet (Chile) và ở nhiều quốc gia khác dưới thể chế tam quyền phân lập.

Trong nhà nước tư sản hiện đại, thể chế “tam quyền phân lập” đi liền với chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, nên tính hình thức của phân quyền này lại che đậy được phần nào, dễ gây nên những ảo tưởng rằng các nhánh quyền lực này đối trọng nhau. Chẳng qua, sự đối trọng đó chỉ là sự đối trọng của các nhóm lợi ích về thực thi quyền lực nhà nước tư bản mà đại diện là các đảng chính trị tư sản, chứ không phải là đối trọng về lợi ích và quyền lực thống trị của giai cấp tư sản.

Thể chế “tam quyền phân lập” không loại trừ được nguồn gốc, nguyên nhân xảy ra tham nhũng, dù nó có thể kiềm chế được phần nào.

Tham nhũng xảy ra ở nơi những tổ chức, cá nhân có chức, có quyền khi hệ thống pháp luật, cơ chế, quy chế, chế độ chưa đủ, chưa kín kẽ, chưa chặt chẽ, thiếu công khai, minh bạch; sự kiểm tra, kiểm soát, giám sát, điều tra chưa duy trì thường xuyên và với các phương pháp, phương tiện tiên tiến hiện đại; dư luận xã hội và vai trò của quần chúng nhân dân, của báo chí truyền thông chưa được phát huy đầy đủ; xử phạt chưa nghiêm minh, tội phạm tham nhũng chưa bị trừng trị đích đáng tới mức “thân bại, danh liệt”; tiêu cực, tệ nạn xã hội tràn lan, suy thoái về đạo đức, văn hóa, lối sống; mỗi cá nhân có chức, có quyền không tu dưỡng, rèn luyện, còn tổ chức xao nhãng, buông lỏng giáo dục, quản lý...

Vậy thì làm sao mà “chỉ có thực hiện thể chế tam quyền phân lập” với sự phân quyền giữa ba nhánh quyền lực có thể xóa bỏ được tham nhũng khi nó không xóa bỏ được nguồn gốc, nguyên nhân nảy sinh tham nhũng?

Thực tế cho thấy, tham nhũng là vấn đề toàn cầu, là tệ nạn xảy ra với tất cả các quốc gia, không phân biệt chế độ chính trị xã hội, thể chế quyền lực, hình thức nhà nước, trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Theo bảng dữ liệu về tham nhũng năm 2016 của Tổ chức Minh bạch Quốc tế công bố xếp hạng nạn tham nhũng của 176 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, trong đó có đại đa số các quốc gia theo thể chế “tam quyền phân lập” với các biến thể khác nhau. Đa số các nước Bắc Âu xếp vào top các nước tham nhũng ít. Các quốc gia khác, tiêu biểu về “tam quyền phân lập” vẫn có thứ hạng tham nhũng cao như Ôxtrâylixa xếp thứ 13, Anh xếp thứ 10, Đức xếp thứ 10, Nhật Bản xếp thứ 20, Pháp xếp thứ 23, Mỹ xếp thứ 18.

Ở Đông Nam Á, trừ Xingapo thuộc top 10 nước ít tham nhũng, còn các nước khác như Malaixia xếp thứ 55, Thái Lan xếp thứ 101, Việt Nam xếp thứ 113, Philíppin xếp thứ 101, Indônêxia xếp thứ 90, Campuchia xếp thứ 156; Mianma xếp thứ 136.

Theo Tổ chức Minh bạch Quốc tế, tham nhũng là tệ nạn nhức nhối, xảy ra nghiêm trọng với 2/3 quốc gia trên thế giới, trong số đó, đa số là các nước thực hiện thể chế “tam quyền phân lập”. Điều đó đủ thấy quan điểm “chỉ có thực hiện “tam quyền phân lập” mới chống được tham nhũng” là thiếu cơ sở khoa học và phiến diện, cực đoan như thế nào.

Thứ hai, thể chế “tam quyền phân lập” không chỉ không có khả năng ngăn chặn tham nhũng xảy ra mà còn không thể là phương thức và giải pháp duy nhất để đấu tranh phòng, chống tham nhũng có hiệu quả.

Sự phân chia quyền lực theo cả chiều ngang (giữa lập pháp, hành pháp, tư pháp) và theo chiều dọc (giữa trung ương và địa phương) có giá trị và tính tích cực nhất định trong chống tham nhũng. Nó tạo ra cơ chế kiểm chế, giám sát, đối trọng giữa các nhánh quyền lực, các cấp quyền lực; hạn chế sự lấn quyền, lạm quyền, tập trung quyền lực vào một cá nhân, tổ chức - một trong những nguyên nhân nảy sinh tham nhũng.

Tuy nhiên, cái gì cũng có mặt tiêu cực của nó. “Tam quyền phân lập” tự thân nó không xóa bỏ được cơ cấu quyền lực, không xóa bỏ được chức vị, quyền lực của tổ chức, cá nhân trong cơ cấu quyền lực nói chung và mỗi nhánh quyền lực nói riêng mà còn tăng thêm quyền lực cho tổ chức, cá nhân mỗi nhánh quyền lực khi trao cho họ quyền độc lập cao hơn, quyền kiểm chế, giám sát, đối trọng với các nhánh quyền lực khác. Điều này có thể tác động tiêu cực đến đấu tranh chống tham nhũng như: trì hoãn, né tránh, phủ quyết các hoạt động đấu tranh chống tham nhũng khi các hoạt động đó không phù hợp với lợi ích của nhóm mình. Ở các nước tư bản hiện nay, thể chế “tam quyền phân lập” gắn liền với chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Thông thường, đảng nào chiếm đa số trong quốc hội thì đảng đó cầm quyền, còn các đảng thiểu số trở thành các đảng đối lập. Như vậy, đảng chiếm đa số có quyền lập chính phủ (cơ quan hành pháp); cơ quan tư pháp cũng sẽ chịu sự chi phối về nhân sự và quan điểm của đảng cầm quyền (vừa nắm lập pháp, vừa nắm tư pháp). Giả sử đảng thiểu số đưa ra dự luật chống tham nhũng hoặc điều tra cá nhân của đảng cầm quyền, chắc rằng dự luật, kiến nghị đó sẽ bị phủ quyết để

đảng cầm quyền bảo vệ cá nhân, tổ chức và uy tín của họ. Nếu được thông qua sẽ tiếp tục bị sự cản trở của bên hành pháp và tư pháp. Trường hợp tổng thống, thủ tướng (hành pháp) thuộc đảng chiếm thiểu số trong nghị viện, còn ở nghị viện, đảng chiếm đa số lại không nắm quyền hành pháp, thì việc thông qua các quyết định của các bên đối lập đưa ra sẽ rất khó khăn. Tình trạng này xảy ra rất rõ ràng và thường xuyên ở nước Mỹ hiện nay.

Cho nên, thể chế “tam quyền phân lập” không thể là cầm nang thần kỳ mà chỉ có thực hiện thể chế đó mới chống được tham nhũng như ai đó đã cổ súy, rêu rao.

Ngoài ra, sự phân chia quyền lực theo chiều dọc còn tạo nên sự không thống nhất, đồng thuận giữa trung ương và địa phương, dễ tạo nên sự chia cắt, cục bộ giữa các vùng, lãnh thổ, giữa các cấp quyền lực, hạn chế sức mạnh của các lực lượng trong phòng, chống tham nhũng.

Phòng, chống tham nhũng muốn có kết quả phải sử dụng tổng hợp các hình thức, phương pháp, giải pháp, phương tiện của các lực lượng xã hội, của cả hệ thống chính trị và toàn dân với quyết tâm chính trị rất cao và tiến hành thường xuyên, liên tục, được lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức chặt chẽ.

Kinh nghiệm của nhiều quốc gia cho thấy, để đấu tranh chống tham nhũng đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra, cần tập trung giải quyết các vấn đề chủ yếu là: đặc biệt coi trọng công tác phòng, ngừa trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa quản lý, giáo dục, trong đó lấy giáo dục đạo đức là hàng đầu, tu dưỡng bản thân là cơ bản với trừng trị nghiêm khắc kẻ tham nhũng; hoàn thiện thể chế về phòng, chống tham nhũng, tăng

cường bộ máy nhà nước, pháp luật, pháp chế, kỷ cương, thực hiện công khai, minh bạch; xây dựng tổ chức chống tham nhũng trong sạch, vững mạnh, độc lập trong điều tra và khách quan trong xử lý; phát huy vai trò của các cơ quan chức năng kiểm tra, kiểm toán, giám sát trong phát hiện, điều tra, xử lý; thực hiện cả cơ chế giám sát của tổ chức và giám sát của xã hội, của quần chúng nhân dân; có quyết tâm phòng, chống tham nhũng trong cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của nhân dân; có chính sách đãi ngộ thỏa đáng với công chức, viên chức, nhất là tiền lương, đi đôi với tinh giản bộ máy, sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý; phát huy vai trò của báo chí, truyền thông trong phòng, chống tham nhũng.

Đấu tranh chống tham nhũng là cuộc đấu tranh hết sức phức tạp, khó khăn, lâu dài, phải dám đương đầu, dám chịu hy sinh, tổn thất, thậm chí tổn thất to lớn, do đó cần dũng khí và sự quả cảm. Chiến dịch “đả hổ, diệt ruồi” chống tham nhũng ở Trung Quốc do Đảng Cộng sản Trung Quốc và Tổng Bí thư Tập Cận Bình phát động cho thấy tham nhũng hoàn toàn có thể bị đẩy lùi nếu có quyết tâm cao và giải pháp đúng đắn. Đây cũng là một kinh nghiệm hữu ích mà Việt Nam có thể tham khảo.

Về tổ chức quyền lực nhà nước ở Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng ta khẳng định: “Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực Nhà

nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp”¹. Quan điểm đó phản ánh đúng hiện thực khách quan, đúng bản chất quyền lực của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, kế thừa những giá trị tinh hoa của nhân loại, trong đó có giá trị tích cực của thuyết “tam quyền phân lập”.

Trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thể chế đó cho phép huy động cao nhất ý chí, quyền lực thống nhất thuộc về nhân dân, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng và các bộ phận trong hệ thống chính trị, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đấu tranh chống tham nhũng đang là vấn đề quan trọng ở nước ta. Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đã chỉ ra phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp toàn diện, cụ thể và có tính khả thi cao trong phòng, chống tham nhũng theo tinh thần của hệ thống giải pháp làm cho người ta không dám tham nhũng, không muốn tham nhũng, không thể tham nhũng, không thoát tội tham nhũng. Quyết tâm chính trị phòng, chống tham nhũng của Đảng ta đang được triển khai sâu rộng và chắc chắn sẽ đạt được mục tiêu, yêu cầu đặt ra, đáp ứng được sự mong mỏi, kỳ vọng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Như vậy, có thể đánh giá quan điểm cho rằng “chỉ có thể chống được tham nhũng khi thực hiện thể chế “tam quyền phân lập” để kiểm soát quyền lực” không phải vì mục tiêu phòng, chống tham nhũng. Trái lại, thực chất của quan điểm

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.85.

này là nhân danh chống tham nhũng, lợi dụng đấu tranh chống tham nhũng để kích động đòi thay đổi thể chế chính trị Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, lật đổ Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, đưa nước ta theo con đường tư bản chủ nghĩa. Âm mưu, thủ đoạn đen tối đó chắc chắn không thể đánh lạc hướng được dư luận, tinh thần cảnh giác và sự tỉnh táo về chính trị của nhân dân ta.

ĐẤU TRANH PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM PHỦ NHẬN VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI BÁO CHÍ, VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT

GS.TS. BÙI QUẢNG BẠ*

Trong chiến lược “diễn biến hòa bình” chống phá cách mạng Việt Nam, các thế lực thù địch cấu kết với bọn phản động và các phần tử cực đoan chống đối trong nước tấn công chúng ta từ nhiều hướng, trên nhiều lĩnh vực, bằng nhiều phương thức, thủ đoạn khác nhau nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, thay đổi thể chế chính trị ở nước ta.

Để thực hiện âm mưu chiến lược này, các thế lực thù địch xác định phá hoại tư tưởng - văn hóa là khâu đột phá, tấn công trực diện vào nội bộ nhằm làm tan rã niềm tin, gây khủng hoảng về nền tảng tinh thần của xã hội, kích động tâm lý phản kháng trong các giai tầng xã hội, nhất là trong văn nghệ sĩ, trí thức, theo chúng là những tầng lớp “linh hồn” của cộng đồng, những “thế lực cấp tiến” có khả năng tác động mạnh mẽ trực diện vào quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chúng hy vọng từ tầng lớp “thượng lưu” này sẽ xuất hiện

* Chuyên viên cao cấp, Học viện Chính trị Công an nhân dân.

những “ngọn cò” tập hợp, phát triển “lực lượng dân chủ”, thành lập tổ chức, đảng phái chính trị đối lập, chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho tiến trình chuyển hóa dân chủ, thiết lập một nhà nước phi cộng sản ở Việt Nam trong tương lai.

Một trong những lĩnh vực các thế lực thù địch nuôi dưỡng kỳ vọng là báo chí, văn học - nghệ thuật - mặt trận văn hóa tư tưởng hàng đầu của Đảng, là diễn đàn để Đảng ta bày tỏ, tuyên truyền, định hướng, lãnh đạo tư tưởng chính trị đối với Nhà nước và xã hội; khẳng định rõ là nền tảng tư tưởng và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

1. Nhận diện âm mưu, thủ đoạn phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với báo chí, văn học - nghệ thuật

Báo chí, văn học - nghệ thuật là những lĩnh vực tự thân đã có những vấn đề nhạy cảm, nếu không được lãnh đạo, định hướng, quản lý tốt rất dễ bị lợi dụng vào các hoạt động gây phương hại đến an ninh quốc gia của Việt Nam. Chính vì vậy, các thế lực thù địch tìm cách triệt để khai thác lĩnh vực báo chí, văn học - nghệ thuật thúc đẩy “diễn biến hòa bình” chống phá ta. Mục tiêu của chúng là tác động nhằm hướng lái báo chí, văn học - nghệ thuật thoát ly sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sử dụng những công cụ phục vụ “diễn biến hòa bình” chống phá ta.

Những mục tiêu cơ bản trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa mà các thế lực thù địch hướng tới chống Việt Nam là:

Thứ nhất, xuyên tạc, phủ nhận, tiến tới xóa bỏ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam là chủ nghĩa Mác - Lênin,

tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn. Thay thế vào đó là hệ tư tưởng tư sản và con đường phát triển tư bản chủ nghĩa. Từ đó làm mất lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là giới trí thức, văn nghệ sĩ.

Thứ hai, các thế lực thù địch tìm mọi cơ hội để tuyên truyền xuyên tạc, gây chia rẽ nội bộ ta, cô lập lực lượng vũ trang, “phi chính trị hóa” giới trí thức, văn nghệ sĩ, tạo ra nhiều xu thế ly khai, thoát ly sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, gây rối loạn nội bộ. Chúng tung ra các luận điệu “phải có một nền văn học - nghệ thuật thoát ly khỏi sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự kiểm duyệt của các cơ quan chức năng”. Mục tiêu của chúng là làm cho Đảng Cộng sản Việt Nam bị cô lập, suy yếu, mất vai trò lãnh đạo đối với Nhà nước và xã hội.

Thứ ba, khuyến khích những “xu hướng báo chí”, “xu hướng văn học - nghệ thuật” xa lạ làm nền tảng cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Việt Nam. Hai hướng trọng điểm là “tư nhân hóa”, “thương mại hóa” báo chí và văn học - nghệ thuật, thoát ly sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý của Nhà nước.

Thứ tư, khuyến khích các quan điểm, tư tưởng chính trị trái chiều, đối lập với Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ đó tập hợp, phát triển lực lượng “dân chủ” ở Việt Nam, tìm chọn, xây dựng “ngọn cờ”, hình thành tổ chức chính trị đối lập, tạo nên vị thế chính trị mới để thay đổi thể chế chính trị ở nước ta bằng con đường “hợp pháp, hợp hiến”.

Để thực hiện những mục tiêu nói trên, các thế lực thù địch phối hợp với các phần tử chống chủ nghĩa xã hội, số đối tượng cực đoan, quá khích trong nước đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền tác động phân hóa, kích động tư tưởng bất mãn, chống đối trong đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức; kích lệ các xu hướng “thương mại hóa”, “tư nhân hóa”, “phi chính trị hóa” báo chí, xuất bản... Âm mưu của chúng là đặt báo chí, văn học - nghệ thuật thoát ra ngoài chính trị, phục vụ bất cứ thể chế chính trị nào. Thông qua đó, từng bước tạo ra một “phong trào dân chủ đa nguyên” bao gồm các văn nghệ sĩ, trí thức, phóng viên, luật sư cực đoan, quá khích, số bất mãn, cơ hội chính trị làm nòng cốt cho việc thành lập tổ chức, đảng phái chính trị đối lập ở Việt Nam; đồng thời kích động phóng viên báo chí, các văn nghệ sĩ tham gia với vai trò tiên phong vào các hoạt động phá hoại chính trị - tư tưởng, chống Đảng và Nhà nước ta.

Thủ đoạn hoạt động của chúng nổi lên là:

- Sử dụng mạng lưới thông tin tuyên truyền, các diễn đàn công khai để xuyên tạc, bóp méo quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với lĩnh vực báo chí, văn học - nghệ thuật và đội ngũ phóng viên, văn nghệ sĩ, trí thức. Chúng vu cáo Đảng ta bóp nghẹt tự do, dân chủ, áp đặt tư tưởng, quan điểm trong thông tin, tuyên truyền, sáng tạo văn học - nghệ thuật; trấn áp những văn nghệ sĩ, các nhà báo đấu tranh cho tự do tư tưởng, tự do sáng tạo, nhất là khi chúng ta xử lý những đối tượng cực đoan, chống đối chế độ mà chúng gọi là “những người bất đồng chính kiến”.

- Chúng tuyên truyền đề cao một số tác phẩm của những văn nghệ sĩ, nhà báo cực đoan, quá khích, cho rằng những tác

phẩm này đã tạo nên một “luồng gió mới” trong lĩnh vực báo chí, văn học - nghệ thuật Việt Nam và đã “tiên phong” thoát ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng, thể hiện đúng tinh thần “văn nghệ mở”(!). Chúng đồng thời bồi nhò, đả kích các nhân vật, các nhà phê bình văn học, nhà báo có quan điểm chính thống, xuyên tạc họ là những người “bồi bút” cho Đảng Cộng sản Việt Nam, là những “con rối” trên diễn đàn văn chương, báo chí.

- Chúng triệt để khai thác, thu thập những bài viết, tác phẩm văn học - nghệ thuật có quan điểm nghệ thuật lệch lạc, bị phê phán mạnh mẽ trong nước để đưa ra đăng tải, phát hành ở bên ngoài trên các tạp chí, nhà xuất bản của các tổ chức phản động người Việt lưu vong. Chúng còn tổ chức “trao giải thưởng”, trả nhuận bút cao, khích lệ tính hám danh của một số văn nghệ sĩ, lôi kéo họ vào các hoạt động chính trị và sáng tác bất lợi cho an ninh quốc gia và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

- Tìm cách mời đích danh một số văn nghệ sĩ, nhà báo của ta ra nước ngoài tham quan, trao đổi, biểu diễn, sáng tác... để thông qua đó tiếp cận, tuyên truyền tác động tư tưởng, khích lệ hoạt động chống đối chế độ, xây dựng họ thành những “ngọn cò” trong giới văn nghệ sĩ, là những “hạt nhân” để phát triển “lực lượng dân chủ” trong nước.

Với những âm mưu, thủ đoạn trên, các thế lực thù địch đã thu được những kết quả nhất định. Về học thuật và quan điểm chính trị - tư tưởng, đã có lúc trên lĩnh vực phê bình văn học - nghệ thuật và sáng tác diễn ra cuộc bút chiến quyết liệt. Một số nhà văn của chế độ Sài Gòn lưu vong sử dụng các báo, tạp chí như: Hợp lưu (Mỹ), Làng văn (Canada), Quê mẹ (Pháp); một số nhà xuất bản như Hồng Lĩnh, Tâm Thư, Đại Nam, Thanh Vân...

ở Mỹ; Nhà xuất bản Phụ nữ, Philippe Piquet ở Pháp... đăng, phát hành các bài, tác phẩm văn học của một số nhà văn trong nước theo khuynh hướng lệch lạc, trái với đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Một số tác phẩm văn học không được in trong nước đã được đưa ra nước ngoài in và phát hành rồi phát tán vào trong nước.

Những thực trạng nói trên đã và đang tác động mạnh vào lập trường tư tưởng, tâm lý, tình cảm của giới văn nghệ sĩ, trí thức, nhà báo trong nước. Một bộ phận đã bị phân hóa, suy thoái về tư tưởng chính trị, trở thành nhân tố bên trong hỗ trợ các hoạt động chống phá ta của các thế lực thù địch.

Có thể khẳng định sức tàn phá của âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch trên lĩnh vực báo chí, văn học - nghệ thuật là không nhỏ, thậm chí là to lớn nếu chúng đạt được mục tiêu đặt báo chí, văn học - nghệ thuật ra ngoài sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và các cơ quan chức năng, vì: *Một là*, vai trò của báo chí và văn học - nghệ thuật rất quan trọng. Thế giới coi báo chí là quyền lực thứ tư sau các quyền lập pháp, tư pháp và hành pháp. *Hai là*, đặc điểm của các sản phẩm báo chí, văn học - nghệ thuật khác với các sản phẩm tiêu dùng vật chất ở chỗ, sản phẩm vật chất sẽ bị hao mòn hoặc mất đi khi sử dụng, còn sản phẩm báo chí, văn học - nghệ thuật có thể tồn tại mãi, lưu truyền từ đời này qua đời khác, từ cộng đồng dân cư này sang cộng đồng dân cư khác, nó lan truyền, thấm thấu, tác động vào quan điểm, tư tưởng, hành vi của người sử dụng, thậm chí cả một cộng đồng, một thế hệ. Điều đó càng khẳng định rõ “sức mạnh mềm” của báo chí, văn học - nghệ thuật.

2. Những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong lĩnh vực báo chí, văn học - nghệ thuật

Do những hạn chế trong cơ chế lãnh đạo, quản lý báo chí, các tờ báo của nhiều bộ, ngành đã mở rộng hoạt động kinh doanh đa dạng trên nhiều lĩnh vực. Khu vực tư nhân tham gia hoạt động báo chí dưới nhiều hình thức khác nhau, đem lại nguồn tài chính cho nhiều báo. Vì vậy, việc quản lý của cơ quan chủ quản giảm, lỏng lẻo về nhân sự. Tính độc lập của một số tờ báo tăng, tự quyết định nội dung. Nhiều phóng viên hoạt động xa rời mục tiêu, nhiệm vụ của báo chí, một số có biểu hiện thoát ly sự lãnh đạo của Đảng, bộc lộ tư tưởng tự do báo chí, muốn báo chí thực hiện chức năng “phản biện xã hội”. Một số tờ báo có thời điểm đăng tải bài với nội dung nhạy cảm về chính trị, thậm chí trái quan điểm của Đảng, tác động xấu tới dư luận xã hội. Một số phóng viên đưa tin sai sự thật đã bị xử lý, một số báo bị đình bản.

Xuất hiện các trang web và blog trên mạng internet, thực chất là các dạng báo điện tử tư nhân đưa nhiều thông tin sai trái. Số kẻ cơ hội chính trị và các phần tử cực đoan lợi dụng làm diễn đàn “dân chủ” theo quan điểm của phương Tây, chống phá Đảng, Nhà nước, bênh vực cho những phần tử chống Đảng, chống đổi chế độ, nhưng ta chưa kiểm soát được.

Trong lĩnh vực văn học - nghệ thuật có những biểu hiện đáng chú ý: Một số văn nghệ sĩ công khai bộc lộ thái độ hoài nghi vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước. Một số người bộc lộ thái độ không đồng tình trước một

số chủ trương, quyết sách của Đảng, Chính phủ, cho đây là biểu hiện yếu kém, nóng vội, thiên cận của một số đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước.

Trong một bộ phận văn nghệ sĩ hình thành quan điểm, khuynh hướng muốn thoát ly sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Họ cho rằng, sở dĩ hiện nay không có các tác phẩm hay, ngang tầm thời đại vì Đảng lãnh đạo chặt chẽ quá, các cơ quan chức năng quản lý, giám sát chặt chẽ quá. Xuất hiện khuynh hướng sáng tác “giải thiêng” các nhà văn theo cách mạng để chứng minh rằng theo Đảng sẽ không có tự do trong sáng tác, các tác phẩm bây giờ chỉ mang tính chất “văn chương minh họa”, thậm chí có những tác phẩm ám chỉ, đả kích con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Họ muốn đẩy lên khuynh hướng “phản tỉnh”, “sám hối”, “trở cò” trong văn nghệ sĩ, phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng đối với văn nghệ, đòi văn nghệ phải được độc lập với chính trị, thoát ly sự lãnh đạo của Đảng. Một số nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, họa sĩ đã thành lập hoặc tham gia các nhóm văn nghệ tự do nhằm đối trọng với các hội văn học - nghệ thuật do Đảng lãnh đạo. Trong văn học có những cái gọi là nhóm “Hội luận văn chương”, “Câu lạc bộ Nguyễn Đình Thi”; “Nhóm thơ Mở miệng”. Trong nghệ thuật có phái “Họa sĩ Hà Nội”. Nhóm “Hội luận văn chương” do một số nhà văn thành lập từ năm 2008, lập trang web dưới danh nghĩa trao đổi, luận bàn về văn chương, nhưng họ chủ trương “hợp lưu” văn học trong nước với văn học hải ngoại, chủ trương “văn học không biên giới”, không lệ thuộc vào chính trị; kích động xu hướng ly khai các hội văn học, nghệ thuật do Đảng lãnh đạo. Nhóm 62

nhà văn do ông Nguyễn Ngọc đứng đầu lập ban vận động thành lập cái gọi là “Văn đoàn độc lập”. Theo họ, văn đoàn này hoàn toàn độc lập với mọi hệ thống tổ chức và thiết chế trong nước. Một trong những mục tiêu của “Văn đoàn độc lập” là bảo vệ quyền tự do sáng tác và công bố tác phẩm của các nhà văn trong nước. Đây là những biểu hiện không bình thường trong giới văn nghệ sĩ hiện nay.

3. Một số giải pháp và kiến nghị

Mục tiêu đặt ra là phải đẩy lùi, vô hiệu hóa âm mưu “phi chính trị hóa” lĩnh vực báo chí, văn học - nghệ thuật của các thế lực thù địch, giữ vững và bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước trong các lĩnh vực này, góp phần bảo tồn, phát huy mạnh mẽ bản sắc văn hóa dân tộc, làm thất bại âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Từ thực tiễn công tác bảo vệ an ninh quốc gia, xin nêu một số giải pháp và kiến nghị sau:

Một là, các cơ quan chức năng phải tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, phát triển, hoàn thiện lý luận về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, xã hội, trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; cần phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò và hoạt động báo chí, văn học - nghệ thuật, đề cao vai trò, trách nhiệm của nhà báo, văn nghệ sĩ, trí thức đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.

Nâng cao tính chiến đấu trong công tác lý luận, gắn kết chặt

chẽ lý luận với thực tiễn hoạt động báo chí, văn học - nghệ thuật. Nâng cao tính thuyết phục của lý luận với các tầng lớp văn nghệ sĩ, trí thức; đồng thời xây dựng các luận cứ đấu tranh kịp thời vô hiệu hóa các luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc, kích động báo chí, văn học - nghệ thuật thoát ly sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước bằng những lập luận chặt chẽ, mạnh mẽ, thuyết phục.

Hai là, tổ chức tốt công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức chính trị, quán triệt sâu sắc những quan điểm cơ bản của Đảng trong sự nghiệp đổi mới đối với các lĩnh vực cụ thể, nhất là lĩnh vực báo chí, văn học - nghệ thuật. Đồng thời phải theo dõi những diễn biến về tư tưởng, tình cảm của giới văn nghệ sĩ, trí thức trong quá trình tổ chức thực hiện các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về báo chí, xuất bản và hoạt động văn học - nghệ thuật để kịp thời động viên, khích lệ tinh thần, xử lý những vấn đề phức tạp nảy sinh.

Chủ động biên soạn nội dung, có hình thức đầy mạnh tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong các giai tầng xã hội về truyền thống dân tộc nghìn năm văn hiến; về những đóng góp to lớn của báo chí, văn học - nghệ thuật trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, từ đó đề cao giá trị nhân văn, đạo đức cách mạng, trách nhiệm công dân, nêu cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, mở rộng dân chủ, khuyến khích đổi mới, sáng tạo, phát triển và vinh danh những tài năng trong hoạt động báo chí, văn học - nghệ thuật, góp phần bảo tồn, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Đồng thời coi trọng giáo dục ý thức cảnh giác đối với văn nghệ sĩ trước âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa. Những người cầm bút phải thực sự trở thành những chiến sĩ trên mặt trận văn hóa - tư tưởng, có nghĩa vụ và trách nhiệm bảo vệ Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc.

Ba là, tăng cường quản lý các hoạt động báo chí, xuất bản, văn hóa, văn học - nghệ thuật. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động và quản lý các lĩnh vực này. Thiết lập lại trật tự trong quản lý, hoạt động, dịch vụ, hợp tác quốc tế về báo chí, văn học - nghệ thuật. Rà soát báo chí và xuất bản, bảo đảm thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích. Chọn lọc các tổng biên tập báo chí, giám đốc các nhà xuất bản có phẩm chất, năng lực; nâng cao chất lượng đào tạo, tác nghiệp của đội ngũ phóng viên, biên tập viên, nhất là về chính trị và nghề nghiệp. Tổ chức tốt để báo chí chủ động tích cực tham gia các phong trào cách mạng và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các sai phạm, vi phạm pháp luật, kiên quyết không để các thế lực thù địch lợi dụng báo chí, xuất bản vào các hoạt động gây phương hại đến an ninh quốc gia. Kiên quyết ngăn chặn, vô hiệu hóa các biểu hiện, khuynh hướng “phi chính trị hóa”, “thương mại hóa”, “tư nhân hóa” trong hoạt động báo chí, xuất bản. Chấn chỉnh những sai phạm trong công tác quản lý về báo chí, xuất bản, văn hóa, văn học - nghệ thuật, không để các đối tác nước

ngoài, các thế lực thù địch lợi dụng tác động, lôi kéo, thâm nhập, chuyên hóa từ bên trong.

Bốn là, đẩy mạnh đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với báo chí, văn học - nghệ thuật. Phát huy vai trò của các cơ quan tuyên giáo, thông tin truyền thông, Hội đồng Lý luận phê bình Văn học - Nghệ thuật Trung ương trong việc chuẩn bị nội dung, lập luận phục vụ đấu tranh trên các phương tiện truyền thông đại chúng, các diễn đàn, hội thảo. Cần vạch rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch muốn “phi chính trị hóa” báo chí, văn học - nghệ thuật, nhằm tách các lĩnh vực này khỏi sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước nhằm tác động, hướng tới “phương Tây hóa” báo chí, văn học - nghệ thuật nước ta; kích động, lôi kéo các nhà báo, đội ngũ văn nghệ sĩ độc lập trong hoạt động nghề nghiệp, không tuân thủ sự lãnh đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước và các hội nghề nghiệp do Đảng thành lập. Qua đó kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh những nhận thức mơ hồ, lệch lạc; những tư tưởng ly tâm, những hành vi mang tính phản kháng, chống lại quan điểm của Đảng ta trong lãnh đạo hoạt động báo chí, văn học - nghệ thuật, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyên hóa” trong đội ngũ nhà báo, văn nghệ sĩ.

Năm là, nhằm thiết thực góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII, đề nghị Bộ Chính trị ra nghị quyết về đấu tranh, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị,

đạo đức, lối sống, ngăn chặn “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong lĩnh vực báo chí, văn hóa, văn nghệ. Trên cơ sở đó, các ban, bộ, ngành xây dựng và triển khai thực hiện chương trình hành động, kết hợp đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền, giáo dục, khơi dậy lòng yêu nước, niềm tự hào, tự tôn dân tộc; khích lệ các nhà báo, văn nghệ sĩ, trí thức tích cực tham gia đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong tình hình hiện nay.

SỰ CHỐNG PHÁ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH TRÊN LĨNH VỰC TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA

Đại tá, PGS.TS. BÙI ĐÌNH BÔN*

Thủ đoạn của “diễn biến hòa bình” là tổng hợp các phương thức, biện pháp được tiến hành trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng - văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, ngoại giao... Trong đó, các thể lực thù địch xác định tấn công trên mặt trận tư tưởng - văn hóa là “mũi đột phá”, “thọc sâu” làm tan rã niềm tin, gây hỗn loạn về lý luận và tư tưởng, tạo ra “khoảng trống” để dần dần đưa hệ tư tưởng tư sản vào, cuối cùng là xóa bỏ hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Nội dung chủ yếu của cuộc chiến tranh ý thức hệ do chủ nghĩa đế quốc phát động là tấn công vào lòng người, đánh vào trận địa chính trị, tư tưởng - văn hóa của các nước xã hội chủ nghĩa. Các nhà tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc đã tổng kết: *Một đài phát thanh cũng có thể bình định xong một đất nước; 1 đôla chi cho tuyên truyền có tác dụng ngang với 5 đôla chi cho quốc phòng; kích động vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo là bốn đòn đột phá khẫu, bốn mũi xung kích để chọc thủng mặt trận tư tưởng chính trị.*

* Hội đồng Lý luận Trung ương.

Trong cuốn sách *Năm 1999 - chiến thắng không cần chiến tranh*, cựu Tổng thống Mỹ R.Nixon đã khẳng định: *Mặt trận tư tưởng là mặt trận quyết định nhất; toàn bộ vũ khí của chúng ta, các hoạt động mậu dịch, viện trợ, quan hệ kinh tế sẽ không đi đến đâu nếu chúng ta thất bại trên mặt trận tư tưởng. Ông ta nhấn mạnh: Cái sẽ có tác dụng quyết định đối với lịch sử là tư tưởng, chứ không phải là vũ khí.*

Nhận thức được điều đó, các thế lực thù địch cho rằng, để lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, cần phải điều chỉnh các biện pháp và phương thức, thay đổi các thủ đoạn tiến hành “diễn biến hòa bình” cho thích hợp, vì tình hình Việt Nam không giống như các nước Đông Âu hay Liên Xô trước đây. Chúng chủ trương phá hoại trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, tư tưởng, văn hóa, xã hội, ngoại giao, quốc phòng - an ninh, khoa học, giáo dục... và, khi cần thì dùng cả biện pháp quân sự. Song, trọng tâm then chốt vẫn là phá hoại về tư tưởng - văn hóa. Chúng xác định rằng, tước bỏ vũ khí tư tưởng của nhân dân là khâu đột phá quan trọng trong “diễn biến hòa bình”.

“Diễn biến hòa bình” là một thủ đoạn phi quân sự, chú trọng chiến tranh tâm lý, đặc biệt nhấn mạnh sức mạnh của tư tưởng - ý thức hệ, trong đó chủ yếu là “mặt trận tư tưởng - văn hóa”. Chúng xác định, xâm nhập được tư tưởng - văn hóa của đối phương sẽ thu được hiệu quả phi thường. Xâm nhập tư tưởng - văn hóa, trên thực tế là mở cuộc tấn công ý thức hệ vào nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chúng gọi đó là “*tiến công vào lòng người*” để làm sụp đổ tinh thần chiến đấu của đối phương; làm tan rã đối phương về nội tâm, tinh thần và tư tưởng; gây

hỗn loạn về tư tưởng, gây tâm lý sợ hãi; kích động tâm trạng bất mãn, thù địch với chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản; truyền bá mô thức chính trị, mô thức kinh tế, quan niệm giá trị và lối sống của chủ nghĩa tư bản, khuyến khích đa nguyên hóa và thị trường hóa nền kinh tế.

Có nhà nghiên cứu cho rằng, chiến lược của bọn đế quốc được tiến hành chủ yếu trên hai phương diện: *Một là*, xâm lược nước khác bằng quân sự và kinh tế; *Hai là*, làm tan rã nước khác bằng tư tưởng và văn hóa. Nếu phương diện thứ nhất dựa vào sức mạnh của kẻ cướp nước, thì phương diện thứ hai dựa trên chiến lược làm tan rã nội bộ đối phương, hết sức xảo quyệt. Chính các nhà tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc đã tổng kết: *“có những việc 100 máy bay chiến đấu không thực hiện nổi, nhưng chỉ cần 10 sứ giả lại có thể thành công”*. Ngày nay, *“làn sóng điện đang thay thế thanh gươm; cây bút là phương tiện đi vào trái tim, khối óc con người”*.

Tác động của “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa ở nước ta trong những năm qua được thể hiện trên những phương diện chủ yếu sau đây:

1. Tác động phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng và Nhà nước ta, làm giảm sút niềm tin của nhân dân đối với chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Lợi dụng sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, các thế lực thù địch đã tấn công quyết liệt vào nền tảng tư tưởng của Đảng, Nhà nước ta là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; đã kích đường lối cách mạng của Đảng, bài xích định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng phát hiện

những người bất mãn trong nội bộ Đảng, quân đội, trong bộ máy nhà nước và tìm cách lôi kéo, lái những người này đi theo quan điểm của chúng làm nòng cốt để chuyển hóa từ bên trong. Kích động tâm lý hoài nghi dẫn tới phủ định chủ nghĩa xã hội. Trước thực tế đã và đang diễn ra ở Liên Xô (trước đây) và Đông Âu cùng với sự tuyên truyền phá hoại của các thế lực thù địch, một bộ phận nhân dân ở nước ta, trong đó có một số cán bộ, đảng viên đã dao động, giảm lòng tin đối với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, thậm chí muốn xét lại toàn bộ học thuyết Mác - Lênin cũng như con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và dân tộc ta đã lựa chọn. Có những kẻ lại còn “sám hối” rằng, *“cả đời mình đã tin theo một học thuyết sai lầm, đi theo một con đường không đúng và nay phải chấp nhận chủ nghĩa tư bản”* (!). Một số kẻ cơ hội, xét lại, phản bội đã tung ra những bài viết xuyên tạc, vu khống, bác bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, lan truyền ở nơi này, nơi khác; chúng còn đưa ra nước ngoài, công bố trên các sách, báo, đài phát thanh của các thế lực thù địch. Những việc làm ấy đã gieo hoang mang, hoài nghi cho không ít người. Bằng cách đó, họ muốn tạo nên một sự “diễn biến” từ bên trong xã hội ta, trước hết là diễn biến về nhận thức, tư tưởng, từ đó dẫn đến những diễn biến về các mặt khác.

Một bộ phận cán bộ, đảng viên (trong đó có cả cán bộ trung, cao cấp) đã có những nhận thức lệch lạc, dao động về bản lĩnh chính trị, lập trường quan điểm. Một số người non kém về chính trị, bị tác động của “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng đã phụ họa với những quan điểm sai trái, phát ngôn theo luận

điều của địch, phủ định chủ nghĩa Mác - Lênin. Họ cho rằng: *Chủ nghĩa Mác chỉ đúng với điều kiện lịch sử ở châu Âu thế kỷ XIX, nay đã lạc hậu; chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp một chừng mực nào đó với trình độ lực lượng sản xuất và văn hóa Nga, không phù hợp với thời đại ngày nay; chỉ đúng với phương Tây, không đúng với phương Đông. Chủ nghĩa Mác - Lênin không phù hợp với Việt Nam. Chỉ có tư tưởng Hồ Chí Minh là đúng với dân tộc Việt Nam, với xã hội Việt Nam (!)*. Thực chất là họ hạ thấp uy tín của Hồ Chí Minh, theo họ, Bác Hồ chỉ là người dân tộc chủ nghĩa, không phải là người mácxít. Kẻ địch đã lợi dụng sự dao động, chao đảo đó để đẩy mạnh hoạt động phá hoại làm cho chúng ta bị tổn thất không ít cán bộ, đảng viên (trong đó có cả cán bộ cao cấp).

Sau khi các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, không những ở ngoài xã hội mà ngay ở trong quân đội cũng xuất hiện một bộ phận quân nhân giảm sút ý chí, giảm sút lòng tin vào chủ nghĩa xã hội, vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đã có một số bài nói, bài viết sai lệch về quan điểm, tư tưởng, đường lối của Đảng, đòi phải thay đổi cơ bản về bản chất của chế độ để tạo điều kiện hình thành bối cảnh sinh hoạt đa nguyên, đòi xóa bỏ những quy định của Hiến pháp, pháp luật quy định về quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Có một số người ngấm ngấm hoặc công khai bộc lộ sự mơ tưởng tới lối sống tự do tư sản của xã hội phương Tây, từ bỏ lý tưởng cách mạng, từ bỏ mục tiêu của cách mạng Việt Nam. Những quan điểm này đã tạo điều kiện cho chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa thực dụng phát sinh, phát triển trong xã hội và trong quân đội để kẻ thù lợi dụng phá hoại làm phân hóa nội bộ Đảng, nội bộ quân đội.

2. Sử dụng “vấn đề nhân quyền” để gây sức ép, chống phá Việt Nam

Từ sau ngày 30-4-1975 đến nay, các thế lực thù địch luôn dựng lên cái gọi là “vấn đề nhân quyền” ở Việt Nam. Các chính khách Mỹ tuyên bố: “Ở Việt Nam còn vấn đề nhân quyền mà Mỹ phải quan tâm”. Dự luật số 954 của Thượng nghị viện Mỹ được thông qua ngày 23-9-1993 đòi Việt Nam cần có “tự do hóa chính trị”, “tôn trọng quyền con người” và có một chính phủ dân chủ. Mỹ “ủng hộ quá trình cải cách dân chủ phi bạo lực ở Việt Nam”(!). Như vậy, cái gọi là “vấn đề nhân quyền” là một nội dung mà Mỹ và các thế lực thù địch dựa vào đó để tuyên truyền phá hoại Việt Nam trong nhiều năm qua. Nó là một cái cớ để các thế lực thù địch tuyên truyền, kích động dư luận thế giới cô lập Việt Nam, gieo rắc sự nghi ngờ trong nhân dân với Nhà nước. Nó còn kích động và khơi dậy sự phản kháng của những kẻ bất mãn, những phần tử cơ hội, thoái hóa, biến chất...

Trong cái gọi là “vấn đề nhân quyền” ở Việt Nam, ngoài những luận điệu xuyên tạc về tình hình, vu cáo chúng ta đàn áp những người đã cộng tác với chính quyền cũ, những người mà chúng gọi là “bất đồng chính kiến”, “những người đấu tranh cho tự do, dân chủ”, các thế lực thù địch còn vu cáo, xuyên tạc chính sách của Nhà nước ta về tôn giáo, dân tộc, chính sách đối với văn nghệ sĩ. Đây là những vấn đề đã và đang diễn ra rất phức tạp ở Việt Nam. Thông qua “vấn đề nhân quyền”, các thế lực thù địch muốn tìm có để can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam. Chúng đã tạo ra, kích động sự bất bình chống lại Nhà nước trong các tầng lớp nhân dân, chia rẽ nhốn nháo của dư luận vào bộ máy nhà nước ta; đẩy nhiều cơ quan chức năng của Nhà

nước Việt Nam vào thế bị động đối phó, làm cho chúng ta phải mất nhiều thời gian, lực lượng và vật chất để giải quyết hậu quả của vấn đề này trong nhiều năm qua. Chúng dựng lên cái gọi là “*vấn đề nhân quyền*” ở Việt Nam để can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của chúng ta, đặt điều kiện ép ta thoả hiệp, nhượng bộ về chính trị, thay đổi đường lối của ta, đi theo quỹ đạo của chúng. Nếu không được vạch trần, ngăn chặn, nó có khả năng làm rối loạn xã hội, tạo cơ hội cho “diễn biến hòa bình” phát triển thành công ở Việt Nam.

3. Tác động, chống phá về văn hóa

Trong tác động phá hoại về văn hóa, các thế lực thù địch tập trung phá hoại truyền thống văn hóa dân tộc, văn hóa cách mạng, các chuẩn mực đạo đức, lối sống xã hội chủ nghĩa. Văn hóa và chính trị có mối quan hệ hữu cơ. Thay đổi, chuyển hóa thể chế chính trị của một chế độ xã hội, đương nhiên trong đó có sự thay đổi, chuyển hóa văn hóa, lối sống của chế độ xã hội đó. Trái lại, làm biến chất văn hóa, lối sống hiện tồn của một quốc gia, dân tộc, sẽ có tác động góp phần làm thay đổi chế độ chính trị - xã hội của quốc gia, dân tộc đó. Văn hóa là một bộ phận cấu thành của kiến trúc thượng tầng xã hội. Do vậy, biến đổi nền văn hóa cũng là biến đổi một bộ phận quan trọng thuộc kiến trúc thượng tầng của một chế độ xã hội. Thấy rõ vai trò quan trọng của văn hóa, lối sống và mối quan hệ tương tác giữa văn hóa, lối sống với chính trị nên các thế lực thù địch xác định hoạt động phá hoại văn hóa, lối sống xã hội chủ nghĩa là một vấn đề then chốt trong chiến lược “diễn biến hòa bình” với các nước xã hội chủ nghĩa nói chung và với Việt Nam nói riêng.

Các thế lực thù địch đã triệt để lợi dụng hệ thống thông tin tuyên truyền đại chúng... để chống phá ta trên phương diện văn hóa, trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tác động, phá hoại về đạo đức và lối sống:

Dựa vào hệ thống truyền thông đại chúng với các phương tiện hiện đại, lợi dụng sự mở cửa giao lưu văn hóa, sự quản lý lỏng lẻo, sơ hở của chúng ta trong thời gian vừa qua, chúng truyền bá văn hóa phương Tây, lối sống thực dụng; lưu hành sách, báo, nhạc phẩm, văn hóa phẩm có nội dung xấu, độc, gieo rắc lối sống tư sản xa hoa, trụy lạc, làm xói mòn bản sắc dân tộc, kích động tâm lý và nhu cầu đòi mức sống vượt quá khả năng của nền kinh tế,... Những điều này đã và đang làm chuyển đổi thị hiếu nghệ thuật, chuyển đổi giá trị thẩm mỹ, chuyển đổi các thang bậc giá trị của xã hội theo chiều hướng xấu. Những tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật với những nội dung xấu, độc như mưa dầm thấm lâu, hằng ngày, hằng giờ tác động vào các tầng lớp xã hội; đặc biệt là lớp trẻ - thanh niên, học sinh, sinh viên, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang... gây tâm lý bi quan, bất mãn, quay lưng lại quá khứ, truyền thống, phủ định lớp người đi trước, phủ định những thành quả của cách mạng, của công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, mất lòng tin vào Đảng Cộng sản Việt Nam và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Về đạo đức, lối sống, trong phạm vi toàn xã hội, đó là tệ sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị văn hóa của dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân, vị kỷ,... đã và đang làm băng hoại thuần phong mỹ tục của dân tộc. Không ít trường hợp, vì tiền và danh vị, quyền lực đã chà đạp lên

tình nghĩa gia đình, quan hệ thầy trò, đồng chí, đồng đội, đồng nghiệp. Buôn lậu và tham nhũng gia tăng; ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác gia tăng; nạn mê tín dị đoan khá phổ biến; chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, lối sống thực dụng, sùng bái đồng tiền, chạy theo tham vọng cá nhân, ham muốn làm giàu, ham muốn quyền lực, chạy theo cuộc sống vật chất tầm thường ngày càng phát triển trong các tầng lớp xã hội. Đáng chú ý là trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức nhà nước, thanh niên và một bộ phận cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang đã bị tiêm nhiễm bởi lối sống thực dụng, vị kỷ đó. Khuynh hướng này hết sức nguy hiểm, có sức phá hoại mạnh, tác động trực tiếp đến tư tưởng, đạo đức, lối sống của các tầng lớp xã hội. Đó là nguyên nhân dẫn đến sự biến chất, suy thoái trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, đặc biệt trong một bộ phận cán bộ trong hệ thống chính trị, ở các cấp. Những biểu hiện suy thoái dễ nhận biết là: đòi hỏi hưởng thụ, háms danh lợi, kèn cựa địa vị, thu vén cá nhân, lo toan cho bản thân, gia đình, bè phái, cục bộ địa phương, mất đoàn kết, tham ô, nhũng nhiễu, buôn lậu hoặc tiếp tay cho buôn lậu, lối sống hai mặt, buông thả,... Những truyền thống quý báu của dân tộc, như: đoàn kết, cố kết dân tộc, thương người như thể thương thân, lá lành đùm lá rách, đoàn kết quân - dân,... và những truyền thống quý báu của Quân đội nhân dân Việt Nam, như: sự đoàn kết nhất trí; tính tổ chức, kỷ luật cao, sẵn sàng xả thân vì nhiệm vụ; tình đồng chí, đồng đội keo sơn gắn bó; tình cảm ruột thịt cán bộ - chiến sĩ; tình quân - dân cá nước,... đã và đang chịu sự tác động mạnh mẽ của những tiêu cực nói trên, cùng với sự tác động phá hoại của các thế lực thù địch.

Trong các khuynh hướng vận động phức tạp ấy, có những khuynh hướng nằm ở dạng tiềm ẩn, khả năng hiện thực để phát triển không nhiều; nhưng cũng có những khuynh hướng đã và đang trở thành có tính phổ biến, lan rộng trong các tầng lớp xã hội, trong đời sống cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang; nếu không có những giải pháp hữu hiệu, kiên quyết và phù hợp với đặc điểm mới của tình hình, thì những khuynh hướng đó sẽ trở nên nguy hại đến sức mạnh chính trị - tinh thần của dân tộc, của lực lượng vũ trang - nhân tố có vai trò quyết định trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đáng lưu ý là tư tưởng, lối sống thực dụng đang có chiều hướng gia tăng. Điều đó được biểu hiện ở chỗ: chạy theo lợi ích vật chất, từ đó dẫn đến sự lạm dụng địa vị, quyền lực đang đảm nhiệm để mưu cầu lợi ích cá nhân; đặt giá trị vật chất ở vị trí cao trong thang giá trị cuộc sống.

Vấn đề nghiêm trọng và đáng lo ngại hơn là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ có chức, có quyền ở cương vị cao. Đó là tệ tham nhũng, lãng phí của công, dùng tiền của nhân dân, Nhà nước tiêu xài phung phí, ăn chơi sa đọa; nạn quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu nhân dân, kèn cựa, địa phương chủ nghĩa, bè phái, mất đoàn kết khá phổ biến. Đó là những vấn đề bức xúc làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng khiếu kiện đông người ngày một tăng. Đó là “giặc nội xâm”, có nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ mà chúng ta không thể xem nhẹ.

Các thế lực thù địch đã lợi dụng tình hình đó để khoét sâu những mặt yếu kém, thông tin bịa đặt, bình luận xuyên tạc để gây nghi ngờ, mâu thuẫn trong nội bộ ta; đánh giá đen tối thực trạng xã hội, vu khống, nói xấu, bôi nhọ các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước, của quân đội và công an để gây hoang mang, dao động, làm mất lòng tin vào Đảng và chế độ, nhận thức mơ hồ về kẻ thù, thờ ơ về chính trị. Tư tưởng thờ ơ chính trị là mảnh đất có lợi cho chiến lược “diễn biến hòa bình”, tạo ra sự mơ hồ, ảo tưởng, không biết phải, trái, trắng, đen, đúng, sai.

Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, thanh niên, sinh viên có nguyên nhân trực tiếp là do tác động của “diễn biến hòa bình”. Một số cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng chính trị, suy giảm lòng tin đối với chủ nghĩa xã hội, giảm sút lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, hoang mang, dao động, mất phương hướng hoặc đề cao con đường phát triển tư bản chủ nghĩa. Một bộ phận thanh niên, sinh viên sùng bái lối sống phương Tây, mắc căn bệnh “nhạt đảng, khô đoàn, chán chính trị”. Có một số trường hợp tuổi đời còn rất trẻ (trên dưới 30 tuổi) liên hệ với người nước ngoài, đã có những hành động vi phạm pháp luật, viết và phát tán nhiều tài liệu trái với Cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết của Đảng.

Các phần tử cơ hội chính trị, chống đối trong nước phối hợp với các lực lượng thù địch ở nước ngoài cho rằng “thời cơ đã đến” nên chúng tìm mọi cách để “công khai hóa, hợp pháp hóa, quốc tế hóa” hoạt động chống đối, đòi đa nguyên, đa

đảng, lập nhà xuất bản tư nhân, ra báo tư nhân, tăng cường phát tán tài liệu có nội dung độc hại, gây chia rẽ, nghi ngờ trong nội bộ ta. Chúng cố tìm cách hình thành các tổ chức chính trị đối lập, tạo dựng “ngọn cò” để tổ chức chống phá ta. Lợi dụng mạng internet, gần đây, các nhóm chính trị, văn hóa - văn nghệ hải ngoại đã tìm mọi cách lôi kéo trí thức, văn nghệ sĩ trong nước tham gia chống phá ta trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa.

Không ít cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể và cán bộ, đảng viên, nhất là ở cấp cơ sở, chưa nhận thức đúng tính chất nguy hiểm của “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, còn có biểu hiện mơ hồ, mất cảnh giác, thiếu trách nhiệm, thụ động, né tránh đấu tranh chống những thủ đoạn của các lực lượng thù địch trên các vấn đề nhạy cảm, như: dân chủ, tự do, nhân quyền...; thiếu kiên quyết đấu tranh chống các quan điểm sai trái. Cá biệt, có một số cán bộ, đảng viên không chỉ mơ hồ, mất cảnh giác mà còn tê liệt tính chiến đấu, thậm chí có những trường hợp còn tham gia vào truyền bá, phát tán các tài liệu có quan điểm sai trái.

- Tác động về khoa học, giáo dục - đào tạo, văn học - nghệ thuật:

Các lực lượng thù địch triệt để lợi dụng thông qua con đường này để “đào tạo” ra những con người chống chủ nghĩa xã hội ngay trong lòng chế độ ta, phục vụ cho lợi ích của chúng. Chúng lọc những người đã được chúng chuyển hóa thông qua các lớp huấn luyện, đào tạo có quan điểm “cấp tiến”, cơ hội chính trị để tác động, hỗ trợ, đặc biệt là “giúp tăng cường vốn liếng chính trị” đưa vào các cơ quan của Đảng và Nhà nước ở

các cấp, trước hết là các cơ quan tham mưu hoạch định chính sách ở các bộ, ngành. Thực hiện âm mưu này, chúng đang tích cực triển khai chủ trương thông qua giáo dục - đào tạo để huấn luyện một lớp cán bộ ở ngay trong lòng chế độ ta nhằm phục vụ cho ý đồ của chúng. Chúng sử dụng nhiều hình thức giáo dục - đào tạo để thu hút nhiều đối tượng, như: một số cán bộ đương chức, con em cán bộ cấp cao, những “nhà doanh nghiệp tư nhân trẻ”... thông qua huấn luyện sẽ chuyển hóa, gài bẫy, khống chế để phục vụ cho ý đồ của chúng. Đồng thời, tuyển chọn con em ngụy quân, ngụy quyền cũ, trang bị kiến thức, hỗ trợ kinh tế cho những người này trở về nước, trước hết hoạt động trên lĩnh vực kinh tế - xã hội, từ đó thúc đẩy “hòa hợp dân tộc”, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế... để đưa được nhiều người trong các đối tượng trên vào các cơ quan dân cử, chui sâu, leo cao, giữ các vị trí lãnh đạo, quản lý ở các cấp, qua đây để tập hợp lực lượng “chống đối cấp tiến” và bọn phản động cũ. Theo chúng, nếu chuyển hóa được, *“chính những người này sẽ tự thay đổi chế độ theo phương Tây”*.

Chúng đã và đang tăng cường sử dụng các thành quả khoa học - công nghệ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ để chống phá ta trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, trên tất các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, quân sự, tư tưởng - văn hóa... Trong đó, đáng lưu ý là, chúng thiết lập sự liên lạc thường xuyên giữa bọn chống đối ở trong và ngoài nước, trên các địa bàn, chuyển tải những thông tin, tài liệu tuyên truyền và chỉ đạo hành động, lợi dụng kỹ thuật để lấy cắp bí mật quân sự, bí mật quốc gia, gài bẫy khống chế cán bộ...

Do tác động của “diễn biến hòa bình” nên một bộ phận học sinh, sinh viên có lối sống thiếu lý tưởng và hoài bão, sa vào ăn chơi, nghiện ma túy, bị tiêm nhiễm bởi lối sống gấp, buông thả, thực dụng, sống cho hôm nay mà không nghĩ đến ngày mai. So với thế hệ lớn tuổi, thanh niên, sinh viên ít quan tâm đến tình hình chính trị - xã hội, coi nhẹ các bộ môn chính trị.

Trong sáng tác và trong lý luận phê bình văn học, nghệ thuật đã có lúc nảy sinh khuynh hướng phủ nhận thành tựu cách mạng, văn học cách mạng và kháng chiến; đòi tách văn nghệ khỏi sự lãnh đạo của Đảng, bôi nhọ anh hùng, vĩ nhân của dân tộc. Đối lập văn nghệ với chính trị, nhìn xã hội với thái độ bi quan. Đã xuất hiện một vài tác phẩm văn học mang nội dung phủ định lịch sử, phủ định quá khứ, phủ định thành quả cách mạng, không phân biệt tính chất chính nghĩa, phi nghĩa của chiến tranh. Khuynh hướng thương mại hóa, truyền bá lối sống thực dụng gia tăng. Tình trạng các ấn phẩm, thông tin độc hại đã và đang xâm nhập vào xã hội và từng gia đình ngày càng nhiều, gây nên những hậu quả xấu về đạo đức, lối sống, gây tình hình phức tạp trong đời sống tinh thần của quần chúng.

Lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật và đội ngũ văn nghệ sĩ được các thế lực thù địch coi là phương tiện hữu hiệu để thực hiện “diễn biến hòa bình”. Thông qua loại hình văn hóa - nghệ thuật, chúng thực hiện âm mưu lũng đoạn về tư tưởng, làm rối loạn nhận thức của quần chúng, hướng dư luận xã hội vào những vấn đề cần khoét sâu để đánh phá.

Mục tiêu bao trùm của “diễn biến hòa bình” trên phương diện văn hóa, văn học - nghệ thuật là làm cho văn hóa, văn học - nghệ thuật của chúng ta đi chệch hướng chính trị, tư tưởng cách mạng, tiến bộ. Các thế lực thù địch âm mưu “lôi kéo, xây dựng văn nghệ sĩ thành một lực lượng xung kích chống Đảng, chống chế độ xã hội chủ nghĩa, nhằm phủ định thành tựu của cách mạng và nền văn hóa nghệ thuật cách mạng, tiến tới phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và đường lối văn hóa, nghệ thuật của Đảng. Phủ nhận giá trị nghệ thuật của các tác phẩm chân chính; xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua đó làm xói mòn niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng của Đảng và Bác Hồ của quần chúng” (!). Bài xích văn học - nghệ thuật dưới sự lãnh đạo của Đảng ta trong mấy chục năm qua là “văn nghệ phục vụ chính trị, minh họa cho đường lối chính trị của Đảng nên không có giá trị, không có đỉnh cao” (!). Từ đó, chủ trương “văn học phải sát hơi”, muốn cho văn hóa, văn nghệ phát triển phải “đa nguyên văn hóa, tạo tiền đề cho đa nguyên chính trị” (!).

Để thực hiện được mục đích trên, các thế lực thù địch đã “tác động vào một bộ phận đội ngũ các biên tập viên mảng văn hóa, văn nghệ của các tạp chí, các cơ quan báo chí, các nhà xuất bản, các đài phát thanh và truyền hình để có thể dễ dàng cho “ra mắt” các tác phẩm phục vụ cho ý đồ của chúng. Chúng đã tác động vào một bộ phận cán bộ trong các hội chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật, thúc đẩy hoạt động của các hội này xa rời sự lãnh đạo của Đảng, đi ngược lại định hướng của Đảng về văn học, nghệ thuật; hoặc sa vào các hoạt động kinh tế đơn thuần, vô hiệu hóa tổ chức đảng, đoàn ở các

hội này. Chúng tác động vào một số cán bộ nghiên cứu, giảng dạy trong các trường nghệ thuật, trong các khoa văn, khoa báo chí của các trường đại học nhằm truyền bá các quan điểm sai trái về văn hóa, nghệ thuật cho học sinh, sinh viên. Đặc biệt là tác động vào một bộ phận làm sáng tác văn hóa, nghệ thuật, nhất là các nhà văn, nhà báo, nhà phê bình nhằm cho ra đời những tác phẩm văn học không có lợi cho cách mạng, nhưng phù hợp với ý đồ của chúng”¹. Một số văn nghệ sĩ đã ăn phải “bả độc” của các thế lực thù địch, lớn tiếng phụ họa, tuyên truyền cho quan điểm của chúng, rằng: *“Nhà văn không quan tâm đến việc ai sẽ giữ những chức vụ này nọ trong triều đình, không sùng bái cá nhân, không ca ngợi chế độ chính trị, lãnh tụ. Nên ca ngợi tình người, tình yêu, thiên nhiên, lao động, mối quan hệ giữa con người với nhau”(!)*. *“Thiên hướng của nhà văn là tự do sáng tác, nhà văn phải được tự do tìm tổ chức của mình”(!)*. Thực chất của chúng là muốn tách văn học - nghệ thuật khỏi chính trị cách mạng. Một số người còn đòi đổi tên “Hội Nhà văn Việt Nam” thành “Nghịệp đoàn các nhà văn”; thậm chí có người còn đòi xem xét phục hồi “Nhân văn giai phẩm”; vận động lập “Nghịệp đoàn báo chí tự do” nhằm kích động, lôi kéo, quy tụ những văn nghệ sĩ có quan điểm bất đồng với quan điểm của Đảng về đường lối văn hóa, văn nghệ, về đường lối chính trị, đường lối kinh tế... tạo ra tiền đề cho đa nguyên chính trị... Một số văn nghệ sĩ còn tung hứng quan điểm cho rằng: *“Văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa chỉ là một*

1. Lê Hoài Thanh: *Chống diễn biến hòa bình của địch đối với văn nghệ sĩ Việt Nam*, Hà Nội, 1975, tr.19-20.

dòng trong nền văn học chung, còn thua xa văn học hiện thực phê phán, văn học lãng mạn. Đổi mới với văn học phải là đổi mới cách nhìn nhận đối với văn học, không thể coi văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa là duy nhất, mà phải nhìn nhận văn học miền Nam thời ngụy, văn học hải ngoại hiện nay cũng có vị trí tương xứng trong nền văn học Việt Nam..."(!). Thực chất của quan điểm này là phủ nhận tính giai cấp, tính dân tộc trong văn học, nhằm lái chệch hướng phát triển của văn học - nghệ thuật, phục vụ cho mục đích chính trị của các thế lực phản động. Vận dụng lý thuyết mơ hồ vào sáng tác văn học - nghệ thuật kết hợp với những "biểu tượng hai mặt", "lấy xưa nói nay", một số văn nghệ sĩ có tư tưởng chống đối, bất mãn đã khôn khéo truyền tải không ít tác phẩm văn học chứa đựng nội dung xấu, độc, phản kháng đến với người đọc. Và, nó đã tác động xấu đến không ít độc giả ở mọi lứa tuổi, làm cho họ hoài nghi, giảm sút và mất lòng tin vào Đảng, vào chế độ, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Tất cả các mũi tấn công trên nhằm thăm thấu và phát triển các nhân tố chống chủ nghĩa xã hội trong lòng xã hội ta. Đã xuất hiện tư tưởng đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập ở một số cán bộ, đảng viên. Yếu tố "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" đang tăng lên. Đó là một nguy cơ đối với sự tồn vong của Đảng, của chế độ ta, không thể xem thường.

Cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa là cuộc đấu tranh giữa hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa và hệ tư tưởng tư sản. Cuộc đấu tranh này ở nước ta hiện nay đang diễn ra rất phức tạp, gay go và quyết liệt.

Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch với bản chất phản động, hiếu chiến đã, đang và sẽ dùng mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá cách mạng nước ta trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó, chống phá trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa ngày càng quyết liệt. Trong hàng loạt mục tiêu kẻ địch chống phá ta trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, thì mục tiêu chính trị, tư tưởng được xác định là khâu then chốt và là mũi nhọn tấn công chủ yếu của chúng hiện nay nhằm phá vỡ ý thức xã hội chủ nghĩa - cốt lõi của sức mạnh tinh thần, vật chất của nhân dân ta. Chúng tấn công vào tất cả các hình thái ý thức xã hội: chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, tôn giáo, pháp luật, văn hóa... và đã thành công ở một mức độ nhất định. “Diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa đã tác động xấu đến đời sống xã hội, gây nên những hậu quả nghiêm trọng: Sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống tiếp tục diễn biến phức tạp, có mặt nghiêm trọng hơn, tổn hại không nhỏ đến uy tín của Đảng và Nhà nước, niềm tin của nhân dân. “Môi trường văn hóa còn tồn tại tình trạng thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục; tệ nạn xã hội, tội phạm có chiều hướng gia tăng”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.45.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ, VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT LÀ TẤT YẾU

Đại tá PHÙNG KIM LÂN*

Từ sau Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 2011 và nhất là từ khi Quốc hội nước ta thông qua Hiến pháp năm 2013 đến nay, lợi dụng đường lối đổi mới, tôn trọng và bảo đảm quyền con người, một số phần tử cơ hội chính trị đã lập ra cái gọi là “Ban vận động” thành lập “Văn đoàn Việt Nam độc lập” và “Hội Nhà báo Việt Nam độc lập”... trên mạng. Đây là những tổ chức phi pháp. Đáng tiếc tham gia trong những tổ chức ảo này lại là những con người thật, hơn nữa đã từng là cán bộ, đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thực chất của các tổ chức ảo ấy là lợi dụng chiêu bài tự do lập hội được khẳng định trong Hiến pháp năm 2013 để âm mưu hình thành các tổ chức chính trị - xã hội đối lập, đấu tranh nhằm mục tiêu xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Họ ra sức phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng ta với báo chí, văn học - nghệ thuật. Lập luận của họ là:

* Phó Tổng biên tập báo *Quân đội nhân dân*.

“Đảng lãnh đạo” thì không có “tự do báo chí”, không thể “tự do sáng tạo văn học - nghệ thuật”(!)...

1. Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước, xã hội đã được quy định trong Hiến pháp, bởi vậy, các cơ quan, tổ chức của Đảng lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động báo chí, văn học - nghệ thuật là điều tất nhiên

Những người phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với báo chí, văn học - nghệ thuật, dù có nguy biến đến đâu, chắc chắn cũng phải thừa nhận rằng, đảng chính trị lãnh đạo nhà nước và xã hội là vấn đề khách quan không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới hiện nay. Trên bình diện toàn cầu, hầu như quốc gia nào (kể cả những nước còn duy trì chế độ quân chủ, vương quyền) cũng có vai trò lãnh đạo của đảng chính trị. Đảng nào giành được quyền lực, trở thành đảng cầm quyền đều đề ra đường lối, mục tiêu... của họ với mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội. Báo chí, văn học - nghệ thuật đương nhiên không thể không chịu sự lãnh đạo dưới một hình thức nào đó. Tất nhiên, ở các quốc gia có nhiều đảng phái chính trị, quyền tác động về chính trị, tư tưởng đối với báo chí, văn học - nghệ thuật thường thông qua hoạt động quản lý và chi phối của chính quyền. Các đảng phái chính trị đối lập do không nắm được chính quyền, sẽ tận dụng và lợi dụng tối đa những điều luật pháp cho phép nhằm sử dụng báo chí, văn học - nghệ thuật như những công cụ, phương tiện để đấu tranh giành lại quyền lực từ tay đảng cầm quyền.

Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực báo chí, văn học - nghệ thuật trở thành “chiến trường”, tranh giành ảnh hưởng giữa các lực

lượng chính trị khiến nhiều người lầm tưởng rằng ở các quốc gia đó, người dân thật sự đang được thụ hưởng một nền “tự do báo chí thật sự”, hay một nền văn học - nghệ thuật mà các văn nghệ sĩ được tự do sáng tạo không giới hạn như “không có chân trời”(!).

Gần đây, trong cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ cho nhiệm kỳ 2017-2020, hai ứng viên H.Clinton và D.Trump đã được nhiều cơ quan truyền thông đăng tải những ý kiến xâm phạm đời tư, thậm chí miệt thị, phỉ báng nhau. Nhiều “chiến sĩ dân chủ” ở trong và ngoài nước lập tức đăng đàn ca ngợi, cho rằng như vậy là “tự do không giới hạn” và điều này “chỉ có ở những chế độ tự do, nơi không có Đảng Cộng sản lãnh đạo”(!). Sự thật thì ai cũng biết, người dân Mỹ và truyền thông nhiều nước trên thế giới đều gọi đó là cuộc bầu cử “tội tặc chưa từng thấy”, và rõ ràng, quyền lợi của người dân Mỹ hầu như bị lãng quên; đường hướng phát triển nước Mỹ trở thành thứ yếu; bản thân các cuộc tranh luận trên truyền hình - lẽ ra là diễn đàn quan trọng cung cấp thông tin cho người dân Mỹ để họ đánh giá chính xác về các ứng viên Tổng thống, lại bị biến thành trò giải trí “rẻ tiền, câu khách” của các hãng truyền thông Mỹ.

Một ví dụ khác, ngày 09-12-2016, Thủ tướng Thái Lan P.Chanocha đã lệnh cho cảnh sát tiến hành điều tra Văn phòng BBC Thái Lan vì có “dấu hiệu mắc tội khi quân”. Ông tuyên bố rằng: “Có thể điều đó là bình thường ở nước khác, nhưng là hành vi bị cấm ở Thái Lan”. Hành vi bị cấm đó chính là việc BBC tiếng Thái Lan đã đăng tải những thông tin bị Hoàng gia

Thái Lan phản đối. Như vậy, ngay cả ở những quốc gia trong khu vực đi theo mô hình của phương Tây thì sự can thiệp của đảng chính trị thông qua chính quyền vào báo chí là một điều tự nhiên nhằm bảo đảm cho sự ổn định và phát triển của quốc gia đó.

Hiện nay, theo số liệu công bố trong sách *Species of Political Parties: A New Typology*, xuất bản tại Luân Đôn (London), Vương quốc Anh, vào thời điểm năm 2003, tại 151 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới được khảo sát, có 1.655 đảng phái chính trị đang hoạt động. Một số nước có nhiều đảng chính trị như Hoa Kỳ có 112 đảng, Anh có 97 đảng... Ngược lại, nhiều nước, cả phương Tây và phương Đông, chỉ có một đảng chính trị như: Mônacô, Tátgikixtan, Bôxnia, Bêlixê, Baren, Arập Xêút, Ăngtigo, Bôtxoana, Bênanh, Phigi, Dămbia, Êritoria, Gana, Haiti, Ghinê, Curoguxtan, Mađagaxca, Cốt Đivoa... Cần phải nói rõ rằng, việc có một hay nhiều đảng chính trị tùy thuộc vào quá trình phát triển tự nhiên của mỗi quốc gia đó và số lượng nhiều hay ít không nói lên mức độ dân chủ, tự do ở mỗi nước. Nước Mỹ có 112 đảng chính trị, nhưng từ khi lập quốc đến nay chỉ có hai đảng thay nhau cầm quyền là Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa, các đảng khác chỉ có “tính chất minh họa” cho nền “dân chủ kiểu Mỹ”, thậm chí Đảng Cộng sản Mỹ, đảng đại diện cho giới lao động có giai đoạn bị cấm hoạt động hoặc có giai đoạn được hoạt động nhưng bị chế tài bởi muôn vàn quy định để không bao giờ có thể lớn mạnh, thách thức quyền lực của Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa. Ở Xingapo, có rất nhiều đảng chính trị, nhưng chỉ có Đảng Nhân dân Hành

động cầm quyền từ khi lập quốc đến nay. Ở Trung Quốc thì cả 8 đảng chính trị đang hoạt động đều thừa nhận Đảng Cộng sản Trung Quốc là đảng duy nhất lãnh đạo đất nước.

Ở Việt Nam, từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay, đã có nhiều thời kỳ có nhiều đảng chính trị hoạt động. Ví dụ, giai đoạn 1945-1946, có hai đảng đối lập với Đảng Cộng sản Việt Nam và có ghế trong Quốc hội là Việt Nam Quốc dân đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh hội. Tuy nhiên, hai đảng này thực chất do Tưởng Giới Thạch dựng lên từ những kẻ cơ hội muốn “bám” vào Tưởng để tranh giành quyền lực. Năm 1946, khi quân Tưởng rút khỏi Việt Nam thì hai đảng này tự cuốn gói chạy theo Tưởng. Hay suốt một thời kỳ dài của nước ta, Đảng Dân chủ Việt Nam và Đảng Xã hội Việt Nam cùng hoạt động, hai đảng này sát cánh bên Đảng Cộng sản Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến vệ quốc, thừa nhận và ủng hộ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đến cuối thế kỷ XX, tự họ thấy đã hoàn thành sứ mệnh, tin tưởng rằng Đảng Cộng sản Việt Nam đủ sức hoàn thành vai trò lãnh đạo đất nước nên đã tự giải tán. Cũng cần phải nói thêm rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn đánh giá đúng vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của báo chí, văn học - nghệ thuật, hay nói cách khác, mục tiêu hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhằm bảo đảm cho nhân dân được hưởng đầy đủ quyền tự do báo chí, tự do lập hội, tự do hưởng thụ, sáng tác, quảng bá những tác phẩm báo chí, văn học - nghệ thuật chân chính. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, từ bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* năm 1919 gửi nhà cầm quyền Pháp đã nêu yêu cầu về tự do báo chí, tự do

lập hội. Năm 1943, dù chưa giành được chính quyền, Đảng ta đã xây dựng “Đề cương về văn hóa Việt Nam”, chủ trương phát triển nền văn hóa Việt Nam theo hướng “Dân tộc, khoa học và đại chúng”...

Sơ lược như vậy để thấy rằng, vấn đề đảng chính trị lãnh đạo báo chí, văn học - nghệ thuật (dù bằng những phương thức khác nhau) là vấn đề khách quan và phổ biến của thế giới hiện đại. Hơn nữa, sự lãnh đạo của Đảng đối với văn học - nghệ thuật không có mục tiêu nào khác nhằm phát triển lĩnh vực này theo những giá trị của dân tộc và giá trị nhân loại, theo các chuẩn mực “chân, thiện, mỹ”.

Ở Việt Nam, Điều 4 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội” và Điều 60 quy định: “1. Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. 2. Nhà nước, xã hội phát triển văn học, nghệ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần đa dạng và lành mạnh của Nhân dân; phát triển các phương tiện thông tin đại chúng nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của Nhân dân, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...”.

Như vậy, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với báo chí, văn học - nghệ thuật vừa là một vấn đề mang tính

tất yếu, khách quan, vừa là vấn đề pháp lý đã được Hiến pháp - bộ luật gốc của Nhà nước, thừa nhận.

2. Đảng lãnh đạo là nhân tố quyết định cho sự phát triển nền báo chí, văn học - nghệ thuật lành mạnh, tiến bộ Việt Nam

Theo C.Mác: “Dân tộc nào đánh mất bản sắc thì dân tộc đó sẽ bị đồng hóa”. Trong thời đại “thế giới phẳng” như hiện nay, các quốc gia - dân tộc có thể vẫn giữ được chủ quyền biên giới lãnh thổ, nhưng nếu không có chính sách phát triển đúng đắn thì sẽ thất bại trước các cuộc “xâm lăng văn hóa”, mà mất bản sắc văn hóa là mất tất cả.

Ở Việt Nam, thành tựu phát triển của báo chí, văn học - nghệ thuật từ khi có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là không thể phủ nhận. Chỉ trong hơn 30 năm đổi mới, Đảng ta đã ban hành 29 nghị quyết, kết luận, chỉ thị về văn hóa, báo chí - xuất bản, văn học - nghệ thuật. Đảng ta ngày càng nhận thức đầy đủ hơn về vị trí, vai trò to lớn của báo chí, văn học - nghệ thuật, đó là những thành tố nòng cốt của nền văn hóa, là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực, nguồn nội sinh quan trọng để phát triển đất nước. Đời sống văn hóa - văn nghệ của nhân dân ngày càng sôi động. Trên tinh thần vừa giữ gìn bản sắc dân tộc, vừa chủ động tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, các sản phẩm văn hóa - văn nghệ của Việt Nam ngày càng phong phú, đa dạng. Rất nhiều di sản văn hóa và thiên nhiên của Việt Nam được UNESCO vinh danh là di sản thế giới.

Trước thực tế đó, vẫn có những quan điểm lạc lõng cho rằng: “Dưới chế độ đảng trị thì đâu có cả nghìn tờ báo, kênh phát thanh - truyền hình, báo chí Việt Nam vẫn chỉ là báo chí một chiều, thông tin theo định hướng”(!); rồi “văn học - nghệ thuật do Đảng lãnh đạo là thứ văn học - nghệ thuật minh họa nghị quyết”(!)...

Cứ theo quan điểm của những người phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng thì để có nền báo chí, văn học - nghệ thuật “thực sự”, các nhà báo, nhà văn có quyền thông tin vô hạn độ, “thông tin trong thế giới phẳng không có biên giới, không có vùng cấm”, hay các văn nghệ sĩ được quyền tự do tư tưởng tuyệt đối trong sáng tạo và công bố tác phẩm.

Vậy hiện nay, trên thế giới đã có quốc gia nào có nền báo chí, văn học - nghệ thuật đạt đến trình độ “tự do tuyệt đối” như vậy chưa?

Ở Vương quốc Anh, mọi người có thể công khai diễn thuyết trong trường hợp nhất định và có không gian xác định nhằm tuyên truyền cho chủ trương của mình, thậm chí có thể thóa mạ cả thủ tướng, quan đại thần, nhưng nếu có người hô “đả đảo Chính phủ nước Anh”, “đả đảo Nữ hoàng”, hoặc tuyên truyền bạo lực cách mạng, thì sẽ bị coi là tội phạm và bị bắt. Ở Pháp, tự do báo chí được đề cập rất sớm, ngay trong tiến trình cách mạng 1789, Đạo luật đầu tiên của Quốc hội Pháp thời bấy giờ là bản Tuyên bố dân quyền và nhân quyền, trong đó Điều 11 của Tuyên bố này đã xác lập quyền tự do báo chí. Tuy nhiên, năm 1881, nền Cộng hòa lần thứ ba của nước Pháp đã ban hành một đạo luật về tự do báo chí và đến nay

vấn cơ bản còn giá trị. Cùng với việc công nhận quyền tự do báo chí, Đạo luật 1881 đã xác lập giới hạn trong tự do báo chí, bằng việc đưa ra các định nghĩa về tội phạm báo chí... Ở Mỹ - nơi được các “nhà dân chủ” xem như một hình mẫu của “thế giới tự do” khi họ viện dẫn Hiến pháp Liên bang Hoa Kỳ quy định Quốc hội không có quyền ban hành văn bản hạn chế tự do báo chí. Tuy nhiên, họ quên rằng, rất nhiều đạo luật, bộ luật đã cụ thể hóa vấn đề này. Đạo luật Trấn áp phản loạn của nước Mỹ quy định: “Việc viết, in, phát biểu hay phổ biến... mọi văn bản sai sự thật, có tính chất xúc phạm hay ác ý chống chính quyền đều là tội”. Hay Điều 238 Bộ luật Hình sự của Mỹ nghiêm cấm mọi hành vi “In ấn, xuất bản, biên tập, phát thanh, truyền bá, buôn bán, phân phối hoặc trưng bày công khai bất kỳ tài liệu viết hoặc in nào có nội dung vận động, xúi giục hoặc giảng giải về trách nhiệm, sự cần thiết tham vọng hoặc tính đúng đắn của hành vi lật đổ hoặc tiêu diệt bất kỳ chính quyền cấp nào tại Mỹ bằng vũ lực hoặc bạo lực”...

Như vậy, không chỉ có Việt Nam mà ở các nước trên thế giới, cùng với việc công nhận quyền tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, trong Hiến pháp và hệ thống pháp luật trên cơ sở Công ước quốc tế và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, lịch sử truyền thống cũng như sự ổn định, phát triển ở mỗi quốc gia, đều ban hành những quy định pháp lý cụ thể, đưa ra những giới hạn nhất định để bảo đảm việc thực thi quyền con người.

Tuy nhiên, một khi những quyền này bị lạm dụng thì nhà nước và xã hội đều phải trả giá đắt. Cách đây không lâu, một

hãng phim Mỹ tung ra thị trường bộ phim “Sự ngây thơ của các tín đồ Hồi giáo” đã khiến toàn thể tín đồ đạo Hồi trên thế giới phẫn nộ, gây nên nhiều cuộc biểu tình, bạo động, bạo vây, đe dọa an ninh các sứ quán Mỹ ở nhiều nước. Còn ở Pháp, ngày 07-01-2015 được xem là ngày đen tối nhất trong lịch sử báo chí nước Pháp, một nhóm khủng bố đã tấn công trụ sở Tòa soạn báo Charlie Hebdo, sát hại 12 người vì lý do tờ báo này đã vẽ tranh châm biếm tôn giáo của họ. Trước sự kiện thảm sát tại Tòa soạn báo Charlie Hebdo, Giáo hoàng Francis đã cho rằng: “Tự do báo chí không phải vô giới hạn khi tự do đó xúc phạm tới tín ngưỡng tôn giáo”. Tổng Thư ký Liên hợp quốc Bankimoon lúc đó cũng lên tiếng: “Tự do ngôn luận được bảo vệ khi nó được sử dụng vào mục đích công lý và cộng đồng... Khi một số người sử dụng quyền tự do này để khiêu khích hoặc sỉ nhục các giá trị niềm tin của người khác thì hành động đó sẽ không được bảo vệ”.

Điều 29 “Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền” của Liên hợp quốc (năm 1948) khẳng định các quyền con người có thể bị hạn chế theo luật định: “Mỗi người đều có nghĩa vụ đối với cộng đồng, trong khi hưởng thụ các quyền về tự do cá nhân, phải chịu những hạn chế do luật định nhằm mục đích duy nhất là bảo đảm việc thừa nhận và tôn trọng đối với các quyền tự do của người khác và phù hợp với những đòi hỏi chính đáng về đạo đức, trật tự công cộng và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ”.

Những vấn đề lý luận và thực tiễn nêu trên đã chứng tỏ rằng, ở mọi quốc gia trên thế giới, không hề và không thể có

nền báo chí, văn học - nghệ thuật nào “tự do tuyệt đối”, ‘tự do vô hạn’.

3. Muốn trở thành những nhà báo, văn nghệ sĩ chân chính, mỗi nhà báo, mỗi văn nghệ sĩ phải nhận thức, thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của mình

Ở Việt Nam, như trên đã trình bày, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhất quán quan điểm coi báo chí, văn học - nghệ thuật là lĩnh vực quan trọng, tinh tế của văn hóa nước nhà. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XII, Nghị quyết Đại hội XII của Đảng không chỉ “tôn trọng, bảo đảm quyền tự do sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi và phát huy tính độc lập, khơi dậy mọi nguồn lực sáng tạo của văn nghệ sĩ” mà còn xác định “tài năng văn học, nghệ thuật là vốn quý của dân tộc”. Trước sự phát triển của công nghệ thông tin, nhất là sự phổ biến của mạng internet ở Việt Nam (Việt Nam là một trong những quốc gia có số người sử dụng internet phát triển nhanh trên thế giới, chỉ riêng mạng xã hội Facebook hiện có hơn 30 triệu tài khoản), nhà thơ Trần Đăng Khoa đã nhận xét: “Chỉ một bước, tác giả (nhà văn - người viết văn, nhà báo - người viết báo) đã đến thẳng với bạn đọc thế giới... Bây giờ thì ở đâu cũng là “chân trời” cả. Chân trời ngay dưới chân mình. Chỉ có điều, mình có đủ sức để mà bay hay không?”. Nhận xét của nhà thơ Trần Đăng Khoa cho thấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, giới nhà báo, văn nghệ sĩ Việt Nam không gặp bất kỳ rào cản hay “vùng cấm” nào cả, thế giới mở rộng trước mắt nhà báo, văn nghệ sĩ để họ có quyền tự do sáng tạo. Hiển nhiên, nhà báo hay văn

nghệ sĩ là công dân Việt Nam thì họ phải hiểu và tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Theo C.Mác, “Ai nhận thức được cái tất yếu, người đó có tự do”. Báo chí, văn học - nghệ thuật cũng là những lĩnh vực, những ngành nghề trong xã hội; nhà báo, văn nghệ sĩ trước hết là công dân nên phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật như mọi công dân khác trong xã hội; đồng thời là người lao động phải chấp hành Luật Báo chí, Luật Xuất bản cùng những quy định khác của pháp luật khi hành nghề. Những quy định ấy không nhằm giới hạn quyền tự do sáng tạo của nhà báo, văn nghệ sĩ mà chỉ nhằm làm cho các tác phẩm của họ là những tác phẩm đích thực; thực hiện đầy đủ các chức năng thông tin, giáo dục, phản ánh cuộc sống, định hướng dư luận, nâng cao dân trí... của báo chí hay các chức năng nhận thức cuộc sống, giáo dục, thẩm mỹ, giải trí... của văn học - nghệ thuật. Đó cũng chính là quyền lợi - nghĩa vụ - trách nhiệm công dân của nhà báo, văn nghệ sĩ khi tham gia sáng tạo tác phẩm báo chí, văn học - nghệ thuật.

Cố Chủ tịch Fidel Castro của Cuba đã có lần tâm sự với nhà báo, nhà văn nổi tiếng người Côlômbia G.Garcia Marquez: “Nếu được hóa kiếp lại tôi sẽ làm nhà văn”. Tâm sự của một nhà cách mạng quốc tế nổi tiếng như Fidel đã phản ánh sự thật, các lãnh tụ cách mạng và các văn nghệ sĩ lớn đều có chung một mục tiêu hành động là vì hạnh phúc của nhân loại, phục vụ sự phát triển của con người, của quốc gia - dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, ngoài lợi ích của nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam không còn lợi ích nào khác. Hiến pháp năm 2013 thừa

nhận Đảng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, đồng thời cũng quy định Đảng Cộng sản Việt Nam phải là “Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc”.

Do vai trò đặc biệt quan trọng và to lớn của báo chí, văn học - nghệ thuật nên các thế lực thù địch với Việt Nam luôn chọn đây là “mũi đột phá”, là “mục tiêu trọng yếu” cần chiếm lĩnh nhằm đi tới mục tiêu sâu xa của chúng là xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cựu Tổng thống Mỹ D.Eisenhower đã nói: “Chi 1 đôla cho tuyên truyền bằng chi 5 đôla cho quân sự”. Hiện nay, ở hải ngoại, hàng trăm tờ báo, hãng phát thanh - truyền hình; hàng nghìn báo điện tử và blog phản động tiếng Việt được các thế lực phản động bợ đỡ chỉ nhằm một nhiệm vụ là xuyên tạc, vu cáo, bôi đen Đảng Cộng sản Việt Nam; hạ bệ và giải thiêng các lãnh tụ cộng sản; kích động hận thù và bạo loạn lật đổ; gây mất an ninh - chính trị trong nước. Chúng đờ ỉ đầu, cho xuất bản nhiều tác phẩm văn học - nghệ thuật phản động nhân danh “tự do xuất bản”, “tự do ngôn luận”, “nhận thức lại”... cũng nhằm mục đích ấy.

Thời gian qua, tuyệt đại đa số các nhà báo, văn nghệ sĩ chúng ta đã nhận thức và thực hiện đầy đủ, đúng đắn trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của mình. Song, bên cạnh đó cũng có không ít nhà báo, văn nghệ sĩ chưa thấy hết nghĩa vụ, trách nhiệm của mình. Không ít tác phẩm báo chí, văn học -

nghệ thuật vi phạm các quy định của pháp luật, gây tổn hại đến dư luận xã hội, làm ảnh hưởng đến niềm tin của quần chúng nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Cùng với đó, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của một bộ phận không nhỏ nhà báo, văn nghệ sĩ trong nước đã khiến cho cuộc đấu tranh phê phán những quan điểm phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với báo chí, văn học - nghệ thuật gặp nhiều khó khăn.

Cuộc chiến đấu chống quan điểm sai trái, thù địch trên mặt trận báo chí, văn học - nghệ thuật là cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ và rất quyết liệt. Các thế lực thù địch, những phân tử bất mãn, phản động đang từng ngày, từng giờ, bằng nhiều âm mưu, thủ đoạn ngày càng hiểm độc, tinh vi tấn công vào tư tưởng, tình cảm của chúng ta trên nhiều lĩnh vực, trong đó có báo chí, văn học - nghệ thuật - lĩnh vực nhạy cảm và tinh tế của văn hóa.

Thực tế đòi hỏi những người làm công tác báo chí, văn học - nghệ thuật với tư cách là những chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng, văn hóa phải không ngừng tu dưỡng, học tập đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, rèn luyện bản lĩnh và tư tưởng vững vàng. Trước những âm mưu, thủ đoạn chống phá ngày càng tinh vi của các thế lực thù địch, đội ngũ nhà báo, văn nghệ sĩ phải hết sức tỉnh táo, tự vệ, phải tăng cường sức đề kháng bằng việc thường xuyên học tập nâng cao nhận thức chính trị, phát huy đầy đủ trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của mình cả trong sáng tạo, sáng tác tác phẩm. Để có nhiều tác phẩm báo chí, văn học - nghệ thuật có

giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, phản ánh chân thật, sinh động, sâu sắc mọi mặt đời sống xã hội, của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, ngoài năng lực chuyên môn, các nhà báo, các văn nghệ sĩ phải thường xuyên rèn luyện cho mình có phẩm chất đạo đức trong sáng, bản lĩnh chính trị vững vàng. Cùng với định hướng dư luận, phát hiện, cổ vũ, động viên cái mới, cái tiến bộ, nhân tố tích cực..., đội ngũ nhà báo, văn nghệ sĩ phải là những người đi tiên phong, xứng đáng là những chiến sĩ dũng cảm, kiên cường, bền bỉ trên mặt trận đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch nói chung, đấu tranh chống quan điểm phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với báo chí, văn học - nghệ thuật nói riêng, qua đó góp phần xây dựng một nền báo chí, văn học - nghệ thuật lành mạnh, nhân văn, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
- Chủ nghĩa Mác - Lênin không thể lỗi thời	9
<i>GS.TS. Tạ Ngọc Tấn</i>	
- Sức sống của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại mới	28
<i>GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn</i>	
- Đòi từ bỏ chủ nghĩa xã hội là một sai lầm lớn	45
<i>Hà Đăng</i>	
- Việt Nam kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	52
<i>GS.TS. Vũ Văn Hiến</i>	
- Phê phán quan điểm cho rằng “Việt Nam kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là sai lầm, đi theo vết xe đổ của Liên Xô”	63
<i>Thiếu tướng, GS. Bùi Phan Kỳ</i>	
- Phê phán quan điểm cho rằng “Việt Nam kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là sai lầm, đi theo vết xe đổ của Liên Xô”	76
<i>Thiếu tướng, PGS.TS.NGND. Nguyễn Bá Dương</i>	
	513

- Phê phán quan điểm phủ nhận nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của các học giả chống chủ nghĩa xã hội hiện nay 94

Thiếu tướng, GS.TS. Trịnh Văn Thanh

- Phê phán quan điểm cho rằng: “Việt Nam đang phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa; ở Việt Nam hiện nay, chủ nghĩa tư bản đang diễn ra một cách cuồng nhiệt” 108

PGS.TS. Nguyễn Văn Thọ

- Ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị 119

PGS.TS. Nguyễn Việt Thông

- Sự chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực chính trị 126

Đại tá, PGS.TS. Bùi Đình Bôn

- Cơ sở lý luận và thực tiễn của cuộc đấu tranh phê phán các luận điệu xuyên tạc về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 143

PGS.TS. Ngô Văn Thọ

- Phê phán quan điểm cho rằng: “Có sự chuyển hướng, “xoay trục” về phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam” 157

TS. Nguyễn Mạnh Hùng

- Nhận diện đúng mưu đồ đòi “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang của các thế lực thù địch trong tình hình hiện nay 171

Thiếu tướng, GS.TS. Trương Giang Long

- Có phải quân đội phải là trung lập? 188

GS.TS. Trần Văn Phòng

- Xây dựng lực lượng Công an nhân dân vững mạnh về chính trị - Nhiệm vụ trọng yếu trong phòng, chống âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang 200

Trung tá, TS. Nguyễn Yển Thanh

- Đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam xây dựng hậu phương quân đội trong tình hình mới 212

PGS.TS. Phan Trọng Hòa

- Phê phán quan điểm cho rằng: “Trong điều kiện chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao, đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân là sai lầm” 229

Trung tướng, GS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh

- Phê phán quan điểm cho rằng: “Trong điều kiện tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao, đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân là sai lầm” 242

Thiếu tướng, PGS.TS. Nguyễn Văn Sơn

- Phê phán quan điểm cho rằng: “Trong điều kiện tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao, đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân là sai lầm” 250

Trung tướng Trần Thái Bình

- Phê phán quan điểm cho rằng: “Trong điều kiện tác chiến bằng vũ khí công nghệ cao, đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân là sai lầm” 260

Thiếu tướng, PGS.TS. Nguyễn Hồng Quân

- Phê phán một số quan điểm phủ nhận, xuyên tạc đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đổi mới 275

PGS.TS. Đỗ Thị Thạch - TS. Nguyễn Anh Tuấn

- Tư duy chính trị sau Chiến tranh lạnh và đường lối đối ngoại của Đại hội XII Đảng Cộng sản Việt Nam 289

TS. Cao Đức Thái

- Nhận diện và đấu tranh phê phán quan điểm: “Muốn Việt Nam thực sự dân chủ và phát triển cần thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập” 305

GS.TS. Nguyễn Văn Ngọc

- Phê phán quan điểm cho rằng: “Muốn thực sự có dân chủ cho người dân và phát triển xã hội phải thực hiện “đa nguyên, đa đảng”” 319

PGS.TS. Nguyễn Vĩnh Thắng

- Phê phán quan điểm cho rằng: “Muốn thực sự có dân chủ cho người dân và phát triển xã hội phải thực hiện “đa nguyên, đa đảng”” 332

PGS.TS. Trương Thị Hồng Hà

- Phê phán quan điểm cho rằng: “Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ chỉ dẫn đến tập trung quan liêu, độc tài, mất dân chủ” 348

PGS.TS. Nguyễn Tất Viễn

- Đấu tranh chống hoạt động lợi dụng vấn đề “xã hội dân sự” tác động chuyển hóa chính trị ở Việt Nam hiện nay 362

Trung tướng, GS.TS. Nguyễn Xuân Yêm

- Nhận diện và đấu tranh với âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị lợi dụng vấn đề “xã hội dân sự” để chống Đảng, Nhà nước, chuyển hóa chế độ chính trị ở Việt Nam 377

Trung tướng, TS. Nguyễn Xuân Mười

Thiếu tướng, PGS.TS. Trần Xuân Dung

- Những nhận thức mới về “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII 394

PGS.TS. Nguyễn Việt Thông

- Nhìn lại nguyên nhân sụp đổ của Liên Xô và bài học trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” ở nước ta hiện nay 400

Đại tá, PGS.TS. Đinh Ngọc Hoa

- Phê phán quan điểm cho rằng: “Đảng Cộng sản Việt Nam không thể đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái thành công” 415

Cao Văn Thống

- Phê phán luận điểm: “Đảng Cộng sản Việt Nam không thể đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái thành công” 443

PGS.TS. Vũ Như Khôi

- Phê phán quan điểm cho rằng: “Chỉ có thể chống được tham nhũng khi thực hiện thể chế “tam quyền phân lập” để kiểm soát quyền lực” 456

Đại tá, TS. Mẫn Văn Mai

- Đấu tranh phê phán quan điểm phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng đối với báo chí, văn học - nghệ thuật 467

GS.TS. Bùi Quang Bạ

- Sự chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa 480

Đại tá, PGS.TS. Bùi Đình Bôn

- Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hoạt động báo chí, văn học - nghệ thuật là tất yếu 498

Đại tá Phùng Kim Lân

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

NGUYỄN PHÚ TRỌNG

*** Xây dựng, chinh đồn Đảng là nhiệm vụ then chốt để phát triển đất nước**

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

*** Thế giới còn đổi thay nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi**

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

*** Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam**

PGS.TS.NGND. NGUYỄN BÁ DƯƠNG

*** Phòng, chống “diễn biến hoà bình” ở Việt Nam - Mệnh lệnh của cuộc sống**

ISBN 978-604-57-3349-3



SÁCH KHÔNG BÁN